NGUYỄN THỊ HẠNH

DẠY HỌC ĐỌC HIỂU

Ở TIỂU HỌC

NHÀ XUẤT BẢN ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI

TS. NGUYỄN THỊ HẠNH

DẠY HỌC ĐỌC HIỂU Ở TIỂU HỌC

NHÀ XUẤT BẢN ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI - 2002

Chịu trách nhiệm xuất bản:

Giám đốc NGUYỄN VĂN THỎA

Tổng biên tập NGUYỄN THIỆN GIÁP

Biên tập:

NGỌC TRÂM

VÂN HÀ

Sửa bản in:

ĐINH QUANG HÙNG

Trình bày bìa:

NGỌC ANH

DẠY HỌC ĐỌC HIỂU Ở TIỂU HỌC

Mã số: 02.25. ĐH . 2002

In 2000 cuốn, tại Công ty In Ba Đình – Bộ Công an, 160 Thái Thịnh – Đống Đa – Hà Nội.

Số giấy phép xuất bản: 547/171/CXB. Số trích ngang 69 KH/XB.

In xong và nộp lưu chiểu quý II năm 2002.

MỤC LỤC

LỜI NÓI ĐẦU

Cuốn sách *Dạy học đọc hiểu ở tiểu học* là một tài liệu chuyên khảo về phương pháp dạy học môn tiếng Việt phần kỹ năng đọc hiểu. Đây là tài liệu tham khảo cho các giảng viên, sinh viên các trường sư phạm đào tạo giáo viên tiểu học, cho các giáo viên, học sinh các trường tiểu học , cho các bậc phụ huynh có con em đang học tiểu học và cho tất cả những ai có mong muốn tìm hiểu vấn đề dạy học đọc hiểu nói chung và dạy học đọc hiểu ở tiểu học nói riêng.

Cuốn sách này được viết để phục vụ cho việc dạy kỹ năng đọc hiểu theo chương trình và sách giáo khoa môn tiếng Việt cải cách giáo dục(chương trình và sách 165 tuần) và theo chương trình môn tiếng Việt thuộc chương trình tiểu học mới (chương trình tiểu học năm 2000) cùng với sách giáo khoa thử nghiệm.

Cuốn sách này đã được biên soạn theo quan điểm đổi mới nội dung và phương pháp dạy học trong phần kỹ năng đọc hiểu, nhằm đáp ứng yêu cầu của thực tiễn giáo dục nước ta đang trong thời kỳ đổi mới và "đổi mới" cùng nghĩa với "canh tân" giáo dục.

Sách gồm 3 chương:

– **Chương 1:** *Những cơ sở khoa học của việc dạy học đọc hiểu ở tiểu học.*

Trong chương này, căn cứ vào lý thuyết nền tảng là lý thuyết về hoạt động giao tiếp, chúng tôi đã xác định khái niệm đọc hiểu. Chúng tôi cũng đã vận dụng các lý luận về các lĩnh

vực lý luận dạy học hiện đại, về tâm lý học lứa tuổi, tâm lý học hoạt động, tâm lý ngôn ngữ học, tiếp nhận văn học để đề xuất định hướng lựa chọn nội dung và phương pháp dạy học đọc hiểu ở bậc tiểu học.

– **Chương 2:** *Những cơ sở thực tiễn của việc dạy học đọc hiểu ở tiểu học.*

Chương này giới thiệu khá chi tiết và đầy đủ thực trạng dạy học đọc hiểu ở trường tiểu học nước ta từ khi thực hiện cải cách giáo dục năm 1981 đến năm 2000; đồng thời cũng giới thiệu những thành tựu về dạy học đọc hiểu ở tiểu học của một số nước tiêu biểu trong các khu vực trên thế giới nhằm giúp người đọc cập nhật thông tin về vấn đề này và chia sẻ với những đề xuất của chúng tôi về nội dung và phương pháp dạy đọc hiểu cho học sinh tiểu học được trình bày ở chương tiếp theo.

– **Chương 3:** *Những yêu cầu và cách thức dạy học đọc hiểu ở các lớp 1, 2, 3, 4, 5.*

Chương này trình bày những nội dung chủ yếu, phương pháp dạy học và cách thức kiểm tra đánh giá kỹ năng đọc hiểu ở từng lớp 1, 2, 3, 4, 5. Mức độ nội dung, yêu cầu chủ yếu của việc dạy đọc hiểu cũng như những phương pháp, biện pháp, hình thức tổ chức dạy học chủ yếu ở từng lớp đã được đề cập một cách cụ thể chi tiết trong cả chương. Những quan điểm mới về kiểm tra đánh giá kỹ năng đọc hiểu cũng được trình bày một cách tường minh từ lý luận đến vận dụng lý luận vào việc ra đề thi và kiểm tra. Chương này còn có *phần phụ lục khá lớn bao gồm 5 phụ lục nhỏ*. Mỗi phụ lục nhỏ, có nhiều bài soạn và các đề kiểm tra, các đề thi nhằm giúp người

đọc hiểu rõ hơn những phần trình bày về lý luận và để cung cấp một số tư liệu tham khảo cho việc dạy học trong nhà trường hoặc tự dạy con em mình.

Ở nước ta, từ lâu việc dạy đọc hiểu theo đúng nghĩa của nó đã được thể hiện một cách đầy đủ, tường minh trên các tài liệu dạy và học trong trường tiểu học nói riêng và trong nhà trường nói chung, nhìn chung còn chưa cập nhật với những bước đi và các thành tựu nghiên cứu chung về dạy tiếng trên thế giới. Biên soạn cuốn sách này, chúng tôi chỉ có một mong muốn duy nhất là góp một công sức nhỏ bé nhằm đổi mới việc dạy đọc hiểu trong nhà trường tiểu học nước ta theo hướng *trang bị cho học sinh một kỹ năng có tầm quan trọng không phải chỉ trong phạm vi môn học tiếng Việt mà còn trong phạm vi ứng dụng một kỹ năng đã được học vào thực tiễn cuộc sống*. Nếu như việc học cơ bản của mỗi người được diễn ra trong khoảng trên dưới 15 năm thì việc tự học để làm cho mình luôn thích ứng với mọi đổi thay của hoàn cảnh sống là suốt cả một đời người. Muốn tự học trước hết con người phải có kỹ năng đọc hiểu tốt. Điều này thật không quá khi nói rằng có kỹ năng đọc hiểu con người sẽ có khả năng tiếp cận với một nền văn hoá đọc để rồi có một học vấn và một vốn kinh nghiệm cần thiết, phong phú.

Nhân dịp cuốn sách ra mắt bạn đọc, chúng tôi xin gửi lời cảm ơn chân thành và sâu sắc tới GS. TS. Đỗ Hữu Châu, PGS.. TS. Lê Phương Nga, những người đã gợi ý và giúp đỡ chúng tôi kiến tạo ra các ý tưởng nghiên cứu và triển khai nghiên cứu thành công các ý tưởng này. Chúng tôi xin bày tỏ lòng biết ơn sâu sắc tới cơ quan Viện Khoa học Giáo dục, Khoa Ngữ văn Trường Đại học Sư phạm Hà Nội, các trường tiểu học thực hiện nhiệm vụ dạy thử nghiệm Chương trình tiểu học năm

2000 ở Hà Nội, Quảng Ninh, cùng rất nhiều thầy cô giáo và các em học sinh ở nhiều trường tiểu học trong cả nước, các sinh viên theo học hệ Đại học tại chức và Đại học từ xa của khoa tiểu học Trường Đại học sư phạm Hà Nội, trong thời gian 5 – 7 năm qua đã góp sức, tạo điều kiện để chúng tôi hoàn thành công việc nghiên cứu và thể hiện các ý tưởng nghiên cứu của mình trong nhà trường.

Trong quá trình biên soạn sách và xuất bản cuốn sách này, chúng tôi cũng đã nhận được sự giúp đỡ của Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Hà Nội. Chúng tôi xin chân thành cảm ơn sự giúp đỡ quý giá đó.

Cuốn sách lần đầu được xuất bản không khỏi có thiếu sót, chúng tôi mong nhận được ý kiến đóng góp của bạn đọc để lần tái bản sách được hoàn thiện hơn.

TS. NGUYỄN THỊ HẠNH

CHƯƠNG 1

NHỮNG CƠ SỞ KHOA HỌC CỦA VIỆC DẠY HỌC ĐỌC HIỂU Ở TIỂU HỌC

Chương này sẽ trình bày cách tiếp cận vấn đề dạy học đọc hiểu ở tiểu học trên cơ sở các lý thuyết về lý luận dạy học hiện đại, ngôn ngữ học hiện đại, tâm lý học sư phạm, tâm lý ngôn ngữ học, lý luận dạy tiếng, văn học. Cách tiếp cận này sẽ giúp chúng ta xác định được mục tiêu của việc dạy đọc hiểu, những cơ sở khoa học để định ra nội dung và phương pháp dạy học đọc hiểu ở tiểu học.

1. Cơ sở lý luận dạy học hiện đại và những định hướng để xác định mục tiêu, nội dung và phương pháp dạy đọc hiểu

Lý luận giáo dục và kinh nghiệm giáo dục của thế giới ngày nay đã chỉ ra cách tiếp cận các vấn đề của giáo dục phổ thông là:

Mục tiêu → nội dung → phương pháp dạy học → đánh giá. Cách tiếp cận vấn đề dạy đọc hiểu sách sẽ đi theo con đường trên.

1.1. Cơ sở để xác định mục tiêu của việc dạy đọc hiểu

Đọc hiểu là một bộ phận của nội dung dạy tiếng Việt – với tư cách là một môn học tiếng mẹ đẻ trong trường tiểu

học – nên mục tiêu của việc dạy học bộ phận này phải thống nhất với mục tiêu của môn học tiếng Việt.

Việc học tiếng mẹ đẻ trong trường tiểu học khác với việc học tiếng ở trong các môi trường khác, bởi lẽ mục đích của người học ở đây có những điểm khác biệt với mục đích của người học ở môi trường khác. Ngoài mục đích để giao tiếp, tăng dần khả năng hòa nhập với cộng đồng, học sinh tiểu học học tiếng mẹ đẻ còn nhằm làm chủ một công cụ để học tập các môn học khác, để lĩnh hội các tri thức, kinh nghiệm của loài người qua các thời đại được kết tinh trong sách giáo khoa và những tài liệu khác phục vụ cho học tập. Trong trường tiểu học, sự sử dụng thành thạo tiếng mẹ đẻ là một biện pháp học tập đầu tiên của học sinh. Vì lẽ đó dạy tiếng mẹ đẻ ở trường tiểu học còn có nghĩa là dạy cho học sinh cách học.

Từ sự phân tích trên có thể xác định được các yếu tố hợp thành mục tiêu của môn học tiếng mẹ đẻ ở trường tiểu học bao gồm:

– *Thứ nhất:* năng lực sử dụng tiếng mẹ đẻ của học sinh, năng lực này gồm có các kỹ năng giao tiếp cơ bản (đọc, viết, nghe, nói) và những hiểu biết về tiếng (hiểu biết về ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp, quy tắc hoạt động của các đơn vị tiếng mẹ đẻ trong hành chức).

– *Thứ hai:* năng lực tư duy bằng tiếng mẹ đẻ của học sinh bao gồm sự hình thành và phát triển các thao tác tư duy (so sánh, phân tích, tổng hợp, phán đoán, suy ý, khái quát...), sự phát triển các thuộc tính, phẩm chất của tư duy (độc lập, sáng tạo, phê phán), sự phát triển khả năng giải quyết vấn đề của người học (khả năng thu lượm, phân tích

các thông tin phục vụ cho một nhiệm vụ nào đó, định ra cách thức để làm nhiệm vụ).

– *Thứ ba:* sự hiểu biết những giá trị, chuẩn mực, phong tục, tập quán có liên quan đến việc sử dụng tiếng và khả năng vận dụng những hiểu biết này vào thực tế học tập và đời sống của học sinh.

– *Thứ tư:* năng lực dùng tiếng mẹ đẻ để học tập các môn học khác trong chương trình một cách có hiệu quả của học sinh.

Các yếu tố trên có tác động tương hỗ với nhau, việc thực hiện yếu tố này sẽ góp phần thực hiện tốt yếu tố kia. Những hiểu biết của học sinh về tiếng sẽ giúp cho học sinh học các kỹ năng có hiệu quả hơn và ngược lại, việc luyện tập thành thạo các kỹ năng là cơ hội để các em củng cố và nâng cao những hiểu biết về tiếng.

Bốn yếu tố trên cũng là căn cứ chủ yếu để xác định mục tiêu của việc dạy học đọc hiểu ở tiểu học. Tuy nhiên để cho mục tiêu này được rõ ràng, cụ thể hơn cần phải căn cứ vào bản chất của hoạt động đọc nói chung và đọc hiểu nói riêng.

Giao tiếp là một hoạt động, hoạt động này gồm hai quá trình: lĩnh hội và tạo lập lời nói. Đọc bao gồm cả đọc hiểu là một hoạt động hợp thành của hoạt động giao tiếp. Hoạt động đọc thuộc quá trình lĩnh hội, đối tượng tác động của hoạt động này là các văn bản thuộc nhiều kiểu loại, động cơ của hoạt động đọc là nhu cầu hiểu biết, nhu cầu bộc lộ và nhu cầu hành động của bản thân người đọc.

Vì vậy mục tiêu của việc dạy học đọc hiểu ở tiểu học nhằm:

– Dạy cho học sinh các hành động học để lĩnh hội các

văn bản thuộc một số kiểu văn bản phổ biến, thường gặp trong đời sống, dạy cho các em sử dụng những điều lĩnh hội được từ các văn bản (nội dung văn bản, đích của văn bản) để làm giàu vốn hiểu biết và kinh nghiệm của mình.

– Thông qua việc dạy cách lĩnh hội văn bản, tập cho học sinh từng bước thành thạo các thao tác tư duy, tăng dần phẩm chất sáng tạo, phê phán của tư duy, từ đó cùng với các môn học khác góp phần dần hình thành năng lực giải quyết vấn đề ở các em.

– Cung cấp cho học sinh một công cụ – công cụ đọc hiểu – và tập cho các em dùng công cụ này để học tập có hiệu quả các môn học khác trong nhà trường.

Mục tiêu của việc dạy học đọc hiểu ở tiểu học mà chúng tôi nêu trên, đã thống nhất và làm rõ mục tiêu chung của môn tiếng Việt ở bậc tiểu học.

1.2. Cơ sở để xác định nội dung của việc dạy học đọc hiểu

Trong mục này, chúng tôi sẽ giải đáp một số vấn đề: bản chất của việc dạy học đọc hiểu là gì? Đó là quá trình dạy tri thức hay dạy kỹ năng? Quá trình này được tổ chức thực hiện theo những quan điểm nào để đáp ứng được mục tiêu đã nêu ở mục 1.1?

1.2.1. Bản chất của việc dạy học đọc hiểu là dạy một kỹ năng học tập

Lý luận giáo dục đại cương đã phân loại nội dung dạy học thành các loại sau:

– *Loại thứ nhất:* các tri thức khoa học về tự nhiên, về xã hội, về con người.

– *Loại thứ hai:* các kỹ năng người học cần có để tác động vào đối tượng có trong tự nhiên, trong xã hội, trong bản thân con người nhằm tự hoàn thiện mình.

– *Loại thứ ba:* các hoạt động nhằm tạo cho người học năng lực cải tạo thế giới để mang lại lợi ích cho bản thân người học và cộng đồng.

Như đã nêu ở mục 1.1, mục tiêu đầu tiên và cơ bản của việc dạy học đọc hiểu ở tiểu học là: dạy các em cách tiếp cận với các kiểu văn bản thường gặp trong đời sống để lĩnh hội được nội dung văn bản, sử dụng những nội dung này để làm giàu vốn tri thức văn hóa, vốn sống của các em. Trong số các mục tiêu đã nêu thì mục tiêu này là cơ bản vì nó chỉ được thực hiện đầy đủ, có hệ thống ở phần đọc hiểu của chương trình tiếng Việt. Những phần khác của chương trình cũng có thể góp phần thực hiện mục tiêu này, song không thể thực hiện đầy đủ và có hệ thống như ở phần đọc hiểu. Phần cơ bản của mục tiêu đọc hiểu cho thấy nội dung dạy đọc hiểu phải thuộc loại nội dung thứ hai. Nói cách khác, đọc hiểu là một kỹ năng trong chương trình tiếng Việt ở nhà trường tiểu học, dạy đọc hiểu là việc dạy một kỹ năng học tập ở bậc học này.

Việc dạy học đọc hiểu ở tiểu học tuy về cơ bản là việc dạy kỹ năng, song nó còn đáp ứng một nhiệm vụ nữa là củng cố, hệ thống hóa các tri thức về ngữ âm, từ vựng, ngữ nghĩa, ngữ pháp, văn bản... mà học sinh đã được học ở các giờ học về tri thức tiếng Việt.

1.2.2. Dạy học đọc hiểu là một quá trình dạy học tích hợp

Tích hợp là một quan điểm mới trong lý luận dạy học, được cộng đồng quốc tế xác nhận nó có nhiều ưu thế trong

việc giải quyết các vấn đề của giáo dục toàn cầu trong giai đoạn hiện nay. Tổ chức quốc tế UNESCO đã tổ chức nhiều hội thảo để phát triển quan điểm này trên nhiều lĩnh vực của giáo dục như: chương trình tích hợp các môn học, phương pháp dạy học tích hợp. Quan điểm dạy học tích hợp được đề xướng nhằm mục đích:

– *Thứ nhất:* giải quyết một mâu thuẫn lớn trong giáo dục hiện nay là mâu thuẫn giữa lượng kiến thức ngày càng tăng do sự bùng nổ thông tin với thời gian học tập và sức lực học tập có hạn của học sinh.

– *Thứ hai:* làm cho người học nhận biết và ý thức được mối quan hệ giữa các nội dung học tập ở các môn học khác nhau và ở ngay trong một môn học. Đó là mối quan hệ giữa các tri thức của các môn khoa học tự nhiên và khoa học xã hội và nhân văn, giữa tri thức với kỹ năng, với năng lực cải tạo cuộc sống của người học ở ngay trong một môn học cụ thể.

Quan điểm dạy học tích hợp được vận dụng nhiều ở mức khác nhau cho các môn học khác nhau: mức độ cao của sự tích hợp là sự kết hợp nhiều tri thức khoa học của nhiều ngành khoa học trong một môn học (giống như môn Tự nhiên và Xã hội ở bậc tiểu học hiện nay); mức thứ hai là lồng ghép thêm một số nội dung cần học thuộc ngành hoặc lĩnh vực khoa học khác vào một môn học đã có (giống như việc lồng ghép nội dung giáo dục dân số, phòng chống ma túy, bảo vệ môi trường vào các môn tiếng, tiếng Việt, giáo dục sức khỏe, đạo đức ở bậc tiểu học); mức thứ ba là liên hệ để vận dụng những kiến thức, kỹ năng đã học ở một hoặc nhiều môn học vào giải quyết một số vấn đề thuộc các môn

học hoặc các lĩnh vực giáo dục có liên quan (giống như việc tổ chức giáo dục pháp luật, giáo dục nhân văn và giáo dục quốc tế qua các môn học tiếng Việt, đạo đức,... ở tiểu học hiện nay).

Quan điểm tích hợp trong dạy học như đã nêu trên đủ để thấy rằng sự quán triệt quan điểm này trong việc xác định nội dung dạy học đọc hiểu ở tiểu học là tất yếu. Có thể có hai cách thực hiện quan điểm tích hợp trong dạy học đọc hiểu là:

– *Thứ nhất:* cần đưa các văn bản có nội dung thuộc nhiều lĩnh vực như thông tin, khoa học, nghệ thuật... vào làm ngữ liệu để dạy đọc hiểu. Như vậy, học sinh có điều kiện để làm quen với nhiều loại tri thức được trình bày theo nhiều phong cách ngôn ngữ.

– *Thứ hai:* cần dạy đọc hiểu không phải chỉ trong các bài tập đọc thuộc môn tiếng Việt mà còn dạy ở trong các bài học thuộc các hợp phần khác của môn tiếng Việt (tập làm văn, từ ngữ, ngữ pháp, kể chuyện của chương trình hiện hành, hoặc trong các bài học thực hành ngôn ngữ nói, thực hành ngôn ngữ viết và các bài học tri thức tiếng Việt của chương trình môn tiếng Việt ở tiểu học năm 2000), trong các bài học thuộc những môn học khác như: đạo đức, tự nhiên và xã hội, sức khỏe, toán...

Thực hiện quan điểm tích hợp trong dạy học đọc hiểu theo hướng trên vừa tạo cho học sinh và giáo viên những cơ hội rộng rãi để học và dạy đọc hiểu, vừa cung cấp cho học sinh những tri thức cần thiết nhưng ở ngoài giới hạn dung lượng của các bài học thuộc những môn học tương ứng với các khoa học đó. Nhiều nước trên thế giới đã có những

thành tựu trong việc vận dụng quan điểm dạy học tích hợp vào dạy đọc hiểu cho tất cả các môn học ở cả bậc tiểu học và bậc trung học. Ở nước Anh, trong cuốn sách dạy đọc cho học sinh ở giai đoạn thứ hai của bậc tiểu học (tương đương với lớp bốn và lớp năm của ta) có những bài dạy đọc hiểu về đề tài khoa học tự nhiên và môi trường như: "Mưa a–xit", "Sự tàn phá của mưa a–xit đối với di sản văn hóa", "Cấu tạo của trứng"...

1.3. Cơ sở để xác định phương pháp dạy học và các đánh giá kết quả đọc hiểu

Xét về bản chất thì không phải chỉ đến mục này chúng ta mới đi tìm cơ sở để xác định phương pháp dạy học và cách đánh giá đọc hiểu, bởi lý luận dạy học truyền thống đã chỉ rõ: việc nghiên cứu phương pháp dạy học thực chất bắt đầu từ việc lựa chọn nội dung dạy học. Mục này sẽ trình bày cụ thể hơn các cơ sở để định ra những nguyên tắc lựa chọn các phương pháp dạy học phần đọc hiểu và đánh giá kết quả đọc hiểu của học sinh ở tiểu học.

1.3.1. Các quan điểm dạy học phổ biến

• Quan điểm dạy học truyền thống:

Xuất phát từ quan niệm dạy học là công việc của giáo viên, nên các nhà giáo dục học theo quan niệm này đã chủ trương: dạy học là hướng vào hoạt động của người thầy. Theo thuyết về phản xạ có điều kiện của I. Pavlop, họ cho rằng: học tập là một quá trình gồm các phản xạ có điều kiện, nhu cầu học của học sinh là do người thầy tạo ra, kết quả học tập chủ yếu là sự ghi nhớ và lặp lại của người học. Do vậy, trải qua một thời kỳ dài trong lịch sử, nhiều chương

trình học tập của nhiều nước trên thế giới là sự mô phỏng, sự thu nhỏ thành tựu nghiên cứu của nhiều ngành khoa học, phương pháp dạy học trong các nhà trường nặng về hoạt động thuyết giảng, minh họa của người thầy. Đành rằng khi xác lập nội dung, đặc biệt là những nội dung thuộc loại tri thức khoa học, người soạn chương trình học tập cần phải mô phỏng, thu nhỏ một số thành tựu của ngành khoa học tương ứng, song nếu chương trình lại mô phỏng cả cấu trúc các nội dung nghiên cứu của ngành khoa học tương ứng thì thật là phi lý, bởi mục tiêu nghiên cứu của một ngành khoa học không thể trùng khít với mục tiêu giáo dục của nhà trường. Đành rằng để cung cấp kiến thức, hình thành kỹ năng, tạo năng lực thực tiễn cho học sinh, người thầy cần dùng lời giảng, động tác minh họa và làm mẫu để học sinh làm theo, song nếu chỉ chuyên tâm làm việc đó thì phương pháp dạy học trở nên đơn điệu, gây nhàm chán cho người học bởi họ chỉ được coi là những người học thụ động. Nhà bác học người Mỹ B.F.Skinner đã phê phán quan điểm dạy học truyền thống bằng cách chỉ ra những nhược điểm và hậu quả của nó như sau:

– Mục đích học tập của học sinh là do sự áp đặt của xã hội, của giáo viên, không do chính yêu cầu của người học. Việc học không còn hứng thú khám phá.

– Nội dung học nặng tính hàn lâm, ít bổ ích cho học sinh và ít giúp họ ứng xử trong cuộc sống.

– Cách học thiên về lặp lại, ghi nhớ, tái hiện lời thầy. Việc động viên người học không kịp thời. Việc đánh giá kết quả không căn cứ vào từng hành vi, từng kiến thức.

Có thể sự phê phán trên còn đôi chỗ chưa "công bằng"

song nó đã nhằm vào đúng điểm yếu của quan điểm dạy học truyền thống là chưa tiếp cận được mối quan hệ biện chứng giữa thầy và trò, do đó hạn chế việc tích cực hóa người học trong quá trình dạy học. Mặc dầu có những hạn chế đáng kể song không thể phủ nhận những đóng góp "đồ sộ" của quan điểm dạy học truyền thống. Dù cho có tích cực hóa người học theo cách nào đi nữa thì người làm ra thành tựu đó vẫn phải là người thầy. Hoạt động của người thầy đóng vai trò chủ yếu trong việc tạo ra hoạt động của trò ở trường lớp. Và vì thế nếu được bổ sung, được phối hợp với quan điểm dạy học mới thì quan điểm dạy học truyền thống vẫn khẳng định được những đóng góp của mình. Điều đó có nghĩa là những phương pháp dạy học được nảy sinh trên quan điểm dạy học truyền thống vẫn rất có giá trị khi chúng được thực hiện phối hợp với các phương pháp dạy học theo quan điểm mới. Thiết nghĩ *cấu trúc của hệ phương pháp dạy học ở môn tiếng Việt nói chung và ở phần đọc hiểu nói riêng phải tuân theo nguyên tắc phối hợp các hoạt động của thầy với hoạt động của trò mới là một cấu trúc hợp lý.*

- Quan điểm dạy học mới:

Quan điểm dạy học mới có tên gọi là "*quan điểm dạy học hướng vào người học*". Quan điểm này có những điểm khác biệt nổi trội so với quan điểm dạy học truyền thống, cụ thể là:

– Thừa nhận, tôn trọng, hiểu rõ, đồng cảm với nhu cầu, lợi ích, mục đích, giá trị nhân cách, cá tính của học sinh, giao phó trách nhiệm cho người học, tạo ra sức hút, sự thuyết phục, động cơ bên trong người học.

– Dựa vào kinh nghiệm cá nhân của học sinh, khai thác nó và dồn nó thành sức mạnh trong học tập.

– Phát triển tư duy độc lập, sáng tạo, khả năng suy ngẫm, óc phê phán và tính độc đáo của nhân cách học sinh.

– Phát triển mạnh các kỹ năng, kỹ xảo của hoạt động học tập và nhận thức, kỹ năng tác động qua lại giữa các nhân tố của môi trường học tập (thầy, bạn, thông tin, tài liệu...) ở học sinh.

– Phương thức dạy học chủ đạo là hoạt động của người học bao gồm hoạt động cá nhân, hoạt động hợp tác (với thầy, với bạn) để tự nhận thức, tự phát triển, tự thực hiện, tự đánh giá nhằm tối đa hóa sự tham gia của người học và hạn chế đến tối thiểu sự áp đặt của người thầy trong quá trình học tập.

Đối chiếu với mục tiêu dạy học đọc hiểu đã nêu ở mục 1.1 đối chiếu với nội dung dạy đọc hiểu đã nêu ở mục 1.2, có thể thấy quan điểm dạy học mới rất phù hợp với việc thực hiện mục tiêu và nội dung đó. *Do tôn trọng, đồng cảm với nhu cầu, lợi ích về hiểu biết, tình cảm và hành động của học sinh mà cần phải tuân thủ một nguyên tắc lựa chọn văn bản làm ngữ liệu để dạy học đọc hiểu là: đề tài của các văn bản phải bao quát được vốn sống, vốn kinh nghiệm và nhu cầu của học sinh trong học tập và sinh hoạt. Vận dụng ưu điểm của quan điểm dạy học mới, cần xác định nguyên tắc lựa chọn những phương pháp dạy học đọc hiểu ở tiểu học là phải tổ chức được các hành động học tập cho học sinh trong quá trình lên lớp để giúp người học tự thao tác chiếm lĩnh nội dung văn bản và tự quyết định tiếp nhận văn bản; phải phân giải kỹ năng đọc hiểu chung thành các kỹ năng bộ*

phận rồi sắp xếp các kỹ năng và thao tác phân giải thành một trình tự hợp lý để tập luyện cho học sinh từng thao tác, từng kỹ năng bộ phận. Nói đến tổ chức hoạt động học tập cho học sinh là nói tới phương pháp dạy học nhằm tích cực hóa hoạt động học tập của học sinh. Các nhà tâm lý học đã cho hay: nếu học sinh chỉ tiếp nhận tri thức và kỹ năng bằng cách nghe giáo viên giảng thì họ chỉ tiếp nhận được khoảng 15% điều họ cần có, nếu họ tiếp nhận bằng cách phối hợp nhìn, nghĩ, nghe, nói và làm thì sẽ tiếp nhận khoảng 95%. Do vậy, để học sinh hình thành và phát triển vững chắc kỹ năng đọc hiểu cần phải cho học sinh học tập theo cách tiếp cận nhìn, nghĩ, nghe, nói và làm – tức là học tập bằng các hoạt động đa dạng. Vậy các hoạt động cụ thể của học sinh trong khi học đọc hiểu theo cách tiếp cận trên là gì?

– Nhìn trong đọc hiểu là nhìn chữ để đọc nhẩm, đọc thầm, đọc lướt; là nhìn hình minh họa nội dung bài đọc.

– Nghĩ trong học đọc hiểu là hoạt động quan trọng nhất vì nó là một hoạt động thể hiện đặc thù của phần chương trình này. Nghĩ trong đọc hiểu bao gồm các thao tác sau của tư duy: ghi nhớ có chọn lọc, so sánh đối chiếu, tìm kiếm để phát hiện, phân tích, tổng hợp, khái quát, nêu vấn đề, giải quyết vấn đề.

– Nghe trong học đọc hiểu là nghe giáo viên đọc mẫu và đọc thầm theo, nghe câu hỏi hoặc bài tập hoặc nhiệm vụ mà giáo viên đưa ra, nghe giáo viên hướng dẫn cách làm việc với văn bản để hoàn thành từng nhiệm vụ, nếu lời hướng dẫn được thực hiện cùng với hình minh họa thì phải kết hợp nghe và nhìn.

– Nói trong học đọc hiểu bao gồm các thao tác: nhắc lại điều đã ghi nhớ, nói về kết quả đã làm, trình bày suy nghĩ, thảo luận trong nhóm và lớp.

– Làm trong học đọc hiểu bao gồm sự kết hợp những thao tác trí tuệ và thao tác của hoạt động khác: đọc thầm, đọc lướt, đọc diễn cảm, thực hiện các bài tập viết, tra cứu trên sách công cụ hoặc đi đọc sách, tìm sách, chơi trò chơi, sưu tầm tài liệu...

Nói một cách rõ hơn, theo nguyên tắc này thì để dạy đọc hiểu cần phải có hệ thống bài tập bao gồm những bài tập giúp học sinh thực hiện từng hành động, từng thao tác của việc hiểu văn bản. Nguyên tắc trên thực ra là sự quán triệt tư tưởng chỉ đạo về lựa chọn phương pháp dạy học của Skimer: học sinh có thể nắm vững thậm chí những kỹ năng phức tạp nhất nếu giáo viên phân chia kỹ năng đó thành các hành vi bộ phận, thành các bước nhỏ.

1.3.2. Quan điểm đánh giá toàn diện kết quả học tập của học sinh

Hiện nay trong lĩnh vực đánh giá kết quả của học sinh đang tồn tại hai quan điểm lớn: quan điểm đánh giá tổng thể và quan điểm đi từ đánh giá bộ phận đến đánh giá tổng thể. Mỗi quan điểm đánh giá đã chi phối cách thiết kế nội dung học tập, phương pháp dạy học theo một hướng. Quan điểm đánh giá tổng thể cho rằng kết quả học tập một môn học, một hợp phần của từng môn học là sự thể hiện tổng hòa các tri thức và kỹ năng đã được ghi trong chương trình của môn học hoặc hợp phần đó ở mỗi học sinh. Theo cách

này, khi đánh giá kết quả học tập của học sinh, người dạy, nhà quản lý giáo dục chỉ cần căn cứ vào chương trình, coi chương trình là chuẩn. Chúng ta đều đã biết có rất nhiều loại văn bản chương trình: loại văn bản chỉ ở dạng khung chương trình, loại văn bản chương trình chi tiết, loại văn bản có tính trung gian giữa hai loại trên nghĩa là viết theo kiểu chi tiết hơn chương trình khung nhưng không quá chi tiết. Trong những trường hợp chương trình không viết chi tiết thì chuẩn đánh giá có độ linh hoạt cao. Điều này dẫn đến tình trạng: hoặc cấu trúc của bài đánh giá quá đơn giản (thường chỉ gồm 1 hoặc 2 bài kiểm tra, giống như ở nước ta trước đây thi tốt nghiệp hoặc kiểm tra cuối năm cho bộ môn văn và tiếng Việt ở các lớp phổ thông chỉ gồm duy nhất một bài tập làm văn), hoặc nội dung của từng bài đánh giá còn phiến diện, không bao quát được những tri thức và kỹ năng cần mà chương trình đã vạch ra. Cách đánh giá theo quan điểm đánh giá tổng thể không cho những thông tin đầy đủ, chính xác về kết quả học tập của học sinh ở từng môn học, từng hợp phần của một môn học.

Quan điểm đánh giá đi từ bộ phận đến tổng thể cho rằng kết quả học tập của học sinh ở một môn hoặc một hợp phần của môn học là một chuỗi các kết quả bộ phận có quan hệ tương hỗ với nhau, các kết quả đạt được trước là tiền đề để dẫn đến các kết quả tiếp theo, mặt khác các kết quả đạt sau lại có tác dụng hoàn thiện, nâng cao các kết quả đạt trước. Theo quan điểm này để đánh giá được kết quả học tập của học sinh phải xác định chuẩn đánh giá. Nhiều nước trên thế giới đã gọi chuẩn này với những tên gọi khác nhau: *trình độ học tập tối thiểu của học sinh, chuẩn tối thiểu để*

đánh giá trình độ học tập của học sinh, hệ thống tiêu chuẩn đánh giá trình độ học tập của học sinh... Dù được gọi với tên gọi khác nhau song các chuẩn đánh giá của nhiều nước về thực chất là một văn bản chỉ ra những tri thức, kỹ năng cần yếu của chương trình các môn học ở từng lớp, từng giai đoạn và phân tích để làm rõ từng mức độ của các tri thức và kỹ năng ấy. Sự phân mức độ của chuẩn đánh giá càng chính xác bao nhiêu thì độ linh hoạt của chuẩn càng nhỏ. Khi đã có chuẩn đánh giá, các nhà giáo, nhà quản lý dễ dàng xác định cấu trúc và nội dung của bài đánh giá (số lượng bài kiểm tra, nội dung kiểm tra trong từng bài). Đánh giá theo chuẩn chẳng những thu được những thông tin về kết quả tổng thể các tri thức và kỹ năng mà còn nhận được những thông tin về quá trình để đạt tới kết quả tổng thể đó của học sinh. Các thông tin về kết quả tổng thể **chủ yếu có tác dụng phân loại trình độ học sinh** (giỏi, khá, trung bình, yếu), còn các thông tin về quá trình (thông tin về từng bộ phận, từng giai đoạn của quá trình) **cho biết từng bộ phận tri thức, kỹ năng, thái độ, tình cảm đã được hình thành vững chắc hoặc chưa vững chắc ở từng học sinh.** Trong việc đánh giá kỹ năng của học sinh, cách đánh giá theo quan điểm từ bộ phận đến tổng thể do có thể đem lại những thông tin về quá trình nên rất có ưu thế so với cách đánh giá theo quan điểm tổng thể.

Dạy học đọc hiểu ở tiểu học là dạy một kỹ năng học tập; vì vậy đánh giá kỹ năng này theo quan điểm đánh giá từ bộ phận đến tổng thể là cách làm phù hợp, và sự xác định chuẩn để đánh giá là một việc làm cần thiết.

2. Cơ sở ngôn ngữ học và văn học và việc xác định bản chất của quá trình đọc hiểu

2.1. Cơ sở ngôn ngữ học

Những lý thuyết về lời nói, về sử dụng ngôn ngữ, về văn bản sẽ cho phép giải đáp những vấn đề sau: ***Đọc hiểu là gì? Đọc hiểu các kiểu văn bản khác nhau thì có gì khác nhau?***

Trước hết muốn làm rõ khái niệm đọc hiểu cần phải phân tích để làm rõ đối tượng mà đọc hiểu tác động: văn bản. Đã có khá nhiều quan niệm về văn bản được đưa ra, tuy nhiên quan niệm sau của nhà ngôn ngữ học người Nga I.R. Galperin được nhiều người sử dụng làm cơ sở để nghiên cứu các vấn đề có liên quan đến văn bản: "Văn bản – đó là tác phẩm của quá trình tạo lời nói, mang tính hoàn chỉnh, được khách quan hóa dưới dạng tài liệu viết, được trau chuốt văn chương theo loại hình tài liệu ấy, là tác phẩm gồm tên gọi (đầu đề) và một loạt đơn vị riêng (những thể thống nhất trên câu), hợp nhất lại bằng những loại hình liên hệ khác nhau về từ vựng, ngữ pháp, logic, tu từ, có một hướng đích nhất định và một mục tiêu thực dụng" [14, tr. 37]. Định nghĩa của I.R. Galperin đã chỉ ra những đặc điểm quan trọng của văn bản: văn bản thuộc về lời nói, tồn tại ở dạng chữ viết, có tính chỉnh thể, có tính khả phân, có đích cụ thể. Những đặc điểm trên rất cần thiết cho việc nghiên cứu văn bản nói chung và việc nghiên cứu lĩnh hội văn bản nói riêng – đọc hiểu. Tuy nhiên cách phân tích văn bản và phân loại các nội dung của I.R. Galperin còn bộc lộ những điểm chưa hoàn thiện. Định nghĩa về văn bản của ông mới chỉ làm rõ bình diện bên trong của văn bản bao gồm các yếu

tố hợp thành văn bản và quan hệ giữa những yếu tố này mà chưa làm rõ bình diện bên ngoài của văn bản gồm những yếu tố nào, quan hệ của bình diện bên trong và bên ngoài ra sao trong việc thể hiện đích của văn bản. Chỉ đến khi các nhà nghiên cứu văn bản tiếp thu lý thuyết về ngữ dụng học thì quan niệm về văn bản mới được trình bày đầy đủ và toàn diện hơn. Sau đây là một quan niệm về văn bản mới được soi sáng bởi lý thuyết của ngữ dụng học: "Văn bản là một thể hoàn chỉnh về hình thức, trọn vẹn về nội dung, thống nhất về cấu trúc và độc lập về giao tiếp, là một thể biến dạng viết liên tục của ngôn bản thực hiện một hoặc một số đích nhất định, nhằm vào những người tiếp nhận nhất định thường là không có mặt khi văn bản được sản sinh" [12, tr. 10]. Với quan niệm này, văn bản được coi là một sản phẩm của lời nói, việc tạo lập văn bản và tiếp nhận văn bản là hai quá trình của một hoạt động tương tác – hoạt động giao tiếp. Từ đây có thể tìm ra bản chất của đọc hiểu bằng cách phân tích quá trình của hoạt động giao tiếp. Lý thuyết về ngữ dụng học đã cho biết giao tiếp là một hoạt động bao gồm hai hoạt động bộ phận: hoạt động tác động của người nói hoặc người viết thông qua việc tạo ra ngôn bản và hoạt động hồi đáp của người nghe hoặc người đọc thông qua việc tiếp nhận ngôn bản. Giao tiếp ở hình thức hội thoại, khi có đủ sự hiện diện của cả người nói và người nghe, khi người nghe trực tiếp nhận tín hiệu ngôn ngữ âm thanh và các yếu tố kèm ngôn (nét mặt, ánh mắt, điệu bộ...) từ người nói thì người nghe hầu như nhận được chính xác nội dung ngôn bản. Ở đây ngôn bản của người nói phát đi và ngôn bản nằm trong sự tiếp nhận của người nghe hầu như trùng nhau, người nghe trong trường hợp này cũng có

vai trò chủ động bởi họ có thể hỏi lại người nói để nhằm hiểu đúng ý của người nói. Trong hội thoại hoạt động hồi đáp của người nghe dễ quan sát hơn, người nghe có thể có những hình thức hồi đáp như: làm theo lời người nói hoặc trao đổi, tranh luận với người nói... Giao tiếp ở hình thức không dùng lời hội thoại mà dùng lời được viết ra (dùng văn bản) khác với giao tiếp bằng hội thoại. ở đây do sự vắng mặt của một nhân vật giao tiếp (khi viết văn bản thì vắng mặt người đọc, khi đọc văn bản thì vắng mặt người viết) nên người viết thường không chủ quan cho rằng người đọc sẽ hiểu đúng hoàn toàn hoặc hiểu chính xác ý mình định nói; cũng như vậy, người đọc có thể hiểu không hoàn toàn đúng điều người viết định nói và có những lý giải về văn bản khác với ý định của người viết. Như vậy có hiện tượng sau tất yếu xảy ra trong các tình huống giao tiếp bằng văn bản: văn bản của người viết phát đi và văn bản nằm trong sự tiếp nhận của người đọc không trùng nhau, giữa chúng có độ lệch. Vậy phân tích theo lý thuyết giao tiếp chúng ta sẽ thấy bản chất của đọc hiểu là gì? ***Đây là một hoạt động giao tiếp ở đó người đọc lĩnh hội lời nói đã được viết thành văn bản nhằm làm thay đổi những hiểu biết, tình cảm hoặc hành vi của chính mình, đọc hiểu là hoạt động đọc cho mình (người đọc).*** Đọc hiểu khác với đọc diễn cảm ở chỗ đọc diễn cảm không phải chỉ là hoạt động nhằm cho mình mà còn là hoạt động nhằm cho người khác cũng tiếp nhận văn bản giống mình, lý giải văn bản giống mình. Do đặc điểm này mà khi đọc diễn cảm, người đọc đã tham gia vào quá trình tái lập văn bản, xét ở phương diện này thì người đọc diễn cảm ngoài vai trò là người lĩnh hội văn bản họ còn đồng thời là người tái sản sinh văn bản.

Trong khi đó ***đọc hiểu chỉ thuần là hoạt động lĩnh hội***, cái mà người đọc lĩnh hội được bằng cách đọc hiểu chính là ***nội dung và đích của văn bản***. Để có thể lĩnh hội nội dung và đích trên, người đọc phải thực hiện phân tích văn bản trên nhiều bình diện: bình diện cú pháp (nghĩa kết hợp và các liên kết trong văn bản), bình diện thông tin (nghĩa của từ, nghĩa miêu tả và nghĩa tình thái của câu, lượng tin trong văn bản, đặc biệt là lượng tin quan trọng), bình diện phát ngôn (đích của văn bản)... ***Chính vì vậy mà đọc hiểu là cách đọc phân tích***. Quá trình phân tích văn bản trong đọc hiểu diễn ra theo hai cách, kinh nghiệm sống, trình độ văn hóa của người đọc khiến cho người đọc quyết định chọn cách phân tích cho mình. Người đọc có trình độ văn hóa cao và có nhiều kinh nghiệm sống thường chọn cách phân tích đi từ nghĩa chung (nội dung tổng thể) của văn bản đến nghĩa của từng bộ phận trong văn bản (ý của đoạn, nghĩa của câu, từ), rồi từ đó khái quát nên chủ đề, tư tưởng của văn bản. Trong khi đó người đọc có trình độ văn hóa thấp (đang học phổ thông cơ sở hoặc có trình độ phổ cập tiểu học) và có ít kinh nghiệm sống thường chọn cách phân tích đi từ nghĩa của bộ phận nhỏ (nghĩa của từ, câu, ý của đoạn) đến nghĩa chung của văn bản (đại ý, chủ đề, đích)... Tuy nhiên cho dù chọn cách phân tích nào thì để hiểu văn bản người đọc vẫn phải biết nghĩa của các bộ phận nhỏ (từ, câu, đoạn) trong văn bản và lấy đó làm căn cứ để xác định chính xác chủ đề, đích của văn bản. Thường thì việc đọc hiểu theo cách phân tích của những người có trình độ cao diễn ra nhanh hơn việc đọc hiểu của những người có trình độ thấp. Vì học sinh tiểu học là những người đọc có trình độ văn hóa còn hạn chế và còn ít vốn sống nên dạy đọc hiểu ở những

lớp này về cơ bản là dạy theo cách phân tích văn bản đi từ hiểu nghĩa của bộ phận nhỏ đến hiểu nội dung và đích của toàn văn bản; song trong một số bài đọc, nhất là một số bài ở cuối bậc tiểu học cần phối hợp dạy theo cả hai cách phân tích văn bản nói trên nhằm làm cho học sinh bước đầu làm quen với cách đọc hiểu nhanh và dần chuyển từ cách đọc hiểu còn chậm sang cách đọc hiểu nhanh hơn.

Đọc là một hoạt động giao tiếp gồm nhiều hành động liên tục diễn ra trong thời gian, đó là một hoạt động có tính quá trình rất rõ. Có thể chia quá trình đọc nói chung thành hai giai đoạn: giai đoạn đọc phát âm và giai đoạn đọc hiểu. Ở giai đoạn đọc phát âm người đọc nhìn chữ mà phát thành âm, tuỳ vào đặc điểm loại hình của từng ngôn ngữ mà người đọc phát thành âm từng âm tiết (cách đọc tiếng Việt và các tiếng đơn tiết) hay phát thành âm từng từ (cách đọc các tiếng Anh, Nga và các thứ tiếng thuộc loại hình ngôn ngữ có tính tổng hợp). Mục đích của người đọc ở giai đoạn đọc phát âm là chuyển đổi ngày càng nhanh và chính xác các ký hiệu văn tự thành ký hiệu âm thanh ngôn ngữ. Ở giai đoạn đọc hiểu, mục đích của người đọc là phải làm rõ nghĩa của các ký hiệu, làm rõ các thông điệp trong văn bản, nội dung và đích của văn bản rồi hồi đáp lại ý kiến của tác giả nêu trong văn bản. Xét trong hoạt động nói chung thì đọc hiểu là một bộ phận hoạt động thể hiện mục đích của hoạt động đọc còn đọc phát âm chỉ là bộ phận hoạt động có tính phương tiện mà thôi.

Đến lượt mình đọc hiểu cũng là hoạt động có tính quá trình rất rõ vì nó bao gồm nhiều hành động không diễn ra cùng một lúc:

– Hành động đầu tiên của quá trình đọc hiểu là hành động nhận diện ngôn ngữ của văn bản tức là nhận đủ các tín hiệu ngôn ngữ mà người viết dùng để tạo ra văn bản.

– Hành động tiếp theo là hành động làm rõ nghĩa của chuỗi các tín hiệu ấy (nội dung của văn bản và ý đồ tác động đến người đọc của người viết).

– Hành động cuối cùng là hành động hồi đáp lại ý kiến của người viết nêu trong văn bản.

Chất lượng của hành động nhận diện ngôn ngữ trong văn bản tuỳ thuộc vào hai yếu tố: khả năng đọc phát âm của người đọc và trình độ văn hóa, kinh nghiệm sống của họ. Một người có khả năng nhìn chữ đọc thành tiếng nhanh và có nhiều vốn từ, vốn sống sẽ nhận diện ngôn ngữ của văn bản nhanh hơn. Chất lượng của hai hành động sau trong quá trình đọc hiểu tuỳ thuộc vào trình độ văn hóa, kinh nghiệm sống và khả năng tư duy của người đọc. Dưới đây, căn cứ vào những lý thuyết về lời nói, về ngữ dụng học và về văn bản, chúng tôi sẽ làm sáng tỏ những vấn đề cụ thể sau:

– Thế nào là nhận diện ngôn ngữ trong đọc hiểu?

Chúng ta đều biết, xét trên bình diện thể chất thì thể chất của ngôn ngữ là âm thanh, giao tiếp bằng lời nói là giao tiếp bằng ngôn ngữ được mã hóa thành các ký hiệu âm thanh. Ngay cả khi người ta đọc hay viết thì người ta vẫn giao tiếp bằng các ký hiệu âm thanh, chữ viết chẳng qua chỉ là một loại ký hiệu để thay thế cho ký hiệu âm thanh mà thôi, nó được tổ chức thống nhất với sự tổ chức của ký hiệu âm thanh. Vì vậy khi tiếp cận với văn bản, việc đầu tiên người đọc phải làm là chuyển toàn bộ mã chữ viết trên văn

bản thành mã âm thanh. Sự chuyển đổi này không chỉ đơn giản là chuyển từng ký hiệu đơn lẻ (chuyển từng từ) dựa trên các quy tắc ngữ âm và chính tả, mà là sự chuyển đổi phức tạp bao gồm: chuyển từng ký hiệu đơn lẻ (từng từ), từng đơn vị của lời nói (phát ngôn), từng đoạn lời nói (đoạn văn) và chỉnh thể lời nói trong văn bản dựa trên các quy tắc ngữ âm, quy tắc chính tả, quy tắc ngữ pháp và quy tắc dụng học. Dựa vào các quy tắc ngữ âm và chính tả người đọc có thể nhận ra các âm vị, âm tiết. Nhờ có quy tắc ngữ pháp, người đọc mới nhận diện được từ, câu trên dòng lời, từ đó mới hiểu được nghĩa miêu tả của từ và câu. Nhờ biết quy tắc dụng học, người đọc mới nhận ra các đoạn ý ngay khi chuyển đổi chữ viết sang âm thanh. Như vậy việc chuyển đổi nói trên được thực hiện đâu phải chỉ bằng sự vận động của cơ quan thị giác và cơ quan phát âm mà còn bằng cả sự vận động của trí tuệ. Chính vì thế mà kết thúc bước này người đọc đã hiểu sơ bộ văn bản, hiểu văn bản trên những nét chung: văn bản nói về cái gì và trình bày đối tượng đó theo hướng nào? Tuy nhiên việc tác giả trình bày cụ thể đối tượng để từ đó làm nổi lên chủ đề của văn bản thì người đọc chỉ có thể biết được khi thực hiện bước tiếp theo.

– Thế nào là làm rõ nội dung văn bản trong đọc hiểu?

Để có thể giải đáp vấn đề này, cần phải xem xét văn bản dùng để làm gì, nói cách khác phải xem xét văn bản trong chức năng giao tiếp của nó. Hoạt động giao tiếp bằng ngôn ngữ nhằm vào các mục đích sau:

+ *Thông tin (thông báo tin tức):* Sản phẩm của những hoạt động giao tiếp nhằm mục đích thông tin là các lời

thông báo, lời kể, lời tả... dạng nói và dạng viết (những lời hoàn chỉnh được viết ra là các văn bản).

+ *Tự biểu hiện*: Sản phẩm của những hoạt động nhằm mục đích này là những lời nói biểu cảm (thơ hoặc văn xuôi trữ tình, các lời nói khác bộc lộ cảm xúc của người nói).

+ *Giải trí*: Sản phẩm của những hoạt động này là các lời nói chuyện vãn, lời nói chuyện phiếm.

+ *Tạo lập quan hệ:* Sản phẩm của hoạt động giao tiếp này là những lời nói để chào, để mời, để tuyên bố thiết lập hoặc chấm dứt quan hệ trong đời thường và trong lĩnh vực ngoại giao.

+ *Hành động:* Giao tiếp nhằm mục đích này là giao tiếp để đưa người nghe, người đọc đến một hành động nào đó hoặc để người nói, người viết đặt cho chính mình nhiệm vụ thực hiện một hành động nào đó.

Xét cho cùng thì mục đích hành động là mục đích chung nhất của hoạt động giao tiếp, bởi vì dù mục đích là thông tin hay tự biểu hiện, hay tạo lập quan hệ, giải trí thực chất vẫn là mục đích hành động, hoặc là hành động nhằm tác động vào lý trí để thuyết phục, hoặc là hành động nhằm tác động vào tình cảm để truyền cảm.

Văn bản là một chỉnh thể lời nói, vì thế mục đích của việc làm rõ nội dung của văn bản là làm rõ đích của văn bản tức làm rõ sự tác động của người viết nhằm thay đổi nhận thức, thái độ, hành vi của người đọc.

Muốn đạt được mục đích trên cần phải căn cứ vào sự phân tích nội dung ngôn bản của lý thuyết ngữ dụng học để chỉ ra những điều cần phải làm rõ trong nội dung văn bản. Các nhà lý luận về ngữ dụng học cho biết nội dung của một

ngôn bản bao gồm: nội dung miêu tả và nội dung liên cá nhân. Nội dung miêu tả của ngôn bản thực hiện chức năng thông tin còn nội dung liên cá nhân là những nội dung liên quan đến người nói và người nghe, nó thực hiện chức năng bộc lộ đích của ngôn bản. Nội dung liên cá nhân được thể hiện qua những lời nhận xét, đánh giá hiện thực của người nói đan xen vào những lời miêu tả, thông báo khách quan trong văn bản. Nó còn được thể hiện ở hướng lập luận, ở sự lựa chọn từ, câu, ở sự sắp xếp các đoạn ý trong văn bản. Nhờ nắm được nội dung liên cá nhân, người đọc mới biết được nội dung miêu tả được trình bày trong văn bản để làm gì, nhằm mục đích tác động gì tới người đọc. Trong hai nội dung trên thì nội dung miêu tả cần được làm rõ trước để tạo cơ sở cho việc làm rõ nội dung liên cá nhân. Tuy nhiên không phải văn bản bất kỳ nào cũng có nộ dung liên cá nhân, những văn bản mà người tạo ra nó chỉ nhằm mục đích duy nhất cung cấp thông tin cho người đọc (như các thông báo về giá cả thị trường) thì người đọc không phải làm rõ nội dung này. Song những văn bản không có nội dung liên cá nhân thường có số lượng rất ít.

Như vậy việc làm rõ nội dung văn bản bao gồm các công việc cụ thể được tiến hành theo trình tự: làm rõ nội dung miêu tả, làm rõ nội dung liên cá nhân, làm rõ đích của văn bản hay còn gọi là đích tác động của người viết. Những việc làm này tạo tiền đề để người đọc dựa vào đó mà thực hiện bước tiếp theo – bước hồi đáp văn bản.

– Thế nào là hồi đáp văn bản trong đọc hiểu?

Để thực hiện hành động hồi đáp văn bản, người đọc phải huy động vốn kinh nghiệm, tri thức, năng lực tư duy của bản thân để đánh giá văn bản. Kết quả của hành động

hồi đáp văn bản có hai dạng:

+ *Thứ nhất:* người đọc xác nhận tính đúng đắn của nội dung văn bản, tiếp nhận đích của văn bản.

+ *Thứ hai:* người đọc phê phán nội dung và đích của văn bản, chỉ ra chỗ sai, chỗ thiếu của nội dung và đích trên rồi bổ sung, sửa chữa nội dung, tự xác định cho mình một đích để tiếp nhận.

Thông qua việc đánh giá văn bản và hồi đáp nó, tư duy phê phán của người đọc được nâng lên một chất lượng mới.

Làm sáng tỏ ba vấn đề: thế nào là nhận diện ngôn ngữ trên văn bản, thế nào là làm rõ nội dung văn bản và đích của văn bản, thế nào là hồi đáp lại văn bản, tức là chúng ta đã xác định đọc hiểu là một quá trình gồm ba bước tuần tự: nhận diện ngôn ngữ, làm rõ nội dung văn bản và hồi đáp văn bản. Ba bước này có mối quan hệ rất biện chứng với nhau. Xét theo chức năng thì bước thứ nhất là bước tạo ra phương tiện để người đọc có thể tiếp cận với văn bản ở dạng vốn có của ngôn ngữ – dạng âm thanh. Bước thứ hai và bước thứ ba là các bước thực hiện mục đích của việc đọc hiểu. Xét theo sự phát triển của nhận thức thì ở hai bước đầu người đọc ít được tập luyện để bồi dưỡng tính chủ động, năng động trong tư duy vì ở hai bước này người đọc mới chỉ làm rõ ý của người viết, ở bước sau cùng người đọc được tập luyện để bồi dưỡng tính chủ động, năng động trong tư duy nhiều hơn vì ở đây người đọc phải phối hợp ý của người viết với kinh nghiệm và tri thức của bản thân để quyết định sự thay đổi nhận thức, thái độ và hành vi của mình ra sao sau khi tiếp xúc với văn bản.

Trở lên trên, dựa vào cơ sở lý thuyết về văn bản, lý thuyết về giao tiếp, chúng tôi đã xác định được bản chất của việc đọc hiểu, các bước cần được thực hiện khi đọc hiểu. Tuy nhiên những điều đã xác định chưa phải là nội dung dạy đọc hiểu ở bậc tiểu học nói chung, mặc dù chúng là những căn cứ quan trọng để dựa vào đó mà định "khung nội dung" cho phần đọc hiểu. Trên "cái khung" ấy cái nào là nội dung trọng tâm ở từng lớp, mức độ của từng nội dung trên "khung" ra sao còn cần phải căn cứ vào đặc điểm tâm lý của học sinh, vào điều kiện về dạy và học, vào mục tiêu chung của môn tiếng Việt ở bậc tiểu học.

2.2. Cơ sở văn học

Trong số các văn bản dùng để dạy đọc hiểu ở trường tiểu học loại văn bản nghệ thuật có một vị trí đặc biệt. Tính đặc biệt này được thể hiện ở tỷ lệ các văn bản nghệ thuật trong tổng số các văn bản dạy đọc rất cao, ở nhiệm vụ dạy hiểu loại văn bản này phức tạp hơn: không chỉ hiểu nội dung, hồi đáp nội dung và đích tác động mà còn phải làm quen với việc cảm thụ một loại hình nghệ thuật lấy ngôn ngữ làm chất liệu tạo hình tượng. Dạy đọc hiểu văn bản nghệ thuật thuộc lĩnh vực dạy tiếp nhận văn học. Lý thuyết về tiếp nhận văn học đã chỉ ra ba cấp độ trong tiếp nhận văn học:

– *Cấp độ thứ nhất:* người đọc trước hết phải biết tri giác, cảm thụ tác phẩm, phải hiểu ngôn ngữ, tình tiết, cốt truyện, thể loại để có cảm nhận hình tượng trong sự toàn vẹn các chi tiết, các liên hệ.

– *Cấp độ thứ hai:* người đọc tiếp xúc với ý đồ sáng tạo

của nghệ sỹ, thâm nhập vào hệ thống hình tượng như là sự kết tinh sâu sắc của tư tưởng và tình cảm tác giả.

– *Cấp độ thứ ba:* "...người đọc đưa hình tượng vào văn cảnh đời sống và kinh nghiệm sống của mình để thể hiện, đồng cảm. Cuối cùng nâng cấp lý giải tác phẩm lên cấp quan niệm và tính hệ thống, hiểu được vị trí tác phẩm trong lịch sử văn hóa, tư tưởng, đời sống và truyền thống nghệ thuật". [27]

So sánh ba cấp độ trên với ba bước của quá trình hiểu văn bản đã nêu ở mục 2.1 chúng ta thấy có nhiều điểm tương đồng. Điều đó phản ánh một hiện thực: hiểu văn bản nghệ thuật thuộc một lĩnh vực chung là hiểu văn bản, mọi lý thuyết tách việc hiểu văn bản nghệ thuật ra khỏi cái chung, ra khỏi lĩnh vực hiểu văn bản là không hợp lý. Tuy nhiên lý luận về ba cấp độ trong tiếp nhận văn học cũng chỉ ra: muốn hiểu văn bản nghệ thuật, ngoài bước đi chung còn phải nắm bắt được các đặc điểm riêng của loại văn bản này chi phối sự hiểu, đó là những yếu tố tình tiết, cốt truyện, thể loại, hình tượng văn học. Chẳng hạn để hiểu một tác phẩm tự sự, người đọc cần tập hợp hành động và ngôn ngữ của nhân vật song điều đó lại không cần cho việc hiểu một tác phẩm trữ tình, loại tác phẩm trong đó nhân vật thiên về bộc lộ tâm trạng cảm xúc mà ít bộc lộ hành động.

Ở phương diện khác, lý thuyết về tiếp nhận văn học đặc biệt đề cao tính chất sáng tạo của người đọc trong tiếp nhận văn học. Theo các nhà lý luận thì sáng tạo của người đọc là phát hiện lại tác phẩm, thâm nhập vào chiều sâu của tác phẩm để tìm ra những điều tác giả muốn nói và đôi khi là cả những điều bất ngờ đối với tác giả. Vai trò sáng tạo của

người tiếp nhận là ở chỗ họ mở rộng các giới hạn nghĩa. Sự mở rộng được thực hiện bằng cách đưa tác phẩm vào văn cảnh mới, quan hệ mới để phát hiện ra những ý mới. Chẳng hạn với đoạn văn dưới đây trích trong tác phẩm "Dấu chân người lính" tác giả Nguyễn Minh Châu chỉ muốn giúp người đọc biết về phong tục và kỹ thuật trồng lúa của đồng bào ở miền núi phía Tây nước ta:

"Ở đây mùa hái hạt bao giờ cũng trúng vào tháng mười, mười một, những ngày tháng vui vẻ nhất trong năm, và mỗi năm hạt lúa chỉ đậu trên tay người có một lần: tháng hai phát rẫy, tháng tư thì đốt, hạt lúa tra dưới những cái lỗ tròn đen sì chất màu mỡ của tro than. Tháng chín, tháng mười, chim pít đã rủ nhau bay về từng đàn, tiếng hót ríu rít cứ xoay tròn trong nắng mai và gió rét căm căm.

Mỗi buổi sớm các cô gái đi ra nương, gấu váy cũng như hai ống tay áo dính đầy cỏ may và ướt đẫm sương. Các cô đi chung quanh từng gốc cây bị đốt chỉ còn lớp tro than đen, bàn tay thoăn thoắt cắt từng bông lúa nặng trĩu hạt lắt lẻo trên cái thân rạ khô xác. Lúa cắt bằng dao hoặc thanh nứa cật rất sắc, được chất vào gùi đèo trên lưng, đem về xếp đầy bốn góc chòi" (*Miền Tây gặt lúa*, sách *Tiếng Việt 4,* tập 1, theo chương trình 165 tuần, NXB Giáo dục năm 2000).

Nhưng trải qua mấy chục năm kể từ ngày tác phẩm ra đời, ngày nay độc giả đã đưa đoạn văn trên vào hoàn cảnh xã hội mới để bình giá và họ đã thấy ở đây không chỉ điều tác giả muốn cho họ biết, mà họ còn thấy ở đây một cách làm ruộng với kỹ thuật thô sơ, lại dựa vào sự đốt phá rừng là chính, họ phê phán cách làm này. Sự phê phán rõ ràng là

ngoài ý đồ sáng tác, là sự phát hiện ý mới của người đọc. Tính sáng tạo của người đọc được tạo bởi kinh nghiệm và những hiểu biết của từng cá nhân, kinh nghiệm và hiểu biết càng phong phú thì càng có nhiều sự phát hiện mới mẻ và kỳ thú về tác phẩm, điều này đã giải thích được hiện tượng hiểu sâu sắc và có nhiều tìm kiếm mới khi đọc tác phẩm của các nhà phê bình văn học. Tuy nhiên tính sáng tạo của người đọc trong tiếp nhận văn học không phủ định hoặc lấn át tính đúng đắn trong tiếp nhận văn học. Các nhà lý luận mác–xít về tiếp nhận văn học đã bày tỏ quan điểm về vấn đề này: trong tiếp nhận văn học cần phân biệt đúng sai, lập trường lạc hậu hay tiên tiến, song không có sự tiếp nhận lý giải duy nhất đúng. Điều này đảm bảo một chân trời tự do cho tiếp nhận và phát triển nhân cách người đọc. Như vậy là sự sáng tạo trong tiếp nhận phải được hiểu là sự sáng tạo trên nền một lập trường tiên tiến và trên nền đó mọi sự sáng tạo trong lý giải tác phẩm là có thể chấp nhận; tiếp nhận văn học một cách sáng tạo tức là không gò ép người đọc vào một lý giải duy nhất đúng mang tính áp đặt về tác phẩm.

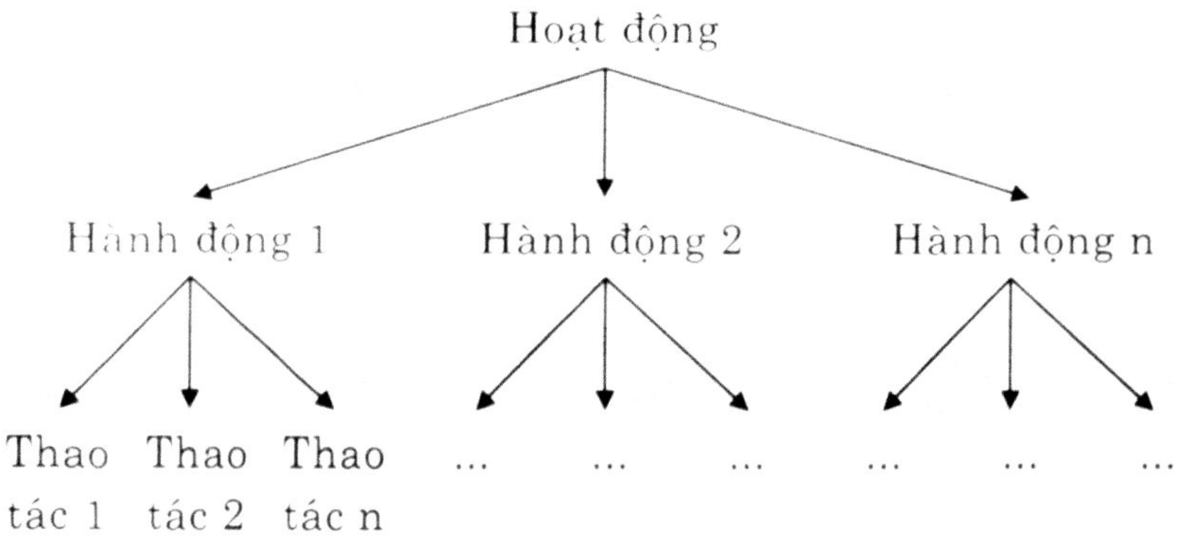
Một lý luận đề cao vai trò chủ thể tiếp nhận – người đọc – trong tiếp nhận văn học nêu trên đã đặt cơ sở vững chắc cho việc dạy đọc hiểu văn bản nghệ thuật ở tiểu học. Đó là cơ sở để lựa chọn các đoạn trích hoặc tác phẩm văn học trọn vẹn để đưa vào làm ngữ liệu dạy đọc sao cho các bài đọc thuộc nhiều thể loại (thơ, văn xuôi, trữ tình, tự sự...), có nhiều cách lý giải có thể chấp nhận; đó là cơ sở để lựa chọn các hình thức luyện tập cho học sinh biết cách sáng tạo trong tiếp nhận văn học qua các bài đọc.

3. Cơ sở tâm lý học và sự xác định cách thức và mức độ nội dung của việc dạy đọc hiểu

Những cơ sở tâm lý học nói chung và tâm lý học sư phạm nói riêng trong mục này sẽ giúp chúng ta những cơ sở để xác định mức độ nội dung và quy trình của việc dạy học đọc hiểu ở tiểu học.

3.1. Cơ sở tâm lý học của việc hình thành kỹ năng học tập

Các nhà tâm lý học chia kỹ năng học tập thành hai loại: kỹ năng học tập chung và kỹ năng học tập chuyên biệt. Các kỹ năng học tập chung là các kỹ năng có ở nhiều môn học, các kỹ năng học tập chuyên biệt chỉ có ở một môn học. Song một kỹ năng học tập chung thường được hình thành trong một môn học, sau đó được vận dụng để học các môn học khác, để tự học và để phục vụ cho hoạt động thực tiễn của người học. Theo sự lý giải trên thì đọc hiểu là một kỹ năng học tập chung được hình thành ở môn tiếng Việt (hợp phần kỹ năng đọc), sau đó nó được vận dụng như một công cụ để học tập các môn học khác và được dùng như một công cụ để nhận thức trong đời sống hàng ngày của học sinh. Kĩ năng này càng được vận dụng nhiều thì tính bền vững và tính tự động hóa càng cao và trở thành một kỹ xảo học tập. Dạy đọc hiểu là hình thành kỹ năng đọc hiểu. Cơ sở tâm lý của sự hình thành kỹ năng học tập nói chung trong đó có kỹ năng đọc hiểu văn bản là lý thuyết hoạt động. Những nhà tâm lý học Xô viết khởi xướng lý thuyết này là S.L. Rubin-sten, A.N. Leonchep, P.I. Galperin, N.F. Taluzina cho biết: hoạt động có cấu tạo tầng bậc, cấu tạo đó được thể hiện bằng sơ đồ sau:



Những tiền đề lý luận về hoạt động trên có ý nghĩa rất quan trọng đối với việc xác định con đường hình thành kỹ năng đọc hiểu. Đối chiếu với sơ đồ cấu tạo của hoạt động nêu trên, chúng ta thấy đọc hiểu là một chuỗi các hành động học tập có mục đích rất rõ ràng, ba bước của quá trình hiểu văn bản đã phân tích ở mục 1.1. là ba hành động của hoạt động đọc hiểu. Vấn đề tiếp theo là phải chỉ ra được các thao tác cấu thành nên từng hành động đó, điều này có một vị trí quan trọng vì nó là cái "gốc ban đầu" làm nên hoạt động đọc hiểu. Nói một cách khác, dựa trên lý thuyết về hoạt động, có thể xác định con đường dạy đọc hiểu là: dạy các thao tác tạo từng hành động (hành động nhận diện ngôn ngữ dạng chữ viết, hành động nắm nội dung văn bản và đích tác động của người viết, hành động hồi đáp lại nội dung văn bản và đích tác động trên). Hơn nữa, qua việc xác định dạy đọc hiểu bắt đầu từ sự hình thành các thao tác ở học sinh, có thể khẳng định yếu tố chủ yếu quyết định sự thành công của việc dạy đọc là sự thành thục các thao tác trong từng hành động, mà sự thành thục đó chỉ có được khi

học sinh được thực hiện một hệ thống bài tập đầy đủ và hợp lý. Sở dĩ như vậy là vì trong những bài tập này mục đích của các hành động hiểu văn bản được chuyển thành những nhiệm vụ cụ thể trong các điều kiện cụ thể.

Có rất nhiều các định nghĩa về kỹ năng trong tâm lý học, song tựu trung lại các định nghĩa này có sự thống nhất như sau: kỹ năng là khả năng thực hiện hành động phù hợp với các mục đích và các điều kiện mà trong đó con người được định hướng. Kết quả nghiên cứu về tâm lý cho biết để dạy cho con người một kỹ năng thì yếu tố định hướng có vai trò rất quan trọng.Có ba kiểu định hướng trong dạy kỹ năng (còn gọi là ba kiểu định hướng để hình thành kỹ năng cho người học – Xem *Hoạt động – ý thức – nhân cách* của A.N. Lêônchep, NXB. Giáo dục, Hà Nội 1989).

– *Kiểu thứ nhất:* thành phần của kiểu định hướng này bao gồm các mẫu hành động và sản phẩm của hành động, ở đây không có sự chỉ dẫn phải hành động như thế nào. Học sinh tìm kiếm con đường hoàn thành nhiệm vụ bằng cách bắt chước một cách mò mẫm. Kết quả là nhiệm vụ có thể được hoàn thành nhưng hành động không được củng cố vững chắc, nhất là khi thay đổi điều kiện hoặc di chuyển sang nhiệm vụ khác.

Chẳng hạn để học sinh nắm được dàn ý của bài tập đọc "Có chí thì nên" (Tiếng Việt 2 tập1) theo kiểu định hướng trên, giáo viên có thể cho học sinh biết bài này gồm ba đoạn, giáo viên xác định đoạn thứ nhất và ý của đoạn này, giáo viên yêu cầu học sinh tự tìm hai đoạn còn lại trên cơ sở cho trước ý của các đoạn đó.

– *Kiểu thứ hai:* bao gồm không chỉ các mẫu hành động

mà còn cả những điều chỉ dẫn phải thực hiện hành động diễn ra nhanh hơn và không có những sai lầm. Học sinh có được kỹ năng phân tích tài liệu nhất định. Hành động được củng cố vững chắc mặc dù có sự thay đổi điều kiện. Hành động được chuyển sang thực hiện nhiệm vụ mới nhưng sự di chuyển này còn hạn chế bởi nó chỉ di chuyển được khi các yếu tố trong thành phần của nhiệm vụ mới tương tự các yếu tố của nhiệm vụ đã thực hiện.

Vẫn lấy dẫn chứng về yêu cầu học sinh nắm được dàn ý của bài tập đọc trên, theo kiểu định hướng này, giáo viên có thể cho học sinh biết bài gồm ba đoạn rồi xác định đoạn thứ nhất và ý của đoạn đó. Tiếp đó giáo viên có thể hướng dẫn học sinh tìm hiểu những câu nói về việc học tập, kết quả học tập của bạn Bắc, những câu nói về nguyên nhân dẫn đến kết quả học tập của bạn Bắc ở cuối năm học. Sau đó giáo viên yêu cầu học sinh tổng hợp ý của câu thành một ý chung cho từng đoạn bằng cách đạt câu hỏi: Bắc đã học tập như thế nào? Bắc đã đạt kết quả học tập như vậy là do Bắc có đức tính gì? Cuối cùng giáo viên yêu cầu học sinh tìm hai đoạn còn lại và ý của từng đoạn. Theo cách này, học sinh có thể tự tìm dàn ý của văn bản.

– *Kiểu thứ ba:* không cho học sinh mẫu hành động và sản phẩm của hành động. Học sinh phải tự thiết lập lấy cơ sở định hướng này. Giáo viên phải tạo ra các điều kiện kích thích học sinh tự thiết lập cơ sở định hướng hành động, sau đó học sinh hành động theo cơ sở định hướng đó. Ở kiểu này cần dạy cho học sinh biết vạch ra trong tài liệu những thuộc tính và các quan hệ cơ bản, chủ yếu có thể lấy làm định hướng, làm các điểm tựa cho việc thực hiện nhiệm vụ bất kỳ

thuộc một lĩnh vực nhất định. Để làm được điều này cần cung cấp cho học sinh những hiểu biết về nguyên tắc chung của cấu trúc tài liệu nghiên cứu (hoặc cấu trúc của hành động cần lĩnh hội) và các thủ thuật, biện pháp phân tích có thể phát hiện ra nguyên tắc này. Hành động được hình thành theo kiểu định hướng này có khả năng chuyển dịch sang lớp nhiệm vụ mới rộng hơn.

Vẫn dùng dẫn chứng về yêu cầu học sinh nắm được dàn ý của bài tập đọc "Có chí thì nên" đã dẫn ra ở trên. Theo kiểu định hướng thứ ba, giáo viên có thể yêu cầu học sinh tìm những mốc thời gian (thời điểm) mà tác giả nói về việc học tập của bạn Bắc. Sau đó giáo viên yêu cầu học sinh làm tiếp các nhiệm vụ: ở mỗi thời điểm đó việc học tập của bạn Bắc diễn ra như thế nào và được đánh giá ra sao? Tóm tắt bài đọc bằng ba câu, câu nói về việc học tập của Bắc ở một thời điểm trong năm học. Theo cách làm việc này, học sinh sẽ biết cách tìm dàn ý của các văn bản trong đó những sự việc được trình bày theo trình tự thời gian, nội dung của văn bản không chỉ là nội dung miêu tả mà còn bao gồm cả nội dung liên cá nhân bởi thao tác tìm ý của đoạn theo cách này là thao tác tổng hợp ý của cả đoạn dựa trên hiệu lực ở lời của cả đoạn chứ không phải là thao tác nhắc lại nghĩa miêu tả của các câu trong đoạn như đã làm theo kiểu định hướng thứ hai.

Trong ba kiểu định hướng hình thành kỹ năng trên thì kiểu thứ nhất là kiểu làm theo, kiểu thứ hai là kiểu vừa làm theo vừa học cách làm, kiểu thứ ba là kiểu chỉ học cách làm mà thôi. Rõ ràng là đến kiểu thứ ba thì tính tự động theo một chương trình của các thao tác mà người học thực hiện

là đặc tính nổi trội, chính tính này đã tạo cho người học khả năng rộng rãi thực hiện một hành động học tập trên các tài liệu mới, ở những điều kiện mới. Tuy nhiên sử dụng kiểu định hướng nào vào việc hình thành kỹ năng học tập còn do nhiều yếu tố quyết định trong đó có các yếu tố quan trọng là trình độ phát triển tư duy, tốc độ thực hiện các thao tác trí óc và thao tác bằng tay của học sinh, trình độ sư phạm của giáo viên và điều kiện tài liệu học tập, tài liệu dạy học. Có thể cho rằng kiểu thứ nhất phù hợp với việc hình thành kỹ năng học tập cho các lớp thuộc giai đoạn đầu của bậc tiểu học (lớp một, lớp hai, lớp ba) bởi vì học sinh những lớp này ở độ tuổi mà thao tác phân tích, tổng hợp chưa được thực hiện hoàn toàn bằng trí óc mà còn phải thực hiện cùng với các thao tác bằng tay. Kiểu định hướng thứ hai phù hợp với việc hình thành kỹ năng học tập cho các lớp 4 và 5 ở tiểu học (các lớp ở giai đoạn sau của bậc tiểu học) bởi vì ở độ tuổi này, các em đã bước đầu thực hiện các thao tác phân tích, tổng hợp bằng trí óc và có thể trình bày các thao tác này bằng ngôn ngữ. Theo các nhà tâm lý học sư phạm thì: nhiệm vụ số một của việc dạy học trong thời kỳ này là tiến hành cho trẻ theo một cách thức đặc biệt để dần dần tạo ra các thao tác trí óc. Nếu công việc này được diễn ra một cách có ý thức, thường xuyên, liên tục và có kế hoạch thì ta có thể làm phát triển ở học sinh cấp I (tiểu học hiện nay), ngay cả ở những lớp đầu cấp, một vài yếu tố của tư duy lý luận, chẳng hạn như sự khái quát hóa nội dung. Ý kiếntrên cho thấy khi soạn các bài tập để hình thành kỹ năng đọc ở các lớp tiểu học cần chú ý giành một số thời lượng cần thiết cho loại bài tập đòi hỏi học sinh phải dùng thao tác khái quát bên cạnh việc dùng những thao tác phân tích và tổng hợp.

Điều này cũng có nghĩa là có thể dùng kiểu định hướng thứ ba ở một chừng mực nhất định để hình thành các kỹ năng học tập cho học sinh những lớp cuối bậc tiểu học trong đó có kỹ năng đọc hiểu.

3.2. Cơ sở tâm lý ngôn ngữ học của việc tiếp nhận lời nói

Theo ý kiến của các nhà chuyên môn về tâm lý ngôn ngữ học thì hiểu văn bản là một quá trình giải quyết mối quan hệ giữa "văn bản – người đọc – hiện thực". Để có thể biết được người đọc hiểu văn bản như thế nào thì phải tái tạo diễn biến của việc nhận văn bản trong ngôn ngữ bên trong của người đọc. Các chuyên gia cũng cho biết: trí nhớ và khả năng tồn trữ thông tin của người đọc là những yếu tố ảnh hưởng trực tiếp đến chất lượng của việc hiểu văn bản. Các ý kiến trên là những cơ sở lý thuyết rất tốt để có thể định ra cách thức dạy đọc hiểu cho học sinh tiểu học như sau:

– Tác động vào quá trình phân tích văn bản của học sinh sao cho các em có thể biến đổi văn bản của tác giả thành văn bản của các em với dung lượng nghĩa, với cách diễn đạt bằng ngôn ngữ phù hợp với trình độ tư duy và ngôn ngữ của các em.

– Kiểm tra, đánh giá việc hiểu văn bản của học sinh bằng cách đưa ra một số chuỗi các hành động giả thuyết phù hợp với diễn biến của các hành động tiếp nhận văn bản diễn ra ở các em; rồi từ đó xác nhận mức độ hiểu văn bản của từng học sinh.

– Khi chọn văn bản để dạy đọc hiểu cần biên soạn lại

sao cho dung lượng nghĩa (lượng tin) của văn bản, độ dài của câu trong văn bản phù hợp với trình độ tư duy của học sinh (sự thành thạo các thao tác tư duy và khả năng tư duy trừu tượng, tư duy hình tượng), khả năng tồn trữ thông tin của học sinh khi đọc (học sinh lớp bốn và lớp năm có thể nhớ được lượng tin diễn đạt trong khoảng 10 – 20 từ).

Để có thể dạy theo cách thức này thì việc biên soạn văn bản để dạy đọc hiểu phải được tính toán và cân nhắc kỹ, việc dạy học phải hướng tới thiết lập một quy trình gồm các hành động học tập giúp học sinh lĩnh hội được văn bản, quy trình ấy phải được hiện thực hóa thành hệ thống bài tập đọc hiểu.

4. Cơ sở phương pháp dạy học tiếng mẹ đẻ và việc xác định các phương pháp, biện pháp dạy học để dạy đọc hiểu

Những lý thuyết về phương pháp dạy tiếng mẹ đẻ nói chung trong đó có lý thuyết về phương pháp dạy tiếng Việt cho người Việt được trình bày ở mục này sẽ làm sáng tỏ vấn đề: dạy đọc hiểu ở tiểu học như thế nào?

Xét ở cấp độ một bộ phận khoa học chuyên nghiên cứu nội dung, cách thức, phương pháp nghiên cứu việc tổ chức quá trình dạy học một môn học trong nhà trường, thì phương pháp dạy học tiếng Việt được hiểu là "cách thức làm việc của thầy giáo và học sinh nhằm làm cho học sinh chủ động chiếm lĩnh tri thức, hình thành các kỹ năng, kỹ xảo tiếng Việt. Khái niệm phương pháp dạy học như đã nêu trên đã chỉ rõ có hai bình diện hoạt động mà phương pháp dạy học cần phải bao quát: hoạt động dạy của thầy và hoạt động học của trò, trong đó hoạt động dạy mang những đặc

điểm của một hoạt động tổ chức, điều khiển, đối tượng của nó là nội dung môn học và học sinh, còn hoạt động học của trò mang tính chất một hoạt động tâm lý bởi học là một hoạt động mà người học (chủ thể của hoạt động) tự biến đổi nhận thức và hành vi của chính mình.

Trong sách này, chúng tôi sẽ trình bày các vấn đề về phương pháp dạy đọc ở tiểu học theo quan điểm: phương pháp dạy học là một thể thống nhất giữa các hoạt động, cách thức làm việc của thầy và các hoạt động, cách thức làm việc của trò nhằm thực hiện mục tiêu của môn học và mục tiêu đào tạo nói chung. Để dạy tiếng Việt nói chung và dạy đọc hiểu nói riêng, người thầy phải dùng hai hệ phương pháp: hệ phương pháp của lý luận dạy học chung cho các môn học bao gồm những phương pháp dạy học nêu vấn đề, dạy học chương trình hóa, dạy học bằng phương pháp diễn giảng..., và hệ phương pháp dành riêng cho môn học bao gồm những phương pháp thông báo giải thích, phân tích ngôn ngữ, rèn luyện theo mẫu, thực hành giao tiếp. Trong số các phương pháp thuộc hai hệ trên, các phương pháp dạy học nêu vấn đề, dạy học chương trình hóa, rèn luyện theo mẫu, thực hành giao tiếp, phương pháp học bằng hành động, phương pháp học bằng thảo luận, phương pháp học tập truyền thống là những phương pháp được sử dụng thường xuyên và có hiệu quả trong việc dạy học đọc hiểu ở tiểu học.

Như đã phân tích ở mục 2.1, kỹ năng đọc hiểu được hình thành bởi quá trình thực hiện ba hành động bộ phận: *hành động nhận diện ngôn ngữ trong văn bản, hành động làm rõ nội dung của văn bản và đích tác động của người*

viết gửi vào văn bản, hành động hồi đáp văn bản. Ba hành động này được coi là ba nhóm kỹ năng bộ phận có quan hệ tuyến tính với nhau. Để hình thành kỹ năng đọc hiểu, người dạy phải làm cho học sinh nắm được ba kỹ năng bộ phận và trình tự thực hiện chúng bằng cách đưa ra một chương trình yêu cầu học sinh các thao tác tuân thủ trình tự trên. Do vậy dạy kỹ năng đọc hiểu cần thiết phải sử dụng phương pháp dạy học chương trình hóa. Các biện pháp người thầy có thể sử dụng ở phương pháp này là: phân tích và tổng hợp để tách một kỹ năng bộ phận ra thành các thao tác, và tập hợp các kỹ năng bộ phận thành kỹ năng chung, tập hợp các thao tác thành một kỹ năng bộ phận, lập chương trình hành động, để tự động hóa các thao tác của học sinh.

Khi phải hồi đáp nội dung văn bản và đích tác động của người viết, học sinh cần phải được định hướng xem nội dung nào phù hợp với điều kiện các em biết và nội dung nào không phù hợp, đích tác động có phù hợp với yêu cầu khách quan hiện thời của xã hội đối với các em hay không. Trong những trường hợp có mâu thuẫn, có sự không ăn khớp giữa nội dung văn bản và hiện thực, giữa mong muốn của người viết và yêu cầu của xã hội, người thầy cần nêu vấn đề để các em nhận ra mâu thuẫn và phát biểu ý kiến để xử lý mâu thuẫn. Phương pháp nêu vấn đề được thầy giáo sử dụng trong dạy đọc hiểu bằng các biện pháp tạo tình huống có vấn đề, bằng biện pháp đặt câu hỏi mở. Phương pháp này dẫn dắt học sinh sử dụng những biện pháp học tập tương ứng như: biện pháp thảo luận, biện pháp tích hợp chứng minh và thảo luận, biện pháp giải quyết vấn đề...

Cũng như trong các hợp phần khác của môn tiếng Việt, trong hợp phần đọc (trong đó có kỹ năng đọc hiểu), các phương pháp dạy mang tính đặc thù của môn học như phương pháp rèn luyện theo mẫu và phương pháp giao tiếp có một vị trí đặc biệt quan trọng. Thực hiện dạy đọc hiểu theo phương pháp làm theo mẫu, giáo viên cần sử dụng các thủ pháp làm mẫu nhằm cung cấp mẫu lời nói, mẫu thao tác cho học sinh (Ví dụ: đọc mẫu, chia đoạn và tìm ý một đoạn làm mẫu...). Tiếp đó giáo viên tiến hành phân tích mẫu, rồi hướng dẫn học sinh làm ra sản phẩm theo mẫu, đánh giá sản phẩm trên cơ sở mẫu đã phân tích (Ví dụ: học sinh lặp lại cách đọc của giáo viên để nhận ra các từ, nghĩa của câu trong văn bản, tập phát biểu ý của một đoạn mô phỏng theo lời phát biểu mẫu của giáo viên, tập nhận xét nội dung của văn bản...). Rèn luyện theo mẫu không phải là một phương pháp làm cho học sinh thụ động. Trong quá trình dạy, giáo viên cần tổ chức cho học sinh học theo các phương pháp sau: phương pháp hoạt động với biện pháp làm theo dự án cho trước, phương pháp chứng minh với biện pháp tìm dẫn chứng để minh họa một ý kiến cho trước, cùng giáo viên minh họa một ý kiến, phương pháp tự thể hiện tài năng với biện pháp tự trình bày kết quả học tập (Ví dụ: học sinh tự tìm đoạn trong văn bản có nội dung phù hợp với một ý cho trước, chọn một đại ý đúng cho văn bản, tự viết (hoặc nói) suy nghĩ của mình về một nhân vật hoặc một sự kiện đáng chú ý trong văn bản). Rõ ràng học tập như vậy học sinh sẽ phải chủ động tiếp thu mẫu để vận dụng mẫu tạo ra kết quả học tập đã được định hướng.

Ở mục 2 của sách này, trên cơ sở phân tích hoạt động giao tiếp, một hoạt động tương tác, chúng tôi đã chỉ ra sự

hỏi đáp của người đọc chính là tác động trở lại của người đọc đến người viết. Như vậy giao tiếp đã trở thành nội dung của dạy đọc hiểu. Khi nội dung đã là giao tiếp thì về phương pháp dạy học tất yếu cũng nên coi giao tiếp là một phương pháp hữu hiệu. Dạy hiểu văn bản bằng phương pháp giao tiếp nghĩa là người dạy phải tạo cho người học có nhu cầu giao tiếp về đề tài của văn bản, biết dùng kiến thức và kinh nghiệm cá nhân để lý giải nội dung văn bản và để chủ động quyết định tiếp nhận những nội dung đó cùng với đích tác động của người viết. Muốn làm được điều trên người thầy cần sử dụng các biện pháp dạy tạo tình huống có vấn đề, nhập vai, tổ chức thảo luận, làm mẫu... nhằm làm cho người học chủ động trong việc hình thành kỹ năng.

Trên đây là những phân tích về các phương pháp dạy học dùng để dạy học đọc hiểu ở tiểu học trong hợp phần kỹ năng đọc của chương trình. Sự vận dụng các phương pháp này vào thực tiễn dạy học phải theo quan điểm tiếp cận tổng hợp nghĩa là trong từng bài dạy giáo viên và học sinh phải sử dụng phối hợp nhiều phương pháp trên, thậm chí trong một hình thức luyện tập của học sinh thầy cũng cần sử dụng một cách khéo léo một vài phương pháp dạy để từ đó định hướng cho học sinh dùng một vài phương pháp học tập. Trên thực tế khi đưa ra các bài tập hay những yêu cầu về hiểu văn bản các nhà sư phạm ít khi dùng những bài tập chỉ đòi hỏi thầy và trò sử dụng duy nhất một phương pháp.

Tóm tắt chương 1:

Có hai mục tiêu chính trong dạy học đọc hiểu ở tiểu học:

– Dạy học sinh cách tiếp cận để làm rõ nội dung văn bản, mục đích tác động của người viết và hồi đáp văn bản. Thông qua việc làm quen và học cách tiếp cận trên, học sinh được mở rộng vốn tri thức, kinh nghiệm và phát triển tư duy, cho học sinh làm quen với các kiểu văn bản phổ biến.

– Cung cấp cho học sinh một công cụ học tập – đọc hiểu – để học tập ở nhà trường và học tập lâu dài.

Xét về bản chất dạy học đọc hiểu ở tiểu học là dạy một kỹ năng học tập. Nội dung các văn bản dạy đọc hiểu cần đáp ứng nhu cầu hiểu biết toàn diện của học sinh. Vì lẽ đó việc dạy đọc hiểu sẽ thành công nếu nội dung chương trình biết phân giải kỹ năng đọc hiểu ra thành các kỹ năng bộ phận và dạy chúng theo một kế hoạch hợp lý, nếu ngữ liệu để dạy đọc hiểu phong phú về đề tài và kiểu loại văn bản, nếu người thầy biết sử dụng các phương pháp dạy học nhằm tạo điều kiện để học sinh tự hành động chiếm lĩnh nội dung văn bản, nếu người dạy biết đánh giá kết quả đọc hiểu của học sinh theo tiêu chuẩn đánh giá có thể cho những thông tin về quá trình học của học sinh.

Lý thuyết về giao tiếp trong hệ lý thuyết ngữ dụng học đã giúp chúng ta làm sáng tỏ quá trình đọc hiểu gồm ba bước:

Nhận diện ngôn ngữ trong văn bản → làm rõ nội dung văn bản và đích của người viết gửi trong văn bản → hồi đáp nội dung của văn bản và đích nói trên.

Đây là cơ sở quan trọng để định ra nội dung dạy học đọc hiểu ở tiểu học. Bước cuối trong quá trình trên giúp cho người đọc phát triển khả năng sáng tạo và phê phán, đây

chính là bước giúp cho người đọc có một cách tiếp cận chủ động các văn bản, đặc biệt là các văn bản nghệ thuật; nhờ có bước này mà học sinh được tự do và sáng tạo trong việc tiếp nhận các giá trị của những văn bản nghệ thuật.

Các lý thuyết về hoạt động, về việc hình thành kỹ năng học tập, về sự tiếp nhận lời nói của tâm lý học nói chung, tâm lý học sư phạm và tâm lý ngôn ngữ học nói riêng đã giúp chúng ta xác định được độ khó của nội dung dạy đọc hiểu và cách thức chung để tổ chức dạy bài đọc hiểu ở tiểu học như sau:

– Về độ khó: dạy đọc hiểu theo kiểu định hướng thứ hai trong dạy kỹ năng, nghĩa là nội dung dạy bao gồm cả các mẫu hành động và các chỉ dẫn hành động. Nội dung này cần phải được thể hiện bằng một hệ thống bài tập chi tiết, hợp lý.

– Về cách thức dạy học chung: dạy đọc hiểu cần dựa trên sự phân giải kỹ năng lớn thành các kỹ năng bộ phận, phân giải từng kỹ năng bộ phận thành thao tác để rồi qua đó lập kế hoạch hình thành từng thao tác, từng kỹ năng bộ phận tiến tới hình thành kỹ năng lớn – kỹ năng đọc hiểu. Văn bản để dạy đọc hiểu cần được biên soạn theo yêu cầu của việc dạy đọc và phù hợp với người đọc.

Để có thể tổ chức bài dạy đọc hiểu có hiệu quả ở tiểu học cần phải sử dụng các phương pháp thuộc hai hệ phương pháp (hệ phương pháp dạy của thầy và hệ phương pháp học của trò) trong đó coi các phương pháp dạy của thầy là yếu tố "gốc" bởi vì phương pháp tác động của thầy sẽ dẫn tới việc chọn và sử dụng phương pháp học của trò, rồi cùng với hoạt động của trò, hoạt động của thầy mang lại kết quả học

tập cho học sinh. Trong bài dạy đọc hiểu, thầy giáo cần sử dụng các phương pháp dạy như: phương pháp chương trình hóa, phương pháp nêu vấn đề, phương pháp rèn luyện theo mẫu, phương pháp thực hành giao tiếp: học sinh cần được tổ chức và hướng dẫn học theo các phương pháp mang tính hoạt động: thảo luận, giải quyết vấn đề, đóng vai, làm theo mẫu, dùng sách giáo khoa... Phương tiện mà giáo viên cần sử dụng trong khi dạy đọc hiểu là hệ thống và các tổ hợp bài khóa, hệ thống bài tập đọc hiểu.

CHƯƠNG 2

NHỮNG CƠ SỞ THỰC TIỄN CỦA VIỆC DẠY HỌC ĐỌC HIỂU Ở TIỂU HỌC

Chương này sẽ dùng những kết luận về mặt lý luận của chương 1 để phân tích kinh nghiệm dạy học đọc hiểu ở tiểu học của nước ta và của nước ngoài hiện nay, từ đó xác định rõ các vấn đề về nội dung và phương pháp dạy đọc hiểu nhằm cải thiện thực trạng dạy học đọc hiểu ở tiểu học trong giai đoạn tới.

1. Điểm lại tình hình dạy đọc hiểu ở bậc tiểu học nước ta trong thời gian gần đây

Chúng tôi chọn thời gian từ 1981 đến cuối thế kỉ XX để mô tả tình hình dạy đọc hiểu ở nước ta vì đây là giai đoạn tiếng Việt có vị trí xứng đáng trong nhà trường, việc dạy tiếng Việt ở trường học có nhiều thành tựu đáng kể hơn cả so với thời gian trước đó.

Từ 1981 chương trình cải cách giáo dục lần thứ hai được áp dụng trên cả nước. Từ đó đến nay, qua một số lần điều chỉnh vào năm 1986, 1994 về cơ bản đến nay việc dạy tiếng Việt ở tiểu học nói chung vẫn theo tinh thần chỉ đạo của chương trình và sách giáo khoa thể hiện chương trình môn học tiếng Việt được thực hiện từ đầu cuộc cải cách này.

1.1. Mục tiêu của việc dạy đọc hiểu

Trong chương trình "Môn văn học và tiếng Việt cấp I trường phổ thông cơ sở" có ghi: "Hai công việc chính trong giờ tập đọc là hướng dẫn học sinh đọc, giúp các em đọc đúng, đọc rõ ràng, cảm thụ tốt bài văn" ở phần mục tiêu nhiệm vụ môn học các tác giả chương trình đã nêu: "Dạy tập đọc ở cấp I nhằm mục đích thông qua các bài văn chọn lọc, giúp học sinh cảm thụ cái hay, cái đẹp của văn chương và dần dần có một số kiến thức về văn học như: thể loại, nhân vật, bố cục..." (Dự thảo chương trình Văn, Tiếng Việt cấp 1 CCGD năm 1980).

Căn cứ vào các văn bản của chương trình này có thể thấy rõ các quan niệm của soạn giả về dạy đọc hiểu là dạy hiểu văn chương, hiểu các đoạn trích và các tác phẩm văn học đã chọn lọc. Chính quan niệm này đã dẫn đến hậu quả có thời gian dài ở trường cấp I có tình trạng dạy đọc ở tiểu học mô phỏng một cách không đầy đủ cách giảng dạy văn ở bậc trung học. Một hậu quả khác của quan niệm trên còn là sự thu hẹp dẫn đến hiểu sai khái niệm đọc hiểu, đọc hiểu chỉ còn là hiểu văn chương, nó không phải là mục đích của việc đọc nói chung, không phải là một kỹ năng học tập nhằm tạo ra một công cụ quan trọng để người học dùng nó trong việc học tập các môn học khác ở nhà trường và ở ngoài đời.

Tóm lại: Mục tiêu của việc dạy đọc hiểu trong giai đoạn này là một mục tiêu còn phiến diện, chưa bao quát hết chức năng của việc đọc nói chung và việc đọc trong nhà trường nói riêng.

1.2. Ngữ liệu dùng để dạy đọc hiểu

Trước tiên, chúng tôi thống kê ngữ liệu dạy đọc hiểu trên các sách Tiếng Việt 1 (phần tập đọc), Tiếng Việt 2 và 3 có khoảng 90% bài viết theo phong cách nghệ thuật; hai cuốn "Văn 4" và "Văn 5" và thu được kết quả" 96% các bài tập đọc là các đoạn trích hoặc tác phẩm văn học trọn vẹn thuộc các thể loại thơ trữ tình, thơ tự sự, truyện ngắn, truyện danh nhân, tạp văn, ký.... Sau đó, thống kê các bài tập đọc trên sách "Tiếng Việt 4", "Tiếng Việt 5" được xuất bản từ năm 1994 trở lại đây, chúng tôi thấy hầu hết các bài tập đọc trong hai cuốn sách được chuyển từ sách "Văn 4", "Văn 5" sang, số lượng bài mới không đáng kể. Thực tế trên cho thấy: cho đến nay hệ thống văn bản để dạy đọc hiểu ở lớp bốn và lớp năm hầu hết là văn bản nghệ thuật. Đây không phải là một hệ văn bản có lợi thế cho việc dạy đọc hiểu, mà chỉ là một hệ văn bản nhằm phục vụ cho việc dạy môn văn với tư cách một môn học độc lập. Hệ văn bản này không có mật độ thông tin cao: mạch lập luận trong các bài thơ trữ tình, các bài ký không phải là lập luận logic khách quan, các tác phẩm trữ tình thường không chia đoạn vì thế nên khó có thể cho học sinh thực hành luyện tập các thao tác tập hợp thông tin chính trong văn bản, làm rõ mối quan hệ giữa các sự việc hoặc thông tin trong văn bản, lập dàn ý của văn bản... trên ngữ liệu này. Hơn nữa, hầu hết các văn bản dạy đọc đều chỉ gồm các sự việc, các hành động tích cực nhằm cung cấp các bài học tích cực cho người đọc, rất ít những văn bản đưa ra các việc hay hành động tiêu cực nhằm yêu cầu người học phải phân tích, bình giá, bác bỏ cái chưa tích cực để tự mình tìm ra bài học tích cực từ những

cái tiêu cực đó. Như thế có nghĩa là hệ văn bản trên chưa giúp ích nhiều cho việc dạy hành động hồi đáp văn bản trong dạy đọc hiểu, nói đúng hơn các văn bản dạy đọc hiểu hiện nay mới chỉ tạo cho học sinh một cách hồi đáp duy nhất: thừa nhận những điều nói trong bài là đúng, đồng ý với quan điểm, thái độ của tác giả về hiện thực được nêu trong bài và đồng ý tiếp nhận điều mà tác giả muốn tác động tới người đọc.

Tóm lại: Hệ văn bản dùng làm ngữ liệu dạy đọc hiểu trên sách Tiếng Việt thuộc chương trình 165 tuần có lợi thế cho việc giúp học sinh làm quen với loại văn bản nghệ thuật và hiểu văn chương. Song đối chiếu với mục tiêu dạy đọc hiểu đã phân tích ở chương 1 thì hệ văn bản này không thích hợp với mục tiêu cho học sinh làm quen với các kiểu văn bản phổ biến thường gặp trong đời sống bởi nó vắng mặt các văn bản khoa học, văn bản thông tin, truyền thông, văn bản hành chính. Cũng do sự thiếu vắng trên mà hệ văn bản này chưa cung cấp cho học sinh những tri thức phong phú về khoa học, về các thông tin thuộc những vấn đề bức xúc của thời đại để các em tự làm giàu vốn hiểu biết, vốn sống của mình qua việc học đọc. Những hạn chế của hệ văn bản này trong việc thực hiện mục tiêu thứ nhất cũng đồng thời làm hạn chế việc thực hiện mục tiêu thứ hai của việc dạy đọc hiểu – mục tiêu cung cấp cho học sinh một kỹ năng học tập để học các môn học khác ở trong trường học và ngoài cuộc sống, bởi lẽ học sinh chưa làm quen với văn phong khoa học, với những cách lập luận chặt chẽ trong các văn bản khoa học, chưa được làm quen với việc tiếp cận để nắm được những sự kiện chính và mục đích của các bài viết

kiểu này.

Một trong những nội dung điều tra của chúng tôi về thực trạng dạy và học đọc hiểu cho thấy 82.14% số học sinh được phỏng vấn đều cho rằng nên có nhiều bài viết phổ biến kiến thức khoa học thường thức, các câu chuyện viết về danh nhân trong và ngoài nước, các bài viết về những vấn đề lớn của xã hội đương thời trong phần tập đọc của sách "Tiếng Việt" từ lớp 1 đến lớp 5. Đây là một nguyện vọng khiến chúng ta phải xem xét một cách nghiêm túc khi có những đề xuất mới về dạy học đọc hiểu ở tiểu học.

1.3. Yêu cầu rèn luyện kỹ năng đọc hiểu

Ý tưởng dạy kỹ năng đọc hiểu ở tiểu học hiện nay được thể hiện tập trung nhất trong hệ thống câu hỏi và bài tập "tìm hiểu nội dung bài" sau các bài đọc ở sách giáo khoa "Tiếng Việt", vở "Bài tập Tiếng Việt". Những câu hỏi và bài tập này được phân thành các loại sau:

– *Loại thứ nhất:* nhắc lại các nội dung miêu tả, nội dung thông tin của văn bản. Có 78.2% số câu hỏi và bài tập này. Những câu hỏi và bài tập này bao gồm các dạng:

+ Nhắc lại những từ thể hiện trọng tâm nghĩa của câu, ví dụ: "Tác giả đã dùng những từ nào để miêu tả các trận mưa dữ dội?" ("Giữ đê" – Tiếng Việt 4 tập 1).

+ Nhắc lại một câu hoặc một nhóm câu thể hiện trọng tâm ý của một đoạn, ví dụ: "Cảnh con đê bị đe dọa giữa mênh mông sóng nước được miêu tả cụ thể như thế nào?" ("Giữ đê", tài liệu đã dẫn).

+ Tìm chi tiết trong bài để minh họa một nhận định, một nhận xét về bài đọc, ví dụ: "Cảnh buổi sáng ở đây có

hình ảnh nào đẹp?" ("Buổi sáng mùa hè trong thung lũng". Tiếng Việt 5 tập II).

Tương ứng với ba dạng câu hỏi trên là các dạng bài tập: điền từ vào chỗ trống, viết tiếp câu để trống, hoặc chọn câu thích hợp với trọng tâm ý của đoạn, lựa chọn chi tiết, hình ảnh trong bài để minh họa ý cho trước...

– *Loại thứ hai:* làm rõ những ý bỏ lửng, những hàm ngôn, những ý hàm ẩn trong bài. Loại này chỉ chiếm 3,8% số câu hỏi và bài tập, bao gồm hai dạng sau:

+ Câu hỏi và bài tập làm rõ mối liên hệ giữa các sự kiện, tình tiết trong bài, ví dụ: "Vì sao bà con nông dân có người vẫn thờ ơ với những điều nhà bác học Lương Định Của hướng dẫn?" ("Nhà bác học và bà con nông dân", Tiếng Việt 4 tập 1).

+ Câu hỏi và bài tập làm rõ nghĩa hàm ẩn của câu trong bài, ví dụ: "Hai câu thơ cuối bài ý muốn nói gì?" ("Bài ca vỡ đất", Tiếng Việt 4 tập 1).

– *Loại thứ ba*: Lập dàn ý của bài. Loại này chỉ chiếm 4% số câu hỏi và bài tập, gồm những dạng sau:

+ Cho trước sự phân đoạn rồi yêu cầu tìm ý từng đoạn.

+ Cho trước ý của các đoạn rồi yêu cầu tìm đoạn trong bài.

+ Tìm cả đoạn và ý của đoạn.

Các ví dụ cho loại câu hỏi và bài tập này là: "Đọc thầm đoạn 2 (làng mạc... thời thơ ấu) và cho biết đoạn văn nói điều gì là chủ yếu?" (Bài tập Tiếng Việt 5, tập 1, Tình quê hương): "Bài văn này có hai đoạn, em hãy đặt tên cho mỗi đoạn" (Bài tập Tiếng Việt 5, tập 1. "Mía Cu Ba"); "Bài văn này có mấy đoạn, mỗi đoạn nói gì?" (Tiếng Việt 4 tập 2.

"Buổi chợ trung du").

– *Loại thứ tư*: phát biểu đại ý của bài. Loại bày này chiếm khoảng 6% trong tổng số các câu hỏi và bài tập, ví dụ: "Ghi dấu x vào ô trống trước đại ý của bài". (Bài tập Tiếng Việt 4 tập 1, Cảnh rừng Việt Bắc).

– *Loại thứ năm*: nhận biết giá trị nghệ thuật của các từ ngữ, câu văn, chi tiết hư cấu. Loại câu hỏi và bài tập này chiếm khoảng 20% tổng số câu hỏi và bài tập, nó bao gồm các dạng:

+ Nhận biết nghĩa bóng của từ hoặc cách dùng từ độc đáo của tác giả, ví dụ: "Bài ca dao có mấy từ "trông"?. Từ "trông" được nhắc lại nhiều lần có ý nghĩa gì?" ("Đi cấy", Tiếng Việt 4 tập 2).

+ Nhận biết những câu văn hay gợi hình, gợi cảm, ví dụ: "Hình ảnh Cửa Tùng trong câu cuối bài gợi cho em thấy hình dáng của bãi cát và sông biển ra sao?" (Tiếng Việt 4, tập 1, "Cửa Tùng").

+ Nhận biết giá trị của một chi tiết nghệ thuật thể hiện sự sáng tạo độc đáo của tác giả, ví dụ: Câu thơ "Chiều in nghiêng trên mảng núi xa" gợi lên ý gì? (Tiếng Việt 4, tập 1 "Trâu đồi").

Ngoài những loại trên, còn có một số rất ít câu hỏi và bài tập yêu cầu học sinh nêu mục đích tác động của tác giả gửi vào văn bản và yêu cầu nêu sự hồi đáp của các em về nội dung văn bản và tác động của tác giả, ví dụ: "Bài văn gợi cho em suy nghĩ gì về sản vật, con người vùng đồng bằng sông Cửu Long ở miền Nam?" (Tiếng Việt 4, tập 1 "Vườn quả cù lao sông"), hoặc: "Em thấy tre có những phẩm

chất nào giống phẩm chất của dân tộc Việt Nam?" (Tiếng Việt 5, tập 1 "Tre Việt Nam"). Tuy nhiên số câu hỏi và bài tập này quá ít, lại không xuất hiện thành hệ thống.

Căn cứ vào những câu hỏi và bài tập đã thống kê được, có thể nhận xét:

– Sự không có mặt của các câu hỏi và bài tập tìm nghĩa từ mới, nhận diện các đoạn ý trong văn bản cho thấy các tác giả không coi những thao tác nói trên thuộc về kỹ năng đọc hiểu.

– Sự thiếu vắng những câu hỏi và bài tập yêu cầu người học suy nghĩ, bộc lộ sự tiếp nhận nội dung văn bản, đích tác động của người viết gửi trong văn bản chứng tỏ các tác giả chưa quan niệm đọc hiểu bao gồm cả hành động hồi đáp văn bản.

Những nhận xét này cho thấy việc dạy kỹ năng đọc hiểu hiện nay ở tiểu học còn thiếu những nội dung cần yếu: nội dung dạy nhận diện ngôn ngữ trong văn bản và nội dung dạy hồi đáp văn bản.

Để khảo sát toàn diện hơn chất lượng học tập kỹ năng đọc hiểu của học sinh, chúng tôi đã tiến hành một thực nghiệm mang tính thăm dò: cho học sinh tiểu học cùng làm một bài kiểm tra đọc hiểu . Bài kiểm tra này gồm 10 bài tập đọc hiểu trong đó bài số 1 và 2 kiểm tra bước nhận diện lời nói trong văn bản, các bài số 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9 kiểm tra bước làm rõ nội dung văn bản và đích tác động của người viết, bài số 10 kiểm tra bước hồi đáp văn bản. Kết quả chúng tôi thu được trên 246 học sinh ở ba tỉnh, thành phố: Hà Nội, Hà Tây, Quảng Ngãi như sau:

Nội dung kiểm tra \ Kết quả cụ thể (đạt yêu cầu)		Lớp 4 (tính theo %)	Lớp 5 (Tính theo %)
Bước nhận diện ngôn ngữ trong văn bản	Bài tập 1: phát hiện các từ mới trong văn bản	37	48,8
Bước làm rõ nội dung văn bản và đích tác động của người viết	Bài tập 2: xác định đề tài của văn bản	22	28
	Bài tập 3: làm rõ nghĩa các từ mới	43	51
	Bài tập 4: nhắc lại thông tin chính	41	60
	Bài tập 5 và 7: làm rõ các sự kiện, thông tin bằng phân tích, suy diễn	52	61
	Bài tập 6 và 8: tóm lược đoạn, toàn văn bản và nêu ý của đoạn, ý chính của văn bản	48	53
	Bài tập 9: làm rõ đích tác động của người viết	7,8	35
Bước hồi đáp văn bản	Bài tập 10: tự tìm ra nhận thức mới và bài học về cách ứng xử trong các tình huống tương tự như tình huống trong văn bản	12	36

Từ kết quả điều tra trên, chúng tôi đi đến những nhận xét sau về chất lượng đọc hiểu của học sinh tiểu học hiện nay:

– *Thứ nhất:* học sinh yếu về khả năng nhận diện ngôn ngữ trong văn bản, chưa biết cách đọc lướt để nắm được đề tài của bài và những từ ngữ mới họ cần tìm nghĩa để từ đó hiểu nội dung của văn bản.

– *Thứ hai:* học sinh yếu về khả năng hồi đáp văn bản, chưa hình thành được thói quen đọc và suy nghĩ, đọc và trải nghiệm bản thân để từ đó tự rút ra cho mình bài học về nhận thức, về tình cảm, về hành vi. Phần đông học sinh kết thúc việc hiểu bài ở bước làm rõ nội dung của văn bản, họ không suy nghĩ để phê phán hay khẳng định nội dung đó, không quan tâm đến mong muốn mà người viết đặt vào họ. Tóm lại, ở học sinh có cách đọc giản đơn và thụ động, kỹ năng đọc hiểu mà nhà trường trang bị cho học sinh còn thiếu nhiều hành động, thao tác.

1.4. Phương pháp dạy đọc hiểu

Nhìn về đại thể phương pháp dạy đọc hiểu vẫn chủ yếu nhằm củng cố các hoạt động của thầy như: diễn giảng (giảng ý, giảng từ), đàm thoại (hỏi và đáp), làm mẫu (đọc mẫu, đưa ra đại ý hoặc ý chính của đoạn), song đã xuất hiện những yếu tố mới trong cách tổ chức dạy học và sử dụng các phương tiện dạy học để dạy đọc hiểu. Một số trường tiểu học ở Hà Nội, Hà Tây, Quảng Ninh... tiếp thu được các thành tựu nghiên cứu về phương pháp dạy học mới đã thành công trong việc thử nghiệm cho học sinh thảo luận, báo cáo kết quả làm việc của cá nhân (trước giờ lên lớp) trong phần tìm hiểu bài của giờ dạy đọc, nhờ đó giờ dạy đọc ở những nơi này phần nào đã tránh được tình trạng dạy đọc hiểu giống như dạy bình giảng, chú giải văn chương, học sinh được hoạt động thực sự để tự hiểu bài, tự tìm kiếm

thông tin và tri thức trong bài. Đáng chú ý là ở giai đoạn này, kể từ năm 1994 đến nay, lần đầu tiên đã có một phương tiện mới được đưa vào nhà trường để dạy đọc hiểu, đó là các bài tập đọc hiểu in trong tổ hợp sách "Vở bài tập Tiếng Việt" do Nhà Xuất bản Giáo dục phát hành. Mặc dù, như đã phân tích, tổ hợp bài tập đọc hiểu trong những cuốn sách này còn thiếu khá nhiều loại, kiểu bài tập để rèn từng kỹ năng bộ phận trong kỹ năng đọc hiểu nói chung, song đây vẫn là những phương tiện hữu hiệu để đổi mới phương pháp dạy đọc hiểu nhằm thay đổi một phần chất lượng đọc hiểu của học sinh những năm gần đây.

Những yếu tố mới về phương pháp dạy đọc hiểu như đã trình bày mặc dù đã xuất hiện và đã có những thành công đáng ghi nhận, song chúng không phải là phổ biến trong thực trạng dạy học đọc hiểu hiện nay trên toàn quốc. Chúng tôi đã thực hiện một cuộc điều tra giáo viên ở ba tỉnh: Hà Nội, Hà Tây, Quảng Ninh bằng phương pháp phỏng vấn và đã biết được một phần thực trạng phương pháp dạy học đọc hiểu ở tiểu học hiện nay là:

– 62% giáo viên còn lẫn việc dạy đọc với việc dạy văn.

– 92% giáo viên coi diễn giảng (thầy nói, trò nghe) là phương pháp chủ yếu để dạy đọc hiểu.

– 56,8% giáo viên không tán thành cho học sinh làm bài tập đọc hiểu trong giờ đọc và không coi đây là một hoạt động học tập.

– 64% giáo viên tự nhận còn lúng túng khi tổ chức cho học sinh làm bài tập đọc hiểu trong giờ dạy đọc.

– 91% giáo viên chưa biết hướng dẫn học sinh đọc hiểu

bằng các phương pháp học tập như: báo cáo, thảo luận, tự thực hiện các hoạt động theo gợi ý của giáo viên để hiểu bài...

Sở dĩ những kết quả mà chúng tôi thu được ở trên không khả quan là vì giáo viên còn có hiểu biết hạn chế về kỹ năng đọc hiểu. Cũng qua điều tra lần này chúng tôi có được những thông tin về sự hạn chế nói trên như sau:

– 97% giáo viên coi dạy đọc hiểu là làm rõ ý của tác giả trong văn bản, đọc hiểu không bao gồm việc hồi đáp văn bản.

– 46% giáo viên cho rằng đọc diễn cảm là kết quả của việc bắt chước cách đọc mẫu của giáo viên, nó không phải là sự phản ánh kết quả của việc hiểu văn bản, nó không thuộc quá trình hiểu văn bản.

– 32% giáo viên không cho rằng: học tập đọc rất cần cho việc học các môn học khác, nó là việc học một kỹ năng mang tính công cụ để học tập các môn học trong nhà trường.

Nhìn chung do sự khiếm khuyết của nội dung dạy kỹ năng đọc hiểu trong chương trình môn học, do hạn chế của tình hình nghiên cứu về dạy đọc trong những năm trước đây (đã không cung cấp kịp thời những thông tin khoa học mới về đọc hiểu và dạy đọc hiểu) nên thực trạng phương pháp dạy học đọc hiểu ở tiểu học hiện nay còn bất cập so với yêu cầu đào tạo con người ở trường tiểu học.

Sự bất cập trên đã hạn chế khả năng đọc chủ động của học sinh, nghĩa là không tạo cho học sinh các cơ hội để họ sử dụng vốn sống, vốn kinh nghiệm riêng nhằm hiểu nội dung văn bản, bộc lộ sự đánh giá của họ về nội dung đó.

1.5. Việc dạy đọc hiểu theo chương trình môn tiếng Việt (thuộc CTTH – 2000) và sách giáo khoa thử nghiệm theo chương trình này

Từ năm học 1998 – 1999, Bộ Giáo dục và Đào tạo đã tổ chức thử nghiệm chương trình tiểu học mới gọi là Chương trình tiểu học năm 2000 (CTTH – 2000). Chương trình này ra đời nhằm thể hiện chủ trương đổi mới chất lượng giáo dục tiểu học để việc giáo dục và đào tạo con người phù hợp với việc phát triển đất nước ta thành một quốc gia hiện đại hóa và công nghiệp hóa. Là một bộ phận của CTTH – 2000, chương trình môn Tiếng Việt có những đổi mới căn bản so với chương trình trước đây, cụ thể là:

– *Thứ nhất:* Chương trình đặc biệt coi trọng và đặt mục tiêu hàng đầu là mục tiêu hình thành và phát triển các kỹ năng đọc, viết, nghe, nói. Chương trình cũng chỉ rõ: dạy tiếng Việt ở tiểu học mặc dù phải chú trọng cả bốn kỹ năng nói trên, song hai kỹ năng đọc và viết có vị trí đặc biệt quan trọng vì chỉ có nhà trường mới giúp học sinh có được những kỹ năng này. Trong kỹ năng đọc, chương trình đặc biệt nhấn mạnh loại kỹ năng đọc hiểu vì cho rằng đây là loại kỹ năng giúp cho học sinh có một công cụ hữu hiệu để học tập và mở rộng kiến thức trong quá trình tự học sau này. Khác với những chương trình trước đây, chương trình lần này yêu cầu các văn bản dùng để dạy tiếng Việt phải đa dạng về phong cách chức năng. Chúng bao gồm khoảng 50 – 60% là văn bản nghệ thuật (văn chương), còn lại là các văn bản khoa học, truyền thông (báo chí), hành chính... Do đó việc dạy đọc hiểu đã khắc phục được tình trạng lệch lạc trước

đây: dạy đọc hiểu chỉ có nghĩa là dạy đọc tỉ mỉ các tác phẩm văn chương. Chính sự khác biệt này là một trong các yếu tố đã làm cho chương trình tiếng Việt của CTTH – 2000 cập nhật hơn so với yêu cầu đào tạo con người mới. Ngày nay mặc dù các phương tiện truyền thông đã được hiện đại hóa, có rất nhiều cách giúp cho con người tiếp nhận thông tin, mở mang kiến thức và học tập thường xuyên, song chúng ta đang ở trong thời đại có sự "bùng nổ thông tin" thì cho dù các phương tiện truyền thông có hiện đại đến mấy, con người vẫn ngày càng phải đọc nhiều và nhận nhiều thông tin bằng con đường đọc. Lúc này đọc hiểu là kỹ năng có vai trò quan trọng đặc biệt giúp mỗi cá nhân tự học, tự xử lý thông tin để vươn lên trong cuộc sống. Chương trình năm 2000 dành cho kỹ năng đọc hiểu một vai trò quan trọng và yêu cầu hình thành rèn luyện kỹ năng này trên nhiều loại văn bản thuộc nhiều phong cách khác nhau là xác đáng. Trên đại thể, yêu cầu của chương trình về đọc hiểu được chia thành 2 mức độ:

+ Mức độ 1 (dành cho các lớp 1, 2 và 3): hiểu nghĩa của từ trong văn bản, hiểu nghĩa hiển ngôn và nghĩa hàm ẩn đơn giản của câu, biết tóm tắt đoạn của văn bản có chia đoạn và xác định ý chính của đoạn; làm quen với việc tìm đề tài, ý nghĩa (tìm đích của văn bản) của văn bản, phát hiện một vài yếu tố thẩm mĩ thể hiện trên việc sử dụng từ, tạo câu, sử dụng biện pháp tu từ so sánh, nhân hóa trong văn bản.

+ Mức độ 2 (dành cho các lớp 4 và 5): củng cố và phát triển những yêu cầu ở mức độ 1; biết tóm tắt và tìm ý chính

của văn bản ngắn, biết tự tìm đề tài và đích (ý nghĩa) của văn bản, biết nêu những nhận xét về nội dung của văn bản (để khẳng định tính đúng/ sai, mức độ cập nhật của nội dung, liên hệ nội dung văn bản và thực tế), biết nêu nhận xét về một vài yếu tố làm nên vẻ đẹp ngôn từ dùng để biểu đạt sâu sắc nội dung trong một số văn bản nghệ thuật.

Để kỹ năng đọc hiểu được hình thành nhanh và có độ chắc chắn, chương trình có những nội dung dạy các kỹ năng bộ phận làm công cụ cho kỹ năng đọc hiểu, đó là kỹ năng *đọc thầm, đọc lướt để tìm ý*. Kĩ năng đọc thầm bắt đầu được dạy từ lớp 1 và được dạy liên tục đến lớp 5, kỹ năng đọc lướt bắt đầu dạy từ lớp 2 đến hết lớp 5.

Hiện nay sách giáo khoa thí điểm CTTH – 2000 ở môn Tiếng Việt mới biên soạn đến tập 1 lớp 4. Nhìn chung, sách thể hiện được nhiều nội dung mới về đọc hiểu của chương trình:

Xét về văn bản dùng làm ngữ liệu để dạy đọc hiểu, cả 6 cuốn sách (Tiếng Việt 1 tập 2, Tiếng Việt 2 tập 1, Tiếng Việt 2 tập 2, Tiếng Việt 3 tập 1, Tiếng Việt 3 tập 2, Tiếng Việt 4 tập 1) đều chọn nhiều loại văn bản: văn bản nghệ thuật, khoa học, truyền thông (báo chí), hành chính. Tỉ lệ các loại văn bản trong từng cuốn như sau:

Quyển sách	Văn bản nghệ thuật	Văn bản khác
Lớp 1 (tập 2)	73%	27%
Lớp 2 (tập 1)	77%	23%
Lớp 2 (tập 2)	65%	35%

Lớp 3 (tập 1)	87%	13%
Lớp 3 (tập 2)	73%	27%
Lớp 4 (tập 1)	80%	20%

Mặc dù đã chú ý chọn nhiều loại văn bản để dạy đọc hiểu, song số liệu trên đã cho thấy trong sách thử nghiệm loại văn bản nghệ thuật còn chiếm tỷ lệ quá cao, nhất là các cuốn Tiếng Việt lớp 3 tập 1 và Tiếng Việt lớp 4 tập 1.

Xét về bài tập dạy đọc hiểu thì trong 6 cuốn sách trên dạng bài tập phổ biến, chủ yếu là các câu hỏi tìm hiểu bài. Bên cạnh dạng câu hỏi tìm hiểu bài không có câu trả lời gợi ý, ở một số ít bài đọc có thêm dạng câu hỏi trắc nghiệm khách quan, song tỷ lệ câu hỏi trắc nghiệm khách quan còn quá ít (dưới 5%). Nếu phân loại theo nội dung rèn luyện kỹ năng đọc hiểu thì các câu hỏi tìm hiểu bài đã nhằm vào các kỹ năng bộ phận:

– Nhắc lại các ý, chi tiết trong bài.

– Giải thích một hoặc một số chi tiết trong bài.

– Hiểu nghĩa một số từ ngữ trong bài.

– Tìm ý chính của đoạn.

– Tìm ý chính của bài.

– Hiểu ý nghĩa của bài (đích của bài).

– Liên hệ nội dung bài với thực tế (hồi đáp).

– Nêu nhận xét để khẳng định một khía cạnh nội dung hoặc dụng ý nghệ thuật của bài.

Dưới đây là số liệu về các loại câu hỏi đọc hiểu trong sách thử nghiệm:

Quyển sách và số câu hỏi	Câu hỏi tái hiện nội dung	Câu hỏi giải thích nội dung	Câu hỏi hiểu nghĩa từ và câu	Câu hỏi nhận diện đoạn ý	Câu hỏi nhận diện ý chính của bài	Câu hỏi hiểu đích (đích của văn bản)	Câu hỏi liên hệ với thực tế	Câu hỏi để nêu nhận xét khẳng định
Lớp 1 (tập 2) (148 câu hỏi)	63,5%	11,5%	15,5%	0,7%	0%	1,3%	6%	1,3%
Lớp 2 (tập 1) (191 câu hỏi, bài tập)	68%	11%	4,7%	3,1%	1%	5,2%	7,3%	0,5%
Lớp 2 (tập 2) (147 câu hỏi, bài tập)	61,5%	22,4%	2,3%	0,6%	3,4%	4,6%	5,2%	0%
Lớp 3 (tập 1) (178 câu hỏi, bài tập)	69%	17,4%	1,1%	2,2%	5,6%	1,7%	2,2%	0,6%
Lớp 3 (tập 2) (167 câu hỏi, bài tập)	62,2%	25,7%	0,6%	3,6%	2,4%	1,8%	3,6%	0%
Lớp 4 (tập 1) (115 câu hỏi, bài tập)	51,3%	23,4%	2,6%	4,3%	3,5%	4,3%	7%	3,5%

Một số kỹ năng bộ phận khác như: nhận diện từ mới; nhận diện đoạn ý; làm rõ nghĩa của câu; đánh giá tính đúng/ sai, cập nhật/ không cập nhật, đầy đủ/ không đầy đủ của văn bản; nêu thu hoạch của người đọc sau khi đọc văn bản... chưa được rèn luyện một cách có hệ thống trong các

bài đọc. Các kỹ năng bộ phận giữ chức năng làm công cụ để đọc hiểu như kỹ năng đọc thầm, đọc lướt cũng chưa có mặt trong các câu hỏi và bài tập đọc hiểu của sách. Có thể nói phần đọc hiểu ở sách thử nghiệm còn thiếu một hệ thống bài tập đọc hiểu đầy đủ và chi tiết để chuyển tải nội dung rèn luyện kỹ năng này. Phải chăng tình trạng này sẽ được cải thiện khi có vở bài tập Tiếng Việt (được phát hành kèm theo sách giáo khoa) trong đó bài tập đọc hiểu sẽ được trình bày một cách có kế hoạch, có tính hệ thống?

Phương pháp dạy đọc hiểu của CTTH – 2000 và sách thử nghiệm được thể hiện chủ yếu trong tài liệu hướng dẫn giáo viên (sách giáo viên). Một số tài liệu tập huấn giáo viên dạy chương trình và sách giáo khoa Tiếng Việt mới cũng có đề cập tới những phương pháp đặc thù để dạy đọc hiểu. Theo các tài liệu này thì phần đọc hiểu được dạy bằng sự phối hợp các phương pháp dạy học truyền thống và các phương pháp dạy học mới nhằm mục đích tích cực hóa hoạt động học tập của học sinh. Các phương pháp dạy cụ thể là: thực hành giao tiếp, rèn luyện theo mẫu, thảo luận, tự phát hiện, đặt và giải quyết vấn đề. Những phương pháp này được thực hiện ở cả hai hình thức học cá nhân và học theo nhóm.

Do còn chưa có hệ thống hoàn chỉnh các bài tập đọc hiểu nên phần đọc hiểu trong sách giáo khoa thử nghiệm mặc dù đã có nhiều điểm mới, vượt lên thực trạng song vẫn chưa phát huy hết mặt tích cực của chương trình. Trên con đường thử nghiệm và hoàn chỉnh dần, cuốn sách chắc sẽ thực hiện yêu cầu đọc hiểu của chương trình ngày một tốt hơn.

2. Những kinh nghiệm về dạy đọc hiểu ở bậc tiểu học của nước ngoài

Dựa trên tư liệu thu thập được ở hai khu vực: khu vực các nước có nền giáo dục phát triển như Mỹ, Anh, Pháp, Úc, Canađa và những nước có nền giáo dục đang phát triển ở khu vực Đông Nam Á như Thái Lan, Singapore, Malaixia, Philippin đã có thể thấy được một bức phác thảo về việc dạy hiểu văn bản ở trường tiểu học trên thế giới hiện nay.

2.1. Mục tiêu của việc dạy đọc hiểu

Xuất phát từ quan điểm: chương trình học tập nói chung và học đọc nói riêng phải vừa tạo khả năng để học sinh tiếp tục học lên, vừa tạo cơ hội để học sinh có thể sử dụng những kiến thức, kỹ năng học được ở trường tiểu học vào việc học, việc sinh hoạt hàng ngày, các nhà giáo dục ở Anh, Mỹ, Úc, Canada và ở một số nước trong khu vực Đông Nam á đều thống nhất xác định mục tiêu của việc dạy đọc hiểu ở trường tiểu học như sau:

– Cho học sinh làm quen với các loại hình văn bản phổ biến của đời sống, làm quen với cấu trúc ngôn ngữ ở từng loại văn bản.

– Dạy học sinh cách nắm nội dung văn bản, đích của tác giả.

– Phát triển tư duy của học sinh, đặc biệt là tư duy phê phán, làm giàu vốn kiến thức và kinh nghiệm của học sinh.

Từ mục tiêu chung này, một số nước đã hoạch định nhiệm vụ dạy đọc hiểu ở cuối bậc tiểu học là: nhằm hình thành một kỹ năng học tập cho học sinh – kỹ năng đọc hiểu, nhằm phát triển kỹ năng phê phán và đánh giá để từ đó mở

ra ở học sinh khả năng đọc rộng, đọc theo hứng thú. Trong chương trình tiểu học của Mỹ, nhiệm vụ này được ghi rõ như sau: "Khi việc đọc đã vượt qua giai đoạn đầu – giai đoạn đánh vần các âm tiết và các từ – thì hành động đọc trở thành hành động tập hợp các ý nghĩa, trở thành quá trình nêu các ý nghĩa, trong đó bao gồm sự thể hiện toàn bộ đứa trẻ: kinh nghiệm sống của nó, bộ máy tri giác của nó, khả năng đưa những mẩu thông tin và đưa ra những phán đoán từ những thông tin ấy và sự tích lũy các dữ kiện vào trí óc khi nó ngày càng tiếp xúc nhiều hơn với sách vở... ở những lớp đầu tiểu học, việc đọc nhằm vào mục tiêu các kỹ năng nghe nhìn, ở những lớp sau việc đọc nhằm vào mục tiêu hiểu, vào việc phê phán, đánh giá trong khi đọc, vào các kỹ năng học tập."[33]

2.2. Ngữ liệu dùng để dạy đọc hiểu

Sự thống nhất trong việc xác định mục tiêu và nhiệm vụ đã dẫn đến sự thống nhất trong quan điểm lựa chọn ngữ liệu để dạy đọc hiểu ở cuối bậc tiểu học của các nước trên. Trong chương trình tiểu học của các nước này đều ghi rõ yêu cầu đối với việc lựa chọn tổ hợp văn bản để dạy đọc hiểu như sau: đó là một tổ hợp văn bản gồm nhiều phong cách chức năng của ngôn ngữ chuẩn, đề tài của các văn bản thuộc nhiều lĩnh vực nhằm mang lại những kiến thức toàn diện và thiết thực cho người học, các văn bản phải có tính hoàn chỉnh tương đối (dù là đoạn trích). Dưới đây là những quan điểm có tính nguyên tắc chỉ đạo sự lựa chọn văn bản để dạy đọc hiểu cho các lớp cuối bậc tiểu học của một số nước:

– Chương trình tiếng Anh của hạt Devon của nước Anh

ghi: các văn bản thể văn chương bao gồm những truyện dài, truyện ngắn, kịch bản, thơ ca, tiểu thuyết dài dành cho trẻ em... Các thể loại khác bao gồm sách người thực, việc thực, các văn bản truyền thông (bài đăng trên báo, tạp chí, bài viết trên truyền hình,...).

– Chương trình môn tiếng Anh của Úc đã đưa ra quy định khá rộng cho việc lựa chọn các thể loại văn bản để dạy đọc hiểu như sau: học sinh có thể hứng thú học tập và sử dụng các văn bản truyện và cả những tài liệu có nội dung xác thực, không có yếu tố hư cấu với một phạm vi đề tài khá rộng.

– Chương trình tiếng Anh dạy ở Singapore quy định: học sinh phải đọc và hiểu các bài khóa thuộc nhiều thể loại như văn xuôi, thơ, bài hội thoại, bài phổ biến kiến thức, bài ghi chép mang tính phóng sự..

– Chương trình của hai lớp cuối bậc tiểu học ở Thái Lan quy định: học sinh phải đọc hiểu trên các văn bản thơ, truyện ngắn cho trẻ em, những mẩu chuyện không có yếu tố hư cấu nhằm thu nhận thông tin và giải trí, những bài báo, bài tiểu luận, bài phát biểu, các quảng cáo, bản đồ, đồ thị, sách bách khoa cho trẻ em...

– Các nhà giáo dục tiểu học Mỹ cho rằng chỉ có một số tổ hợp văn bản bao gồm văn bản văn học cho trẻ em, văn bản báo chí, văn bản khoa học gồm các sách tìm hiểu khoa học và sách bách khoa cho trẻ em, các thông tin quảng cáo trên màn ảnh nhỏ... mới thực sự làm nảy nở và phát triển hứng thú đọc của trẻ nhỏ ở bậc tiểu học và các lớp đầu bậc trung học cơ sở.

Những kinh nghiệm chọn văn bản để dạy đọc hiểu đã

lược thuật ở trên giúp cho chúng tôi có một nhận định: với sự đa dạng về phong cách, chức năng, tổ hợp văn bản dạy đọc hiểu đã thực sự đưa học sinh vào thực tế sinh động, đa dạng của các văn bản mà các em thường gặp trong đời sống. Việc này chẳng những có ích đối với sự thực hiện mục tiêu cho học sinh làm quen với các thể loại văn bản, giúp họ tích lũy kiến thức toàn diện... do các chương trình đưa ra mà còn có ích cả cho việc giúp học sinh tiếp tục học lên ở bậc trung học. Những kinh nghiệm này là những gợi ý thiết thực và quí báu cho việc xác định các cơ sở mang tính nguyên tắc để chọn văn bản dạy đọc hiểu ở các lớp tiểu học của nước ta.

2.3. Yêu cầu rèn luyện kỹ năng đọc hiểu

Hầu hết các công trình nghiên cứu về đọc hiểu ở trong phạm vi tài liệu mà chúng tôi bao quát đều có sự thống nhất chung: coi đọc hiểu là một kỹ năng được hình thành ở môn tiếng mẹ đẻ, rồi được phát triển thành kỹ năng học tập và được vận dụng, củng cố ở nhiều môn học khác. Tuy nhiên việc dạy kỹ năng này ở một số nước vẫn có những khác biệt do có sự khác biệt trong phân tích quá trình hiểu văn bản của các nhà giáo dục ở từng nước.

Ở Mỹ, các nhà sư phạm quan niệm quá trình đọc hiểu được chia thành hai giai đoạn (hai bước): bước làm rõ nội dung văn bản, đích tác động của tác giả và bước hồi đáp nội dung, đích tác động đó. Từ đó họ chọn sách bách khoa cho trẻ em đọc hiểu ở tiểu học trong đó hai nhóm kỹ năng đầu nhằm mục đích thực hiện bước thứ nhất (làm rõ nội dung và đích tác động), nhóm kỹ năng thứ ba nhằm thực hiện bước thứ hai (bước hồi đáp). Trong từng nhóm, các tác giả

lại phân tích và đưa ra từng kỹ năng bộ phận, cụ thể là:

– *Nhóm kỹ năng hiểu để nắm thông tin trong văn bản bao gồm các kỹ năng:* biết nghĩa của từ, biết nghĩa của các tín hiệu liên kết, đoán trước ngữ cảnh, nhận ra và nhớ nội dung miêu tả của văn bản.

– *Nhóm kỹ năng hiểu để tư duy, phán đoán bao gồm các kỹ năng:* phân loại ý và phán đoán ý chính, suy luận để làm rõ ý hàm ẩn của tác giả gửi vào văn bản.

– *Nhóm kỹ năng đánh giá bao gồm các kỹ năng:* nhận định về độ tin cậy của nội dung văn bản, nhận định về mục đích hay quan điểm của tác giả.

Cách làm của các nhà sư phạm Mỹ mặc dù đúng nhưng còn thiếu bởi họ không coi bước nhận diện lời nói trong văn bản thuộc quá trình đọc hiểu, theo họ đây là bước thuộc quá trình đọc giải mã (Translate code); ở nhóm kỹ năng đánh giá họ chưa đưa ra kỹ năng nhận định về sử dụng ngôn từ của tác giả để làm rõ nội dung, chưa đưa ra kỹ năng bộc lộ sự sáng tạo trong tiếp nhận nội dung văn bản và đích tác động của tác giả.

Ở Anh, các nhà sư phạm căn cứ vào yêu cầu dạy kỹ năng đọc hiểu ở môn tiếng mẹ đẻ và yêu cầu phát triển, hoàn thiện dần kỹ năng này ở các môn học khác và ở trong đời sống thường nhật của người học mà chọn các nhóm kỹ năng sau để dạy đọc hiểu:

– *Nhóm kỹ năng đọc rộng bao gồm các kỹ năng:* đọc rộng theo sở thích, độc lập chọn sách đọc, phản ánh (gồm trình bày bằng lời, làm để minh hoạ) về điều mình đã đọc được.

– *Nhóm kỹ năng đọc hạn chế bao gồm các kỹ năng:*

dùng từ điển để tìm nghĩa, định vị chính xác thông tin đọc được, suy diễn để làm rõ thông tin, phân biệt sự việc và ý kiến, tóm tắt thông tin và văn bản.

– *Nhóm kỹ năng trả lời có phê phán bao gồm các kỹ năng:* trả lời có hình tượng đối với văn bản nghệ thuật, tham khảo chứng cứ trích từ văn bản, nhận định về chất lượng văn bản, xem xét nội dung và ý kiến (của văn bản và của tác giả) với một tinh thần phê phán.

Về cơ bản cách làm của chuyên gia giáo dục Anh thống nhất với cách làm của chuyên gia giáo dục Mỹ, song nội dung mà các chuyên gia Anh đưa ra có chú trọng nhiều hơn đến các kỹ năng phục vụ cho mục tiêu phát triển kỹ năng đọc hiểu thành một công cụ học tập, một công cụ để nhận thức cho học sinh.

Ở Philippin, các chuyên gia giáo dục ngôn ngữ cũng có quan điểm gần giống với quan điểm của các chuyên gia Mỹ về dạy đọc hiểu, tuy nhiên họ đặc biệt coi trọng hơn các kỹ năng hồi đáp, tiếp nhận văn bản. Chín nhóm kỹ năng sau được các chuyên gia nước này chọn để dạy đọc hiểu ở cuối bậc tiểu học:

– Nhóm kỹ năng nhận ra các chi tiết.

– Nhóm kỹ năng đưa ra ý chính

– Nhóm kỹ năng thiết lập ý

– Nhóm kỹ năng liên kết các sự kiện

– Nhóm kỹ năng đưa ra các kết luận (suy ý)

– Nhóm kỹ năng hiểu các mối quan hệ

– Nhóm kỹ năng đoán những kết luận logic (phán đoán)

– Nhóm kỹ năng đánh giá các chủ đề và đưa ra những nhận xét phán đoán

– Nhóm kỹ năng đưa ra các chỉ dẫn để làm theo.

Cách làm này mặc dù rất cụ thể chi tiết nhưng lại có nhiều điểm không hợp lý bởi có sự trùng lặp các kỹ năng bộ phận ở một vài nhóm kỹ năng.

Tuy còn một số hạn chế, song việc chỉ ra các nhóm kỹ năng và những kỹ năng cụ thể của từng nhóm để dạy đọc hiểu cho học sinh ở lứa tuổi 10 – 12 của các nhà sư phạm Anh, Mỹ, Úc, Philippin và một số nước khác là những cơ sở thực tiễn quan trọng để chúng ta kế thừa, học tập khi định ra nội dung dạy kỹ năng đọc hiểu ở tiểu học trong thời kỳ đổi mới giáo dục tiểu học.

2.4. Phương pháp dạy đọc hiểu

Vấn đề phương pháp dạy đọc hiểu được đề cập trong các tài liệu nước ngoài khá phong phú. Điều thống nhất cơ bản đạt được trong các tài liệu này là sự đánh giá rất cao vai trò của các bài tập và việc tổ chức các hành động học tập của học sinh. Tác giả Lađưdenxcaia (Liên Xô cũ) quan niệm: nhiệm vụ cơ bản đề ra trong phát triển lời nói là tổ chức các hoạt động học tập, hoạt động gắn liền với văn bản có sẵn, việc tổ chức này thành công nhiều hay ít chủ yếu là do hệ thống bài tập quyết định. Trong chuyên luận về dạy học sinh đọc, các tác giả Mỹ cũng luôn đề cao vai trò của các bài tập đọc hiểu, họ cho rằng các bài tập nhằm kiểm soát và đánh giá quá trình đọc hiểu của học sinh có ý nghĩa nhiều hơn những bài tập nhằm đánh giá kết quả đọc hiểu của các em. Vì lẽ đó, phương tiện để dạy đọc hiểu hữu hiệu nhất (theo ý kiến của các tác giả này) là các bài tập đưa ra những yêu cầu buộc học sinh phải thể hiện từng việc làm ở từng bước của quá trình đọc hiểu. Căn cứ vào các tài liệu

giáo khoa dùng để dạy đọc hiểu ở một số nước như Anh, Mỹ, Úc, Philippin, Singapore và một số tài liệu dạy tiếng Anh của nhiều nước khác, chúng tôi tổng kết được có hai loại bài tập đọc hiểu: loại bài tập làm rõ những thông tin, sự kiện trong văn bản và loại bài tập đánh giá văn bản.

Thuộc loại bài tập làm rõ những thông tin, sự kiện trong văn bản có các kiểu bài tập:

– Tìm nghĩa của từ

– Tìm câu chứa những thông tin, sự kiện chính

– Giải thích nguồn gốc của các thông tin, sự kiện

– Làm rõ quan hệ giữa các thông tin, sự kiện

– Tìm ý của đoạn

– Tìm ý chính của toàn văn bản

– Đoán về những sự kiện tiếp theo

– Tìm ý nghĩa của văn bản đối với cá nhân người đọc và đối với số đông người khác.

Loại bài tập đánh giá có các kiểu bài tập sau:

– Đánh giá độ tin cậy của nội dung và tư tưởng chủ đề của văn bản

– Đánh giá tính đúng đắn của đích tác động mà người viết gửi vào văn bản.

Thoạt nhìn, chúng ta dễ có cảm giác đây là các kiểu, loại bài tập quá khó đối với học sinh tiểu học. Sẽ đúng vậy nếu khi soạn các bài tập này, tác giả chỉ sử dụng những yêu cầu, những câu hỏi thiếu tính hướng dẫn hành động. Song nếu có một kỹ thuật mới để soạn các câu hỏi và bài luyện tập thì các kiểu loại bài tập trên trở nên vừa sức với học sinh tiểu học. Kinh nghiệm soạn câu hỏi và bài luyện tập

đọc hiểu của các chuyên gia nước ngoài rất phong phú. Kĩ thuật chủ yếu mà họ sử dụng để làm việc này là kỹ thuật trắc nghiệm khách quan và các kỹ thuật tạo ra những câu hỏi mở (open question). Thống kê các bài luyện tập sử dụng kỹ thuật trắc nghiệm trong sách và tài liệu đọc hiểu dùng cho học sinh tiểu học ở một số nước, chúng tôi thấy kỹ thuật trắc nghiệm thường được dùng để soạn các bài tập làm rõ thông tin, sự kiện, cụ thể là:

– Trắc nghiệm để biết nghĩa từ

– Trắc nghiệm để tìm thông tin cốt lõi trong đoạn, trong bài

– Trắc nghiệm để tìm nguồn gốc của thông tin và sự kiện

– Trắc nghiệm để tìm ý của đoạn, của toàn văn bản

– Trắc nghiệm để đoán những sự kiện tiếp theo

– Trắc nghiệm để đoán đích tác động.

Các kỹ thuật hình thành câu hỏi mở thường được các tác giả dùng để soạn các bài tập loại đánh giá, cụ thể là:

– Câu hỏi mở để thảo luận về độ tin cậy của nội dung và tư tưởng chủ đề của văn bản (đúng hay sai, cần bác bỏ hoặc cần bổ sung điều gì).

– Câu hỏi mở để thảo luận về tính đúng đắn của đích tác động (đúng đến đâu, cần bỏ đi hoặc thêm điều gì, cần hiểu thế nào về đích tác động cụ thể).

– Câu hỏi mở để từng cá nhân trình bày sự tiếp nhận văn bản của mình.

Với các bài tập được soạn bằng những kỹ thuật trên, học sinh có thể tự làm việc để hiểu văn bản mà không cần thiết phải chờ đợi lời giảng giải của thầy. Sự giúp đỡ của

thầy đối với trò khi đã có sẵn những bài tập này chỉ còn là đưa ra lời hướng dẫn cách làm hoặc lời nói làm rõ thêm nhiệm vụ của từng bài tập, hoặc chủ trì những cuộc hội thảo của các nhóm học sinh về bài đọc.

Một sự thống nhất nữa trong các tài liệu viết về phương pháp dạy đọc hiểu là việc chỉ ra các hành động học tập của học sinh và cách tổ chức các hình thức dạy học của giáo viên. Hầu hết các tài liệu mà chúng tôi tiếp cận đều chia các hành động học đọc hiểu của học sinh thành hai loại: loại hành động trong lớp và loại hành động ngoài lớp học.

Loại hành động học trong lớp bao gồm:

– Hành động đọc to và đọc thầm.

– Hành động phân tích văn bản.

– Hành động chuyển dạng lời nói để diễn đạt thông tin trong văn bản.

– Hành động chơi để hiểu văn bản.

– Hành động hồi đáp văn bản một cách sáng tạo và tự giác.

Loại hành động học ở ngoài lớp gồm có:

– Hành động tra cứu sách công cụ ở kho sách hoặc thư viện

– Hành động tham khảo sách để tìm kiếm thông tin, sự kiện tương tự như thông tin, sự kiện trong bài đọc ở những văn bản khác

– Hành động giải quyết vấn đề mà văn bản nêu lên

– Một số hành động khác có liên quan đến nội dung văn bản (sưu tầm bài báo, sách, bài thơ, câu chuyện, tem,...).

Để học sinh có thể thực hiện những hành động trên, các

tài liệu này đều hướng dẫn giáo viên tổ chức cho học sinh học dưới các hình thức học tập trung theo lớp, theo nhóm, cá nhân tự học; học bằng tự hoạt động ở ngoài lớp theo những nhiệm vụ được giao từ trước; học bằng thảo luận, tranh luận, phân tích hành động mẫu của thầy và làm theo hành động mẫu ở trong lớp. Các tài liệu trên cũng chỉ ra các hành động của giáo viên khi dạy đọc hiểu là:

– Ở khâu chuẩn bị phải sử dụng các kỹ thuật trắc nghiệm và một số kỹ thuật khác để soạn câu hỏi và bài luyện tập cho học sinh, các câu hỏi và bài luyện này phải thể hiện được dự kiến những lỗi mà học sinh trong lớp thường mắc khi đọc hiểu.

– Ở khâu giảng dạy trên lớp phải biết thực hiện một số hành động mẫu cần thiết, phải tạo ra các tình huống có vấn đề, phải tổ chức để học sinh nhập vai, chơi để hiểu bài, phải giúp đỡ học sinh khi họ thảo luận để cuộc thảo luận có kết quả...

Mặc dù còn thiếu loại bài tập giúp học sinh thực hiện bước nhận diện lời nói trong văn bản, song các bài tập đọc hiểu mà nhiều tác giả nước ngoài biên soạn đã cung cấp cho chúng ta những kinh nghiệm và kỹ thuật quí báu để soạn câu hỏi và bài tập đọc hiểu. Các hành động học tập và giảng dạy của học sinh và giáo viên được nêu trong những tài liệu tham khảo đã cho thấy một cách dạy học đọc hiểu theo quan điểm "dạy học hướng vào người học".

Tóm tắt chương 2

Thực trạng dạy đọc hiểu trong thời kỳ từ 1981 đến nay

có những tiến bộ đáng kể so với giai đoạn trước đó, sự tiến bộ chủ yếu ở phần yêu cầu rèn luyện kỹ năng đọc hiểu. Ở giai đoạn này đã xuất hiện các bài tập để rèn luyện một số kỹ năng bộ phận thuộc kỹ năng hiểu văn bản, điều này đã giúp cho học sinh thành thạo hơn các kỹ năng này và đã biết vận dụng chúng để tiếp cận và tìm hiểu nội dung của văn bản. Tuy nhiên do chưa quan tâm đến dạy các kỹ năng làm rõ đích tác động, đánh giá và bộc lộ sự tiếp nhận văn bản nên phần dạy đọc hiểu ở cuối bậc tiểu học chưa giúp cho các em có một công cụ tốt để đọc rộng và để học tập. Hơn nữa ngữ liệu dùng để dạy đọc hiểu phần lớn là các văn bản nghệ thuật đã hạn chế sự tiếp cận, làm quen với nhiều thể loại văn bản của các em khi học đọc, hạn chế mục tiêu giúp học sinh tích lũy kiến thức và kinh nghiệm sống qua phần đọc hiểu. Chương trình môn Tiếng Việt trong CTTH – 2000 và sách giáo khoa viết theo chương trình này đã có nhiều đổi mới cơ bản trong dạy đọc hiểu. Sự có mặt nhiều loại văn bản dùng để làm ngữ liệu dạy đọc hiểu, nội dung dạy đọc bắt đầu đi sâu vào hình thành và rèn luyện một số kỹ năng bộ phận của kỹ năng đọc hiểu về cơ bản đã làm thay đổi diện mạo của đọc hiểu theo quan niệm cũ: chỉ đọc tỉ mỉ các tác phẩm văn chương. Song nếu có hệ thống bài tập đọc hiểu hoàn chỉnh thì chương trình và sách sẽ phát huy hiệu quả dạy học cao hơn.

Xuất phát từ chức năng cơ bản của ngôn ngữ là làm công cụ để giao tiếp và công cụ tư duy, các nhà giáo dục ngôn ngữ ở bậc tiểu học của nhiều nước trên thế giới đã định ra những mục tiêu đúng đắn và thiết thực cho việc dạy đọc hiểu ở cuối bậc tiểu học. Cách thiết kế các nhóm kỹ

năng để dần dần hình thành, rèn luyện kỹ năng đọc hiểu trong một số chương trình tuy còn chưa đầy đủ, còn thiếu vắng những kỹ năng nhận diện ngôn ngữ trong văn bản, song đó là một cách thiết kế thể hiện những phân tích rất bản chất, sâu sắc của các tác giả về quá trình đọc hiểu. Cách tổ chức dạy học đọc hiểu nhằm hướng vào người học với phương tiện dạy học chủ chốt là hệ thống bài tập đọc hiểu, cùng với hệ thống văn bản đa dạng về phong cách chức năng, rộng lớn về đề tài được dùng để dạy học đã cho phép các nhà giáo dục ở những nước này thực hiện được hầu hết những mục tiêu mà dạy đọc nói chung và đọc hiểu nói riêng cần đạt.

CHƯƠNG 3

NHỮNG YÊU CẦU VÀ CÁCH THỨC DẠY ĐỌC HIỂU Ở CÁC LỚP 1, 2, 3, 4, 5

Chương này chủ yếu trình bày nội dung dạy kỹ năng đọc hiểu và phương pháp dạy kỹ năng này ở từng lớp của bậc tiểu học. Trong từng lớp, các vấn đề được trình bày theo thứ tự sau:

1) Nội dung dạy học.

Nội dung này bao gồm: các kỹ năng đọc hiểu và các văn bản dạy đọc hiểu.

2) Phương pháp dạy học – Tổ chức hoạt động học tập cho HS đọc hiểu.

3) Phụ lục.

Phần phụ lục gồm có:

– Các bài soạn tham khảo và các bài tập tham khảo.

– Các đề kiểm tra tham khảo.

A. LỚP 1

1. Nội dung dạy học

1.1. Kỹ năng đọc hiểu

Ở lớp 1 nhiệm vụ chủ yếu của phần tập đọc là dạy cho HS biết nhìn chữ để đọc đúng từng tiếng, từng từ, từng câu, từng đoạn ngắn. Việc đọc thành tiếng rõ ràng là yêu cầu hàng đầu của lớp này. Tuy nhiên mục đích của việc đọc bao giờ cũng là hiểu nên bên cạnh nhiệm vụ trọng tâm là đọc thành tiếng một cách rõ ràng, đọc hiểu cũng là một nhiệm vụ của phần tập đọc.Vậy dạy đọc hiểu ở lớp 1 là dạy cái gì? Đó là việc dạy các thao tác, các kỹ năng bộ phận đầu tiên của kỹ năng đọc hiểu, cụ thể là:

– Những thao tác đầu tiên của kỹ năng đọc thầm – một kỹ năng có vai trò quan trọng làm công cụ, phương tiện để hình thành kỹ năng đọc hiểu. Đó là thao tác đọc nhỏ, đọc nhẩm.

– Các kỹ năng nhận diện ngôn ngữ: nhận ra từ, nhận ra câu, nhận biết dòng trên trang sách, nhận biết ý trong bài được minh họa bằng hình.

– Các kỹ năng làm rõ nội dung văn bản: nhận biết nghĩa của từ, nhận biết nghĩa của câu (chỉ nghĩa hiển ngôn), nhận biết ý chính của đoạn ngắn được thể hiện trong lời văn của đoạn.

– Kỹ năng hồi đáp văn bản: chủ yếu tập trung vào thao tác liên hệ suy nghĩ và việc làm của nhân vật trong bài đọc với cuộc sống của bản thân học sinh (HS) để từ đó HS tự rút ra **bài học đơn giản** cho chính mình.

1.2. Văn bản đọc hiểu

Văn bản dạy đọc hiểu ở lớp 1 gồm những loại sau:

– Văn bản nghệ thuật (hoặc được viết theo phong cách nghệ thuật).

– Văn bản khoa học (hoặc được viết theo phong cách khoa học).

– Văn bản nhật dụng (bao gồm một số giấy tờ đơn giản, ấn phẩm đơn giản dùng trong đời sống và gần gũi với HS lớp 1).

– Văn bản truyền thông (báo chí dành cho nhi đồng).

Độ dài của văn bản: văn bản nghệ thuật là văn xuôi và văn bản khoa học khoảng 50 đến 80 chữ; văn bản truyền thông và văn bản nhật dụng khoảng 30 chữ.

Độ dài của câu trong văn bản khoảng từ 8 đến 10 từ. Các câu được dùng với nghĩa hiển ngôn.

Các từ trong văn bản phải là những từ gọi tên các sự vật, hiện tượng, hoạt động, tính chất gần gũi với HS lớp 1.

2. Phương pháp dạy học – tổ chức hoạt động học tập để HS đọc hiểu

2.1. Vị trí của phần đọc hiểu trong tiến trình bài dạy tập đọc lớp 1

Lớp 1 cũng như các lớp 2, 3, 4, 5 không có bài dạy đọc hiểu riêng. Nội dung đọc hiểu là một bộ phận của nội dung bài tập đọc. Việc dạy đọc hiểu diễn ra sau việc dạy đọc thành tiếng đúng bởi vì chỉ khi học sinh đọc thành tiếng đúng các tiếng, từ, câu, không đọc thừa hoặc thiếu chữ, thiếu từ, thiếu dòng thì các em mới có điều kiện để hiểu nội dung bài. Dưới đây là trình tự dạy học của bài tập đọc trong đó có nội dung đọc hiểu:

A. KIỂM TRA BÀI CŨ

B. DẠY BÀI MỚI

1. Giới thiệu bài

2. Luyện đọc

a) Đọc thành tiếng

– Giáo viên (GV) đọc cả bài, HS nghe đọc và chỉ vào chữ trên trang sách.

– Luyện đọc tiếng, từ (các tiếng, từ hay mắc lỗi phát âm).

– Luyện đọc câu: đọc trơn các từ, giữ đều khoảng cách giữa các từ, đọc đúng các từ gồm nhiều tiếng, ngắt hơi ở dấu phẩy, đọc đúng ngữ điệu câu kể và câu hỏi.

– Luyện đọc đoạn: ngắt hơi ở dấu chấm, đọc đúng ngữ điệu của các câu hỏi và kể khi các câu này đặt cạnh nhau.

– Hoạt động ôn âm, vần cần củng cố.

b) Đọc hiểu

– Đọc nhỏ, đọc lẩm nhẩm, vừa đọc vừa chỉ vào chữ.

– Nhận biết các dòng của bài trên trang sách (đếm số dòng và đánh số ở đầu mỗi dòng).

– Nhận biết một số từ mới trong bài (GV gợi ý, HS phát hiện) và nhận biết nghĩa của các từ này thông qua làm bài tập giải nghĩa từ.

– Nhận biết nghĩa một số câu quan trọng thông qua làm bài tập về làm rõ nghĩa câu.

– Nhận biết câu trong bài chứa đựng ý của đoạn (nếu có) thông qua làm bài tập về làm rõ nghĩa của đoạn.

– Liên hệ nội dung bài với kinh nghiệm sống của bản thân để tự rút ra bài học (nếu mối liên hệ này đơn giản và dễ thiết lập) thông qua làm bài tập hỏi đáp (tiếp nhận) văn bản.

3. Củng cố, dặn dò

– Củng cố bài học: về đọc thành tiếng và các âm, vần cần ghi nhớ; về hiểu ý của đoạn đã đọc (bài đọc ngắn).

– Nhiệm vụ chuẩn bị bài mới.

2.2. Bài tập đọc hiểu

2.2.1. Những căn cứ để xây dựng bài tập

– Căn cứ vào nội dung hình thành và rèn luyện kỹ năng đọc hiểu dã nêu ở mục 1.1 để hình thành các loại bài tập.

– Trong mỗi loại bài tập cần có nhiều dạng. Mỗi dạng bài tập thể hiện một mức độ khó của loại bài tập ấy.

– Mỗi bài tập cần có đủ 3 phần:

+ Phần nêu nhiệm vụ, phần này cho HS biết các em cần đạt được sản phẩm cụ thể gì khi hoàn thành bài tập (các loại lời giải: câu trả lời câu hỏi, lời giải nghĩa từ, lời diễn đạt ý của câu trong bài, lời phát biểu về bài học mà cá nhân tự rút ra sau khi đọc bài...).

+ Phần cung cấp thông tin, phần này cung cấp cho HS phạm vi ngữ liệu bao gồm những từ, câu, đoạn trong bài đọc, bao gồm những câu trả lời cho sẵn để lựa chọn (đối với những bài tập trắc nghiệm) mà HS cần phải sử dụng để khảo sát hoặc để suy nghĩ khi làm bài.

+ Phần hướng dẫn, phần này đưa ra những chỉ dẫn cụ thể về các thao tác, việc làm để HS làm theo rồi từ đó tìm ra lời giải.

– Hình thức bài tập cần đa dạng, tránh đơn điệu để gây hứng thú học tập cho HS. Muốn đạt được điều này người ra bài tập phải luôn thay đổi hình thức của các nhiệm vụ.

Chẳng hạn, nhiệm vụ nhận biết nghĩa của từ thuộc dạng bài tập mức trung bình có thể có những hình thức sau: lời giải câu đố, lời giải bài tập là một câu chứa ý so sánh, lời giải là một câu trả lời đúng trong một bài tập trắc nghiệm...

– Mỗi bài tập không nhất thiết chỉ thể hiện một nhiệm vụ, có thể có những bài tập thể hiện hai hoặc vài ba nhiệm vụ. Tuy nhiên ở lớp 1 các bài tập thể hiện 1 nhiệm vụ cần phải chiếm tỉ lệ cao thì mới vừa sức HS.

2.2.2. Tổ hợp bài tập đọc hiểu

– Loại ***bài tập luyện đọc thầm*** gồm các dạng:

+ Bài tập đọc nhỏ.

+ Bài tập đọc nhẩm.

– Loại ***bài tập nhận diện ngôn ngữ*** gồm các dạng:

+ Bài tập nhận biết số dòng.

+ Bài tập nhận biết số câu.

+ Bài tập nhận biết từ mới.

– Loại ***bài tập làm rõ nội dung văn bản*** (hiểu nội dung) gồm các dạng:

+ Nhận biết nghĩa của từ.

+ Nhận biết nghĩa của câu.

+ Nhận biết ý của đoạn, ý này đã được thể hiện trong lời văn của văn bản.

– Loại ***bài tập hồi đáp văn bản*** chỉ gồm 1 dạng: bài tập liên hệ để rút ra bài học đơn giản cho bản thân.

2.3. Tổ chức hoạt động học tập cho HS

Dạy đọc hiểu trong bài tập đọc lớp 1 cần tổ chức cho HS hoạt động bằng cách nhìn, nghĩ, nghe, làm và nói, cụ thể là:

– Tổ chức cho HS nhìn chữ để đọc to và đọc nhẩm, nhìn tranh minh họa.

– Tổ chức cho HS nghĩ dưới các hình thức:

+ Ghi nhớ từng phần nội dung bài.

+ Phân tích và tổng hợp (ở mức đơn giản) để tìm ra nghĩa của từ, nêu nhận xét đơn giản về con người hoặc sự việc được đề cập trong bài.

+ Giải quyết vấn đề (ở mức đơn giản) theo cách liên hệ những nội dung đơn giản trong bài đọc với cuộc sống để định hướng suy nghĩ hoặc hành động đúng cho bản thân.

– Tổ chức cho HS nghe dưới các hình thức sau:

+ Nghe GV đọc mẫu kết hợp với nhìn và đọc nhẩm theo.

+ Nghe câu hỏi, lời giao nhiệm vụ, lời chỉ dẫn của GV.

– Tổ chức cho HS làm dưới các hình thức:

+ Cá nhân đọc nhỏ và đọc nhẩm bài.

+ Cá nhân hoặc nhóm làm các bài tập.

+ Sưu tầm tài liệu để đọc theo yêu cầu.

+ Tham gia chơi các trò chơi để hiểu bài.

+ Làm theo chỉ dẫn trong bài.

– Tổ chức cho HS nói dưới các hình thức:

+ Đặt và trả lời câu hỏi về nội dung bài đọc (với GV và với bạn).

+ Nhắc lại một phần nội dung đã ghi nhớ trong bài.

+ Nói lại kết quả những việc đã làm theo chỉ dẫn của bài đọc hoặc theo yêu cầu của GV.

+ Phát biểu ý kiến của cá nhân hoặc của nhóm trong khi thảo luận về nội dung bài đọc.

Cần lưu ý rằng: để có thể tổ chức cho HS hoạt động cần phải có các bài tập được sắp xếp theo trình tự từ đơn giản đến phức tạp làm phương tiện để hoạt động.

3. Phụ lục số 1

3.1. Một số bài soạn tham khảo

Bài thứ nhất: TẶNG CHÁU
(1 tiết)

(Tiếng Việt 1 tập 2 sách thử nghiệm CTTH 2000 – NXB Giáo dục, năm 2000, trang 6)

I. MỤC TIÊU (MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU)

1. Đọc thành tiếng

– Đọc đúng các từ trong bài. Chú ý phát âm đúng những từ ngữ: có phụ âm đầu là n và l *(này, gọi là, nước non nhà)*, hoặc các từ có thanh hỏi,vần *ut (vở, tỏ, chút)* và từ *yêu*.

– Đọc trơn từng câu thơ và đọc trơn cả bài. Biết nghỉ hơi sau mỗi câu thơ.

2. Đọc hiểu

– Biết chuyển từ đọc to sang đọc nhỏ.

– Hiểu nghĩa các từ: *tặng, ra công, nước non nhà.*

– Biết đặt và trả lời câu hỏi để nhắc lại ý của từng câu thơ, nội dung của bài thơ (theo mẫu).

– Hiểu bài thơ nói lên tình cảm Bác Hồ dành cho thiếu nhi.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

– Tranh minh họa bài thơ trong SHS.

– Bảng phụ để chép bài thơ.

– Phiếu học tập trong đó có các bài tập đọc hiểu.

– Một số tranh ảnh về chủ đề Bác Hồ với thiếu nhi.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

Tiết 1

A. KIỂM TRA BÀI CŨ

2 hoặc 3 HS đọc to bài cũ và trả lời câu hỏi của cô (thầy) giáo hoặc câu hỏi của các bạn về nội dung bài đọc (có thể dùng tranh minh họa để các HS khác có thể dựa vào tranh mà đặt câu hỏi và trả lời câu hỏi).

B. DẠY BÀI MỚI

1. Giới thiệu bài

GV có thể làm theo một trong số các gợi ý sau:

– Dùng ảnh Bác treo ở lớp để giới thiệu Bác Hồ là ai, có công lao gì với đất nước, khi còn sống mặc dù bận nhiều việc song Bác vẫn dành thời gian quan tâm đến các cháu thiếu nhi như thế nào. Giới thiệu chủ đề của bài đọc: Bác Hồ tặng vở cho một cháu thiếu nhi.

– Dùng tranh trong SHS để cho HS tự trao đổi xem các em nhìn thấy gì trong tranh và đoán việc làm của các nhân vật trong tranh. Sau đó giới thiệu bài đọc này sẽ nói về nội dung bức tranh.

2. Luyện đọc

2.1. Đọc thành tiếng

– HS nghe GV đọc cả bài, cầm que chỉ vào từng chữ trong bài và đọc nhẩm theo.

– Theo gợi ý của GV, HS phát hiện và đọc các từ có chứa âm hoặc vần dễ mắc lỗi phát âm: *này, gọi là, nước non nhà,* hoặc *vở, tỏ, chút, yêu*. (Nếu HS đọc sai tiếng nào thì GV giúp các em phân tích các tiếng đó)

– HS luyện đọc đúng các tiếng đã nêu trên (cá nhân, nhóm).

– HS luyện đọc đúng từng câu: cá nhân đọc từng câu nối tiếp nhau trong nhóm (mỗi em trong nhóm đọc một câu, em nọ tiếp em kia, sao cho em nào cũng được đọc cả 4 câu trong bài).

– HS luyện đọc cả bài: tập ngắt hơi ở chỗ kết thúc dòng thơ. Đọc trong nhóm rồi tự sửa lỗi ngắt hơi cho nhau và tự nhận xét cách đọc của nhau.

Thi đọc cả bài giữa các nhóm (một em được nhóm bạn chỉ định đại diện cho nhóm tham gia thi) và nhận xét cách đọc của từng nhóm theo các tiêu chuẩn:

Tên nhóm	Đọc to, rõ ràng	Không thừa hoặc thiếu tiếng	Phát âm đúng các từ đã luyện	Nghỉ hơi ở cuối câu thơ
	1/0 điểm	1/0 điểm	1/0 điểm	1/0 điểm

– Ôn các vần *iêu, yêu*:

+ HS phân tích vần *iêu* và *yêu* thành các bộ phận *iê* và *u*, *yê* và *u* rồi ghép lại vần từ các bộ phận đó.

+ HS thi tìm tiếng hoặc từ có vần *iêu* hoặc vần *yêu*.

Tiết 2

2.2. Đọc hiểu

• *Làm việc nhóm:*

– GV làm mẫu việc đọc nhỏ. HS đọc nhỏ cả bài trong nhóm và tự nhận xét.

– HS làm bài tập 1 và 2 trong phiếu bài tập.

Hướng dẫn:

+ Bài 1: đọc yêu cầu của bài, đếm số dòng và ghi số vào đầu mỗi dòng.

+ Bài 2: đọc yêu cầu của bài, đọc nhỏ cả bài để tìm từng từ theo yêu cầu, ghi số dòng có từ đã tìm vào chỗ trống.

+ Chữa bài trong nhóm: đổi vở trong từng cặp HS (2 em) để chữa bài chéo cho nhau.

– HS làm bài tập 3 trong phiếu.

Hướng dẫn:

+ GV nêu mục đích của bài tập là giải nghĩa một số từ trong bài. HS tập đặt câu hỏi cho bạn để bạn cho biết kết quả tìm từ giống nghĩa với từ đã cho.

+ Cách làm: đọc từng từ ở cột A, đọc các từ ở cột B, xem từ nào ở cột B giống với nghĩa của từ ở cột A thì nối hai từ đó với nhau. Tiếp tục làm như vậy với các từ khác ở cột A. Chú ý: có từ ở cột A nghĩa giống với nghĩa của 2 từ ở cột B.

• *Làm việc cả lớp:*

– 1 HS làm bài tập 4 trên bảng phụ, các HS khác nhận xét để chữa bài chung. Sau khi chữa bài, HS chép kết quả vào phiếu.

– GV hướng dẫn làm bài tập 5:

+ Đọc yêu cầu của bài.

+ Đọc nhỏ câu in nghiêng trong bài tập để hiểu ý của câu, đọc nhỏ cả bài thơ và đối chiếu xem ý của 2 câu thơ nào giống ý của câu in nghiêng, ghi số dòng của 2 câu thơ tìm được vào chỗ trống trong bài tập. Chú ý dựa vào các từ in đậm trong câu in nghiêng để tìm nhanh 2 câu thơ. (HS có thể tiếp tục làm bài tập này sau giờ học.)

3. Luyện tập chính tả

– GV hướng dẫn cách làm bài tập 5 và 6 trong sách.

– HS làm việc cá nhân: làm các bài tập 5 và 6.

– HS chữa bài chung cả lớp rồi chép kết quả đúng vào vở.

4. Củng cố, dặn dò

– GV hướng dẫn HS học thuộc bài thơ sau giờ học.

– Chuẩn bị bài mới: *Hai con dê (*xem tranh, đọc to cả bài).

– Hoàn thành các bài tập 5 trong phiếu học tập và các bài tập trong sách.

*

* *

PHIẾU HỌC TẬP

1. Đếm số dòng của bài thơ rồi điền số đó vào chỗ trống (không đếm dòng ghi tên bài):

Bài thơ này gồm .... dòng.

2. Đọc nhỏ cả bài rồi điền chữ số thích hợp vào từng chỗ trống sau:

– Từ *tặng* ở dòng thơ số ....

– Từ *ra công* ở dòng thơ số ....

– Từ ngữ *nước non nhà* ở dòng thơ số ....

3. Nối mỗi từ ngữ ở cột A với một hay một số từ gần giống nghĩa của từ đó ở cột B:

A	B
tặng	cố gắng
	chăm chỉ
đất nước	cho
ra công	nước non nhà

4. Bác Hồ tặng bạn nhỏ vật gì? Khoanh tròn chữ cái trước dòng thơ nói lên điều đó.

a) Vở này ta tặng cháu yêu ta

b) Tỏ chút lòng yêu cháu gọi là

c) Mong cháu ra công mà học tập

d) Mai sau cháu giúp nước non nhà.

5. Đọc câu sau:

Bác *mong cháu* cố gắng *học tập* để *mai sau* lớn lên xây dựng *đất nước*.

Ghi ý kiến của em vào chỗ trống:

Câu trên nói lên ý của 2 câu thơ số ....

Bài thứ hai: BÀN TAY MẸ

(1 tiết)

(Tiếng Việt 1 tập 2 sách thử nghiệm CTTH 2000, NXB Giáo dục, năm 2000, trang 12)

I. MỤC TIÊU

1. Đọc thành tiếng

– Đọc đúng các tiếng, từ chứa âm đầu *r* (rám nắng); hoặc chứa âm đầu *v*, chứa vần *an*, *ay*, *ây*, *iêt* (bàn, tay, ngày, đầy, gầy, nhất, biết).

– Đọc trơn các từ: *rám nắng, gầy gầy, xương xương*.

– Đọc trơn câu và đoạn: ngắt hơi ở dấu phảy, nghỉ hơi ở dấu chấm, nghỉ hơi ở dấu chấm xuống dòng.

– Luyện đọc đúng các vần: *anh, ăn, ăng*.

2. Đọc hiểu

– Hiểu nghĩa của các từ mới tả đôi tay mẹ Bình: *rám nắng, xương xương*.

– Hiểu ý nghĩa của những câu văn nói về công việc mẹ làm.

– Hiểu đoạn đoạn văn nói về công lao của mẹ với con.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

– Tranh minh họa bài trong sách giáo khoa.

– Bảng phụ để ghi câu văn thứ ba có nhiều dấu phảy.

– Phiếu học tập trong đó có các bài tập đọc hiểu.

– Một số tranh ảnh minh họa mẹ làm các công việc trong gia đình.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

Tiết 1

A. KIỂM TRA BÀI CŨ

2 đến 3 HS đọc bài (có thể mỗi em đọc 3 câu tiếp nối nhau hoặc mỗi em đọc cả bài). Sau khi đọc, từng em trả lời một câu hỏi về nhân vật trong bài, hoặc về các hành động của nhân vật, hoặc về kết quả của các hành động của nhân vật.

B. DẠY BÀI MỚI

1. Giới thiệu bài

Có thể giới thiệu bài theo một trong những gợi ý sau:

– Cách giới thiệu theo gợi ý thứ hai trong bài soạn "Tặng cháu".

– Dùng những tranh ảnh minh họa mẹ làm các công việc gia đình để cho HS nói về nội dung một vài bức tranh qua đó giới thiệu chủ đề của bài học: nói về đôi bàn tay mẹ, đôi tay đã làm nhiều công việc cho các con.

2. Luyện đọc

2.1. Đọc thành tiếng

– GV đọc cả bài, HS cầm que chỉ vào chữ và đọc nhẩm theo.

– Theo gợi ý của GV, HS phát hiện các từ có các âm vần dễ mắc lỗi phát âm: *rám nắng*, hoặc *bàn tay, ngày, đầy, gầy gầy, nhất, biết.*

– HS luyện đọc đúng các từ trên (cá nhân, nhóm). Các HS đọc sai cần yêu cầu phân tích và ghép lại các tiếng, từ này.

– HS luyện đọc trơn các từ mới: *rám nắng, xương xương.*

– HS luyện đọc trơn câu:

+ Đọc từng câu theo mẫu (cá nhân, nhóm đồng thanh).

+ Luyện đọc câu thứ ba trên bảng phụ để tập ngắt hơi ở dấu phẩy (cá nhân, nhóm):

Đi làm về, / mẹ lại đi chợ, / gánh nước, / nấu cơm, / tắm cho hai chị em Bình, / giặt một chậu quần áo đầy. /

– HS luyện đọc đoạn:

+ Đọc từ đầu đến cuối bài, nghỉ hơi 2 lần dài hơn sau dấu chấm xuống dòng ở câu 1 và câu 3 (cá nhân).

+ Thi đọc đúng giữa các nhóm và tự nhận xét theo các tiêu chuẩn: đọc trơn không sót hoặc thừa chữ, ngắt hơi ở dấu phẩy, nghỉ hơi ở dấu chấm và nghỉ hơi dài hơn một chút ở dấu chấm xuống dòng.

– HS ôn đọc đúng các vần *anh, ăn , ăng* (cá nhân):

+ Thi tìm nhanh các tiếng có những vần trên ở trong bài và và ở ngoài bài rồi đọc to các tiếng đó.

+ Phân tích các tiếng tìm được và các vần của những tiếng này.

+ Ghép và đọc trơn các tiếng này.

Tiết 2

2.2. Đọc hiểu

• *Làm việc nhóm:*

– HS đọc nhỏ trong nhóm và tự nhận xét độ nhỏ của giọng đọc.

– HS làm bài tập 1 trong phiếu và tự chữa trong nhóm.

– HS làm bài tập 2 trong phiếu.

Hướng dẫn:

+ Tập đặt câu hỏi như thế nào để tìm đúng các từ để trống. Ví dụ: Đôi bàn tay như thế nào?

+ Tìm đúng từ ngữ trong bài trả lời cho câu hỏi rồi điền từ đó vào từng chỗ trống. (rám nắng, xương xương)

– HS làm bài tập 3 trong phiếu.

Hướng dẫn:

+ Tổ chức chơi thi giải đố nhanh giữa các nhóm.

+ Gợi ý: các từ đặt trước 2 từ ngữ đã cho là những từ ngữ chỉ bộ phận của người, chỉ quả hoặc cây (*Khuôn mặt / dáng người xương xương. Nước da / quả bưởi đầu cành rám nắng*).

+ Ghi lại kết quả đúng.

– HS làm bài tập 4.

Hướng dẫn:

+ Tìm câu văn trong bài kể các việc do tay mẹ Bình làm.

+ Đối chiếu các việc đã kể trong bài với các việc bạn kể trong bài tập để tìm việc còn thiếu.

+ Ghi lại kết quả đúng.

• *Làm việc chung cả lớp:*

– HS làm bài tập 5 trong phiếu.

Hướng dẫn:

+ Tổ chức thảo luận lớp.

+ Câu hỏi gợi ý thảo luận: Mẹ đã làm những việc gì cho em? Mẹ đã làm những việc gì cho những người khác trong gia đình em?

+ Các cá nhân phát biểu ý kiến, GV giúp từng em hoàn chỉnh lời phát biểu (nói thành câu).

+ HS chỉ ghi tên việc mẹ làm vào phiếu.

*

* *

PHIẾU HỌC TẬP

1. Đếm số câu trong bài rồi ghi kết quả vào ô trống:

câu.

2. Điền từ ngữ tả đôi tay của mẹ Bình vào chỗ trống:

Bình yêu lắm đôi bàn tay của mẹ, đôi bàn tay ...., các ngón tay gầy gầy, ...

3. Giải đố:

Đố em tìm được một từ ngữ đặt trước *xương xương*, một từ ngữ đặt trước *rám nắng* để tạo ra 2 câu văn.

– .... xương xương.

– .... rám nắng.

4. Một bạn kể lại những việc do đôi bàn tay mẹ của Bình làm nhưng bạn kể còn thiếu. Em hãy kể tiếp những việc còn lại vào sau lời của bạn.

Hằng ngày mẹ đi chợ chọn mua thức ăn, nấu cơm, tắm cho hai chị em Bình

5. Kể ra một vài việc khác mà mẹ của em đã làm ở nhà em rồi viết vào chỗ trống.

....

....

....

Bài thứ ba: CON QUẠ THÔNG MINH
(2 tiết)

(Tiếng Việt 1 tập 2 sách thử nghiệm CTTH 2000, NXB giáo dục, năm 2000, trang30)

I. MỤC TIÊU

1. Đọc thành tiếng

– Đọc đúng các tiếng, từ mở đầu bằng âm *s, n, l* (*song, sao, sỏi, nước, nó, lọ, liền, lên*) hoặc có vần *at, thanh hỏi* và *thanh ngã* (*khát, cổ, mỏ, sỏi, bỏ, nghĩ*).

– Đọc trơn câu: ngắt hơi , nghỉ hơi ở dấu phảy và dấu chấm.

2. Đọc hiểu

– Hiểu nghĩa của các từ *kế, dần dần* và một số từ khác.

– Hiểu ý của các câu trong bài.

– Biết nhắc lại việc làm của con quạ chứng tỏ nó là con vật thông minh.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

– 2 tranh minh họa bài trong sách giáo khoa.

– Một chiếc cốc thủy tinh cao, miệng nhỏ, một chiếc thìa (muỗng) mất một đoạn tay cầm, phần tay cầm còn lại rất ngắn, ngắn hơn so với chiều cao của cốc, trong cốc có một chút nước (khoảng ít hơn nửa cốc), một chiếc cốc thủy tinh bé để đổ nước vào đó sau khi lấy nước ở cốc cao ra. Đây là đồ dùng để tổ chức trò chơi.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

Tiết 1

A. KIỂM TRA BÀI CŨ

2 hoặc 4 HS đọc thuộc từng khổ thơ hoặc thuộc cả bài thơ "Mẹ và cô", sau đó mỗi em trả lời một câu hỏi và nhắc lại ý của một hay một số câu thơ trong bài.

B. DẠY BÀI MỚI

1. Giới thiệu bài

(Tham khảo các gợi ý ở bài soạn *Tặng cháu* và bài soạn *Bàn tay mẹ*).

2. Luyện đọc

2.1. Đọc thành tiếng

• *Làm việc cả lớp:*

– GV đọc cả bài. HS chỉ vào chữ và đọc nhẩm theo.

– Theo gợi ý của GV , HS phát hiện các từ dễ mắc lỗi phát âm:

Các từ mở đầu bằng *l, n, s*: *nước, nó, lọ, liền, lên, song, sao, sỏi*; hoặc các từ có vần *at, thanh hỏi, thanh ngã*: *khát, cổ, mỏ, sỏi, bỏ, nghĩ*.

– HS luyện đọc các từ trên, nếu các em sai nhiều thì để một số em phân tích và ghép các tiếng đó (cá nhân).

– HS đọc các từ mới: *kế, dần dần*.

– HS đọc nối tiếp từng câu , hết bài quay lại đọc từ đầu. Luyện đọc câu có ngắt hơi ở dấu phẩy: *Song nước trong lọ ít quá, / cổ lọ lại cao, / nó không sao thò mỏ vào uống được*.

– HS luyện đọc cả bài: nghỉ hơi ở chỗ có dấu chấm.

Thi đọc đúng cả bài giữa các cá nhân.

• *Làm việc nhóm:*

– Ôn các tiếng có vần *at* và *ac*:

+ Tìm tiếng trong bài có vần *at (khát)*.

+ Tìm một vài tiếng mà em biết chứa vần *a c (con hạc, khác, bác, nhạc...)*

+ Phân tích các tiếng có vần *at, ac* và phân tích các vần *at, ac* rồi ghép các vần và các tiếng đó.

+ Chơi trò nói câu có tiếng cuối mang vần *at* hoặc *ac*. Cách chơi:

Mỗi em trong nhóm đều chuẩn bị tìm một vài tiếng có hai vần trên. Em đầu tiên nói một câu có tiếng chứa vần *at* hoặc *ac*: *Tôi đi thăm lăng* ***Bác***. Em ngồi bên phải có nhiệm vụ nói tiếp câu có chứa một trong hai vần trên nhưng từ chứa vần phải là từ khác với từ bạn đã dùng: *Vừa đi tôi vừa* ***hát***. Các em khác lần lượt làm như thế đến khi hết lượt. Em nào không làm được sau khi đếm đến ba thì bị coi là thua cuộc và phải cõng một bạn thắng cuộc đi lên bảng rồi quay về khi trò chơi kết thúc.

Tiết 2

2.2. Đọc hiểu

• Làm việc nhóm:

– HS đọc nhẩm cả bài theo cách đọc mẫu của GV (đọc nhỏ chỉ đủ cho chính mình nghe thấy, môi mấp máy) và tự nhận xét cách đọc của bạn.

– HS làm bài tập 1 trong phiếu học tập.

Hướng dẫn:

+ Vừa đọc nhẩm vừa ghi số vào chỗ có dấu chấm câu cho đến hết bài.

+ Tìm xem từ ngữ nêu trong đề bài ở trong câu văn nào rồi điền số câu văn đó vào chỗ trống *(câu 5)*.

+ Đổi phiếu cho bạn để chữa bài.

– HS làm bài tập 2 trong phiếu học tập.

Hướng dẫn:

+ Đọc câu thứ nhất có chứa từ *kế*, bỏ từ này khỏi câu, đặt câu hỏi để tìm từ thay thế: *Quạ liền nghĩ ra một cái gì?* Thảo luận để tìm từ trả lời cho câu hỏi *cái gì*, đó chính là từ thay thế, hãy điền từ đó vào chỗ trống (*cách, sáng kiến, cách làm...*).

+ Đọc câu thứ hai và làm theo cách làm ở câu thứ nhất. Câu hỏi để tìm từ thay thế cho câu này là: *Nước dâng lên như thế nào (từ từ, chầm chậm...)?*

Chữa bài theo bài chữa của GV trên bảng.

– HS làm bài tập 3 trong phiếu học tập.

Hướng dẫn:

+ Đọc nhẩm đề bài để rõ yêu cầu của bài tập.

+ Đọc các câu a, b, c.

+ Chọn 1 câu trả lời đúng và khoanh tròn chữ cái trước câu đó.

(*Khoanh tròn câu b*)

+ Đổi phiếu cho bạn để chữa bài trong nhóm.

– HS làm bài tập 4 trong phiếu học tập.

Hướng dẫn:

+ Đọc nhẩm lại bài 1 lần, ghi nhớ thứ tự các việc quạ làm.

+ Đọc nhẩm các câu trong đề bài để biết mỗi câu nêu một việc làm của quạ. Nhận biết thứ tự của mỗi việc ghi trong từng câu và ghi đúng số thứ tự trước mỗi câu (*câu đầu tiên – số 1, câu thứ hai – số 2, câu thứ ba – số 3, câu thứ tư – số 4*).

+ Kể trong nhóm các việc làm đã nêu theo thứ tự đúng.

• *Làm việc chung cả lớp:*

– HS chơi trò "Mách bạn cách múc nước ra khỏi cốc".

Hướng dẫn:

+ GV nêu yêu cầu của trò chơi: mách bạn cách dùng thìa có cán ngắn để múc nước ra khỏi một chiếc cốc cao có ít nước, hãy làm theo cách của chú quạ trong bài để có thể múc được nước ra khỏi cốc đổ sang chiếc cốc bé.

+ GV hướng dẫn cách chơi: 2 HS lên bàn đặt cốc nước để chơi. 1 em đóng vai người chỉ dẫn cách làm, 1 em đóng vai người thực hiện lời chỉ dẫn. Nếu chỉ dẫn đúng sẽ làm đúng và cả hai sẽ nhận được phần thưởng của trò chơi.

+ HS chơi theo hướng dẫn.

+ Sau khi 2 HS chơi xong, các em khác nhận xét: bạn hướng dẫn nêu mấy việc, các việc nêu đã đúng thứ tự chưa, đã đủ để bạn thực hiện múc được nước chưa; bạn thực hiện có làm theo hướng dẫn không, kết quả có múc được nước không.

+ GV trao thưởng nếu HS thành công, GV nhắc lại từng việc cần chỉ dẫn để HS tự chơi lại sau giờ học nếu HS không thành công.

3. Luyện tập chính tả

– GV hướng dẫn làm bài tập 5 và 6 trong sách giáo khoa.

– HS làm bài tập 5 và 6.

– HS chữa bài tập 5 và 6 theo hướng dẫn của GV và chép kết quả đúng vào vở.

4. Củng cố, dặn dò

– Đọc bài cũ: đọc to, đọc nhẩm, nhắc lại những việc làm của con quạ.

– Chơi lại trò đã chơi trong giờ học.

– Chuẩn bị đọc bài mới: bài *Quyển vở của em,* đọc cả bài và trả lời câuhỏi ở cuối bài.

*

* *

PHIẾU HỌC TẬP

1. Ghi số vào chỗ kết thúc mỗi câu và cho biết các từ *gắp từng hòn sỏi* có ở trong câu thứ .... của bài.

2. Tìm một từ để thay cho mỗi từ gạch dưới trong bài mà không làm cho nghĩa của câu thay đổi.

Quạ liền nghĩ ra một *kế*. Nó lấy mỏ gắp từng hòn sỏi bỏ vào lọ. Nước *dần dần* dâng lên.

– Từ thay cho *kế* là: ....

– Từ thay cho *dần dần* là: ....

3. Khoanh tròn chữ cái trước câu tả cái lọ nước con quạ

tìm thấy.

a) Một con quạ khát nước.

b) Song nước trong lọ ít quá, cổ lọ lại cao, nó không sao thò mỏ vào uống được.

c) Thế là quạ tha hồ uống.

4. Trật tự của những câu sau đã đảo lộn những việc làm của con quạ, hãy ghi số thứ tự ở trước mỗi câu để xếp lại cho đúng thứ tự các việc đó.

Song nước trong lọ ít quá, cổ lọ lại cao, nó không sao thò mỏ vào uống được.

Nó tìm thấy một chiếc lọ có nước.

Quạ liền nghĩ ra một kế.

Nó lấy mỏ gắp từng hòn sỏi bỏ vào lọ.

5. Chơi trò "Mách bạn cách múc nước ra khỏi cốc".

Bài thứ tư: **ANH HÙNG BIỂN CẢ**
(2 tiết)

(Tiếng Việt 1 tập 2, sách thử nghiệm CTTH 2000, NXB Giáo dục, năm 2000, trang 68)

I. MỤC TIÊU

1. Đọc thành tiếng

– Đọc đúng các tiếng, từ có *thanh hỏi, thanh ngã*, có chứa các vần kết thúc là *n* (*giỏi, chỉ, khỉ, cảng, hỏng, nhảy dù, biển, Biển Đen, Huân chương săn lùng, sữa, dẫn*...); hoặc các tiếng, từ có âm đầu là *s, l* (*cây số, sinh, sữa, sống,*

săn lùng, lao nhanh, loài...).

– Biết ngắt hơi ở dấu phảy và nghỉ hơi ở dấu chấm.

2. Đọc hiểu

– Hiểu nghĩa của các từ: *cây số, cảng, canh gác, săn lùng, nhảy dù*.

– Nhớ và nhắc lại được một số đặc điểm, khả năng của loài cá heo được nói trong bài.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

– Một số tranh ảnh và truyện hoặc tin ngắn về cá heo.

– Một số hình ảnh về cảng, nhảy dù.

– Bảng phụ để ghi các câu luyện đọc.

– Phiếu học tập có các bài tập đọc hiểu.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

Tiết 1

A. KIỂM TRA BÀI CŨ

(Tham khảo cách làm ở các bài soạn thứ nhất, thứ hai và thứ ba)

B. DẠY BÀI MỚI

1. Giới thiệu bài

(Tham khảo cách làm ở các bài trước)

2. Luyện đọc

2.1 Đọc thành tiếng (tham khảo cách làm ở các bài trước)

Sau khi cho HS phân tích các vần *uân, uâng* và đọc các từ *mùa xuân, bâng khuâng* trong sách, có thể tổ chức cho các em chơi trò chơi để ôn các vần này.

Trò chơi *Chữ nào bị mất?*

Cách tổ chức chơi:

– GV chép đoạn sau lên bảng phụ:

Ngày xuân ấm áp, mẹ đưa *Quân* về thăm quê. Cảnh đẹp trên đường khiến *Quân* thấy *bâng khuâng*. *Quân* nghĩ về bà ngoại, về các chú hải *quân* đang nghỉ nhờ tại nhà bà. Em mong sao sớm được quây *quần* bên bà, bên những người bạn tốt bụng ở quê. Hôm trở về thành phố, mẹ và *Quân khuân* về bao nhiêu quà của bà và của các bạn.

– Cho HS đọc cá nhân và đọc đồng thanh đoạn trên vài lần.

– Xóa bỏ các từ chứa vần *uân, vần uâng* trong đoạn. Ghi số thứ tự vào từng chỗ trống do xóa.

– Chia lớp thành 2 nhóm, nhóm nào điền nhanh và đúng tiếng vào các chỗ trống, trả lời đúng câu hỏi: *Các chữ bị mất mang vần gì?* thì được nhận thưởng (GV có thể giúp HS điền bằng phấn màu).

Tiết 2

2.2. Đọc hiểu

• *Làm việc nhóm:*

– HS đọc nhẩm cả bài và tự nhận xét nhau (chỉ đọc nhỏ và mấp máy môi, bạn bên cạnh không nghe rõ tiếng).

– HS làm bài tập 1.

Hướng dẫn:

+ Đếm số dòng và ghi số thứ tự ở đầu mỗi dòng.

+ Xem hình ở dưới phần a và tìm từ gọi tên chỗ tàu bè

ra vào ở dòng 6 để điền vào chỗ trống thứ nhất (cảng).

+ Xem hình ở dưới phần b và tìm từ gọi tên hoạt động trên hình ở dòng 8 để điền vào chỗ trống thứ hai. *(nhảy dù)*

– HS làm bài tập 2 trong phiếu học tập. (xem hướng dẫn cách làm bài tập tương tự ở bài soạn *Tặng cháu*) *(săn lùng – tìm kiếm, canh gác – bảo vệ, cây số – ki lô mét)*

– HS đổi vở cho nhau để chữa bài tập 1 và 2 theo chữa mẫu của GV.

– HS làm bài tập 3.

Hướng dẫn:

+ Đọc 2 câu đầu của bài.

+ Tìm trong 2 câu đó ý nói về đặc điểm bơi nhanh của cá heo rồi tự tìm từ ngữ diễn đạt cho đúng với ý này để điền vào chỗ trống. Chú ý: GV có thể gợi từ ngữ cho HS bằng cách nêu câu hỏi *Cá heo bơi nhanh như thế nào?*, HS có thể điền từ ngữ không hoàn toàn giống từ ngữ trong bài song nếu diễn đạt đúng ý thì được chấp nhận là câu trả lời đúng. (*Cá heo bơi nhanh như tên bắn. Hoặc: Cá heo bơi nhanh như tên bắn với tốc độ năm mươi cây số một giờ. Hoặc: Cá heo bơi nhanh nhất trong số các con vật ở biển...)*

– HS làm bài tập 4.

Hướng dẫn:

+ Đọc yêu cầu của bài.

+ Đọc và phân tích các câu trả lời để làm rõ xem mỗi câu trả lời nói về điều gì của cá heo.

+ Chọn câu trả lời đúng. *(Câu c)*

+ Đổi vở chữa bài tập 3 và 4 theo chữa mẫu của GV.

• *Làm việc chung cả lớp:*

– HS làm bài tập 5 trong phiếu học tập.

Hướng dẫn:

Tổ chức thi kể lại chiến công của một chú cá heo được nói tới trong bài. GV ghi câu hỏi gợi ý lên bảng:

+ Chú cá heo đó sống ở vùng biển nào?

+ Chú đã làm được việc gì có ích?

+ Chú đã được thưởng gì cho chiến công đã lập được?

HS kể miệng, những HS kể đủ ý và lưu loát thì được khen.

Sau khi kể miệng, nếu còn thời gian, cho HS ghi bài vào phiếu.

– Hướng dẫn HS làm bài tập 6trong phiếu học tập hoặc bài tập 6 trong sách giáo khoa (chọn một trong hai bài):

+ Giao một số sách báo có đoạn viết về cá heo để HS đọc.

+ Giới thiệu sơ qua về ý của từng đoạn hoặc bài để gợi tò mò , ý thức ham đọc ở HS.

+ Giao nhiệm vụ cho HS đọc ở ngoài giờ học rồi chuẩn bị kể cho các bạn vào giờ tập đọc tiếp theo.

+ Nếu chọn bài tập 6 trong sách giáo khoa thì GV cho HS kể theo các câu hỏi gợi ý ở bài tập này.

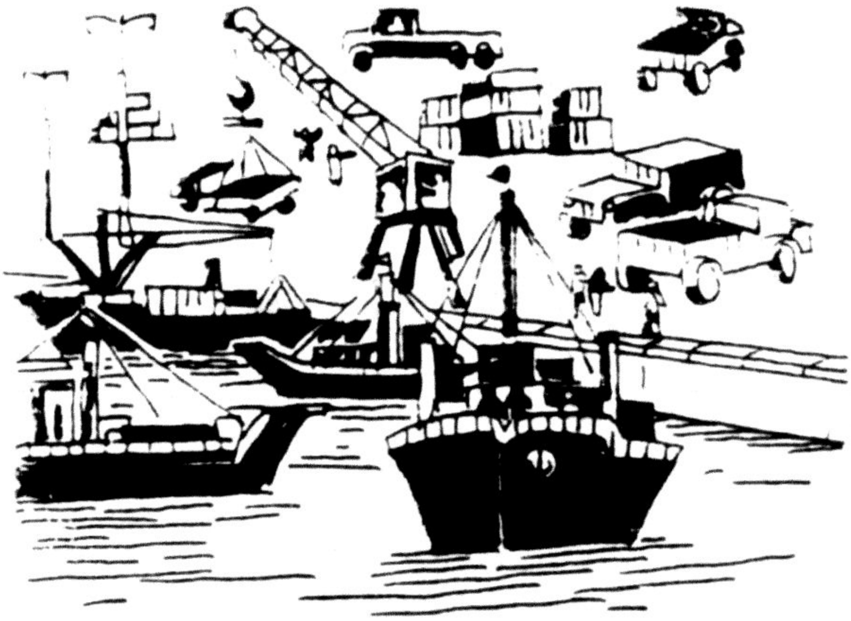
*

* *

PHIẾU HỌC TẬP

1. Đếm số dòng của bài, xem hình dưới đây rồi điền từ đúng với hình vào từng chỗ trống.

a. Từ .... ở dòng thứ 6 của bài chỉ nơi tàu thuyền ra vào để nhận và trả khách, hàng hóa.



b. Từ .... ở dòng thứ 8 trong bài chỉ hoạt động của người trong hình bên dưới.



2. Nối từ trong bài ở cột A với từ gần giống nghĩa với từ đó ở cột B.

A	B
canh gác	tìm kiếm
	giúp đỡ
săn lùng	bảo vệ
cây số	ki lô mét (đơn vị đo chiều dài)

3. Điền tiếp vào chỗ trống các từ ngữ để hoàn thành câu nói về một ý trong bài.

Cá heo bơi nhanh..

....

....

4. Khoanh tròn chữ cái trước câu nói về những việc cá heo có thể làm giúp người.

a) Cá heo là tay bơi giỏi nhất của biển.

b) Nó sinh con và nuôi con bằng sữa như người.

c) Có thể dạy nó canh gác bờ biển, dẫn tàu thuyền ra vào cảng, săn lùng tàu thuyền giặc.

5. Kể lại rồi chép lại câu nói về chiến công của một chú cá heo trong bài.

....

....

....

6. Đọc thêm những đoạn tin hoặc truyện viết về cá heo để kể cho các bạn em nghe.

Bài thứ năm: GỬI LỜI CHÀO LỚP MỘT
(*2 tiết*)

(Tiếng Việt lớp 1 tập 2, sách thử nghiệm CTTH 2000, NXB Giáo dục, năm 2000)

I. MỤC TIÊU

1. Đọc thành tiếng

– Đọc đúng các tiếng, từ có âm đầu là *n* , *l, s, tr* (*lớp, lời, làm, luôn, năm, nay, sẽ, cửa sổ, trước*) hoặc các tiếng *có vần ay, có vần kết thúc bằng n, có thanh hỏi và thanh ngã* (*tay, nay, dạy, đón, tiến, quen, mến, luôn, gửi, bảng đen, cửa sổ*).

– Biết ngắt hơi và nghỉ hơi ở chỗ có dấu chấm, dấu phẩy, ở cuối dòng thơ.

2. Đọc hiểu

Hiểu ý của từng dòng thơ, từng khổ (đoạn)thơ và biết ý nghĩa của bài thơ là lời chào tạm biệt năm học đầu tiên ở trường phổ thông.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

– Tranh minh họa trong sách giáo khoa.

– Bút chì, bút chì màu hoặc sáp màu, giấy trắng để HS vẽ minh hoạ

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

Tiết 1

A. KIỂM TRA BÀI CŨ

(tham khảo cách làm ở các bài trước)

B. DẠY BÀI MỚI

1. Giới thiệu bài

(tham khảo cách làm ở các bài trước)

2. Luyện đọc

2.1. Đọc thành tiếng

(tham khảo cách làm ở các bài trước)

– Ôn chữ *p*: dùng tranh ảnh để giới thiệu một số vật có tên gọi mở đầu bằng chữ *p*. Ví dụ: đèn *pin*, *pa* nô, gỗ *pơ* mu, *pa* tê. Lưu ý HS không phát âm lẫn *p* và *b* (*pin* mà không phải là *bin*, *pa* tê mà không phải là *ba* tê).

Tiết 2

2.2. Đọc hiểu

• *Làm việc nhóm:*

– HS đọc nhẩm trong nhóm và tự nhận xét cách đọc của nhau.

– HS làm bài tập số 1 trong phiếu học tập.

Hướng dẫn:

Mỗi đoạn thơ được in cách nhau 1 dòng, theo dấu hiệu đó em có thể đếm được số đoạn thơ trong bài.

– HS làm bài tập 2.

Hướng dẫn:

+ Đọc nhẩm từng đoạn thơ và đọc nhẩm cả bài, so sánh để tìm 2 đoạn thơ giống nhau.

+ Đọc nhẩm các câu trả lời cho sẵn và tìm câu trả lời đúng (câu c)

+ Đổi vở để chữa bài tập 1 và 2 theo chữa mẫu của bạn trên bảng lớp.

– HS làm bài tập 3 trong phiếu. (Hướng dẫn tương tự như cách hướng dẫn các bài tập trắc nghiệm khác)

– HS làm bài tập 4.

Hướng dẫn:

+ Tìm đoạn thơ bạn nhỏ chào cô giáo. (Đoạn 3)

+ Tìm dòng thơ nói lên điều bạn sẽ làm theo lời cô khi học xong lớp Một. (Dòng 3)

+ Chữa bài theo chữa mẫu của bạn trên bảng lớp.

• *Làm việc cá nhân:*

– HS làm bài tập 5.

Hướng dẫn:

+ Quan sát từng tranh, xem mỗi tranh có hình vật gì hoặc hình ảnh ai của lớp học.

+ Viết lời chào vật hoặc người trong tranh ở dưới tranh.

– HS làm bài tập 6.

Hướng dẫn:

Mỗi em được lựa chọn tự do người hoặc vật mình thích và vẽ. Sau khi vẽ tranh, viết lời chào của em vào dưới tranh, lời chào cũng do em tự nghĩ. Làm xong bài tập này, các em có thể ghi tên mình vào bài rồi treo lên tường của lớp để các bạn cùng xem.

*

* *

PHIẾU HỌC TẬP

1. Điền vào chỗ trống ý kiến của em.

Bài thơ có ..... khổ thơ, mỗi khổ thơ gồm ..... dòng thơ.

2. Khoanh tròn chữ cái trước câu trả lời đúng cho câu hỏi sau:

Trong bài có 2 khổ thơ nào giống nhau, ý của 2 khổ thơ đó là gì?

a. Khổ thơ 1 và 2 giống nhau. Ý của 2 khổ thơ đó là lời chào bảng đen.

b. Khổ thơ 2 và 3 giống nhau. Ý của 2 khổ thơ đó là lời chào cô giáo.

c. Khổ thơ 1 và 4 giống nhau. Ý của 2 khổ thơ đó là lời chào lớp Một.

3. Khoanh tròn chữ cái trước câu trả lời đúng.

Lời chào lớp học và những vật thân quen trong lớp có ở khổ thơ nào?

a. Khổ thơ 1

b. Khổ thơ 2

c. Khổ thơ 3

d. Khổ thơ 4

4. Viết lại câu thơ nói lên lời hứa của bạn nhỏ với cô giáo sau khi học xong lớp Một.

....

5. Đóng vai bạn nhỏ, em hãy viết lời cho từng tranh ở bài tập 5 trong sách giáo khoa.

6. Hãy vẽ một người (hoặc một vật) ở lớp mà em gắn bó nhất khi học lớp Một và viết lời chào người đó (hoặc vật đó) của em vào dưới tranh.

3.2. Một số đề kiểm tra tham khảo (thời gian: 20 phút)

ĐỀ 1

Đọc nhẩm bài sau:

Hoa mào gà

Một hôm chú gà trống
Lang thang trong vườn hoa
Đến bên hoa mào gà
Ngơ ngác nhìn không chớp.

Bỗng gà kêu hoảng hốt:
– Lạ thật! Các bạn ơi!
Ai lấy mào của tôi
Cắm lên cây này thế?

1. Điền số đúng vào chỗ trống.

Bài thơ có ... khổ (đoạn) thơ, mỗi khổ thơ có ... dòng thơ.

2. Khoanh tròn chữ cái trước từ gần nghĩa với từ *hoảng hốt* trong bài.

a. lo sợ

b. vui mừng

c. chán ghét

3. Khoanh tròn chữ cái trước câu trả lời đúng.

Chú gà trống nhìn cái gì trong vườn hoa?

a. cái cây

b. bông hoa mào gà

c. các bạn gà

4. Khoanh tròn chữ cái trước câu trả lời đúng.

Hai câu thơ cuối bài nói lên điều gì?

a. Chú gà trống đi tìm mào bị mất.

b. Chú gà trống hiểu lầm hoa mào gà là mào của mình.

c. Chú gà trống thích cây hoa mào gà.

ĐỀ 2

Đọc nhẩm bài sau:

Tư thế ngay ngắn khi ngồi viết

1. Đầu hơi cúi xuống, hai vai ngang nhau không lệch về bên nào. Mắt cách vở một khoảng bằng chiều dài của chiếc thước kẻ (30 cen-ti-mét), để tránh lệch vai, cận thị.

2. Ngực không tỳ sát vào bàn, lưng thẳng. Hai chân chống dưới gầm bàn thoải mái, không gò bó để tránh tức thở, gù lưng.

1. Điền số đúng vào chỗ trống.

Bài văn trên có ...... đoạn, mỗi đoạn có ...... câu.

2. Khoanh tròn chữ cái trước câu trả lời đúng.

Đoạn thứ nhất nói về tư thế của bộ phận nào khi em ngồi viết?

a. tư thế của đầu

b. tư thế của vai

c. tư thế của đầu và mắt

d. tư thế của đầu, vai và mắt

3. Điền tiếp các từ ngữ vào từng chỗ trống để nêu đúng các ý trong bài.

– Ngực không...vào bàn.
– Lưng..
– Hai chân ....

4. Khoanh tròn chữ cái trước câu trả lời đủ ý nhất.

Ngồi viết đúng tư thế sẽ giúp ta tránh được những điều gì có hại?

a. lệch vai, cận thị, gù lưng

b. lệch vai, cận thị, tức thở, gù lưng

c. mỏi cổ, cận thị, tức thở, gù lưng

ĐỀ 3

Đọc nhẩm câu chuyện sau:

Con chuột phát phì

Một con chuột gầy gặm thủng tủ đựng thức ăn bằng gỗ. Nó chui qua lỗ thủng nhỏ và lọt vào tủ để ăn vụng. Nó tham lam ăn suốt cả đêm, thứ gì để trong tủ nó cũng nếm. Do ăn nhiều quá mức nên bụng nó phình to ra. Sáng hôm sau, chuột ta tìm đường về ổ, nhưng cái bụng to quá khiến nó không sao lách qua được lỗ thủng.

1. Đếm số câu trong bài và điền số đúng vào chỗ trống.

Từ *phình* ở trong câu thứ .... của bài.

2. Khoanh tròn chữ cái trước câu trả lời đúng.

Trước khi ăn vụng, con chuột có hình dáng thế nào?

a. béo phì

b. gầy

c. bụng phình to

3. Khoanh tròn chữ cái trước câu trả lời đúng.

Câu nào dưới đây nêu đúng ý của một câu trong bài?

a. Suốt đêm chuột gầy ăn đủ các loại thức ăn trong tủ.

b. Cả đêm chuột ta lo sợ.

c. Suốt đêm chuột ta không sao lách qua được lỗ thủng.

4. Chọn từ ngữ nói lên tính xấu của con chuột trong bài để điền vào chỗ trống.

Con chuột này rất ....

B. LỚP 2

1. Nội dung dạy học

1.1. Kỹ năng đọc hiểu

Ở lớp 2, nhiệm vụ trọng tâm của phần tập đọc là dạy cho HS biết nhìn chữ để đọc đúng từng tiếng, từng từ, từng câu, từng đoạn ngắn. Bên cạnh nhiệm vụ trọng tâm là đọc thành tiếng một cách rõ ràng, đọc hiểu cũng là một nhiệm vụ quan trọng của phần tập đọc. Các kỹ năng bộ phận của kỹ năng đọc hiểu được dạy ở lớp 2 là:

– Các kỹ năng đọc thầm và đọc lướt: đọc nhẩm, đọc bằng mắt với tốc độ khoảng 60 chữ / phút, lướt nhanh mắt trên một số dòng để tìm từ ngữ hoặc câu ngắn theo yêu cầu.

– Các kỹ năng nhận diện ngôn ngữ: nhận ra từ mới, nhận ra câu (hoặc dòng) trong bài nêu ý của đoạn văn (nếu có).

– Các kỹ năng làm rõ nội dung văn bản: nhận biết nghĩa của từ, nhận biết nghĩa của câu (chỉ nghĩa hiển ngôn), nhận biết ý chính của đoạn ngắn.

– Kỹ năng hồi đáp văn bản: chủ yếu tập trung vào thao tác liên hệ suy nghĩ và việc làm của nhân vật trong bài đọc với cuộc sống của bản thân HS để từ đó HS tự rút ra *bài học đơn giản* cho chính mình và những người xung quanh.

1.2. Văn bản đọc hiểu

Văn bản dạy đọc hiểu ở lớp 2 gồm những loại sau:

– Văn bản nghệ thuật (hoặc được viết theo phong cách nghệ thuật).

– Văn bản khoa học (hoặc được viết theo phong cách khoa học).

– Văn bản nhật dụng (bao gồm một số biểu đơn giản, giấy tờ đơn giản, ấn phẩm đơn giản dùng trong đời sống và gần gũi với HS lớp 2).

– Văn bản truyền thông (báo chí dành cho nhi đồng).

Độ dài của văn bản: văn bản nghệ thuật là văn xuôi và văn bản khoa học khoảng 120 đến 150 chữ, văn bản thơ khoảng 80 đến 100 chữ; văn bản truyền thông và văn bản nhật dụng khoảng 50 đến 80 chữ để học trong 1 tiết.

Độ dài của câu trong văn bản khoảng 12 tiếng. Các câu được dùng với nghĩa hiển ngôn.

Các từ trong văn bản phải là những từ gọi tên các sự vật, hiện tượng, hoạt động, tính chất gần gũi với HS lớp 2.

2. Phương pháp dạy học – tổ chức hoạt động học tập để HS đọc hiểu

2.1. Vị trí của phần đọc hiểu trong tiến trình bài dạy tập đọc lớp 2.

Lớp 2 không có bài dạy đọc hiểu riêng. Nội dung đọc hiểu là một bộ phận của nội dung bài tập đọc. Việc dạy đọc hiểu diễn ra sau việc dạy đọc thành tiếng. Ở một số bài đọc văn bản nghệ thuật (thơ hoặc văn xuôi)có nội dung gần với khả năng cảm nhận nghệ thuật của HS, bước đầu cho HS học cách đọc có biểu cảm. Dưới đây là trình tự dạy học của bài tập đọc trong đó có nội dung đọc hiểu:

A. KIỂM TRA BÀI CŨ

B. DẠY BÀI MỚI

1. Giới thiệu bài

2. Luyện đọc

2.1. Đọc trơn

– GV đọc cả bài, HS nghe đọc và chỉ vào chữ trên trang sách.

– Luyện đọc tiếng, từ (các tiếng, từ hay mắc lỗi phát âm).

– Luyện đọc câu: đọc trơn các từ, giữ đều khoảng cách giữa các từ, đọc đúng các từ gồm nhiều tiếng, ngắt hơi ở dấu phẩy, đọc đúng ngữ điệu câu kể và câu hỏi.

– Luyện đọc đoạn: ngắt hơi ở dấu chấm, đọc đúng ngữ điệu của các câu hỏi và kể khi các câu này đặt cạnh nhau.

2.2. Đọc hiểu

– Đọc nhỏ, đọc lẩm nhẩm, vừa đọc vừa chỉ vào chữ.

– Đọc nhẩm, đọc thầm, đọc lướt.

– Nhận biết các câu (đếm số câu và đánh số ở đầu mỗi

câu).

– Nhận biết một số từ mới trong bài (GV gợi ý, HS phát hiện) và nhận biết nghĩa của các từ này thông qua làm bài tập giải nghĩa từ.

– Nhận biết nghĩa một số câu quan trọng thông qua làm bài tập về làm rõ nghĩa câu.

– Nhận biết câu trong bài chứa đựng ý của đoạn (nếu có) thông qua làm bài tập về làm rõ nghĩa của đoạn.

– Liên hệ nội dung bài với kinh nghiệm sống của bản thân để tự rút ra bài học cho bản thân hoặc cho những người xung quanh (nếu mối liên hệ này đơn giản và dễ thiết lập) thông qua làm bài tập hồi đáp (tiếp nhận) văn bản.

2.3. Đọc diễn cảm (chỉ có ở một số bài)

– Đọc theo giọng của từng nhân vật trong văn bản.

– Tập thể hiện tình cảm của người đọc qua giọng đọc.

3. Củng cố, dặn dò

– Củng cố bài học: về đọc thành tiếng, về hiểu ý của đoạn đã đọc

trong bài.

– Nhiệm vụ chuẩn bị bài mới.

2.2. Bài tập đọc hiểu

2.2.1. Những căn cứ để xây dựng bài tập

– Căn cứ vào nội dung hình thành và rèn luyện kỹ năng đọc hiểu đã nêu ở mục 1.1 để hình thành các loại bài tập. (Xem thêm các căn cứ khác để xây dựng bài tập đọc hiểu lớp 1 trong phụ lục số1)

– Độ khó của bài tập đọc hiểu ở lớp 2 nhìn chung cao hơn độ khó của các bài tập ở lớp 1, điều này thể hiện ở

những điểm sau:

+ Trong phần nêu nhiệm vụ của bài tập: nhiệm vụ có thể nhiều hơn hoặc phức tạp hơn.

+ Trong phần đưa thông tin: ngữ liệu có thể nhiều hơn.

+ Trong phần hướng dẫn: số lượng các thao tác có thể nhiều hơn hoặc số các thao tác trí tuệ nhiều hơn.

+ Trong mỗi dạng bài gồm nhiều kiểu bài thể hiện sự phong phú của một yêu cầu về kỹ năng.

2.2.2. Tổ hợp bài tập đọc hiểu

– Loại ***bài tập luyện đọc thầm*** gồm các dạng:

+ Bài tập tăng tốc độ đọc nhẩm.

+ Bài tập đọc bằng mắt.

+ Bài tập đọc lướt.

– Loại ***bài tập nhận diện ngôn ngữ*** gồm các dạng:

+ Bài tập nhận biết từ mới.

+ Bài tập nhận biết câu.

+ Bài tập nhận biết đoạn.

– Loại ***bài tập làm rõ nội dung văn bản*** (hiểu nội dung) gồm các dạng:

+ Nhận biết nghĩa của từ.

+ Nhận biết nghĩa của câu.

+ Nhận biết những nội dung được khắc sâu hoặc được nhấn mạnh bằng ngôn từ có tính nghệ thuật.

+ Nhận biết ý của đoạn.

– Loại ***bài tập hồi đáp văn bản*** chỉ gồm 1 dạng: bài tập liên hệ để rút ra bài học đơn giản cho bản thân và cho những người xung quanh.

2.3. Tổ chức hoạt động học tập cho HS

Dạy đọc hiểu trong bài tập đọc lớp 2 cần tổ chức cho HS hoạt động bằng cách nhìn, nghĩ, nghe, làm và nói, cụ thể là:

– Tổ chức cho HS nhìn chữ để đọc thành tiếng, đọc thầm, xem hình minh họa.

– Tổ chức cho HS nghĩ dưới các hình thức:

+ Ghi nhớ từng phần nội dung bài.

+ Phân tích và tổng hợp (ở mức đơn giản) để tìm ra nghĩa của từ, nêu nhận xét đơn giản về con người hoặc sự việc được đề cập trong bài.

+ Giải quyết vấn đề (ở mức đơn giản) theo cách liên hệ những nội dung đơn giản trong bài đọc với cuộc sống để định hướng suy nghĩ hoặc hành động đúng cho bản thân, cho một số người có liên quan.

– Tổ chức cho HS nghe dưới các hình thức sau:

+ Nghe GV đọc mẫu kết hợp với nhìn và đọc nhẩm, đọc thầm theo.

+ Nghe câu hỏi, lời giao nhiệm vụ, lời chỉ dẫn của GV.

– Tổ chức cho HS làm dưới các hình thức:

+ Cá nhân đọc nhẩm đọc thầm bài, đọc có biểu cảm một số câu hoặc đoạn ngắn trong một số bài.

+ Cá nhân hoặc nhóm làm các bài tập.

+ Nhóm sưu tầm tài liệu để đọc theo yêu cầu.

+ Nhóm tham gia chơi các trò chơi để hiểu bài.

+ Nhóm làm theo chỉ dẫn trong bài.

– Tổ chức cho HS nói dưới các hình thức:

+ Đặt và trả lời câu hỏi về nội dung bài đọc (với GV và với bạn).

+ Nhắc lại một phần nội dung đã ghi nhớ trong bài.

+ Nói thành câu ý của một đoạn.

+ Nói lại kết quả những việc đã làm theo chỉ dẫn của bài đọc hoặc theo yêu cầu của GV.

+ Phát biểu ý kiến của cá nhân hoặc của nhóm trong khi thảo luận về nội dung bài đọc.

Cần lưu ý rằng: để có thể tổ chức cho HS hoạt động cần phải có các bài tập được sắp xếp theo trình tự từ đơn giản đến phức tạp làm phương tiện để hoạt động.

3. Phụ lục số 2

3.1: Các bài soạn tham khảo

***Bài thứ nhất:* NGÔI TRƯỜNG MỚI**
(1 tiết)
(– Tiếng Việt 2 tập 1, sách viết theo chương trình 165 tuần, NXB Giáo dục, năm 2000, trang 12.
– Tiếng Việt lớp 2 tập 1, sách thử nghiệmchương trình tiểu học năm 2000, NXB Giáo dục, năm 2000, trang 50)

I. MỤC TIÊU

1. Đọc thành tiếng

– Đọc đúng các từ trong bài, nhất là các từ HS địa phương khó phát âm.

– Biết ngắt nghỉ hơi ở dấu phảy, dấu chấm câu, biết ngắt hơi ở giữa một câu để làm rõ ý.

– Biết nhấn giọng ở các từ ngữ tả vẻ đẹp của ngôi

:rường và đọc đúng ngữ điệu của các câu cảm thán trong)ài.

2. Đọc hiểu

– Hiểu nghĩa của một số từ ngữ, hình ảnh tả vẻ đẹp của ıgôi trường và tả tình cảm của bạn HS với ngôi trường: *bỡ ıgỡ, rung động, thân thương, cánh hoa lấp ló, gỗ xoan đào ıổi vân như lụa.*

– Nhận ra các đoạn trong bài và biết tìm ý của các đoạn.

– Hiểu nội dung của bài: tả ngôi trường mới rất đẹp và tình cảm gắn bó của bạn học sinh với ngôi trường.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

– Tranh minh họa trong sách giáo khoa.

– Bảng phụ để luyện đọc đúng và đọc hay một số câu.

– Phiếu học tập có các bài tập đọc hiểu.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

A. KIỂM TRA BÀI CŨ

1 hoặc 2 HS mỗi em đọc một đoạn trong bài đọc trước và trả lời một câu hỏi về nội dung đoạn đã đọc. Các HS khác ıhận xét bài đọc và câu trả lời của bạn.

B. DẠY BÀI MỚI

1. Giới thiệu bài

Có thể cho HS quan sát tranh trong sách giáo khoa để giới thiệu bài: HS phát hiện bức tranh vẽ cảnh gì, cảnh đó có những gì, em đã nhìn thấy cảnh như thế này ở đâu, bài ıọc này sẽ nói rõ hơn cảnh được vẽ trong tranh.

2. Luyện đọc

2.1. Đọc trơn

• *Làm việc chung cả lớp:*

– GV đọc cả bài, HS đọc nhẩm theo và chỉ vào chữ.

– Một số HS đọc từng đoạn, HS khác đọc nhẩm theo, nhận xét bài đọc của bạn theo các tiêu chuẩn: to, rõ ràng, không phát âm sai dẫn đến hiểu lầm nghĩa của từ, không sót tiếng.

– Luyện đọc từ:

Hướng dẫn:

+HS tự đề xuất các từ khó đọc, GV hoặc HS khá đọc mẫu, các HS khác đọc đồng thanh và đọc cá nhân các từ trên.

+ GV nêu một số từ cần phát âm đúng trong bài và đọc mẫu, HS luyện đọc đồng thanh và đọc cá nhân các từ đó.

– Luyện đọc câu:

Luyện đọc các câu dài, biết ngắt hơi ở dấu phảy, ở chỗ cần tách ý (GV chép các câu này lên bảng phụ):

Nhìn từ xa,/ những mảng tường vàng,/ ngói đỏ như những cánh hoa lấp ló trong cây.

Em bước vào lớp/ vừa bỡ ngỡ/ vừa thấy thân quen.

Tường vôi trắng,/ cánh cửa xanh,/ hàng ghế gỗ xoan đào nổi vân như lụa.

HS phát hiện chỗ cần ngắt hơi trong câu, thực hành đọc đồng thanh và đọc cá nhân, đánh dấu chỗ cần ngắt hơi vào sách giáo khoa.

• *Làm việc nhóm:*

– Luyện đọc đoạn và bài:

+ Đọc đúng các từ và câu trong từng đoạn. Các cá nhân lần lượt đọc, HS nhận xét cách đọc của bạn.

+ Đọc cả bài, tập dừng hơi lâu hơn ở dấu chấm xuống dòng. Các cá nhân đọc, HS nhận xét bài đọc của bạn.

2.2. Đọc hiểu

• *Làm việc nhóm:*

– HS làm bài tập 1 trong phiếu học tập. *Hướng dẫn:*

+ Đọc thầm cả bài.

+ Lướt mắt qua cả bài để tìm xem có mấy dấu chấm xuống dòng.

+ Đếm xem bài được chia thành mấy đoạn (theo các dấu chấm xuống dòng).

+ Trao đổi trong nhóm rồi ghi ý kiến vào chỗ trống cần điền.

+ Đại diện nhóm báo cáo kết quả làm chung của nhóm và tự chữa sau khi được góp ý.

– HS làm bài tập 2.

Hướng dẫn:

+ Đọc thầm đoạn 1 và đoạn 2.

+ Tìm trong đoạn 1 những cảnh vật được so sánh với *những cánh hoa lấp ló trong cây* rồi chọn từ ngữ thích hợp ở cột A để nối đúng.

+ Tìm trong đoạn 2 cảnh vật được so sánh với *nổi vân như lụa* rồi chọn từ ngữ thích hợp ở cột A để nối đúng.

+ Chép các từ ngữ đã nối vào chỗ trống thích hợp trong bài tập.

(Phần việc này có thể làm ngoài giờ học)

+ Đại diện nhóm báo cáo kết quả, các nhóm bổ sung ý kiến của nhau. HS chép kết quả đúng sau khi chữa bài.

– HS làm bài tập 3.

Hướng dẫn:

+ Đọc thầm từng đoạn một và thảo luận xem mỗi đoạn tả cái gì là chính, cái được tả trong đoạn là cảnh hay là xúc cảm, nếu là xúc cảm thì đó là xúc cảm của ai, khi nào, ở đâu.

+ Đại diện nhóm trình bày kết quả, các nhóm bổ sung ý kiến cho nhau, GV chốt lại ý kiến đúng.

+ Điền ý kiến của nhóm vào chỗ trống.

2.3. Đọc diễn cảm

• *Làm việc nhóm:*

Gạch dưới các từ ngữ miêu tả vẻ đẹp của trường và của lớp học trong đoạn 1 và đoạn 2. Thảo luận cách đọc các từ ngữ này (*đọc nhấn giọng*) và thực hành đọc trong nhóm.

• *Làm việc chung cả lớp:*

Luyện đọc đoạn 3.

Hướng dẫn:

+ Gạch dưới các từ ngữ: sao tiếng trống, vang vang đến lạ, sao cũng đáng yêu đến thế.

+ Tập đọc cao giọng và bộc lộ cảm xúc qua giọng đọc các từ ngữ trên.

+ Đọc cả đoạn 3, đọc đúng theo hướng dẫn các câu đã tập đọc hay.

3. Củng cố, dặn dò

– Củng cố:

HS tự liên hệ theo gợi ý sau:

+ Trường em và lớp em có những cảnh đẹp gần như cảnh ngôi trường và lớp nêu ở trong bài không?

+ Em và các bạn em có thể làm gì để trường và lớp trở nên đẹp hơn?

– Dặn dò:

+ Đọc cả bài theo hướng dẫn, hoàn thành hết các bài tập.

+ Chuẩn bị bài mới: tên bài (tùy theo sách hiện hành hay sách thử nghiệm), nhiệm vụ: đọc cả bài và trả lời các câu hỏi.

*

*   *

PHIẾU HỌC TẬP

1. Đọc thầm cả bài, đọc lại từng phần của bài được chia bằng dấu chấm xuống dòng, rồi ghi ý kiến của em vào chỗ trống.

Bài văn này gồm .... đoạn.

Đoạn thứ nhất gồm các dòng ....

Đoạn thứ hai gồm các dòng ....

Đoạn thứ ba gồm các dòng ....

2. Chọn từ ngữ ở cột A nối với từ ngữ ở cột B, rồi chép lại từ ngữ nối được vào chỗ trống để tạo 2 câu văn tả vẻ đẹp của ngôi trường và lớp học.

A	B
những mảng tường vàng, ngói đỏ	
mái trường	nổi vân như lụa
lớp	
tiếng trống	như những cánh hoa lấp ló trong cây
hàng ghế gỗ xoan đào	

Nhìn từ xa,..
....
....

Tường vôi trắng, cánh cửa xanh,..
....
....

3. Tóm tắt ý của mỗi đoạn bằng cách điền tiếp ý kiến của em vào từng chỗ trống.

– Đoạn 1: Tả vẻ đẹp của..
– Đoạn 2: Tả vẻ đẹp của..
– Đoạn 3: Tả cảm xúc của..

Bài thứ hai: **CÂU CHUYỆN BÓ ĐŨA**

(2 tiết)

(– Tiếng Việt 2 tập 2, sách viết theo chương trình 165 tuần, NXB Giáo dục, năm 1999, trang 4.
– Tiếng Việt 2 tập 2, sách thử nghiệm CTTH 2000, NXB Giáo dục, năm 2000, trang 87)

I. MỤC TIÊU

1. Đọc thành tiếng

– Đọc đúng các từ trong bài, nhất là các từ HS địa phương khó phát âm.

– Biết ngắt hơi ở dấu phẩy, nghỉ hơi ở dấu kết thúc câu, dừng hơi lâu hơn ở chỗ kết thúc đoạn.

– Biết thể hiện sự phân biệt lời kể và lời nhân vật qua giọng đọc.

2. Đọc hiểu

– Hiểu nghĩa của các từ thể hiện chủ đề của câu chuyện *(chia lẻ, hợp lại, đùm bọc, đoàn kết)* và một số từ khác trong bài mà HS chưa biết nghĩa.

– Biết tóm tắt từng đoạn câu chuyện để tìm ý của từng đoạn.

– Biết liên hệ giữa lời khuyên của người cha trong bài với thực tế để hiểu đoàn kết là cần thiết cho mình và cho mọi người quanh mình.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

– Tranh minh họa trong sách giáo khoa.

– Một số băng giấy trên mỗi băng có ghi một câu ca dao hoặc một câu tục ngữ hoặc một câu nói của danh nhân, trong đó có 2 băng giấy ghi 2 câu sau:

+ Đoàn kết là sức mạnh.

+ Một cây làm chẳng nên non

Ba cây chụm lại nên hòn núi cao.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

Tiết 1

A. KIỂM TRA BÀI CŨ

– 1 HS đọc đoạn 1 của câu chuyện *Há miệng chờ sung*, trả lời câu hỏi nhắc lại nội dung của đoạn này: anh chàng lười nằm dưới gốc sung để làm gì?

– 1HS đọc đoạn 2 của câu chuyện và tóm tắt đoạn này bằng 2 câu ngắn.

B. DẠY BÀI MỚI

1. Giới thiệu bài

Có thể dùng một trong 2 gợi ý sau để giới thiệu bài:

– Dùng tranh để giới thiệu bài: tranh vẽ một gia đình gồm người cha và các con, tay người cha cầm bó đũa, chắc ông đang nói với các con câu chuyện gì đó, bài học dưới đây sẽ cho các em biết nội dung mà cha nói với các con.

– Bài đọc này là một câu chuyện ngụ ngôn, mỗi câu chuyện ngụ ngôn đều khuyên chúng ta một điều tốt, chúng ta cùng đọc và tìm hiểu xem câu chuyện này khuyên chúng ta điều gì.

2. Luyện đọc

2.1. Đọc trơn

• *Làm việc chung cả lớp:*

– GV đọc cả bài, HS đọc nhẩm theo, tay chỉ vào chữ.

– Một số HS đọc từng đoạn, HS khác đọc nhẩm theo, nhận xét bài đọc của bạn theo các tiêu chuẩn: to, rõ ràng, không phát âm sai dẫn đến hiểu lầm nghĩa của từ, không sót tiếng.

– Luyện đọc từ:

Hướng dẫn:

HS tự đề xuất các từ khó đọc, GV hoặc HS khá đọc mẫu, các HS khác đọc đồng thanh và đọc cá nhân các từ trên.

– Luyện đọc câu:

Luyện đọc các câu dài, biết ngắt hơi ở dấu phẩy, ở chỗ cần tách ý (GV chép các câu này lên bảng phụ):

+ *Khi lớn lên,/ anh có vợ,/ em có chồng,/ tuy mỗi người một nhà,/ nhưng vẫn hay va chạm.*

+ *Trong các con,/ ai bẻ gẫy được bó đũa/ thì cha thưởng cho túi tiền.*

+ *Như thế là các con đều thấy rằng/ chia lẻ ra thì yếu,/ hợp lại thì mạnh.*

HS phát hiện chỗ cần ngắt hơi trong câu, thực hành đọc đồng thanh và đọc cá nhân, đánh dấu chỗ cần ngắt hơi vào sách giáo khoa.

• *Làm việc nhóm:*

– Luyện đọc đoạn và bài:

+ Đọc đúng các từ và câu trong từng đoạn. Các cá nhân lần lượt đọc, HS nhận xét cách đọc của bạn.

+ Đọc đoạn 1 và đoạn 2: HS phát hiện các dấu chấm xuống dòng, nghe GV đọc mẫu dừng hơi lâu hơn ở dấu chấm xuống dòng để chuyển sang đoạn sau. HS thực hành đọc đoạn 1 và 2 và dừng hơi ở dấu chấm xuống dòng.

+ HS đọc đoạn 2 và 3 (làm tương tự như đọc đoạn 1 và 2).

• *Làm việc chung cả lớp:*

Đại diện từng nhóm tham gia trò chơi *đọc truyền điện*.

Cách chơi:

– Mỗi nhóm cử một đại diện lên bảng tham gia trò chơi.

– Nhiệm vụ của người chơi: đại diện nhóm thứ nhất đọc 2 đoạn bất kỳ do quản trò (là một HS do lớp cử) chỉ định. Sau khi đọc xong, người này có quyền chỉ định đại diện của nhóm khác đọc 2 đoạn bất kỳ. Tiếp tục chơi như vậy cho đến hết lượt.

– Các HS khác đóng vai giám khảo chéo (nhóm này nhận xét bài đọc của đại diện nhóm kia) theo các tiêu chuẩn sau: độ to của giọng đọc, không thừa hoặc sót tiếng, ngắt, nghỉ và dừng hơi ở các dấu phảy, dấu chấm, dấu chấm xuống dòng.

Tiết 2

2.2. Đọc hiểu

• *Làm việc cả lớp:*

HS làm bài tập số 1 trong phiếu học tập. HS tự chữa và tự nhận xét miệng bài làm của nhau.

• *Làm việc nhóm:*

– HS làm bài tập 2 trong phiếu học tập. *Hướng dẫn:*

+ Lướt mắt trên các dòng chữ, có thể không đọc hết các chữ, chỉ dừng lại ở chữ mở đầu bằng h.

+ Gạch dưới từ đã tìm được

+ Từ *hòa thuận* thường dùng để chỉ lối sống trong phạm vi gia đình hoặc láng giềng. Nó thường đứng liền sau các từ chỉ người trong gia đình hoặc từ chỉ gia đình, hàng xóm. *(gia đình hòa thuận, anh em hòa thuận)*

+ HS tự chữa bài trong nhóm theo chữa mẫu của GV.

– HS làm bài tập 3 trong phiếu học tập.

Hướng dẫn: Đọc thầm đoạn 1 và chọn câu trả lời đúng *(câu b)*. HS tự chữa bài trong nhóm.

– HS làm bài tập 4 trong phiếu học tập.

Hướng dẫn:

+ Đọc thầm đoạn 2.

+ Thảo luận nhóm để tìm câu trả lời. Gợi ý:

Lời tóm tắt mẫu nêu lên 3 sự việc bằng 3 câu: người cha yêu cầu các con bẻ bó đũa, các con không bẻ được, người cha bẻ gẫy bó đũa theo cách bẻ từng chiếc một.

Lời tóm tắt bằng 2 câu thì chỉ nên nêu 2 sự việc chính: những người con đành chịu không bẻ được bó đũa, người cha đã bẻ bó đũa bằng cách bẻ từng chiếc một.

Lời tóm tắt nêu bằng một câu thì chỉ nêu 1 sự việc cốt lõi thể hiện ý của đoạn: để cho các con thấy bó đũa có thể bẻ được, người cha đã bẻ từng chiếc đũa một cho đến khi đũa gẫy hết.

+ HS cử đại diện nhóm trình bày lời tóm tắt b và c. HS khác bổ sung, GV chốt lại ý kiến đúng và nối cho HS biết đây chính là ý cốt lõi của đoạn. *(b – Những người con không bẻ nổi bó đũa. Họ đã chứng kiến cha bẻ bó đũa bằng cách bẻ từng chiếc một. c – Để chứng tỏ có thể bẻ gẫy được bó đũa, người cha đã bẻ riêng từng chiếc đũa trong bó.)*

– HS làm bài tập 5 trong phiếu.

Hướng dẫn:

+ Đọc thầm đoạn 3.

+ Tìm 2 ý trong lời khuyên của người cha: các con cần phải đoàn kết, đoàn kết là để có sức mạnh.

+ Chọn câu trả lời có đủ 2 ý trên *(câu c)*.

+ HS chữa bài theo chữa mẫu của GV.

2.3. Đọc diễn cảm

• *Làm việc chung cả lớp:*

– HS phát hiện: ngoài lời kể chuyện, bài văn còn có lời của những nhân vật nào (*cha, các con*).

– HS thảo luận để làm bài tập 6 trong phiếu học tập (câu a).

• *Làm việc trong nhóm 3 người:*

Nhiệm vụ: đọc phân vai (vai người kể chuyện, vai người cha, vai các con), giọng đọc phù hợp với từng vai.

3. Củng cố, dặn dò

3.1. Củng cố

• *Làm việc chung cả lớp:*

– HS thảo luận để làm bài tập số 7 trong phiếu học tập. GV chốt lại ý kiến đúng: từng chiếc đuã được so sánh với từng người con không biết đoàn kết yêu thương nhau, bó đũa được so sánh với tất cả các con trong một nhà biết đoàn kết, yêu thương, đùm bọc nhau.

– HS trả lời câu hỏi: anh em trong một nhà, các bạn trong một lớp muốn có sức mạnh cần phải làm gì? *(đoàn kết, yêu thương nhau).*

– *Chơi chọn câu tục ngữ hoặc ca dao* khuyên người ta đoàn kết để có sức mạnh: GV dán những băng giấy ghi các câu tục ngữ, ca dao lên bảng, HS thi tìm nhanh những câu trong số các câu đó nói về đoàn kết.

3.2. Dặn dò

– Đọc cả bài, hoàn thành các bài tập chưa làm xong

trong giờ học.

– Chuẩn bị bài mới: nêu tên bài; nêu nhiệm vụ chuẩn bị: đọc bài, trả lời câu hỏi ở cuối bài.

*

*   *

PHIẾU HỌC TẬP

1. Đọc thầm cả bài rồi kể ra các nhân vật trong bài.

2. a. Đọc lướt đoạn 1 và gạch dưới từ *hòa thuận* trong đoạn.

b. Chọn những từ ngữ ở cột trái có thể đi liền trước từ *hòa thuận* trong câu.

gia đình anh em nông dân công nhân	hòa thuận

3. Đọc thầm đoạn 1 rồi khoanh tròn chữ cái trước câu trả lời đúng:

Khi lớn lên, anh em trong gia đình kia sống với nhau như thế nào?

a. rất hòa thuận

b. hay va chạm

c. rất đoàn kết

4. Đọc thầm đoạn 2 rồi tóm tắt đoạn này ở 3 mức độ sau:

a. Tóm tắt đoạn bằng 3 câu.

b. Tóm tắt đoạn bằng 2 câu.

c. Tóm tắt đoạn bằng 1 câu.

M: tóm tắt bằng 3 câu: *Trước cảnh các con va chạm, một hôm, người cha gọi các con lại, ông đưa ra một túi tiền và một bó đũa, rồi bảo: ai bẻ gẫy được bó đũa sẽ được thưởng túi tiền. Không ai bẻ gẫy được bó đũa. Ông cởi bó đũa ra bẻ từng chiếc một cho đến khi đũa gẫy hết.*

5. Đọc thầm đoạn 3 rồi khoanh tròn chữ cái trước câu tóm tắt gọn và đủ ý lời khuyên của người cha.

a. Các con phải biết thương yêu đùm bọc lấy nhau.

b. Các con thấy đấy chia lẻ ra thì yếu, hợp lại thì mạnh.

c. Các con cần phải đoàn kết để có sức mạnh.

6. Đọc thầm cả bài rồi gạch dưới những câu văn là lời của người cha trực tiếp nói với các con trong bài. Giọng đọc nào dưới đây phù hợp với giọng đọc lời của người cha?

a. chậm rãi, ân cần chỉ bảo

b. nhanh nhảu, thiếu suy nghĩ kỹ

c. tức giận

7. Điền vào chỗ trống ý kiến của em.

– Mỗi chiếc đũa được ngầm so sánh với..........................

....

– Bó đũa được ngầm so sánh với....................................

....

Bài thứ ba: ĐÀN GÀ MỚI NỞ
(1 tiết)

(Tiếng Việt 2 tập 1, sách thử nghiệm chương trình tiểu học 2000, NXB Giáo dục, năm 2000, trang 126)

I. MỤC TIÊU

1. Đọc thành tiếng

– Đọc đúng các từ trong bài, nhất là các từ HS địa phương khó phát âm.

– Biết ngắt, nghỉ, dừng hơi ở chỗ có dấu phẩy, dấu chấm, kết thúc dòng thơ và dấu chấm xuống dòng.

– Biết thể hiện tình cảm khi đọc các câu cảm thán. Biết đọc bài thơ với giọng đọc vui tươi, hồn nhiên.

– Thuộc 1 hoặc 2 đoạn ngay trong giờ học.

2. Đọc hiểu

– Hiểu nghĩa các từ được chú giải trong bài và nghĩa của một số từ ngữ mà HS chưa biết (ví dụ: *mát dịu, biến, trông*...)

– Nhận biết được ý của một hoặc một số đoạn thơ.

– Nhận biết được vẻ đẹp của bầy gà con để từ đó thêm yêu vật nuôi.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

– Tranh minh họa trong sách giáo khoa.

– Bảng phụ chép một hoặc hai đoạn thơ để hướng dẫn học thuộc lòng.

– Phiếu học tập có các bài tập đọc hiểu.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC

A. KIỂM TRA BÀI CŨ

(tham khảo cách làm ở bài *Ngôi trường mới)*

B. DẠY BÀI MỚI

1. Giới thiệu bài

(tham khảo cách làm ở bài *Ngôi trường mới*)

2. Luyện đọc

2.1. Đọc trơn

• *Làm việc chung cả lớp:*

– GV đọc cả bài. HS đọc nhẩm theo và chỉ vào chữ.

– Một số HS đọc từng đoạn. HS khác đọc nhẩm theo, nhận xét bài đọc của bạn theo các tiêu chuẩn: to, rõ ràng, không phát âm sai dẫn đến hiểu lầm nghĩa của từ, không sót tiếng.

– Luyện đọc từ:

Hướng dẫn:

HS tự đề xuất các từ khó đọc, GV hoặc HS khá đọc mẫu, các HS khác đọc đồng thanh và đọc cá nhân các từ trên. (Ví dụ: *lông, líu ríu, trưa, rừng,* hoặc: *sau, biến, chân, đàn, hòn, sân*...)

• *Làm việc nhóm:*

– Luyện đọc câu và đoạn:

+ Luyện đọc các câu trong đoạn 1 và 2, chú ý: ngắt hơi sau dấu chấm trong câu *Ôi!/ Chú gà ơi!,* ngắt hơi giữa câu *Bọn diều,/ bọn quạ.* Luyện đọc liên tục đoạn 1 và 2: dừng hơi ở sau dấu chấm xuống dòng ngăn cách giữa 2 đoạn.

+ Luyện đọc câu và các đoạn 3, 4, 5 (cách làm tương tự như cách làm khi luyện đọc đoạn 1 và 2).

2.2. Đọc hiểu

• *Làm việc nhóm:*

– HS làm bài tập 1 trong phiếu học tập. *Hướng dẫn:*

+ Đọc thầm đoạn 1 và đoạn 2.

+ Thảo luận và chọn từ để thay cho từng từ gạch dưới.

+ Đại diện nhóm nêu kết quả, các nhóm bổ sung ý kiến, GV chốt ý kiến đúng và HS chữa bài theo ý kiến đã chốt (*Các từ thay thế theo trật tự: óng mượt, trốn, canh*).

– HS làm bài tập 2 trong phiếu học tập

Hướng dẫn:

+ Ghi số thứ tự cho các đoạn thơ.

+ Làm từng phần a và b theo cách: thảo luận về từng câu trả lời của mỗi câu hỏi, chọn câu trả lời đúng

+ Đại diện nhóm nêu kết quả, các nhóm trao đổi ý kiến, GV chốt lại ý kiến đúng và HS chữa bài theo ý kiến đã chốt (*Câu a: D. Câu b: D*).

2.3. Đọc diễn cảm

• *Làm việc chung cả lớp:*

– HS lướt mắt trên các dòng thơ để tìm các câu thơ là lời nói yêu thích đàn gà con của nhà thơ (có dấu chấm cảm).

– Tập thể hiện sự yêu thích qua giọng đọc 2 câu thơ này. (Từng cá nhân thể hiện trước lớp, HS khác nhận xét.)

– Tập đọc liên tục 2 hoặc 3 đoạn , chú ý: thể hiện tình cảm yêu mến, thái độ vui vẻ trước đàn gà con.

2.3. Đọc thuộc

• *Làm việc chung cả lớp:*

– HS phát hiện các tiếng cuối dòng có vần giống nhau trong một khổ thơ (GV chép sẵn 2 khổ thơ trên bảng phụ)

GV ghi vần sang bên phải khổ thơ.

– HS đọc đồng thanh các khổ thơ.

– HS đọc nhẩm từng khổ thơ và dựa vào tiếng gieo vần để thuộc từng khổ.

– GV che từng dòng thơ có gieo vần để kiểm tra mức độ thuộc từng khổ thơ của HS. Sau đó làm tương tự với khổ thơ tiếp theo.

3. Củng cố, dặn dò

– GV dặn HS về nhà tìm xem còn có con vật nuôi nào nữa và xem chúng có gì đáng yêu giống như những chú gà con đáng yêu trong bài; HS thuộc một số đoạn trong bài mà em thích (đoạn tùy chọn).

– Nhiệm vụ chuẩn bị bài mới: bài *Tìm ngọc*, đọc cả bài và trả lời các câu hỏi 1, 2, 3.

*

* *

PHIẾU HỌC TẬP

1. Cho những từ sau: *trốn, canh, óng mượt*. Chọn một từ đã cho để thay mỗi từ gạch dưới trong đoạn sau rồi ghi từ thay thế đó vào bên phải dòng thơ:

Lông vàng mát dịu ....
Mắt đẹp sáng ngời
Ôi! Chú gà ơi!
Ta yêu chú lắm!

Mẹ dang đôi cánh
Con biến vào trong ....

Mẹ ngẩng đầu trông ....

Bọn diều, bọn quạ.

2. Ghi số thứ tự 1, 2, 3, 4, 5 vào bên trái mỗi đoạn thơ.

Khoanh tròn chữ cái trước câu trả lời đúng cho câu hỏi sau:

a) Đoạn thơ nào có tất cả các câu thơ tả vẻ đẹp của đàn gà con?

A. đoạn 1 C. đoạn 3 E. đoạn 5

B. đoạn 2 D. đoạn 4

b. Những đoạn thơ nào tả cảnh gà con quây quần vui vẻ bên gà mẹ?

A. đoạn 1 và đoạn 2 B. đoạn 2 và đoạn 3

C. đoạn 3 và đoạn 4 D. đoạn 3 và đoạn 5

3. Đọc và chép lại những câu thơ là lời bộc lộ lòng yêu mến đàn gà con của nhà thơ.

....

....

....

Bài thứ tư: THỜI GIAN BIỂU
(1 tiết)

(Tiếng Việt 2 tập 1, sách thử nghiệm chương trình tiểu học 2000, NXB Giáo dục, năm 2000, trang 123)

I. MỤC TIÊU

1. Đọc thành tiếng

– Đọc đúng các từ trong bài.

– Biết ngắt, nghỉ hơi ở dấu câu , nhất là ở giữa dòng để làm rõ thông tin trong văn bản.

2. Đọc hiểu

– Hiểu nghĩa từ *thời gian biểu*.

– Biết nghĩa của các từ viết tắt: h, T7, CN. Biết cách đọc các chỉ số về giờ, ví dụ: 6h – 6h30 đọc là 6 giờ đến 6 giờ ba mươi phút.

– Biết nội dung của một thời gian biểu bao gồm: lượng thời gian và công việc làm trong một lượng thời gian nhất định.

– Hiểu tác dụng của thời gian biểu là để cho mỗi người sinh hoạt và làm việc có giờ giấc.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

– Tờ giấy khổ to có kẻ sẵn khung của một thời gian biểu (chỉ gồm các buổi trong một ngày và các giờ trong mỗi buổi) treo cạnh bảng to của lớp.

– Phiếu học tập phát cho các nhóm trong đó có ghi các việc thường làm trong ngày của một học sinh tiểu học.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

A. KIỂM TRA BÀI CŨ

(tham khảo cách làm ở bài *Ngôi trường mới* hoặc bài *Câu chuyện bó đũa*)

B. DẠY BÀI MỚI

1. Giới thiệu bài

(tham khảo cách làm ở bài *Ngôi trường mới*)

2. Luyện đọc

2.1. Đọc trơn

• *Làm việc chung cả lớp:*

– GV đọc cả bài, HS đọc nhẩm theo và chỉ vào chữ.

– HS phát hiện những chữ viết tắt và những tổ hợp chữ ghi thời gian theo ký hiệu. GV hướng dẫn và đọc mẫu các chữ viết tắt và các ký hiệu: h–giờ, T.7 – Thứ bảy, CN– Chủ nhật, 6 giờ 30 – 7h – 6 giờ 30 đến 7 giờ... HS đọc theo mẫu.

• *Làm việc nhóm:*

– Luyện đọc từ: HS đọc cột bên trái của bài bao gồm tên các buổi trong ngày và các ký hiệu thời gian; HS đọc những tên các công việc làm vào buổi sáng, chú ý đọc đúng các từ viết tắt T.7, CN. HS tự nhận xét độ chính xác trong bài đọc của nhau.

– Luyện đọc câu.

Hướng dẫn:

+ Đọc theo từng dòng: sau tên các buổi nghỉ hơi như nghỉ ở dấu chấm. Sau ký hiệu giờ nghỉ hơi như nghỉ ở dấu chấm. Ngắt hơi ở chỗ có dấu phảy và dấu ngoặc đơn.

+ Đọc từng đoạn: sau khi đọc xong phần công việc của một buổi dừng hơi như dừng hơi ở dấu chấm xuống dòng trước khi đọc sang buổi tiếp theo.

+ Mỗi HS đọc liền 2 đoạn theo hướng dẫn, các HS khác nhận xét bài đọc của bạn.

– Luyện đọc cả bài: HS đọc cá nhân cả bài theo hướng dẫn đọc từng dòng và đọc đoạn. Chia nhóm thành từng tốp 4 em đọc nối tiếp nhau cho đến hết bài.

2.2. Đọc hiểu

• Làm việc chung cả lớp:

– Hiểu nghĩa từ thời gian biểu: GV giải thích biểu nghĩa là bảng, thời gian biểu là bảng liệt kê thời gian làm từng công việc trong một ngày hoặc một tuần... của người nào đó.

– HS nhận xét thời gian biểu trong bài gồm có mấy phần.

Hướng dẫn:

Đọc lướt cả bài để:

+ Tìm tên và địa chỉ người dùng thời gian biểu. (*Ngô Phương Thảo, lớp 2A, Trường Tiểu học Hòa Bình)*

+ Tìm phần nêu thời gian và các công việc làm trong từng thời gian, trong phần này, thời gian được ghi theo mốc giờ hay ghi lượng thời gian làm từng công việc. (*Phần này nêu những việc làm của các buổi sáng, trưa, chiều, tối; thời gian ở phần này được ghi theo mốc giờ, ví dụ: 6h: Ngủ dậy)*

– Tìm xem bạn Thảo làm một số công viẹc vào thời gian nào trong ngày.

Hướng dẫn:

Chơi giải đố, cách chơi:

+ Từng cặp HS (2 em) chơi với nhau.

+ Một em nêu tên bất kỳ một việc làm nào của bạn Thảo ghi trong bài và đố em kia tìm xem bạn Thảo làm việc đó vào lúc nào.

+ Một cặp HS chơi mẫu, các HS khác tự chơi.

• *Làm việc nhóm:*

– Tập lập một thời gian biểu theo gợi ý.

Hướng dẫn:

+ Chia lớp thành 4 nhóm. Mỗi nhóm lập thời gian biểu cho một buổi trong ngày (ngày đi học, không phải ngày nghỉ).

+ Thảo luận nhóm để sắp xếp từng công việc vào từng thời gian phù hợp, sau khi nhất trí thì ghi ý kiến vào phiếu học tập.

+ Dán phiếu học tập của nhóm lên bảng theo đúng vị trí.

+ HS đọc thời gian biểu hoàn chỉnh do các nhóm đã lập.

3. Củng cố, dặn dò

– Đọc lại cả bài, hoàn thành các bài tập, suy nghĩ để lập thời gian biểu cho một buổi trong ngày nghỉ mà em định làm một vài công việc thích thú.

– Chuẩn bị bài mới: *Đàn gà mới nở*, đọc cả bài và trả lời các câu hỏi.

*
* *

PHIẾU HỌC TẬP

Nhóm 1

Thời gian biểu

Họ và tên: PHẠM MINH CHÂU

Lớp 2..., Trường Tiểu học.. .

Điền những công việc sau vào vị trí thích hợp trong thời gian biểu buổi sáng: ngủ dậy, tập thể dục, vệ sinh cá nhân, quét nhà, ăn sáng, đi học.

Sáng

6h: ....

6h – 6h15: ....

6h15 – 6h30: ....

6h30 – 6h40: ....

6h40 – 7h: ....

7h – 10h30: ....

PHIẾU HỌC TẬP

Nhóm 2

Thời gian biểu

Họ và tên: PHẠM MINH CHÂU

Lớp 2..., Trường Tiểu học.. .

Điền những công việc sau vào vị trí thích hợp trong thời gian biểu buổi trưa: rửa mặt, tay, chân; ăn trưa; nghỉ trưa.

Trưa:

11h – 11h15: ....

11h15 – 11h45: ....

11h45 – 13h30: ....

PHIẾU HỌC TẬP

Nhóm 3

Thời gian biểu

Họ và tên: PHẠM MINH CHÂU

Lớp 2..., Trường Tiểu học.. .

Điền những công việc sau vào vị trí thích hợp trong thời gian biểu buổi chiều: học bài, vui chơi, nấu cơm, quét dọn nhà cửa, tắm giặt.

Chiều

13h30 –15h: ....

15h – 16h: ....

16h – 16h30: ....

16h30 – 17h30: ....

17h30 – 18h: ....

PHIẾU HỌC TẬP

Nhóm 4

Thời gian biểu

Họ và tên: PHẠM MINH CHÂU

Lớp 2..., Trường Tiểu học.. .

Điền những công việc sau vào vị trí thích hợp trong thời gian biểu buổi tối: xem ti vi hoặc vui chơi, học bài, ăn tối, trò chuyện với người thân trong gia đình, đi ngủ.

Tối

18h – 18h30: ....

18h30 – 19h30: ....

19h30 –20h30: ....

20h30 – 21h: ....

21h: ....

Bài thứ năm: **BẠN CÓ BIẾT?**

(1 tiết)

(Tiếng Việt 2 tập 2, sách thử nghiệm chương trình tiểu học năm 2000, NXB Giáo dục, năm 2000, trang 85)

I. MỤC TIÊU

1. Đọc thành tiếng

– Đọc đúng các từ, các chỉ số về thời gian, về độ to, độ dài, độ cao của các loài cây.

– Biết ngắt, nghỉ hơi ở các dấu hai chấm, dấu phẩy, dấu chấm.

– Biết đọc bài với giọng đọc to, rõ, chậm vừa phải phù hợp với cách đọc một văn bản mang tính chất văn bản khoa học.

2. Đọc hiểu

– Nhận diện được các đoạn trong bài thông qua đọc các đề mục.

– Biết được những thông tin chính trong từng đoạn dựa vào các đề mục: cây lâu năm nhất bao nhiêu tuổi, là cây gì, ở đâu; cây cao nhất cao bao nhiêu mét, là cây gì, ở đâu; cây to nhất thân có vòng rộng bao nhiêu, là cây gì, ở đâu; cây thấp nhất có độ cao bao nhiêu, ở đâu; cây đoàn kết nhất là cây gì, có đặc điểm gì.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

– Một số tranh, ảnh sưu tầm về các cây nói trong bài hoặc các cây cùng họ hoặc cùng có đặc tính giống các cây này.

– Một số sách báo có mục tương tự như mục *Bạn có biết?* ở bài này.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

A. KIỂM TRA BÀI CŨ

(tham khảo cách làm của một số bài soạn trước)

B. DẠY BÀI MỚI

1. Giới thiệu bài

Dùng sách báo đã sưu tầm để giới thiệu các bài về chủ đề *tìm hiểu thế giới tự nhiên* và giới thiệu bài học *Bạn có biết?* trong số các bài cùng chủ đề.

2. Luyện đọc

2.1. Đọc thành tiếng

• *Làm việc chung cả lớp:*

– GV đọc cả bài rành mạch, ngắt hơi ở dấu hai chấm để tách các đề mục với phần thông tin. HS đọc nhẩm theo và chỉ vào chữ.

– Một số HS đọc từng đoạn. HS khác đọc nhẩm theo, nhận xét bài đọc của bạn theo các tiêu chuẩn: to, rõ ràng, không phát âm sai dẫn đến hiểu lầm nghĩa của từ, không sót tiếng.

– Luyện đọc từ:

+ HS tự nêu những từ khó phát âm hoặc những từ nước ngoài khó đọc, GV nêu một số từ nước ngoài trong bài để hướng dẫn cách đọc: *lâu năm, chia sẻ, hoặc: cao nhất, tiệm giải khát, thước kẻ, nối rễ, ôm xuể, và các từ: xê – côi – a, bao – báp.*

+ GV hoặc HS khá đọc mẫu, các HS khác đọc theo mẫu.

– Luyện đọc câu:

Hướng dẫn ngắt hơi ở câu dài để tách ý trong đoạn 2 (HS luyện đọc trên bảng phụ):

Cây xê–côi–a 6000 tuổi ở Mỹ / to đến mức người ta đặt được cả một tiệm giải khát trong gốc cây. Cây bao – báp 4000 tuổi ở châu Phi / cũng to không kém: / cả một lớp 40 học sinh / nắm tay nhau mới ôm được hết thân của nó.

• *Làm việc nhóm:*

– Luyện đọc đoạn.

Hướng dẫn:

+ Ngắt hơi sau dấu hai chấm để tách đề mục và phần thông tin.

+ Sau mỗi đoạn dừng hơi ở dấu chấm xuống dòng.

+ HS đọc cá nhân, mỗi em đọc 2 đến 3 đoạn theo hướng dẫn, các HS khác nhận xét bài đọc của bạn.

2.2. Đọc hiểu

• *Làm việc nhóm:*

– HS trả lời câu hỏi 1 trong sách giáo khoa.

Hướng dẫn:

+ Đọc thầm các đề mục 1, 2, 3, 4, 5 trong bài (phần in đậm).

+ Dựa vào các đề mục, nêu những điều em mới biết được trong bài.

– HS tóm tắt thông tin chính trong mỗi đoạn theo gợi ý sau (mỗi em tóm tắt 1 đoạn,các HS khác bổ sung góp ý cho bạn):

+ Đoạn nói về đặc điểm gì của cây?

+ Cây đó có tên là gì? Đặc điểm nổi bật được nói cụ thể thế nào?

+ Cây đó sống ở đâu?

(– Đoạn 1: Cây lâu năm nhất là một cây thông khoảng 7000 tuổi, nó sống ở Nhật Bản.

– Đoạn 2: Cây to nhất là một cây xê – côi – a, to đến mức chứa một tiệm giải khát trong gốc cây, nó sống ở Mỹ. Một cây bao – báp ở châu Phi cũng to tương tự, 40 học sinh nắm tay nhau mới ôm được hết vong thân nó.

– Đoạn 3: Cây cao nhất là một cây xê– côi – a, cao 150 mét, nó sống ở Mỹ.

– Đoạn 4: Cây gỗ thấp nhất là một loại cây ở châu Phi, thân nó chỉ cao bằng cái thước kẻ trong khi vòng thân to 3, 4 học sinh nắm tay nhau mới ôm xuể.

– Đoạn 5: Cây đoàn kết nhất là cây thông, chúng thường mọc thành cụm , nối rễ để chia thức ăn cho nhau.)

– HS trả lời câu hỏi 2 trong sách giáo khoa. *Hướng dẫn*: thảo luận để tìm câu trả lời, gợi ý thảo luận:

+ Đoán xem có nhiều người biết những tin nêu trong bài không.

+ Cách đặt tên bài dưới dạng câu hỏi có kích thích trí tò mò của người đọc không?

(Bài này có tên *Bạn có biết?* là vì: thông tin trong bài là những thông tin lạ, ít người biết; cách đặt tên đó thu hút sự chú ý của người đọc vào các thông tin trong bài.)

• *Làm việc chung cả lớp:*

– Đại diện các nhóm trình bày ý kiến về tóm tắt các đoạn, về câu trả lời cho câu hỏi 2. Các nhóm khác bổ sung ý kiến, GV chốt lại ý kiến đúng.

3. Củng cố, dặn dò

– HS khá đọc rành mạch cả bài: nhấn giọng ở tên các đề mục, ngắt hơi ở dấu hai chấm, dừng hơi ở dấu chấm xuống dòng.

– HS khác nêu tên các thông tin chính trong bài (dựa vào tên các đề mục).

– Nhiệm vụ học bài ở ngoài giờ học: hoàn thành bài tập 3 trong sách giáo khoa.

– Nhiệm vụ chuẩn bị bài mới: bài *Cây dừa*, đọc cả bài và trả lời câu hỏi.

3.2. Một số đề kiểm tra tham khảo (thời gian:20 phút)

ĐỀ 1:

Đọc thầm bài thơ sau:

Hoa phượng

Hôm qua còn lấm tấm
Chen lẫn màu lá xanh
Sáng nay bừng lửa thẫm
Rừng rực cháy trên cành.
– "Bà ơi! Sao mà nhanh
Phượng mở nghìn mắt lửa
Cả dãy phố nhà mình
Một trời hoa phượng đỏ.

Hay đêm qua không ngủ

Chị gió quạt cho cây
Hay mặt trời ủ lửa
Cho hoa bừng hôm nay".

1. Đọc lướt cả 3 khổ thơ rồi điền ý kiến của em vào chỗ trống.

Trong cả bài thơ từ *lửa* được dùng ...... lần. Từ *lửa* có ở trong những khổ thơ ....

Khoanh tròn chữ cái trước câu trả lời đúng cho mỗi câu hỏi sau:

2. Ý nào dưới đây *giải thích đúng nhất* lý do khiến tác giả so sánh hoa phượng với lửa?

a. vì hoa phượng nhiều như lửa

b. vì hoa phượng nở nhanh như lửa cháy

c. vì hoa phượng màu đỏ rực lại nở đồng loạt như lửa cháy

3. Khổ thơ nào tả sự thay đổi nhanh chóng của hoa phượng giữa ngày hôm qua và ngày hôm nay?

a. khổ thơ thứ nhất

b. khổ thơ thứ hai

c. khổ thơ thứ ba

4. Hãy chuyển ý của những câu thơ trong khổ thơ thứ hai thành 1 hoặc 2 câu văn tả có hình ảnh.

....

....

....

....

ĐỀ 2:

Đọc thầm câu chuyện sau:

Con giun đất và đàn cá

Một người đi câu bắt con giun đất làm mồi, mắc vào lưỡi câu, thả xuống nước. Một con cá lượn qua muốn đớp, giun đất liền bảo:

– Tôi với anh tuy khác giống nhưng chung một loài. Người ta bắt tôi làm mồi nhử anh. Anh đớp tôi, tôi chết đã đành, còn anh mắc câu, liệu có sống được chăng?

Cá nghe nói, cho là phải, bỏ đi. Có mấy con cá khác lại bơi đến, định tranh nhau đớp mồi. Giun đất lại nói y như trước. Bầy cá liền tản ra.

Người câu cá ngồi lâu, không thấy cá cắn câu, bèn nhấc cần câu lên, vứt giun đất đi. Giun đất nhờ thế thoát chết, mà đàn cá cũng không mắc câu.

1. Đọc lướt cả bài rồi ghi ý kiến của em vào chỗ trống.

Từ *mồi* được dùng trong bài .... lần, nó có ở những dòng thứ ....

2. Tìm từ ngữ cùng nghĩa với từ *cắn câu* trong bài và ghi từ đó vào chỗ trống.

....

3. Điền chữ *Đ* vào trước những dòng diễn đạt đúng ý của các câu trong bài, điền chữ *S* vào những dòng không diễn đạt ý của câu trong bài.

a. Một người đi câu chặt nhỏ một con giun để làm mồi.

b. Cá đớp giun thì giun chết mà cá cũng bị người ăn thịt.

c. Ngồi mãi không câu được cá, người đi câu vứt mồi đi.

4. Viết câu trả lời ngắn gọn của em cho mỗi câu hỏi sau.

a. Trong câu chuyện trên, giun đất và cá cùng bị ai hại?

....

....

b. Từ việc làm của giun đất và cá trong câu chuyện, em sẽ làm gì khi em và người khác cùng gặp nguy hiểm hoặc khó khăn?

....

....

ĐỀ 3:

Dưới đây là thời khóa biểu của bạn Phương, học sinh lớp 2E trường Tiểu học Trần Phú:

Ngày Tiết	*Thứ hai*	*Thứ ba*	*Thứ tư*	*Thứ năm*	*Thứ sáu*
1	Tập đọc	Tập viết	Toán	Tập đọc	Chính tả
2	Tập đọc	Đạo đức	Thể dục	Tự nhiên và xã hội	Tập đọc
3	Tự nhiên và xã hội	Toán	Chính tả	Toán	Toán
4	Toán	Từ và câu	Kể chuyện	Tập làm văn	Nghệ thuật
5	Nghệ thuật		Nghệ thuật		S.hoạt sao

1. Đọc thầm bảng trên và đọc lướt lại rồi ghi ý kiến của em vào chỗ trống.

– Trong tuần, Phương có ... tiết học môn toán.

– Những ngày thứ .... Phương có 5 tiết học.

Khoanh tròn chữ cái trước câu trả lời đúng cho mỗi câu hỏi sau.

2. Ngày Thứ ba Phương có những tiết học gì?

a. Tự nhiên và xã hội, Toán, Chính tả, Toán, Thể dục

b. Toán, Toán, Chính tả, Kể chuyện, Nghệ thuật

c. Tập viết, Đạo đức, Toán, Từ và câu

3. Tiết học gì được học ở tất cả các ngày trong tuần?

a. Tập đọc

b. Chính tả

c. Toán

d. Nghệ thuật

4. Những ngày nào trong tuần Phương có nhiều loại tiết học nhất?

a. Thứ hai và Thứ ba

b. Thứ hai và Thứ tư

c. Thứ tư và Thứ sáu

ĐỀ 4:

Đọc đoạn văn sau:

Trong số nhiều loài cây có trong rừng, có một loài cây được con người biết đến bởi một đặc điểm lạ lùng: lá cây

biết tự cử động.

Những cây này nở hoa vào mùa hè, hoa có màu hồng, hơi ánh tím, trông rất đẹp. Lá cây rất lạ: ta chỉ khẽ chạm tay vào lá là lập tức lá trên cành cụp lại và rủ xuống như người đang xấu hổ (mắc cỡ). Lát sau khi ta buông tay, lá cây lại xoè ra như cũ. Hóa ra, lá tự cụp lại là để khỏi bị rách khi có va chạm nhẹ.

Loài cây này có nguồn gốc ở Nam Mỹ. Hiện nay những vùng khí hậu ấm như nước ta, Trung Quốc cũng có loài cây này. Ở nước ta cây này được gọi là cây xấu hổ (cây mắc cỡ).

1. Đọc lướt cả bài và điền ý kiến của em vào chỗ trống.

Từ *xấu hổ* xuất hiện lần đầu trong bài ở dòng thứ .....

Khoanh tròn chữ cái trước câu trả lời đúng cho mỗi câu hỏi sau:

2. Đặc điểm nào dưới đây là đặc điểm lạ lùng nhất của cây xấu hổ?

a. hoa trông rất đẹp

b. lá biết tự cử động

c. có nguồn gốc ở Nam Mỹ

3. Khi có va chạm nhẹ, lá cây xấu hổ tự cụp lại và rủ xuống để làm gì?

a. để khỏi bị lạnh

b. để khỏi bị rách lá

c. để không bị xấu hổ

4. Hiện nay cây xấu hổ có ở những nơi nào?

a. ở Nam Mỹ

b. ở Trung Quốc, Việt Nam

c. ở Nam Mỹ, Trung Quốc, Việt Nam

5. Dựa vào 3 gợi ý sau để viết tóm tắt đoạn trên bằng 2 câu ngắn: tên cây, đặc điểm nổi bật, nơi sinh sống.

....

....

....

....

C. LỚP 3

1. Nội dung dạy học

1.1. Kỹ năng đọc hiểu

Ở lớp 3 nhiệm vụ trọng tâm của phần tập đọc là dạy cho HS biết nhìn chữ để đọc đúng từng tiếng, từng từ, từng câu, từng đoạn và cả bài. Bên cạnh nhiệm vụ trọng tâm là đọc thành tiếng một cách rõ ràng, đọc hiểu cũng là một nhiệm vụ quan trọng của phần tập đọc. Ở lớp 3 nhiệm vụ đọc hiểu được coi trọng hơn so với lớp 2. Các kỹ năng bộ phận của kỹ năng đọc hiểu được dạy ở lớp 3 là:

– Các kỹ năng đọc thầm và đọc lướt: đọc bằng mắt với tốc độ khoảng 70 – 80 chữ /phút, lướt nhanh mắt trên một số dòng để tìm từ ngữ, câu hoặc đoạn theo yêu cầu.

– Các kỹ năng nhận diện ngôn ngữ: nhận ra từ mới, nhận ra câu hoặc dòng trong bài nêu ý của đoạn văn (nếu có), nhận ra đơn vị đoạn.

– Các kỹ năng làm rõ nội dung văn bản: nhận biết nghĩa của từ (bao gồm nghĩa đen và nghĩa bóng đơn giản), nhận biết nghĩa của câu (bao gồm nghĩa hiển ngôn và nghĩa hàm ẩn đơn giản), biết ý nghĩa của một số yếu tố thẩm mĩ trong các văn bản nghệ thuật, nhận biết ý của đoạn, bước đầu biết tìm mục đích của đoạn hoặc bài đã đọc.

– Kỹ năng hồi đáp văn bản: biết liên hệ suy nghĩ và việc làm của nhân vật trong bài đọc với cuộc sống của bản thân HS để từ đó HS tự rút ra bài học đơn giản cho chính mình và những người xung quanh, làm quen với việc giải thích vì sao HS lại rút ra bài học đơn giản sau khi đọc văn bản.

1.2. Văn bản đọc hiểu

Văn bản dạy đọc hiểu ở lớp 3 gồm những loại sau:

– Văn bản nghệ thuật (hoặc được viết theo phong cách nghệ thuật).

– Văn bản khoa học (hoặc được viết theo phong cách khoa học).

– Văn bản nhật dụng (bao gồm một số biểu đơn giản, giấy tờ đơn giản, ấn phẩm đơn giản dùng trong đời sống và gần gũi với HS lớp 3).

– Văn bản truyền thông (báo chí dành cho nhi đồng).

Độ dài của văn bản: văn bản nghệ thuật là văn xuôi và văn bản khoa học khoảng 150 chữ, văn bản thơ khoảng 80 đến 100 chữ; văn bản truyền thông và văn bản nhật dụng khoảng 80 đến 100 chữ để học trong 1 tiết.

Độ dài của câu trong văn bản khoảng 12 – 15 tiếng. Các câu được dùng với nghĩa hiển ngôn và nghĩa hàm ẩn đơn

giản.

Các từ trong văn bản phải là những từ gọi tên các sự vật, hiện tượng, hoạt động, tính chất gần gũi với HS lớp 3.

2. Phương pháp dạy học – tổ chức hoạt động học tập để HS đọc hiểu

2.1. Vị trí của phần đọc hiểu trong tiến trình bài dạy tập đọc lớp 3

Lớp 3 không có bài dạy đọc hiểu riêng. Nội dung đọc hiểu là một bộ phận của nội dung bài tập đọc. Việc dạy đọc hiểu diễn ra sau việc dạy đọc thành tiếng.Ở một số bài đọc văn bản nghệ thuật (thơ hoặc văn xuôi)có nội dung gần với khả năng cảm nhận nghệ thuật của HS, bước đầu cho HS học cách đọc có biểu cảm. Dưới đây là trình tự dạy học của bài tập đọc trong đó có nội dung đọc hiểu:

A. KIỂM TRA BÀI CŨ

B. DẠY BÀI MỚI

1. Giới thiệu bài

2. Luyện đọc

2.1. Đọc trơn

– GV đọc cả bài, HS nghe đọc và đọc lướt theo.

– Luyện đọc tiếng, từ (các tiếng, từ hay mắc lỗi phát âm).

– Luyện đọc câu: đọc trơn các từ, giữ đều khoảng cách giữa các từ, đọc đúng các từ gồm nhiều tiếng, ngắt hơi ở dấu phẩy, ngắt hơi ở những chỗ cần tách ý trong câu, đọc đúng ngữ điệu câu kể, câu hỏi, câu cảm thán, câu cầu khiến.

– Luyện đọc đoạn: ngắt hơi ở dấu kết thúc câu, dừng hơi ở dấu kết thúc đoạn.

2.2. Đọc hiểu

– Đọc thầm, đọc lướt.

– Nhận biết các câu (đếm số câu và đánh số ở đầu mỗi câu).

– Nhận biết một số từ mới trong bài (GV gợi ý, HS phát hiện) và nhận biết nghĩa của các từ này thông qua làm bài tập giải nghĩa từ.

– Nhận biết nghĩa một số câu quan trọng thông qua làm bài tập về làm rõ nghĩa câu.

– Nhận biết câu trong bài chứa đựng ý của đoạn (nếu có) thông qua làm bài tập về làm rõ nghĩa của đoạn.

– Nhận biết ý nghĩa của một số từ ngữ, câu văn được dùng với dụng ý nghệ thuật.

– Liên hệ nội dung bài với kinh nghiệm sống của bản thân để tự rút ra bài học cho bản thân hoặc cho những người xung quanh (nếu mối liên hệ này đơn giản và dễ thiết lập), giải thích lý do chọn bài học rút ra từ văn bản thông qua làm bài tập phản hồi văn bản.

2.3. Đọc diễn cảm (chỉ có ở một số bài)

– Đọc theo giọng của từng nhân vật trong văn bản.

– Tập thể hiện tình cảm của người đọc qua cách nhấn giọng, nhẹ giọng khi đọc những từ và câu chứa dụng ý nghệ thuật.

3. Củng cố, dặn dò

– Củng cố bài học: về đọc thành tiếng, về hiểu ý của đoạn đã đọc trong bài.

– Nhiệm vụ chuẩn bị bài mới.

2.2. Bài tập đọc hiểu

2.2.1. Những căn cứ để xây dựng bài tập

– Căn cứ vào nội dung hình thành và rèn luyện kỹ năng đọc hiểu đã nêu ở mục 3.1.1 để hình thành các loại bài tập (Xem thêm các căn cứ khác để xây dựng bài tập đọc hiểu lớp 1 trong phụ lục số 1).

– Độ khó của bài tập đọc hiểu ở lớp 3 nhìn chung cao hơn độ khó của các bài tập ở các lớp 1, 2. Điều này thể hiện ở những điểm sau:

+ Trong phần nêu nhiệm vụ của bài tập: nhiệm vụ có thể nhiều hơn hoặc phức tạp hơn.

+ Trong phần đưa thông tin: ngữ liệu có thể nhiều hơn.

+ Trong phần hướng dẫn: số lượng các thao tác có thể nhiều hơn hoặc số các thao tác trí tuệ nhiều hơn.

+ Trong mỗi dạng bài gồm nhiều kiểu bài thể hiện sự phong phú của một yêu cầu về kỹ năng.

2.2.2. Tổ hợp bài tập đọc hiểu

– *Loại bài tập luyện đọc thầm* gồm các dạng:

+ Bài tập tăng tốc độ đọc bằng mắt.

+ Bài tập đọc lướt.

– *Loại bài tập nhận diện ngôn ngữ* gồm các dạng:

+ Bài tập nhận biết từ mới.

+ Bài tập nhận biết câu.

+ Bài tập nhận biết đoạn.

– *Loại bài tập làm rõ nội dung văn bản (hiểu nội dung)* gồm các dạng:

+ Nhận biết nghĩa của từ (nghĩa đen và nghĩa bóng đơn

giản).

+ Nhận biết nghĩa của câu (nghĩa hiển ngôn và nghĩa hàm ẩn đơn giản).

+ Nhận biết những nội dung được khắc sâu hoặc được nhấn mạnh bằng ngôn từ có tính nghệ thuật.

+ Nhận biết ý của đoạn.

+ Bước đầu nhận biết mục đích của đoạn văn bản hoặc văn bản ngắn.

– *Loại bài tập hồi đáp văn bản*:

+ Bài tập liên hệ để rút ra bài học đơn giản cho bản thân và cho những người xung quanh.

+ Bài tập giải thích lý do rút ra bài học từ văn bản.

2.3. Tổ chức hoạt động học tập cho HS

Dạy đọc hiểu trong bài tập đọc lớp 3 cần tổ chức cho HS hoạt động bằng cách ***nhìn, nghĩ, nghe, nói*** và ***làm*** cụ thể là:

– Tổ chức cho HS nhìn dưới các hình thức: nhìn chữ để đọc to, để đọc thầm, đọc lướt; nhìn tranh minh họa.

– Tổ chức cho HS nghĩ dưới các hình thức:

+ Ghi nhớ từng phần nội dung bài.

+ Phân tích và tổng hợp (ở mức đơn giản) để tìm ra nghĩa của từ, nêu nhận xét đơn giản về con người hoặc sự việc được đề cập trong bài.

+ Giải quyết vấn đề (ở mức đơn giản) theo cách liên hệ những nội dung đơn giản trong bài đọc với cuộc sống để định hướng suy nghĩ hoặc hành động đúng cho bản thân và cho một số người có liên quan.

– Tổ chức cho HS nghe dưới các hình thức sau:

+ Nghe GV đọc mẫu kết hợp với nhìn và đọc thầm theo.

+ Nghe câu hỏi, lời giao nhiệm vụ, lời chỉ dẫn của GV, nghe ý kiến của bạn.

– Tổ chức cho HS nói dưới các hình thức:

+ Đặt và trả lời câu hỏi về nội dung bài đọc (với GV và với bạn).

+ Nhắc lại một phần nội dung đã ghi nhớ trong bài.

+ Nói thành câu ý của một đoạn.

+ Nói lại kết quả những việc đã làm theo chỉ dẫn của bài đọc hoặc theo yêu cầu của GV.

+ Phát biểu ý kiến của cá nhân hoặc của nhóm trong khi thảo luận về nội dung bài đọc.

– Tổ chức cho HS làm dưới các hình thức:

+ Cá nhân đọc nhẩm đọc thầm bài, đọc có biểu cảm một số câu hoặc đoạn ngắn trong một số bài.

+ Cá nhân hoặc nhóm làm các bài tập.

+ Nhóm sưu tầm tài liệu để đọc theo yêu cầu.

+ Nhóm tham gia chơi các trò chơi để hiểu bài.

+ Nhóm làm theo chỉ dẫn trong bài.

Cần lưu ý rằng: để có thể tổ chức cho HS hoạt động cần phải có các bài tập được sắp xếp theo trình tự từ đơn giản đến phức tạp làm phương tiện để hoạt động.

3. Phụ lục số 3

3.1. Các bài soạn tham khảo

Bài thứ nhất: NHỚ LẠI BUỔI ĐẦU ĐI HỌC
(1 tiết)

I. MỤC TIÊU

1. Đọc thành tiếng

– Đọc đúng các từ ngữ trong bài nhất là các từ HS địa phương khó phát âm: *tựu trường, rụt rè, lạnh, lớp, lòng, náo nức, nắm, nép,* hoặc: *mơn man, nắm tay, kỷ niệm, nảy nở, mỉm cười, quang đãng, bỡ ngỡ...* và một số từ HS địa phương phát âm sai.

– Biết ngắt, nghỉ hơi đúng ở các dấu câu và ở những chỗ cần tách ý trong những câu dài. Biết dừng hơi sau mỗi đoạn.

– Biết đọc toàn bài với giọng đọc nhẹ nhàng, tha thiết, nhấn giọng ở những từ ngữ bộc lộ cảm xúc của tác giả khi hồi tưởng một quá khứ đẹp.

2. Đọc hiểu

– Hiểu nghĩa những từ ngữ quan trọng trong bài: *náo nức, kỷ niệm mơn man, tựu trường, rụt rè*. Hiểu thêm nghĩa của một số từ khác trong bài mà HS chưa biết.

– Hiểu nghĩa của những câu văn miêu tả cảnh vật chứa đựng những cảm xúc của người viết.

– Tập tóm tắt đoạn để hiểu ý đoạn.

– Hiểu ý nghĩa của toàn bài văn: ngày đầu tiên đi học là kỷ niệm đẹp và thiêng liêng trong cuộc đời mỗi người.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

– Tranh minh họa trong sách giáo khoa.

– Phiếu học tập trong đó có các bài tập đọc hiểu.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

A. KIỂM TRA BÀI CŨ

(Tham khảo các bài soạn ở lớp 1 và lớp 2 trong các phụ lục số 1 và số 2)

B. DẠY BÀI MỚI

1. Giới thiệu bài

(Thạm khảo cách làm ở các bài soạn cho lớp 1 và lớp 2)

2. Luyện đọc

2.1. Đọc thành tiếng

• *Làm việc chung cả lớp:*

– GV hoặc HS khá đọc cả bài, các HS khác đọc thầm theo.

– HS đọc tiếp nối nhau cả bài văn vài lần và nhận xét bài đọc của nhau theo các tiêu chuẩn: đọc to rõ, ngắt nghỉ hơi đúng chỗ có các dấu câu, không vấp hoặc thừa, thiếu tiếng.

– Luyện đọc từ.

Hướng dẫn:

+ HS đề xuất các từ khó đọc, GV đưa ra một số từ cần luyện đọc đúng tùy theo đặc điểm của phát âm địa phương.(như đã nêu ở phần mục tiêu)

+ HS luyện đọc đúng từ theo đọc mẫu của GV (đọc đồng thanh, đọc cá nhân)

– Luyện đọc câu.

Hướng dẫn:

+ GV hướng dẫn HS đọc ngắt hơi một số câu dài trên bảng phụ:

Hằng năm,/cứ vào cuối thu,/lá ngoài đường rụng nhiều,/lòng tôi lại náo nức/những kỷ niệm mơn man của buổi tựu trường./Tôi quên sao được những cảm giác trong sáng ấy/nảy nở trong lòng tôi/như mấy cánh hoa tươi cười giữa bầu trời quang đãng.

Buổi mai hôm ấy,/một buổi mai đầy sương thu và gió lạnh,/mẹ tôi âu yếm nắm tay tôi/dẫn đi trên con đường làng dài và hẹp.

Họ như con chim nhìn quãng trời rộng muốn bay /nhưng còn ngập ngừng e sợ.

+ HS đánh dấu vào sách giáo khoa những chỗ ngắt hơi ở câu dài theo hướng dẫn của GV.

+ HS luyện đọc câu đã hướng dẫn trong nhóm gồm 2 em ngồi cạnh nhau.

– Luyện đọc từng đoạn và bài.

Hướng dẫn: dừng hơi sau dấu chấm xuống dòng rồi đọc đoạn tiếp theo, HS đọc 2 đoạn nối tiếp nhau trong nhóm 2 người.

2.2. Đọc hiểu

• *Làm việc nhóm:*

– HS đọc thầm cả bài và thảo luận để làm bài tập số 1 trong phiếu bài tập. Đại diện các nhóm nêu kết quả, GV chốt lại ý kiến đúng.

Đáp án:

Chỗ trống thứ nhất: rộn ràng, hoặc lâng lâng, hoặc ...

Chỗ trống thứ hai: thú vị, hoặc dễ chịu, hoặc vui vui, hoặc ...

Chỗ trống thứ ba: buổi đến trường đầu tiên, hoặc ngày đầu tiên đi học, hoặc ...

– HS đọc lướt đoạn thứ nhất và cá nhân tự làm bài tập số 2 trong phiếu bài tập. Mỗi cá nhân nêu kết quả và cả nhóm thống nhất chọn một câu trả lời đúng.

– HS đọc lướt đoạn thứ hai (Buổi mai hôm ấy ...... hôm nay tôi đi học) và cá nhân tự làm bài tập số 3 trong phiếu bài tập. Mỗi cá nhân nêu kết quả và cả nhóm thống nhất chọn câu trả lời đúng.

– Đại diện nhóm chữa bài tập 2 và 3. GV chốt lại ý kiến đúng.

Đáp án: bài tập 2 – câu trả lời a; bài tập 3 – câu trả lời c.

– HS đọc lướt đoạn cuối, đọc lướt từng câu trong bài tập số 4 trong phiếu để làm bài tập này.

Đáp án: Ghi chữ Đ trước các câu b, c, đ. Ghi chữ S trước câu a.

• *Làm việc chung cả lớp:*

– GV hướng dẫn HS làm bài tập 5 trong phiếu. Các câu hỏi gợi ý để HS tóm tắt đoạn:

+ Đoạn thứ nhất: *Hằng năm, lúc nào tác giả lại nhớ tới những kỷ niệm của buổi tựu trường đầu tiên?*

+ Đoạn thứ hai: *Tác giả có cảm giác gì với những cảnh vật thân quen trong ngày tựu trường đầu tiên?*

+ Đoạn cuối: *Các bạn của tác giả đến trường trong buổi học đầu tiên với dáng vẻ như thế nào?*

– 1 hoặc 2 HS làm mẫu tóm tắt một đoạn. Các HS khác hoàn thành bài tập này theo hướng dẫn vào sau giờ học.

2.3. Đọc diễn cảm

• *Làm việc nhóm:*

– GV giao việc cho 3 nhóm: mỗi nhóm phát hiện những từ ngữ quan trọng cần nhấn giọng khi đọc rồi từng cá nhân đọc nhấn giọng ở các từ ngữ quan trọng trong đoạn và đọc với giọng đọc nhẹ nhàng, tha thiết như đang hồi tưởng về kỷ niệm đẹp.

Đáp án:

Đoạn thứ nhất nhấn giọng ở các từ ngữ: náo nức, mơn man, tựu trường, quên sao được, trong sáng, mấy cánh hoa tươi.

Đoạn thứ hai nhấn giọng ở các từ ngữ: đầy sương thu và gió lạnh, âu yếm, có sự thay đổi lớn, hôm nay tôi đi học.

Đoạn cuối nhấn giọng ở các từ ngữ: bỡ ngỡ, nép, ngập ngừng e sợ, thèm vụng và ao ước thầm, rụt rè.

– HS thực hành đọc diễn cảm trong nhóm và đại diện nhóm đọc trước lớp, các HS khác góp ý và đọc theo cách đọc của bạn đọc tốt.

3. Củng cố, dặn dò

– *Củng cố:*

+ HS liên hệ: nhớ lại ngày đầu tiên đi học của em và cho biết lúc đó em có những cảm giác gì, em làm những việc gì ở trường. Em có cảm giác và việc làm nào giống với tác giả?

+ HS tự do phát biểu ý kiến cá nhân: theo em thì những kỷ niệm về ngày đầu tiên đi học của em có ý nghĩa như thế nào với em?

– *Dặn dò:*

+ Chọn một đoạn trong bài mà em thích và học thuộc đoạn đó.

+ Chuẩn bị bài mới: *Trận bóng dưới lòng đường*. Đọc cả bài, trả lời câu hỏi ở cuối bài.

*

*   *

PHIẾU HỌC TẬP

1. Tìm từ giống nghĩa với từ đặt trong ngoặc để thay thế từ trong ngoặc rồi điền từ đó vào chỗ trống:

"Hằng năm, cứ vào cuối thu, lá ngoài đường rụng nhiều, lòng tôi lại .... (*náo nức*) những kỷ niệm .... (*mơn man*) của buổi .... (*tựu trường*).

Họ thèm vụng và ước ao thầm được như những người học trò cũ, biết lớp, biết thầy để khỏi phải .... (*rụt rè*) trong cảnh lạ."

Khoanh tròn chữ cái trước câu trả lời đúng cho câu hỏi sau.

2. Hằng năm, điều gì đã gợi cho tác giả nhớ lại những kỷ niệm của buổi tựu trường đầu tiên?

a. cuối mùa thu, lá rụng nhiều

b. mấy cánh hoa tươi mỉm cười giữa bầu trời quang đãng

c. cảnh vật xung quanh đang có sự thay đổi lớn

3. Vì sao tác giả cảm thấy lạ khi đi trên con đường quen thuộc để đến trường?

a. vì hôm ấy tác giả được đi cùng mẹ

b. vì cảnh vật của hai bên đường hôm ấy đổi khác

c. vì tác giả lần đầu được đi học nên trong lòng có cảm xúc lạ khiến tác giả cảm thấy lạ với nhiều cảnh vật quen.

4. Ghi chữ Đ trước *các chi tiết nói lên sự rụt rè, bỡ ngỡ* của những học sinh mới bắt đầu đi học và ghi chữ S trước chi tiết không nói về điều ấy.

a. Con đường này đã quen đi lại nhiều lần, nhưng lần này tự nhiên tôi thấy lạ.

b. Mấy bạn học trò bỡ ngỡ đứng nép bên người thân, chỉ dám đi từng bước nhẹ.

c. Họ như con chim nhìn quãng trời rộng muốn bay nhưng còn ngập ngừng e sợ.

d. Họ thèm vụng và ước ao thầm được như những người học trò cũ.

5. Tóm tắt 3 đoạn của bài, mỗi đoạn bằng một câu rồi viết tóm tắt đó vào chỗ trống.

– Tóm tắt đoạn 1:..

....

....

– Tóm tắt đoạn 2:..

....

....

– Tóm tắt đoạn 3:..

....

....

Bài thứ hai: TRẬN BÓNG DƯỚI LÒNG ĐƯỜNG

(1,5 tiết)

(Tiếng Việt 3 tập 1, sách thử nghiệm CTTH 2000, NXB Giáo dục, Hà Nội, năm 2000, trang 56)

I. MỤC TIÊU

1. Đọc thành tiếng

– Đọc đúng các từ ngữ trong bài nhất là các từ HS địa phương khó phát âm: *sang, sững, sút, lén, lão, lưng, lòng đường*, hoặc: *cánh phải, bỗng, sững, nổi nóng, bóng bổng, lảo đảo, vỡ*... và một số từ HS địa phương phát âm sai.

– Biết ngắt, nghỉ hơi đúng ở chỗ có dấu câu và đọc đúng ngữ điệu của các câu kể, câu hỏi và câu cảm.

– Biết đọc toàn bài với giọng đọc mạnh, nhịp đọc nhanh thể hiện không khí trận bóng sôi nổi và căng thẳng.

2. Đọc hiểu

– Hiểu nghĩa các từ ngữ quan trọng trong bài: *cầu thủ, đối phương, cánh trái, cánh phải, khung thành, bấm bóng, dốc bóng, bóng bổng*, ... và một số từ khác mà HS chưa biết nghĩa.

– Biết tóm tắt đoạn và nêu ý của đoạn.

– Hiểu việc chơi đá bóng ở đường đi là việc dễ gây nguy hiểm cho những người chơi bóng và nhiều người khác.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

– Tranh minh họa trong sách giáo khoa.

– Phiếu bài tập có các bài tập đọc hiểu.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

Tiết 1

A. KIỂM TRA BÀI CŨ

(Tham khảo cách làm ở những bài soạn trước)

B. DẠY BÀI MỚI

1. Giới thiệu bài

Có thể tham khảo cách mở bài sau:

Bóng đá là một môn thể thao rất hấp dẫn. Trong lớp ta những ai thích xem hoặc thích chơi bóng đá? (GV dừng lại để HS trả lời câu hỏi)

Bóng đá có ích cho người chơi về nhiều mặt: tăng cường sức khỏe, nhanh nhẹn, thông minh, tăng ý chí quyết tâm... Tuy nhiên chơi và tập chơi bóng đá cần phải đúng chỗ và đúng mức thì mới có ích , ngược lại chơi bóng đá không đúng chỗ sẽ gây những hậu quả khó lường. Bài đọc này sẽ giúp các em hiểu nên chơi bóng ở đâu.

2. Luyện đọc

2.1. Đọc thành tiếng

• *Làm việc chung cả lớp:*

– GV hoặc HS khá đọc cả bài, các HS khác đọc thầm theo.

– HS đọc tiếp nối nhau cả bài văn vài lần và nhận xét bài đọc của nhau theo các tiêu chuẩn: đọc to rõ, ngắt nghỉ hơi đúng chỗ có các dấu câu, không vấp hoặc thừa, thiếu tiếng.

– Luyện đọc từ.

Hướng dẫn:

+ HS đề xuất các từ khó đọc, GV đưa ra một số từ cần luyện đọc đúng tùy theo đặc điểm của phát âm địa phương. (như đã nêu ở phần mục tiêu)

+ HS luyện đọc đúng từ theo đọc mẫu của GV (đọc đồng thanh, đọc cá nhân)

– Luyện đọc câu.

Hướng dẫn:

Ngắt hơi đúng ở câu sau: *Bỗng / một tiếng / "Kít ... ít" / làm cậu sững lại.*

Nhấn giọng ở các từ gạch dưới và lên giọng ở từ cuối câu hỏi sau: *Chỗ này là chỗ chơi bóng à?* ↗

Đọc nhấn giọng ở các từ gạch dưới trong câu cảm thán sau: *Thật là quá quắt!*

+ HS đánh dấu vào sách giáo khoa những chỗ ngắt hơi, nhấn giọng hoặc lên giọng ở từng câu theo hướng dẫn của GV.

+ HS luyện đọc câu đã hướng dẫn trong nhóm gồm 2 em ngồi cạnh nhau.

– Luyện đọc từng đoạn và bài.

Hướng dẫn: dừng hơi sau dấu chấm xuống dòng rồi đọc đoạn tiếp theo, HS đọc 2 đoạn nối tiếp nhau trong nhóm 2 người.

2.2. Đọc hiểu

• *Làm việc nhóm:*

– HS làm bài tập số 1 trong phiếu học tập.

Hướng dẫn: Có thể thực hiện bài tập này theo cách sau:

+ Dùng từ điển để làm bài.

+ Thảo luận để tìm nghĩa của các từ ngữ.

+ Đại diện các nhóm chữa bài, GV chốt lại ý kiến đúng.

– HS làm các bài tập số 2, 3, 4 trong phiếu học tập.

Hướng dẫn:

+ Đọc thầm đoạn thứ nhất và thảo luận để tìm câu trả lời đúng cho bài số 2 *(câu b).*

+ Đọc thầm đoạn 2 và thảo luận để tìm câu trả lời đúng cho bài số 3 *(câu a).*

+ Đọc thầm đoạn cuối và thảo luận để tìm câu trả lời đúng cho bài số 4 *(câu c).*

+ Đại diện các nhóm chữa bài, GV chốt lại ý kiến đúng.

Tiết 2 (20 phút)

Đọc hiểu (tiếp theo tiết 1)

• *Làm việc nhóm:*

– HS làm bài tập 5 trong phiếu học tập. *Hướng dẫn:*

+ Đọc kỹ từng câu đã cho trong đề bài.

+ Đọc lướt lại đoạn thứ nhất và phát hiện xem đoạn này nói về Quang hay về trận bóng phải dừng lại lần thứ nhất, hay về cụ già, hay về bác đi đường. Thảo luận về các ý kiến khác nhau để thống nhất chọn 1 câu trả lời đúng. *(Câu cần chọn: câu b)*

+ Đọc lướt lại đoạn thứ hai rồi làm các việc tương tự như đã làm ở đoạn thứ nhất. *(Câu cần chọn: câu e)*

+ Đọc lướt đoạn cuối rồi làm các việc tương tự như đã làm ở đoạn thứ nhất. *(Câu cần chọn: câu g)*

2.3. Đọc diễn cảm

• *Làm việc chung cả lớp:*

– HS phát hiện giọng đọc những câu, đoạn thuật không khí sôi nổi, căng thẳng của trận bóng; giọng đọc những câu văn thể hiện nỗi ân hận của Quang.

– HS thảo luận để đưa ra giọng đọc hay, GV chốt lại ý kiến đúng (xem phần mục tiêu).

• *Làm việc nhóm:*

– HS thực hành đọc diễn cảm từng đoạn trong nhóm, góp ý cho nhau.

– 3 nhóm cử 3 đại diện đọc diễn cảm thi trước lớp (có thể đọc cả đoạn, có thể đọc cả bài).

3. Củng cố, dặn dò

– HS thảo luận để làm sáng tỏ vấn đề: những việc làm nào của các bạn trong bài cần được khuyến khích, những việc làm nào của các bạn cần chê trách, vì sao lại khuyến khích, vì sao lại chê trách.

– Chuẩn bị bài mới: bài *Lừa và ngựa*, đọc cả bài, trả lời các câu hỏi trong sách.

*

* *

PHIẾU HỌC TẬP

1. Nối từng từ ở cột bên trái với nghĩa của nó ở cột bên phải.

Cánh phải	là khung hình chữ nhật ở cuối sân để các cầu thủ đưa bóng vào.
Cánh trái	các cầu thủ của đội đối địch trong trận đấu
cầu thủ	phía bên phải (phía tay mặt).
khung thành	đá bóng nhẹ để di chuyển bóng một đoạn ngắn
đối phương	chuyền bóng liên tục và nhanh về một phía
bấm bóng	phía bên trái
dốc bóng	người chơi đá bóng
bóng bổng	chơi bóng ở độ cao ngang hoặc trên tầm đầu các cầu thủ

Khoanh tròn chữ cái trước câu trả lời đúng cho mỗi câu hỏi sau:

2. Bạn nào chỉ chút nữa thì lao vào xe máy khi đá bóng?

a. bạn Vũ; b. bạn Long; c. bạn Quang

3. Trận đấu bóng của các bạn phải dừng lại hẳn vì chuyện gì?

a. vì quả bóng đã đập vào mặt một cụ già đi đường khiến cụ bị đau

b. vì một bác đứng tuổi đi đường quát mắng các bạn khiến các bạn sợ

c. vì bạn Quang đã sút bóng chệch khung thành

4. Lí do nào dưới đây là lý do đúng nhất khiến Quang phải ân hận?

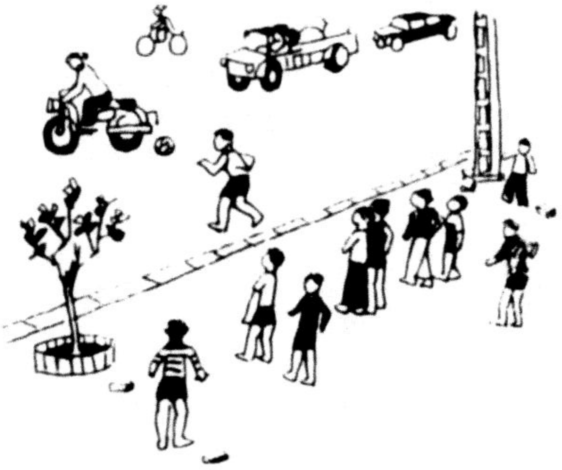
a. Quang chưa kịp xin lỗi cụ già bị em làm đau.

b. Quang thấy cụ già bị chảy máu nhiều.

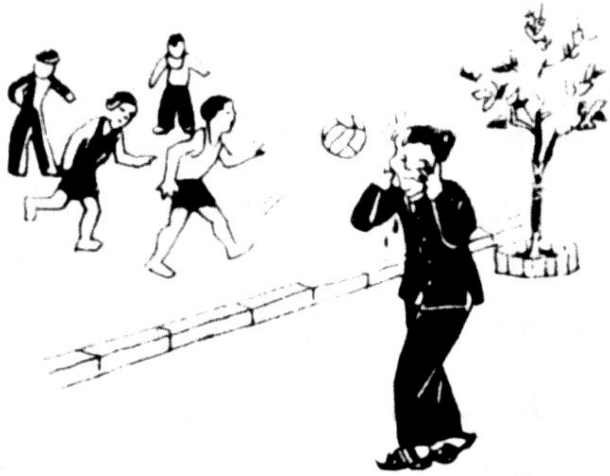
c. Quang thấy cụ già bị em làm đau giống ông em khiến

em cảm thấy như em đã làm đau ông mình.

5. Nhìn tranh và các từ ngữ gợi ý trên từng tranh, em hãy viết ý của từng đoạn vào mỗi dòng trống sau.



Trận bóng phải tạm ngừng vì....



Mải chơi nên các bạn đã....



Nhìn cụ già bị đau, Quang thấy ...

– Ý của đoạn thứ nhất: ....
....
....
....

– Ý của đoạn thứ hai:..
....
....
....

– Ý của đoạn thứ ba:..
....
....
....

Bài thứ ba: CHƯƠNG TRÌNH XIẾC ĐẶC SẮC
(1 tiết)

(Tiếng Việt 3 tập 2, sách thử nghiệm CTTH 2000, NXB Giáo dục, năm 2000, trang 49)

I. MỤC TIÊU

1. Đọc thành tiếng:

– Đọc đúng các từ ngữ trong bài nhất là các từ HS địa phương khó phát âm: *rạp xiếc, ngày lễ, tiện lợi, liên hệ,* hoặc: *ngựa vằn, đặc sắc,chủ nhật, giảm, tu bổ, thoải mái, ảo thuật, nhào lộn...* và một số từ HS địa phương phát âm sai.

– Đọc đúng các chữ số, các số phần trăm trong bài.

– Biết ngắt, nghỉ hơi đúng ở chỗ có dấu câu và ở chỗ xuống dòng.

– Biết đọc cả tờ quảng cáo bằng giọng đọc to, nhấn giọng ở những chỗ người nghe quan tâm nhiều.

2. Đọc hiểu:

– Làm quen với thao tác đọc lướt để tìm những thông tin cần thiết

– Hiểu nghĩa các từ ngữ quan trọng trong bài: *ra mắt, xiếc thú, xiếc nhào lộn, dí dỏm, liên hệ* ... và một số từ khác mà HS chưa biết nghĩa.

– Biết tóm tắt một quảng cáo ngắn.

– Nhận biết: từ ngữ trong quảng cáo phải gây ấn tượng mạnh để người đọc dễ nhớ, câu văn trong quảng cáo ngắn gọn, cách trình bày chữ viết, hình vẽ trong quảng cáo cần lạ và hấp dẫn.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

– Tranh minh họa trong sách giáo khoa.

– Một số tờ quảng cáo về các mặt hàng mà trẻ em quan tâm và thích thú (bao gồm cả các quảng cáo kiểu tờ rơi).

– Giấy to, bút dạ để các nhóm tập làm quảng cáo ngắn.

– Phiếu học tập có các bài tập đọc hiểu.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

A. KIỂM TRA BÀI CŨ

(Tham khảo cách làm ở những bài soạn trước)

B. DẠY BÀI MỚI

1. Giới thiệu bài

GV trao cho HS một số quảng cáo hoặc tờ rơi để HS đọc và phát hiện xem tên của các ấn phẩm này là gì. GV chốt

lại ý kiến đúng và giới thiệu nội dung bài đọc này cũng là một quảng cáo.

2. Luyện đọc

2.1. Đọc thành tiếng

• *Làm việc chung cả lớp:*

– GV hoặc HS khá đọc cả bài, các HS khác đọc thầm theo.

– HS đọc tiếp nối nhau cả bài văn vài lần và nhận xét bài đọc của nhau theo các tiêu chuẩn: đọc to rõ, ngắt nghỉ hơi đúng chỗ có các dấu câu, chỗ xuống dòng, không vấp hoặc thừa, thiếu tiếng.

– Luyện đọc từ.

Hướng dẫn:

+ HS đề xuất các từ khó đọc, GV đưa ra một số từ cần luyện đọc đúng tùy theo đặc điểm của phát âm địa phương (Như đã nêu ở phần mục tiêu).

+ HS luyện đọc đúng từ theo đọc mẫu của GV (đọc đồng thanh, đọc cá nhân).

– Luyện đọc câu và đoạn.

Hướng dẫn: Ngắt hơi ở dấu hai chấm và ở dấu phẩy, nghỉ hơi ở chỗ xuống dòng và dấu chấm. HS đọc theo hướng dẫn.

2.2. Đọc hiểu

• *Làm việc nhóm:*

– HS làm bài tập số 1 trong phiếu học tập.

Hướng dẫn:

+ Từng HS phát hiện những từ chưa biết nghĩa.

+ HS trao đổi với nhau để giúp nhau tìm nghĩa của các từ mình chưa biết.

– HS làm bài tập 2, 3, 4 trong phiếu học tập.

Hướng dẫn:

+ HS đọc lướt tên chương trình bao gồm cả phần ghi trong ngoặc đơn rồi thảo luận xem chương trình này tổ chức chủ yếu dành cho khán giả ở lứa tuổi nào xem. Sau đó HS thống nhất trong nhóm về câu trả lời đúng (Các khán giả chủ yếu là trẻ em).

+ HS tự làm việc cá nhân để tìm câu trả lời cho bài tập 3 và 4. Sau đó HS chữa bài tập 3 trong nhóm; từng cá nhân nêu câu trả lời của mình trong bài tập 4 và giải thích xem vì sao mình lại chọn câu trả lời đó (Bài tập 3: câu c; bài tập 4: tùy HS lựa chọn và giải thích).

• *Làm việc chung cả lớp:*

– Đại diện một số nhóm lên trình bày kết quả bài tập 2 và 3, các nhóm góp ý kiến, GV chốt lại ý kiến đúng.

– Một số cá nhân nêu câu trả lời của mình trong bài tập 4 và giải thích lý do chọn câu trả lời đó.

– GV hướng dẫn làm bài tập 5 trong phiếu học tập (bài tập không bắt buộc):

+ Gợi ý để HS tìm đề tài quảng cáo: một đồ dùng tiện lợi của cá nhân hoặc của một số bạn trong lớp (hộp bút có nắp là thước kẻ, áo khoác không thấm nước, con quay gỗ nhỏ, cặp sách kiểu mới nhẹ và bền, một loại bánh ngon là đặc sản của địa phương, một loại hàng địa phương sản xuất...).

+ Nội dung của quảng cáo: tên đồ dùng hoặc mặt hàng quảng cáo, 2 hoặc 3 đặc điểm tiện lợi, hấp dẫn người dùng.

+ Trình bày quảng cáo: từ ngữ gây ấn tượng mạnh bằng cách dùng nhiều tính từ chỉ mức độ cao nhất (ví dụ: tuyệt hảo, sảng khoái, dịu êm, khó quên ...); câu gọn, ít từ càng tốt; chữ viết trình bày theo kiểu lạ mắt nhưng dễ đọc; hình vẽ to, vui mắt, gây sự chú ý cao.

(Bài tập 5 HS hoàn thành ngoài giờ học)

3. Củng cố, dặn dò

– HS nêu ý nghĩa của các quảng cáo nói chung, GV chốt lại ý kiến đúng (quảng cáo chủ yếu để giới thiệu sản phẩm và hàng hóa với người tiêu dùng)

– Chuẩn bị bài mới: bài *Đối đáp với vua*, đọc cả bài và trả lời các câu hỏi ở cuối bài

*

* *

PHIẾU HỌC TẬP

1.– Đọc các từ sau trong bài: ra mắt, liên hệ, dí dỏm, xiếc thú, xiếc nhào lộn.

– Gạch dưới những từ em chưa biết nghĩa trong số các từ đó.

– Tìm trong các lời giải nghĩa dưới đây lời giải nghĩa cho những từ em chưa biết trong số các từ đó.

– *Xuất hiện lần đầu tiên trước nhiều người.*

– Có vẻ gây cười một cách nhẹ nhàng.

– Những trò xiếc do các con thú biểu diễn.

– Những trò xiếc diễn bằng các động tác nhào lộn, nhảy...

– Gặp gỡ, gọi điện để hỏi tin tức hoặc để đặt mua vé xem.

2. Đọc lướt tên của chương trình xiếc rồi điền ý kiến của em vào chỗ trống.

Rạp xiếc *Chú ngựa vằn* biểu diễn chương trình xiếc đặc sắc dành cho các khán giả là..

Khoanh tròn chữ cái trước câu trả lời đúng cho mỗi câu hỏi sau:

3. Có những tiết mục mới nào được ra mắt lần đầu trong chương trình này?

a. xiếc thú, xiếc nhào lộn

b. xiếc thú, ảo thuật, xiếc tung hứng

c. xiếc thú, xiếc nhào lộn, ảo thuật

4. Nội dung nào dưới đây của quảng cáo này hấp dẫn em nhất?

a. có 3 buổi diễn trong ngày chủ nhật và ngày lễ

b. giảm giá vé 50% cho thiếu nhi

c. giảm thêm giá vé 10% cho các đoàn đi tập thể

d. rạp thoáng mát, ghế ngồi tiện lợi, thoải mái

5. Cùng với các bạn trong tổ (hoặc nhóm), làm một quảng cáo cho một đồ dùng hoặc một mặt hàng nào đó của cá nhân, hoặc của tổ em, hoặc của địa phương em.

Bài thứ tư: CÙNG VUI CHƠI

(1 tiết)

(– Tiếng Việt 3 tập 1, sách viết theo chương trình 165 tuần, NXB Giáo dục, năm 2000, trang 20.
– Tiếng Việt 3 tập 2, sách thử nghiệm CTTH 2000, NXB Giáo dục, năm 2000, trang 86.)

I. MỤC TIÊU

1. Đọc thành tiếng

– Đọc đúng các từ ngữ trong bài nhất là các từ HS địa phương khó phát âm: *trải, rồi, rơi, lắm, lộn*, hoặc *ngày, bay, mát, mắt, hát, trải, dẻo, khỏe*... và một số từ HS địa phương phát âm sai.

– Biết ngắt, nghỉ hơi đúng ở chỗ có dấu câu và nghỉ hơi ở cuối dòng thơ. Biết đọc đúng nhịp thơ.

– Biết đọc toàn bài với giọng đọc vui, nhẹ nhàng thể hiện không khí vui của cuộc chơi.

– Đọc thuộc cả bài với giọng đọc vui.

2. Đọc hiểu

– Hiểu nghĩa các từ ngữ quan trọng trong bài và một số từ khác mà HS chưa biết nghĩa.

– Biết tóm tắt đoạn và nêu ý của đoạn.

– Hiểu vui chơi giải trí làm cho người khỏe và học tập tốt hơn.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

– Tranh trong sách giáo khoa.

– Quả cầu giấy.

– Bảng phụ ghi cả bài thơ để hướng dẫn HS học thuộc.

– Phiếu học tập có các bài tập đọc hiểu.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

A. KIỂM TRA BÀI CŨ

(Tham khảo cách làm ở những bài soạn trước)

B. DẠY BÀI MỚI

1. Giới thiệu bài

(Tham khảo cách làm ở những bài soạn trước)

2. Luyện đọc

2.1. Đọc thành tiếng

• *Làm việc chung cả lớp:*

– GV hoặc HS khá đọc cả bài, các HS khác đọc thầm theo.

– HS đọc tiếp nối nhau cả bài văn vài lần và nhận xét bài đọc của nhau theo các tiêu chuẩn: đọc to rõ, ngắt nghỉ hơi đúng chỗ có các dấu câu, không vấp hoặc thừa, thiếu tiếng.

– Luyện đọc từ.

Hướng dẫn:

+ HS đề xuất các từ khó đọc, GV đưa ra một số từ cần luyện đọc đúng tùy theo đặc điểm của phát âm địa phương. (Như đã nêu ở phần mục tiêu)

+ HS luyện đọc đúng từ theo đọc mẫu của GV (đọc đồng thanh, đọc cá nhân)

– Luyện đọc câu thơ, đoạn thơ.

Hướng dẫn: Nghỉ hơi cuối mỗi dòng thơ, nghỉ lâu hơn ở

cuối mỗi khổ thơ

+ HS đánh dấu vào sách giáo khoa những chỗ ngắt hơi, nghỉ hơi theo hướng dẫn.

+ HS luyện đọc câu thơ, đoạn thơ và 2 đoạn thơ liên tiếp trong nhóm (gồm 2 em ngồi cạnh nhau).

2.2. Đọc hiểu

• *Làm việc nhóm:*

– HS làm bài tập số 1, 2, 3 trong phiếu học tập.

Hướng dẫn:

+ Sau khi đọc thầm cả bài, HS đếm số khổ thơ trong bài rồi thảo luận để xác định đoạn nào gồm 2 khổ thơ, căn cứ để xác định là 2 khổ thơ cùng nói về một việc. Trên cơ sở đoạn đã xác định, HS xác định 2 đoạn còn lại và ghi kết quả vào bài tập số 1a *(Đoạn thứ nhất – khổ thơ thứ nhất; đoạn thứ hai – khổ thơ thứ hai và khổ thơ thứ ba; đoạn thứ ba – khổ thơ thứ tư).*

+ HS tiếp tục thảo luận để tìm kết quả của bài tập 1b *(Ý đầu tiên là ý của đoạn thứ nhất; ý tiếp theo là ý của đoạn thứ hai; ý cuối cùng là ý của đoạn thứ ba)* .

+ HS đọc thầm đoạn thứ hai gồm 2 khổ thơ giữa rồi tìm các từ chỉ hoạt động như đã nêu trong bài tập 2 để tìm lời giải cho bài tập này. *(Từ ngữ chỉ hoạt động của người chơi: nhìn tinh mắt, đá dẻo chân, cho cầu bay, đừng để rơi. Từ ngữ chỉ hoạt động của quả cầu: bay lên, lộn xuống, đi vòng quanh quanh)*

+ HS đọc thầm đoạn thứ ba (khổ thơ cuối) rồi thảo luận để tìm lời giải cho bài tập 3 *(Câu c)*.

+ Đại diện các nhóm trình bày kết quả của từng bài

tập, HS khác góp ý kiến , GV chốt lại ý kiến đúng.

2.3. Đọc diễn cảm

• *Làm việc chung cả lớp:*

– GV hướng dẫn đọc đúng nhịp thơ:

+ HS phát hiện các câu thơ trong bài đều có 5 chữ.

+ GV giới thiệu câu thơ trong bài thơ 5 chữ thường ngắt nhịp 2/3 hoặc 3/2.

+ GV làm mẫu: ngắt nhịp khổ thơ đầu: 3/2, 3/2, 2/3, 2/3.

+ HS tập xác định nhịp thơ ở các khổ thơ tiếp theo (mỗi khổ thơ do một số em thực hiện):

Khổ thứ hai: 3/2, 3/2, 2/3, 3/2.

Khổ thứ ba: 2/3, 2/3, 3/2, 3/2.

Khổ thứ tư: 3/2, 2/3, 2/3, 2/3.

+ GV chốt ý kiến đúng trên bảng phụ (gạch nhịp của tất cả các câu thơ trong bài).

• *Làm việc nhóm:*

– HS thực hành đọc đoạn, đọc cả bài theo đúng nhịp thơ.

– HS đọc bài bằng giọng đọc vui, nhẹ nhàng.

– HS tự thuộc một đoạn của bài (theo phân công của GV cho từng nhóm).

3. Củng cố, dặn dò

– Đại diện của 4 nhóm thi đọc thuộc và diễn cảm một đoạn của bài thơ.

– Chuẩn bị bài mới: bài *Tin thể thao*, đọc cả bài, trả lời câu hỏi ở cuối bài.

PHIẾU HỌC TẬP

1. Đọc thầm cả bài rồi ghi ý kiến của em vào chỗ trống.

a. Bài thơ này gồm 3 đoạn:

– Đoạn thứ nhất: gồm khổ thơ...

– Đoạn thứ hai: gồm khổ thơ ....

– Đoạn thứ ba: gồm khổ thơ ....

b. – *Cảnh vật trong một ngày đẹp trời thuận tiện cho việc vui chơi* là ý của đoạn thứ...

– *Các bạn học sinh chơi đá cầu trên sân trường rất vui* là ý của đoạn thơ thứ ....

– *Vui chơi sẽ giúp cho học tốt* là ý của đoạn thứ............

2. Điền các từ ngữ chỉ hoạt động của người chơi và hoạt động của quả cầu nói lên sự tài giỏi và khéo léo của các bạn chơi đá cầu.

– Hoạt động của người chơi: ....

....

– Hoạt động của quả cầu: ....

....

3. Khoanh tròn chữ cái trước dòng nêu đúng nhất ý nghĩa của câu thơ cuối trong bài.

a. Chơi càng vui thì học càng vui.

b. Phải chơi thật vui thì học mới vui.

c. Vui chơi giải trí sẽ giúp cho việc học tốt hơn.

3.2. Một số đề kiểm tra tham khảo (thời gian: 20 phút)

ĐỀ 1:

Đọc câu chuyện sau:

Khỉ từ trên núi xuống, lẻn vào vườn, thấy ngô, thích quá, bẻ một bắp , cắp vào nách, chạy. Đến một cánh rừng đào, thấy đào chín đỏ, trông ngon lành, Khỉ quẳng bắp ngô, nhảy lên cây, hái đào. Hái được ít đào, Khỉ lại tiếp tục đi. Đến ruộng dưa, thấy quả dưa to hơn quả đào nhiều, nó liền quẳng đào, hái dưa, rồi khệ nệ ôm dưa, vui sướng trở về. Trên đường về, gặp Thỏ, thấy Thỏ nhảy nhót vui đùa, Khỉ bèn quẳng dưa đi, bắt chước Thỏ nhảy nhót. Thỏ ôm quả dưa chạy biến vào rừng. Trời sắp tối, Khỉ tìm mãi không thấy dưa đâu nữa, đành tay không trở về nhà, mặt buồn thiu.

1. Tìm và ghi lại một từ trong bài có nghĩa trái ngược với nghĩa của từ *vui sướng*.

Khoanh tròn chữ cái trước câu trả lời đúng cho mỗi câu hỏi sau.

2. Ý nào dưới đây nói đúng trình tự các nơi mà khỉ đã đến?

a. rừng đào → vườn ngô → ruộng dưa

b. vườn ngô → ruộng dưa → rừng đào

c. vườn ngô → rừng đào → ruộng dưa

3. Lí do nào dưới đây là lý do đúng nhất khiến Khỉ phải về nhà tay không?

a. vì Khỉ gặp phải con Thỏ ranh ma

b. vì Khỉ tham, muốn có nhiều thức ăn

c. vì Khỉ ham chơi

d. vì Khỉ cái gì cũng tham nên chẳng được gì

4. Dựa vào các tranh trên, tóm tắt câu chuyện trên bằng 4 câu ngắn gọn rồi viết tóm tắt đó vào chỗ trống.

....

....

....

....

....

....

....

ĐỀ 2:

Đọc bài thơ sau:

Tiếng chim buổi sáng

Sáng ra trời rộng đến đâu
Trời xanh như mới lần đầu biết xanh
Tiếng chim lay động lá cành
Tiếng chim đánh thức chồi xanh dậy cùng
Tiếng chim vỗ cánh bầy ong
Tiếng chim tha nắng rải đồng lúa thơm
Gọi bông lúa chín về thôn
Tiếng chim nhuộm óng cây rơm trước nhà

Tiếng chim cùng bé tưới hoa
Mát trong từng giọt nước hòa tiếng chim
Vòm cây xanh, đố bé tìm
Tiếng nào riêng giữa trăm nghìn tiếng chung
Mà vườn hoa cũng lạ lùng
Nghiêng tai nghe đến không cùng tiếng chim.

1. Khoanh tròn chữ cái trước một từ tả tiếng chim như tả hoạt động của người.

a. vỗ cánh | b. gọi
c. tha | d. lay động

2. Ghi chữ Đ trước những dòng nêu đúng nơi có tiếng chim buổi sáng và ghi chữ S vào những dòng nêu không đúng nơi có tiếng chim buổi sáng.

a. vòm cây xanh | b. vườn hoa
c. lá cành | d. đồng lúa thơm
e. mái nhà | g. chồi xanh
h. cây rơm | i. vườn quả

3. Chép lại một dòng thơ tả tiếng chim hòa giọng như tiếng hát của nhiều người.

....

4. Viết lại một hoặc một số câu thơ trong bài mà em thích và nói rõ lý do khiến em thích.

....
....
....
....
....

ĐỀ 3:

Đọc bài sau:

Hiện tượng đông máu ở người

1. Máu của con người có khả năng tự bảo vệ. Máu chiếm 8% tỉ lệ cân nặng của toàn cơ thể. Khi người ta bị thương hoặc buộc phải trải qua những ca mổ để chữa bệnh mà máu không ngừng chảy thì thật nguy hiểm. Tuy nhiên trong trường hợp bị chảy máu, máu của người có khả năng tự đông lại để tránh mất nhiều máu.

2. Cơ thể người có một bộ phận chuyên làm đông máu. Quá trình đông máu diễn ra như sau:

– Khi máu chảy ra ngoài mạch máu thì bộ phận nói trên tiết ra một số chất làm cho máu từ dạng lỏng chuyển thành dạng keo sợi (sợi huyết).

– Các sợi huyết này lấp kín chỗ thủng của mạch máu làm cho máu trong mạch không chảy ra ngoài.

Có 13 chất tham gia vào quá trình đông máu.

3. Có một số người máu ít đông hoặc chậm đông. Những người này mắc bệnh chảy máu. Nguyên nhân chủ yếu của căn bệnh này là do cơ thể thiếu một trong số 13 chất nói trên. Khi phát hiện thấy máu chậm đông, cần đi khám bệnh để chữa trị.

1. Khoanh tròn chữ cái trước từ ngữ chỉ khả năng tự bảo vệ của máu.

a. ngừng chảy

b. đông lại

c. chậm đông

2. Chép một câu văn trong đoạn thứ nhất nói lên ý chung của cả đoạn.

....

....

3. Dùng những từ ngữ sau để tóm tắt quá trình đông máu bằng 2 câu ngắn gọn: *khi máu chảy, 13 chất, máu thành sợi keo, lấp chỗ thủng.*

Chép 2 câu tóm tắt vào chỗ trống.

....

....

....

....

4. Khoanh tròn chữ cái trước ý nói về nguyên nhân của bệnh chảy máu.

a. do máu chậm đông

b. do cơ thể thiếu chất làm đông máu

c. do không chữa trị

LỚP 4

1. Nội dung dạy học

1.1. Kỹ năng đọc hiểu

Ở lớp 4 nhiệm vụ trọng tâm của phần tập đọc là dạy đọc hiểu. Bên cạnh nhiệm vụ trọng tâm, việc củng cố đọc thành tiếng một cách rõ ràng cũng là một nhiệm vụ của phần tập đọc. Các kỹ năng bộ phận của kỹ năng đọc hiểu được dạy ở lớp 4 là:

– Các kỹ năng đọc thầm và đọc lướt: đọc bằng mắt với tốc độ khoảng 120 – 150 chữ/phút, lướt nhanh mắt trên một số dòng để tìm từ ngữ, câu hoặc đoạn theo yêu cầu.

– Các kỹ năng nhận diện ngôn ngữ: nhận ra từ mới, nhận ra câu hoặc dòng trong bài nêu ý của đoạn văn (nếu có), nhận ra đơn vị đoạn, đơn vị bài văn hoàn chỉnh.

– Các kỹ năng làm rõ nội dung văn bản: nhận biết nghĩa của từ (bao gồm nghĩa đen và nghĩa bóng đơn giản), nhận biết nghĩa của câu (bao gồm nghĩa hiển ngôn và nghĩa hàm ẩn đơn giản), biết ý nghĩa của một số yếu tố thẩm mĩ trong các văn bản nghệ thuật, nhận biết ý của đoạn, nhận biết ý chung của cả bài, biết tìm mục đích của bài đã đọc.

– Kỹ năng hồi đáp văn bản: biết liên hệ suy nghĩ và việc làm của nhân vật trong bài đọc với cuộc sống của bản thân HS để từ đó HS tự rút ra bài học đơn giản cho chính mình và những người xung quanh, biết giải thích vì sao HS lại rút ra bài học đơn giản sau khi đọc văn bản, biết làm việc đơn giản theo hướng dẫn của văn bản.

1.2. Văn bản đọc hiểu

Văn bản dạy đọc hiểu ở lớp 4 gồm những loại sau:

– Văn bản nghệ thuật (hoặc được viết theo phong cách nghệ thuật).

– Văn bản khoa học (hoặc được viết theo phong cách khoa học).

– Văn bản nhật dụng (bao gồm một số biểu đơn giản, giấy tờ đơn giản, ấn phẩm đơn giản dùng trong đời sống và gần gũi với HS lớp 4).

– Văn bản truyền thông (báo chí dành cho nhi đồng).

Độ dài của văn bản: văn bản nghệ thuật là văn xuôi và văn bản khoa học khoảng 200 chữ, văn bản thơ khoảng 100 đến 120 chữ; văn bản truyền thông và văn bản nhật dụng khoảng 100 – 150 chữ để học trong 1 tiết.

Độ dài của câu trong văn bản khoảng 15 tiếng. Các câu được dùng với nghĩa hiển ngôn và nghĩa hàm ẩn không quá xa nghĩa hiển ngôn.

Các từ trong văn bản phải là những từ gọi tên các sự vật, hiện tượng, hoạt động, tính chất, khái niệm gần gũi với HS.lớp 4.

2. Phương pháp dạy học – tổ chức hoạt động học tập để HS đọc hiểu

2.1. Vị trí của phần đọc hiểu trong tiến trình bài dạy tập đọc lớp 4

Lớp 4 không có bài dạy đọc hiểu riêng. Đọc hiểu là một bộ phận quan trọng nhất của nội dung bài tập đọc. Việc dạy đọc hiểu diễn ra sau khi củng cố việc dạy đọc thành tiếng. Ở một số bài đọc văn bản nghệ thuật (thơ hoặc văn xuôi)có nội dung gần với khả năng cảm nhận nghệ thuật của HS, bước đầu cho HS học cách đọc có biểu cảm. Dưới đây là trình tự dạy học của bài tập đọc trong đó có nội dung đọc hiểu:

A. KIỂM TRA BÀI CŨ

B. DẠY BÀI MỚI

1. Giới thiệu bài

2. Luyện đọc

2.1. Đọc trơn

– GV đọc cả bài. HS nghe đọc và đọc lướt theo.

– Luyện đọc tiếng, từ (các tiếng, từ hay mắc lỗi phát âm).

– Luyện đọc câu: ngắt hơi ở những chỗ cần tách ý trong câu dài, đọc đúng ngữ điệu câu kể, câu hỏi, câu cảm thán, câu cầu khiến.

– Luyện đọc đoạn và đọc cả bài: dừng hơi ở dấu kết thúc đoạn.

2.2. Đọc hiểu

– Đọc thầm, đọc lướt.

– Nhận biết một số từ mới trong bài (GV gợi ý, HS phát hiện) và nhận biết nghĩa của các từ này thông qua làm bài tập giải nghĩa từ.

– Nhận biết các câu.

– Nhận biết nghĩa một số câu quan trọng thông qua làm bài tập về nghĩa câu.

– Nhận biết câu trong bài chứa đựng ý của đoạn (nếu có) thông qua làm bài tập về làm rõ nghĩa của đoạn.

– Nhận biết ý nghĩa của một số từ ngữ, câu văn được dùng với dụng ý nghệ thuật.

– Liên hệ nội dung bài với kinh nghiệm sống của bản thân để tự rút ra bài học cho bản thân hoặc cho những

người xung quanh (nếu mối liên hệ này dễ thiết lập), giải thích lý do chọn bài học rút ra từ văn bản, làm theo điều đơn giản nêu trong văn bản thông qua làm bài tập hồi đáp văn bản.

2.3. Đọc diễn cảm (chỉ có ở một số bài)

– Đọc theo giọng của từng nhân vật trong văn bản.

– Tập thể hiện tình cảm của người đọc qua cách nhấn giọng, nhẹ giọng khi đọc những từ và câu chứa dụng ý nghệ thuật.

3. Củng cố, dặn dò

– Củng cố bài học: về đọc thành tiếng, về hiểu ý của bài đọc.

– Nhiệm vụ chuẩn bị bài mới.

2.2. Bài tập đọc hiểu

2.2.1. Những căn cứ để xây dựng bài tập

– Căn cứ vào nội dung hình thành và rèn luyện kỹ năng đọc hiểu đã nêu ở mục 3.1.1 để hình thành các loại bài tập. (Xem thêm các căn cứ khác để xây dựng bài tập đọc hiểu lớp 1 trong phụ lục số1.)

– Độ khó của bài tập đọc hiểu ở lớp 4 nhìn chung cao hơn độ khó của các bài tập ở các lớp 1, 2, 3, điều này thể hiện ở những điểm sau:

+ Trong phần nêu nhiệm vụ của bài tập: nhiệm vụ có thể nhiều hơn hoặc phức tạp hơn.

+ Trong phần đưa thông tin: ngữ liệu có thể nhiều hơn.

+ Trong phần hướng dẫn: số lượng các thao tác có thể nhiều hơn hoặc số các thao tác trí tuệ nhiều hơn.

+ Trong mỗi dạng bài gồm nhiều kiểu bài thể hiện sự phong phú của một yêu cầu về kỹ năng.

2.2.2. Tổ hợp bài tập đọc hiểu

– Loại ***bài tập luyện đọc thầm*** gồm các dạng:

+ Bài tập tăng tốc độ đọc bằng mắt.

+ Bài tập đọc lướt.

– Loại ***bài tập nhận diện ngôn ngữ*** gồm các dạng:

+ Bài tập nhận biết từ mới.

+ Bài tập nhận biết câu.

+ Bài tập nhận biết đoạn.

+ Bài tập nhận biết bài.

– Loại ***bài tập làm rõ nội dung văn bản*** (hiểu nội dung) gồm các dạng:

+ Nhận biết nghĩa của từ (nghĩa đen và nghĩa bóng đơn giản).

+ Nhận biết nghĩa của câu (nghĩa hiển ngôn và nghĩa hàm ẩn đơn giản).

+ Nhận biết những nội dung được khắc sâu hoặc được nhấn mạnh bằng ngôn từ có tính nghệ thuật.

+ Nhận biết ý của đoạn.

+ Nhận biết ý của bài hoàn chỉnh.

+ Bước đầu nhận biết mục đích của văn bản ngắn.

– Loại ***bài tập hồi đáp văn bản***:

+ Bài tập liên hệ để rút ra bài học đơn giản cho bản thân và cho những người xung quanh.

+ Bài tập giải thích lý do rút ra bài học từ văn bản.

+ Bài tập phê phán một ý chưa đúng hoặc chưa cập nhật trong văn bản.

2.3. Tổ chức hoạt động học tập cho HS

Dạy đọc hiểu trong bài tập đọc lớp 4 cần tổ chức cho HS hoạt động bằng cách ***nhìn, nghĩ, nghe, nói, viết*** và ***làm*** cụ thể là:

– Tổ chức cho HS nhìn dưới các hình thức:

+ Nhìn chữ để đọc thành tiếng, đọc diễn cảm.

+ Nhìn chữ để đọc thầm, đọc lướt.

+ Nhìn tranh minh họa.

– Tổ chức cho HS nghĩ dưới các hình thức:

+ Ghi nhớ từng phần nội dung bài.

+ Phân tích và tổng hợp (ở mức đơn giản) để tìm ra nghĩa của từ, nêu nhận xét đơn giản về con người hoặc sự việc được đề cập trong bài.

+ Giải quyết vấn đề (ở mức đơn giản) theo cách liên hệ những nội dung đơn giản trong bài đọc với cuộc sống để định hướng suy nghĩ hoặc hành động đúng cho bản thân và cho một số người có liên quan.

– Tổ chức cho HS nghe dưới các hình thức sau:

+ Nghe GV đọc mẫu kết hợp với nhìn và đọc thầm theo.

+ Nghe câu hỏi, lời giao nhiệm vụ, lời chỉ dẫn của GV, nghe ý kiến của bạn.

– Tổ chức cho HS nói dưới các hình thức:

+ Đặt và trả lời câu hỏi về nội dung bài đọc (với GV và với bạn).

+ Nhắc lại một phần nội dung đã ghi nhớ trong bài.

+ Nói thành câu ý của một đoạn.

+ Nói lại kết quả những việc đã làm theo chỉ dẫn của bài đọc hoặc theo yêu cầu của GV.

+ Phát biểu ý kiến của cá nhân hoặc của nhóm trong khi thảo luận về nội dung bài đọc.

– Tổ chức cho HS viết: viết câu trả lời ngắn, câu tóm tắt đoạn, câu nói về một ý kiến giải thích đơn giản của cá nhân.

– Tổ chức cho HS làm dưới các hình thức:

+ Cá nhân đọc nhẩm đọc thầm bài, đọc có biểu cảm một số câu hoặc đoạn ngắn trong một số bài.

+ Cá nhân hoặc nhóm làm các bài tập.

+ Nhóm sưu tầm tài liệu để đọc theo yêu cầu.

+ Nhóm tham gia chơi các trò chơi để hiểu bài.

+ Nhóm làm theo chỉ dẫn trong bài.

Cần lưu ý rằng: để có thể tổ chức cho HS hoạt động cần phải có các bài tập được sắp xếp theo trình tự từ đơn giản đến phức tạp làm phương tiện để hoạt động.

3. Phụ lục số 4

3.1. Các bài soạn tham khảo

Bài thứ nhất: TRUNG THU ĐỘC LẬP
(1 tiết)

(– Tiếng Việt 4 tập 1, sách viết theo chương trình 165 tuần, NXB Giáo dục, năm 2000, trang 8.
– Tiếng Việt 4 tập 1, sách thử nghiệm CTTH 2000, NXB Giáo dục, năm 2001, trang 69)

I. MỤC TIÊU

1. Đọc thành tiếng:

– Đọc đúng các từ thường mắc lỗi phát âm do ảnh hưởng của phát âm địa phương: *trung thu, trăng ngàn, độc lập, nông trường*... hoặc: *nay, ngày, bay, man mác, thân thiết, bát ngát, mơ tưởng, cao thẳm, rải*...

– Đọc trơn toàn bài, ngắt hơi đúng ở các câu dài.

– Biết thể hiện niềm vui, niềm hi vọng của anh chiến sĩ qua giọng đọc.

2. Đọc hiểu:

– Hiểu các từ ngữ trong bài, hiểu nghĩa của các từ *vằng vặc, mơ tưởng, máy phát điện, nông trường* và một số từ HS chưa biết nghĩa.

– Nhận biết các đoạn của bài và ý của từng đoạn.

– Nhận biết ý chung của cả bài.

– Biết liên hệ nội dung của bài văn với thực tế để làm rõ ý nghĩa của bài văn.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

– Tranh minh họa trong sách giáo khoa.

– Tranh ảnh một số thành tựu về kinh tế xã hội của nước ta trong những năm gần đây.

– Phiếu học tập trong đó có ghi các bài tập đọc hiểu.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

A. KIỂM TRA BÀI CŨ

1 hoặc 2 HS đọc bài cũ và trả lời câu hỏi trong sách giáo khoa hoặc nêu ý kiến cá nhân bình luận về một chi tiết quan trọng nào đó trong bài.

B. DẠY BÀI MỚI

1. Giới thiệu bài

– Khai thác tranh trong sách giáo khoa: nhân vật trong tranh là anh bộ đội đang đứng gác ở doanh trại trong đêm trung thu năm 1945, lúc đó nước ta mới giành được độc lập.

– Bài văn này nói về suy nghĩ và ước mơ của anh bộ đội trong đêm đó về tương lai của các bạn thiếu nhi nước ta.

2. Luyện đọc

2.1. Đọc trơn

• *Làm việc chung cả lớp:*

– Một số HS đọc từng đoạn, đọc cả bài.

– GV nêu yêu cầu để HS đọc đúng một số từ HS còn phát âm sai (như đã nêu ở phần mục tiêu)

– HS tập ngắt hơi đúng ở những câu dài (dùng bảng phụ):

+ *Mười mười lăm năm nữa thôi,/các em sẽ thấy cũng dưới ánh trăng này,/dòng thác nước đổ xuống làm chạy máy phát điện;/ở giữa biển rộng,/cờ đỏ sao vàng phấp phới bay trên những con tàu lớn.*

+ *Trăng của các em sẽ soi sáng những ống khói nhà máy chi chít,/cao thẳm,/rải trên đồng lúa bát ngát vàng thơm,/cùng với nông trường to lớn, vui tươi.*

2.2. Đọc hiểu

• *Làm việc nhóm:*

– HS làm bài tập 1 trong phiếu học tập. Hướng dẫn:

+ HS có thể dùng các cách giải nghĩa từ như tìm từ đồng nghĩa với từ đã cho, mô tả hoạt động hoặc tính chất, hình dạng của vật mà từ gọi tên, so sánh sự vật, hoạt động,

tính chất mà từ gọi tên với các sự vật, hoạt động, tính chất khác.

+ HS tự chữa bài trong nhóm và trước lớp, GV chốt lại ý kiến đúng.

+ Cũng có thể giao nhiệm vụ của bài tập này để HS chuẩn bị trước giờ lên lớp.

– HS làm bài tập 2, 3, 4. Hướng dẫn:

+ Để làm bài tập 2, HS cần đọc lướt toàn bài rồi xem đoạn nào nói về cảnh đêm trăng trung thu độc lập (hiện tại), đoạn nào nói về cảnh đất nước mà anh bộ đội mơ ước (tương lai), đoạn nào nói về niềm tin của anh bộ đội vào tương lai. *(Đoạn 1: Đêm nay ... của các em; đoạn 2: Anh nhìn trăng ... vui tươi; đoạn 3: phần còn lại)*

+ Để làm bài tập 3, HS cần đọc thầm lại đoạn 1 rồi thảo luận, chọn các câu trả lời nói về cảnh đẹp của đêm trăng trung thu độc lập. *(Câu c)*

+ Để làm bài tập 4, HS cần đọc thầm kỹ đoạn 2 rồi trao đổi với bạn, chọn các từ ngữ điền theo gợi ý ở từng dòng sao cho phù hợp. *(Ở vùng rừng núi: thác nước làm chạy máy phát điện; ở trên biển: những con tàu lớn mang cờ Tổ quốc; ở vùng nông thôn: đồng lúa chín vàng bát ngát, những nông trường to lớn vui tươi; ở thành thị và các khu công nghiệp: chi chít ống khói của các nhà máy.)*

+ Đại diện các nhóm trình bày kết quả của từng bài tập, HS khác góp ý, GV chốt lại ý kiến đúng.

• *Làm việc chung cả lớp:*

– GV hướng dẫn HS làm bài tập 5:

+ Quan sát tranh ảnh về các thành tựu kinh tế xã hội.

(HS làm việc cá nhân)

+ So sánh những điều quan sát được với những điều anh bộ đội mơ ước ở đoạn 2 để kể ra những thành quả to lớn hơn, nhiều hơn theo gợi ý ở phần a của bài tập (HS tự do phát biểu).

+ Trao đổi với các bạn những hiểu biết của em về những thành quả mà nhân dân ta sẽ đạt được trong khoảng10 năm tới để điền vào phần b của bài tập. (HS tự do phát biểu).

+ HS chỉ làm miệng bài tập này trong giờ học rồi hoàn thành tiếp bài tập này sau giờ học.

2.3. Đọc diễn cảm

• *Làm việc nhóm:*

– GV hướng dẫn cách đọc diễn cảm từng đoạn:

+ Đoạn 1: nhấn giọng ở các từ ngữ tả vẻ đẹp của đêm trăng trung thu (*các từ ngữ trong các câu trả lời ở bài tập 3*).

+ Đoạn 2: giọng đọc thể hiện niềm vui, nhịp đọc hơi nhanh.

+ Đoạn 3: cách đọc giống đoạn 2.

– HS thực hành đọc từng đoạn trong nhóm.

– Đại diện 1 hoặc 2 nhóm đọc diễn cảm toàn bài, các HS khác nhận xét, GV chốt lại ý kiến đúng.

3. Củng cố, dặn dò

– HS thảo luận: những điều năm xưa anh bộ đội mơ ước đến nay đã thành sự thật như thế nào; vì sao những mơ ước đó lại trở thành sự thật.

(Điều mơ ước năm xưa nay đã thành sự thật và sự thật

đó còn lớn hơn nhiều so với mơ ước; những mơ ước này thành hiện thực vì đất nước ta có đọc lập , nhân dân ta được tự do xây dựng đất nước giàu mạnh.)

– Chuẩn bị bài mới: tên bài; nhiệm vụ: đọc cả bài, trả lời các câu hỏi ở cuối bài.

*

* *

PHIẾU HỌC TẬP

1. Điền lời giải nghĩa của các từ sau trong bài (dùng từ điển, hoặc trao đổi, hỏi bạn, hỏi những người khác).

– Vằng vặc: ....

....

– Mơ tưởng: ....

....

– Máy phát điện: ....

....

– Nông trường: ....

....

2. Em chia bài này thành mấy đoạn? Ghi những từ mở đầu và những từ kết thúc mỗi đoạn vào chỗ trống.

– Đoạn thứ nhất: .... đến ....

....

....

....

3. Khoanh tròn chữ cái trước dòng tả vẻ đẹp của đêm trăng trung thu độc lập.

a. Quê hương thân thiết của các em

b. Lòng anh man mác

c. Trăng sáng vằng vặc chiếu khắp thành phố, làng mạc, núi rừng

d. Nước Việt Nam độc lập yêu quý

4. Điền các từ ngữ chỉ những cảnh vật tạo nên vẻ đẹp của đất nước trong tương lai do anh bộ đội tưởng tượng ra.

– Ở vùng rừng núi: ....

....

– Ở trên biển:...

....

– Ở vùng nông thôn: ....

....

– Ở các thành phố và khu công nghiệp:...

....

5. Viết ý kiến của em vào chỗ trống.

a. Kể ra những công trình, những thành quả to lớn của đất nước ta hiện nay vượt xa những điều anh bộ đội trong bài mơ tưởng:...

....

....

....

b. Kể ra những điều em tưởng tượng trong 10 năm nữa đất nước ta sẽ đạt được: ....

....

....

....

....

Bài thứ hai: ĂNG–CO VÁT
(1 tiết)

(Tiếng Việt 4 tập 2, sách viết theo chương trình 165 tuần, NXB Giáo dục, năm 2000, trang 8)

I. MỤC TIÊU

1. Đọc thành tiếng:

– Đọc đúng các từ trong bài, nhất là các từ chỉ tên nước ngoài và các từ HS địa phương thường phát âm sai: *Ăng – co Vát, Khơ – me*; các từ: *kiến trúc, hành lang, lựa ghép, lặn* ... hoặc các từ: *điêu khắc, tuyệt diệu, kín khít, thâm nghiêm, đền, tán, cổ kính, đẽo gọt, nhẵn* ...

– Biết ngắt hơi ở những câu dài để làm rõ ý.

– Biết đọc nhấn giọng ở những từ ngữ tả vẻ đẹp của đền Ăng–co và biết đọc bài với giọng đọc thể hiện niềm tự hào về một công trình lớn của nhân loại.

2. Đọc hiểu:

– Hiểu nghĩa của các từ trong bài: *chạm khắc, cổ đại, huy hoàng, uy nghi*.và các từ khác mà HS chưa biết nghĩa.

– Biết tóm tắt đoạn và tìm ý chung của đoạn.

– Biết tóm tắt bài và tìm ý chung của bài.

– Biết nêu nhận xét về nghệ thuật miêu tả ở một phần trong bài.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

– Tranh minh họa trong sách giáo khoa.

– Tranh ảnh và sách báo, các bài viết về Ăng – co Vát.

– Bảng phụ để luyện đọc câu dài.

– Phiếu học tập có các bài tập đọc hiểu.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

A. KIỂM TRA BÀI CŨ

(Tham khảo cách làm của các bài soạn trước).

B. DẠY BÀI MỚI

1. Giới thiệu bài

– Giới thiệu về đất nước Căm–pu–chia: một nước có chung đường biên giới với nước ta ở phía tây nam, có quan hệ lâu đời với nước ta, có nhiều truyền thống văn hóa gần với truyền thống của chúng ta.

– Giới thiệu về đền Ăng–co Vát: là một thắng cảnh nổi tiếng của đất nước này, bài học này sẽ giúp các em biết về thắng cảnh đó.

2. Luyện đọc

2.1. Đọc trơn

• *Làm việc chung cả lớp*

– Một số HS đọc từng đoạn, đọc cả bài.

– GV nêu yêu cầu để HS đọc đúng một số từ HS còn phát âm sai (như đã nêu ở phần mục tiêu)

– HS tập ngắt hơi đúng ở những câu dài (dùng bảng phụ):

+ *Suốt cuộc dạo xem kì thú đó, / du khách sẽ cảm thấy như lạc vào thế giới của nghệ thuật chạm khắc / và kiến trúc cổ đại Khơ–me.*

+ *Đây, / những bức tường buồng nhẵn bóng như mặt ghế đá, / hoàn toàn được ghép bằng những tảng đá lớn đẽo gọt vuông vức / và lựa ghép vào nhau kín khít như xây gạch vữa.*

+ Những ngọn tháp cao vút ở phía trên, / lấp loáng giữa những chùm lá thốt nốt xòa tán tròn / vượt lên hẳn những hàng muỗm già cổ kính.

2.2. Đọc hiểu

• *Làm việc nhóm:*

– HS làm bài tập 1. Hướng dẫn: sau khi mỗi cá nhân tự làm, HS thảo luận để thống nhất câu trả lời đúng, GV chốt lại ý kiến đúng.

– HS làm các bài tập 2, 3, 4 trong phiếu học tập.

Hướng dẫn:

+ Để làm bài tập 2, HS cần đọc lướt toàn bài để thảo luận về câu trả lời đúng (câu c).

+ Để làm bài tập 3, HS cần: đọc thầm kỹ từng đoạn, chỉ chọn những từ ngữ quan trọng, gọn nhất để điền vào chỗ trống sao cho câu sau khi điền nêu đúng ý của đoạn *(kiến trúc và điêu khắc, Khơ–me, thế kỉ XII, 1500 mét; 398; ghép những tảng đá lớn, nhẵn bóng khít vào nhau; bằng đá ong, bọc bằng đá nhẵn, huy hoàng).*

+ Để làm bài tập 4, HS cần đọc thầm kỹ đoạn 3 và đối chiếu với yêu cầu của bài tập để chọn các câu trả lời đúng. (*Các câu: a, b, c, d, g điền chữ Đ, câu e điền chữ S*).

+ Đại diện các nhóm nêu kết quả từng bài tập, HS góp ý cho nhau, GV chốt lại ý kiến đúng.

2.3. Đọc diễn cảm

• *Làm việc nhóm:*

– GV hướng dẫn:

+ Nhóm 1: đọc đoạn *Đây, những cây tháp... gạch vữa*, chú ý phát hiện các điệp từ, nhấn giọng khi đọc các điệp từ, giọng đọc sôi nổi.

+ Nhóm 2: đọc cả đoạn 3 (*Toàn bộ khu thành ... các ngách đá*), gạch chân các chi tiết nêu ở bài tập 4, nhấn giọng ở các từ ngữ đã gạch chân, giọng đọc trầm, thể hiện vẻ trang nghiêm.

– HS thực hành đọc trong nhóm.

– Đại diện nhóm đọc diễn cảm các đoạn đã thực hành. HS góp ý, GV chốt lại ý kiến đúng.

3. Củng cố, dặn dò

– GV hướng dẫn HS cách làm bài tập 5 ở nhà: có thể làm bài theo cá nhân và theo nhóm, đoạn viết nên có câu giới thiệu chung trước khi viết các câu tả cụ thể, chú ý chọn các chi tiết nhằm mục đích thể hiện rõ vẻ độc đáo của cảnh em chọn tả, sau khi viết xong đọc cho bạn nghe và nghe ý kiến góp ý của bạn để hoàn thiện đoạn viết.

Chuẩn bị bài mới: tên bài, nhiệm vụ: đọc cả bài và trả lời các câu hỏi ở cuối bài.

*

* *

PHIẾU HỌC TẬP

1. Nối từng từ ở bên trái với nghĩa của nó ở bên phải.

huy hoàng	có vẻ trang nghiêm gợi lên sự tôn kính
chạm khắc	có vẻ đẹp rực rỡ, chói lọi
uy nghi	thời rất xa xưa
cổ đại	tạo nên các đường nét, hình khối trên bề mặt vật
rắn	bằng các công cụ như dao nhọn, đục...

2. Khoanh tròn chữ cái trước dòng nêu đúng trình tự các ý trong bài.

a. giới thiệu chung về đền Ăng–co Vát → cảnh bên ngoài đền → cảnh trong đền

b. cảnh trong đền Ăng–co Vát → cảnh bên ngoài đền → giới thiệu chung về đền

c. giới thiệu chung về đền Ăng–co Vát → cảnh trong đền → cảnh bên ngoài đền

3. Tóm tắt từng đoạn của bài bằng cách điền các từ ngữ thích hợp vào từng chỗ trống sau.

– *Đoạn 1:* Ăng–co Vát là một công trình .... của người .... có từ...

– *Đoạn 2:* Khu đền chính dài khoảng .... , bên trong có .... phòng. Các bức tường phòng được tạo ra rất độc đáo bằng cách ....

Những cây tháp lớn được xây bằng ....

....

– *Đoạn 3:* Toàn cảnh khu đền .... nhất vào lúc hoàng hôn.

4. Điền chữ Đ trước những chi tiết mà tác giả chọn nhằm để tả vẻ huy hoàng mà thâm nghiêm của ngôi đền và điền chữ S vào trước các chi tiết khác.

a. ánh sáng soi vào bóng tối

b. những thềm đá rêu phong

c. những hàng muỗm già cổ kính

d. những ngọn tháp cao vút lấp loáng giữa những chùm lá thốt nốt

e. đàn dơi bay tỏa ra từ các ngách đá

g. đền quay về hướng tây

5. Dựa vào các tranh ảnh và bài viết về đền Ăng–co Vát mà em được biết, hãy viết một đoạn giới thiệu một cảnh mà em thích nhất ở ngôi đền này.

Bài thứ ba: ĐI LÀM NƯƠNG

(1 tiết)

(Tiếng Việt 4 tập 2, sách viết theo chương trình 165 tuần, NXB Giáo dục, năm 2000, trang 22)

I. MỤC TIÊU

1. Đọc thành tiếng

– Đọc đúng các từ trong bài, nhất là các từ chỉ tên nước ngoài và các từ HS địa phương thường phát âm sai: *làm nương, lon ton, sàn, sương*, hoặc: *ngọn suối, lon ton, cháy, sủa, thổi cơm, củi...*

– Ngắt hơi đúng ở các câu dài.

– Biết thể hiện nhịp sống chậm rãi, vui vẻ của đồng bào miền núi khi làm nương xa bằng giọng đọc thong thả, nhẹ nhàng, vui.

2. Đọc hiểu

– Hiểu nghĩa của các từ trong bài: *vắng tanh, nông cụ, địu, lều* và các từ khác mà HS chưa biết nghĩa.

– Biết tóm tắt đoạn và tìm ý chung của đoạn.

– Biết tóm tắt bài và tìm ý chung của bài.

– Biết nêu nhận xét: cách làm nương theo lối cũ đã nêu trong bài hiện nay không còn được khuyến khích.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

– Tranh minh họa cảnh làm việc trên nương của bà con: ngựa chở đồ đạc, nông cụ đi trên đường; cảnh các cụ già đốt lá, các em bé thổi cơm, các bà mẹ vừa địu con, vừa tra ngô...

– Phiếu học tập có các bài tập đọc hiểu.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

A. KIỂM TRA BÀI CŨ

(Tham khảo cách làm trong một số bài soạn trước)

B. DẠY BÀI MỚI

1. Giới thiệu bài

(tham khảo cách làm trong một số bài soạn trước)

2. Luyện đọc

2.1. Đọc trơn:

• *Làm việc chung cả lớp:*

– Một số HS đọc từng đoạn, đọc cả bài.

– GV nêu yêu cầu để HS đọc đúng một số từ HS còn phát âm sai (như đã nêu ở phần mục tiêu)

– HS tập ngắt hơi đúng ở những câu dài (dùng bảng phụ):

Con ngựa đeo tất cả đồ đạc và nông cụ trên lưng –/có khi nó còn thồ thêm một chú bé/ngồi vắt vẻo bên cạnh một cái nồi to.

Sương xuống mù mịt/lạnh buốt,/những bữa cơm tối,/các gia đình quây quần ấm áp/quanh đống củi lớn đương bùng bùng cháy.

2.2. Đọc hiểu

• *Làm việc nhóm:*

– HS làm bài tập 1. *Hướng dẫn*: HS có thể trao đổi với nhau, có thể hỏi người lớn để biết nghĩa của các từ đã cho, rồi điền từng từ vào đúng chỗ; HS cũng có thể đọc từng câu có chỗ trống, đoán nghĩa của từ cần điền vào chỗ trống là gì, rồi tiếp tục đoán nghĩa đó là nghĩa của từ nào và điền từ đã đoán vào chỗ trống. (*Thứ tự các từ phải điền: vắng tanh, nông cụ, lều, địu*)

– HS làm bài tập 2, 3 và 4.

Hướng dẫn:

+ Để làm bài tập 2, HS phải đọc lướt cả bài rồi mới xác định các đoạn (Đoạn 1: từ đầu .... *lúc chạy sau*. Đoạn 2: từ *Trên nương .... bùng bùng cháy).*

+ Để làm bài tập 3, HS cần đọc thầm lại đoạn 1, rồi thảo luận xem từng chi tiết nêu ở từng câu trả lời thì chi tiết nào chỉ ở miền núi mới có và chọn chi tiết đó để làm câu trả lời đúng. *(Câu b)*

+ Để làm bài tập 4, HS phải đọc thầm đoạn 2 rồi chọn các từ cần điền vào từng dòng cho phù hợp *(Các cụ già: nhặt cỏ, đốt lá. Đàn ông: đánh trâu ra cày. Bà mẹ: tra ngô. Trẻ em lớn: bắc bếp, thổi cơm).*

+ Đại diện các nhóm trình bày kết quả từng bài tập,

HS khác góp ý, GV chốt lại ý kiến đúng.

2.3. Đọc diễn cảm

• *Làm việc nhóm:*

– GV hướng dẫn cách đọc diễn cảm: HS tự phát hiện những đoạn văn tả cảnh người đi làm nương và đoạn văn tả cảnh mọi người làm việc trên nương là những đoạn tả cảnh vui hay cảnh buồn để từ đó tìm giọng đọc phù hợp với cảnh. 4 dòng đầu và 4 dòng cuối bài là lời kể của tác giả, HS chọn giọng đọc như thế nào để phân biệt lời kể và lời tả cảnh vui.

– HS tự đọc diễn cảm từng đoạn và cả bài trong nhóm.

– 1 hoặc 2 HS đọc diễn cảm đoạn và đọc diễn cảm cả bài theo hướng dẫn. HS khác nhận xét bài đọc của bạn.

3. Củng cố, dặn dò

– HS thảo luận lớp để làm bài tập 5.

Hướng dẫn: căn cứ vào những điều các em biết được từ những nguồn thông tin về tình trạng phá rừng, về tập tục làm ăn lạc hậu của bà con miền núi, về tác hại của cuộc sống du canh du cư để tìm câu trả lời đúng nhất *(Câu d).*

– Chuẩn bị bài mới: bài *Bài ca vỡ đất*, đọc cả bài và trả lời câu hỏi ở cuối bài.

*

* *

PHIẾU HỌC TẬP

1. Điền mỗi từ sau *vắng tanh, nông cụ, địu, lều* vào từng chỗ trống cho phù hợp.

– Đến mùa làm nương, ban ngày trong bản ...., mọi người đều lên nương làm việc.

– Lên nương, mọi người đều mang theo ....: người mang cày, người vác cuốc, người cầm liềm, cầm dao phát cỏ.

– Buổi trưa nắng gắt, mọi người nghỉ trong những căn .... dựng tạm trên nương.

– Những cô bé, cậu bé được các mẹ .... theo lên nương cứ ngủ khì trên lưng mẹ.

2. Căn cứ vào 2 phạm vi không gian *trong bản, trên đường lên nương* và *trên nương* được tả trong bài, em hãy chia bài này thành 2 đoạn, rồi điền ý kiến của em vào chỗ trống ở dưới.

– Đoạn 1: từ .... đến...

– Đoạn 2: từ ....đến...

3. Điền chữ *Đ* trước chi tiết tả cảnh đi làm ruộng chỉ ở miền núi mới có và điền chữ *S* vào các chi tiết nói về điều khác.

a. Mọi nhà đều vắng tanh, cả làng đều đi làm.

b. Ngựa thồ nông cụ, đồ đạc và thồ cả những chú bé được mang theo lên nương.

c. Mấy chú chó con cũng được đi làm cùng người.

4. Viết từ ngữ ghi tên công việc làm trên nương của từng người trong gia đình.

– Các cụ già:...

– Đàn ông:...

– Bà mẹ:...

– Trẻ em lớn:...

5. Khoanh tròn chữ cái trước câu trả lời em cho là đúng nhất cho câu hỏi sau.

Vì sao ngày nay người ta không khuyến khích cách làm nương như đã nêu trong bài?

a. Vì làm nương theo cách đó năng suất thấp.

b. Vì làm nương theo cách đó sẽ dẫn tới việc phá rừng.

c. Vì làm nương theo cách đó khiến cho cuộc sống của bà con nông dân phải nay đây mai đó không ổn định.

d. Vì tất cả các lý do nêu ở 3 câu trả lời a, b, c.

Bài thứ tư: NẾU CHÚNG MÌNH CÓ PHÉP LẠ

(1 tiết)

(Tiếng Việt 4 tập 1, sách thử nghiệm CTTH 2000, NXB Giáo dục, năm 2001, trang 83)

I. MỤC TIÊU

1. Đọc thành tiếng

– Đọc đúng các từ trong bài, nhất là các từ chỉ tên nước ngoài và các từ HS địa phương thường phát âm sai: phép lạ, nảy mầm, ngọt lành, lái, thuốc nổ, hoặc: bắt, hạt giống, chớp mắt, mặt trời, ruột, ngon, tròn ...

– Đọc đúng nhịp thơ.

– Biết thể hiện niềm vui của các bạn nhỏ khi mơ ước về một cuộc sống tương lai tốt đẹp qua giọng đọc.

2. Đọc hiểu

– Hiểu các từ trong bài: *phép lạ, trái bom, thuốc nổ* và những từ ngữ khác mà HS chưa biết nghĩa.

– Hiểu nghĩa bóng của các hình ảnh cụ thể trong bài.

– Biết tìm ý chung của từng đoạn thơ và của cả bài.

– Biết liên hệ nội dung của bài với kinh nghiệm của bản thân để nói về ước mơ của bản thân HS hoặc của các bạn.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

– Tranh minh họa trong sách giáo khoa.

– Một số tranh hoặc truyện , thơ nói về những ước mơ của trẻ em ở mọi thời đại.

– Bảng phụ để luyện đọc.

– Phiếu học tập có ghi các bài tập đọc hiểu.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

A. KIỂM TRA BÀI CŨ

(Tham khảo cách làm của các bài soạn trước)

B. DẠY BÀI MỚI

1. Giới thiệu bài

(Tham khảo cách làm ở những bài soạn trước)

2. Luyện đọc

2.1 Đọc trơn

• *Làm việc chung cả lớp:*

– Một số HS đọc từng đoạn. đọc cả bài.

– GV nêu yêu cầu để HS đọc đúng một số từ HS còn phát âm sai (như đã nêu ở phần mục tiêu)

2.2. Đọc hiểu

• *Làm việc nhóm:*

– HS làm các bài tập 1, 2, 3, 4.

Hướng dẫn:

+ Để làm bài tập 1, HS cần đọc kỹ các nghĩa đã cho trong bài tập rồi đối chiếu từng nghĩa đó với các từ trong bài để chọn từ đúng và điền từ cho thích hợp. *(Các từ cần điền theo thứ tự: thuốc nổ, trái bom, phép lạ.)*

+ Để làm bài tập 2, HS cần đọc thầm từng đoạn xem câu thơ đã nêu được lặp lại mấy lần trong bài, sau đó HS thảo luận để cùng chọn câu trả lời đúng. *(Câu c)*

+ Để làm bài tập 3, HS cần đọc thầm kỹ từng đoạn để xem mỗi hình ảnh nêu trong bài tập ở khổ thơ nào để đoán ý nghĩa của mỗi hình ảnh đó. Cần lưu ý HS là: câu trả lời của bài tập này thực chất là những câu nêu ý nghĩa của từng khổ thơ. *(Hình ảnh trong khổ thơ đầu nói lên mơ ước về một cuộc sống no đủ. Hình ảnh trong khổ thơ 2 nói lên mơ ước chinh phục biển cả và bầu trời. Hình ảnh ở khổ thơ 3 nói lên mơ ước về một thế giới không còn thiên tai đe dọa. Hình ảnh ở khổ thơ 4 nói lên mơ ước về một thế giới hòa bình, không còn chiến tranh.)*

+ Để làm bài tập 4, HS cần căn cứ vào kết quả của bài tập 3, thảo luận với nhau để cùng đưa ra câu trả lời là ý khái quát chung của bài thơ. *(Bài thơ nói lên những mơ ước cao đẹp về một cuộc sống đầy đủ, yên bình trong tương lai của các bạn nhỏ.)*

+ Đại diện các nhóm trình bày kết quả của từng bài tập, các HS khác góp ý kiến, GV chốt lại ý kiến đúng.

2.3. Đọc diễn cảm

• *Làm việc nhóm:*

– GV hướng dẫn HS đọc đúng nhịp thơ (dùng bảng phụ)

+ Khổ 1: 3/3, 3/3, 2/4, 2/4

+ Khổ 2: 3/3, 2/4, 1/5, 1/5

+ Khổ 3: 3/3, 4/2, 1/5, 2/4

+ Khổ 4: 3/3, 3/3, 2/4, 3/3

+ Khổ 5: 3/3, 3/3

– HS thực hành đọc cá nhân, đọc đồng thanh theo đúng nhịp thơ.

– HS chọn giọng đọc thể hiện niềm vui, niềm tin của các bạn nhỏ về một tương lai tươi đẹp và thực hành đọc cá nhân từng đoạn bằng giọng đọc đó.

• *Làm việc nhóm:*

5 nhóm, mỗi nhóm đọc thuộc một khổ thơ rồi đọc đồng thanh cả nhóm để báo cáo kết quả.

3. Củng cố, dặn dò

– GV hướng dẫn HS cách làm bài tập 5 sau giờ học: hãy nêu những mơ ước của các em mà các em cho rằng con người hiện tại chưa có khả năng làm những điều đó, vì vậy muốn có những điều này các em cần có phép lạ. Chỉ nêu những mơ ước lành mạnh nói về cuộc sống văn minh, trong đó con người được hưởng hòa bình, no ấm, vui chơi...

– Chuẩn bị bài mới: bài *Đôi giày ba ta màu xanh*, đọc cả bài và trả lời những câu hỏi ở cuối bài.

*

*　　*

PHIẾU HỌC TẬP

1. Tìm từ trong bài có nghĩa nêu ở mỗi dòng sau để điền vào từng chỗ trống.

– Loại chất có khả năng phá hủy và gây thương tích khi nổ gọi là ....

– Loại vũ khí giết người có vỏ bằng sắt, bên trong chứa chất gây nổ gọi là ....

– Khả năng bí ẩn tạo ra những điều thần kì gọi là ....

....

2. Khoanh tròn chữ cái trước câu trả lời đúng cho câu hỏi sau.

Câu thơ "*Nếu chúng mình có phép lạ!*" được lặp lại nhiều lần trong bài để nói lên điều gì?

a. Các bạn nhỏ mơ ước nhiều điều.

b. Nhấn mạnh những mơ ước của các bạn nhỏ được nói đến trong bài.

c. Mơ ước của các bạn nhỏ là những mơ ước thiết tha , cháy bỏng, chứa đựng niềm tin của các bạn, là những mơ ước sẽ thành sự thật.

3. Viết ý kiến giải thích của em về ý nghĩa của những hình ảnh sau trong bài vào từng chỗ trống.

– Biến hạt giống trong chớp mắt thành cây đầy quả: .....

....

– Sau giấc ngủ trở thành người lớn làm nghề thợ lặn , làm nghề lái máy bay: ....

....

– Mặt trời luôn tỏa ánh nắng để thế giới không có mùa đông:..

....

– Trái bom biến thành trái ngon, trong ruột chỉ có kẹo để ăn và bi để chơi:...

....

4. Dựa vào kết quả của bài tập 3, hãy viết ý chung của cả bài thơ vào chỗ trống.

....

....

....

5. Trao đổi với một số bạn thân của em để viết đoạn văn ngắn nói về ước mơ của các em nếu các em được ban tặng một phép lạ.

3.2. Một số đề kiểm tra tham khảo (thời gian: 25 phút)

ĐỀ 1:

Đọc câu chuyện sau:

Nhân ngày nghỉ, bốn viên quan tụ họp nhau lại và cùng thi nói khoác.

Quan thứ nhất nói:

– Tôi nhớ hồi làm việc ở huyện nọ, tôi đã nhìn thấy một con trâu to lắm, nó liếm một cái hết cả một sào mạ!

Quan thứ hai nói:

– Thế đã lấy gì làm lạ. Tôi còn trông thấy một sợi dây thừng to gấp mười cột đình làng này!

Quan thứ nhất hiểu quan thứ hai đã thắng mình, ông đành chịu thua.

Quan thứ ba nói:

– Tôi đã thấy một chiếc cầu dài lắm, đứng ở đầu này không thể thấy được đầu kia. Có hai bố con nhà nọ, kẻ ở bên này cầu, người ở bên kia cầu mà chẳng bao giờ gặp nhau được. Lúc hay tin bố chết, người con vội sang đưa đám, vậy mà khi qua cầu thì đã hết tang cha được ba năm rồi.

Đến lượt quan thứ tư:

– Thế cũng ghê đấy. Nhưng tôi lại thấy một cây cao khiếp lắm! Có một quả trứng chim rơi từ ngọn cây xuống mới đến nửa chừng, chim đã nở đủ lông cánh và bay đi rồi.

Quan thứ ba hiểu ý cây đó dùng để làm cái cầu mình nói nên đành chịu thua.

Bốn quan đắc chí cười ha hả.

Bỗng có tiếng thét vang khiến các quan giật bắn người:

– Đồ nói láo! Lính đâu? Trói cổ chúng nó lại cho ta!

Các quan sợ run cầm cập, ngơ ngác nhìn trước nhìn sau.Té ra đó là tên lính hầu. Lúc ấy các quan mới lên giọng:

– Thằng kia, mày định trói ai thế?

– Bẩm quan, con thấy các quan thi nói khoác thì con cũng nói khoác chơi đấy ạ!

Khoanh tròn chữ cái trước câu trả lời đúng cho mỗi câu hỏi sau.

1. Trong câu chuyện có mấy người nói khoác?

a. 2 người b. 3 người

c. 4 người d. 5 người

2. Vì sao quan thứ nhất lại biết mình thua quan thứ hai?

a. vì lời nói khoác của quan thứ hai có tính phóng đại cao hơn

b. vì điều nói khoác của quan thứ hai lạ lùng hơn

c. vì lời nói khoác của quan thứ hai ngầm ý rằng: dây thừng to mà ông ta nhìn thấy có thể dùng để xỏ mũi con trâu to hơn con trâu mà quan thứ nhất đã thấy.

3. Trong câu chuyện ai là người nói khoác giỏi nhất?

a. tên lính hầu

b. quan thứ hai

c. quan thứ tư

4. Theo em, thi nói khoác là một trò giải trí nhằm mục đích gì là *đúng nhất*?

a. để phát triển trí tưởng tượng

b. để phát triển trí thông minh

c. để phát triển tính hài hước, hóm hỉnh

d. nhằm cả 3 mục đích nêu ở 3 câu trả lời a, b, c

5. Đặt tên cho câu chuyện, rồi căn cứ vào số người tham dự trò nói khoác trong truyện để tóm tắt câu chuyện này bằng 5 hoặc 6 câu ngắn gọn.

....

....

....

....

....

....

....

....

....

....

ĐỀ 2:

Đọc bài sau:

Thảm họa của loài người

Hiểu theo nghĩa rộng, ma túy bao gồm những chất gây nghiện như hê–rô–in, moóc–phin, cô–ca–in, sê–đu–sen, đô–lác–gan... có trong các cây như cây thuốc phiện, cây cần sa...; các chất gây nghiện trong rượu, thuốc lá, thuốc lào cũng được coi là ma túy. Các chất ma túy được đưa vào cơ thể bằng các hình thức: hút, hít, nuốt, tiêm chích tĩnh mạch. Có một số chất ma túy như cô–ca–in, moóc–phin, đô–lác–gan được dùng để làm thuốc giảm đau, nhưng việc dùng chúng phải theo hướng dẫn của bác sĩ.

Những người tự ý dùng các chất ma túy với liều cao để mong có cảm giác đặc biệt, coi đó là một cách giải trí thì lâu dần sẽ trở thành người nghiện ma túy. Người nghiện ma túy

thường có những biểu hiện:

– Lười học, lười làm, rồi bỏ học, bỏ làm.

– Thường đi chơi đêm, ngủ ngày nhiều, hay ngáp vặt, lười tắm giặt, hay quên, u sầu và thờ ơ với những người xung quanh.

– Sẵn sàng ăn cắp, cướp của, thậm chí giết người để lấy tiền mua ma túy.

Mỗi người nghiện phải tiêu từ vài chục đến vài trăm ngàn đồng mỗi ngày để mua ma túy. Vì vậy nên họ nghèo đi rất nhanh. Đa số người nghiện đưa cả gia đình vào cảnh bần cùng: tài sản trong nhà cạn kiệt, vợ li dị chồng, cha mẹ từ bỏ con. Có đến hơn 40% các vụ trọng án người gây tội ác là người nghiện. Rất đông các con nghiện do tiêm chích mà bị lây nhiễm HIV và mắc căn bệnh AIDS hiểm nghèo.

Ma túy là một thảm họa của loài người. Không dùng ma túy để giải trí. Hãy giúp đỡ người nghiện cai nghiện ma túy!

1. Viết tên các chất ma túy và những thứ đưa vào cơ thể người có chứa chất ma túy vào chỗ trống.

....

....

....

2. Chọn một trong số các từ *ngửi (hít), hút, nhai và nuốt, tiêm (chích)* để điền vào trước tên các chất ma túy nhằm nêu cách đưa từng loại chất ma túy vào cơ thể.

.... thuốc phiện

.... lá cây cần sa

.... thuốc tiêm moóc–phin

.... chất bột hê–rô–in

.... thuốc tiêm đô–ác–gan

.... thuốc tiêm cô–ca–in

3. Khoanh tròn chữ cái trước câu trả lời đúng cho câu hỏi sau.

Do đâu mà người dùng chất ma túy trở thành người nghiện?

a. do người dùng tự ý thường xuyên dùng ma túy với liều cao để mong có cảm giác đặc biệt nhằm mục đích giải trí

b. do người dùng muốn mượn ma túy để thực hiện các hành vi phạm tội

c. do người dùng muốn mượn ma túy để bỏ học, bỏ làm việc

d. do người dùng muốn mượn ma túy để thờ ơ với những người xung quanh

4. Điền vào chỗ trống các ý phù hợp.

– Tác hại của ma túy gây ra cho người nghiện:...............

....

....

....

– Tác hại của ma túy gây ra cho gia đình người nghiện:

....

....

....

– Tác hại của ma túy gây ra cho xã hội: ....

....

....

....

5. Ngoài những biện pháp đã nêu trong bài, theo em còn có những biện pháp nào nữa để con người tránh được thảm họa ma túy? Hãy viết tên các biện pháp mà em biết vào chỗ trống.

....

....

....

....

....

....

....

....

ĐỀ 3:

Đọc đoạn thơ sau:

Khúc hát ru những em bé lớn trên lưng mẹ

Em cu Tai ngủ trên lưng mẹ ơi!
Em ngủ cho ngoan đừng rời lưng mẹ.
Mẹ giã gạo, mẹ nuôi bộ đội,
Nhịp chày nghiêng giấc ngủ em nghiêng...

– Ngủ ngon a–kay ơi, ngủ ngon a–kay hỡi!
Mẹ thương a–kay, mẹ thương bộ đội,
Con mơ cho mẹ hạt gạo trắng ngần,
Mai sau con lớn vung chày lún chân...

– Ngủ ngon a–kay ơi, ngủ ngon a–kay hỡi!
Mẹ thương a–kay, mẹ thương làng đói,
Con mơ cho mẹ hạt bắp lên đều,
Mai sau con lớn, phát mười Ka–Lưi...

– Ngủ ngon a–kay ơi, ngủ ngon a–kay hỡi!
Mẹ thương a–kay, mẹ thương đất nước,
Con mơ cho mẹ được thấy Bác Hồ,
Mai sau con lớn làm người Tự Do.

(*Ghi chú:*

– Cu Tai: tên riêng em bé

– a–kay: con (tiếng dân tộc Tà–ôi vùng núi tây tỉnh Thừa Thiên Huế).

– Ka–Lưi: tên một ngọn núi.)

1. Khoanh tròn chữ cái trước dòng chứa từ *thương* có nghĩa là yêu

a. mẹ *thương* bộ đội

b. mẹ *thương* làng đói

c. mẹ *thương* đất nước

2. Khoanh tròn chữ cái trước câu trả lời đúng cho câu hỏi sau.

Em bé được mẹ hát ru vào lúc nào?

a. lúc mẹ đang giã gạo nuôi bộ đội

b. lúc mẹ đang thu hoạch bắp

c. lúc mẹ đang phát nương trên núi Ka – Lưi

3. Ghi chữ Đ trước những dòng thơ vừa nói lên tình yêu con, vừa nói lên tình yêu làng xóm, tình yêu đất nước của người mẹ và ghi chữ S trước những dòng thơ không nói về điều đó.

a. Ngủ ngon a–kay ơi, ngủ ngon a–kay hỡi!

b. Mẹ thương a–kay, mẹ thương bộ đội,

c. Mẹ thương a–kay, mẹ thương làng đói,

d. Con mơ cho mẹ hạt bắp lên đều,

e. Mẹ thương a–kay, mẹ thương đất nước.

g. Mai sau con lớn vung chày lún sân.

4. Hãy điền vào chỗ trống dưới đây ý phù hợp.

– Ước mơ của người mẹ trong khổ thơ thứ hai: ....

....

....

– Ước mơ của người mẹ trong khổ thơ thứ ba:................

....

....

– Ước mơ của người mẹ trong khổ thơ thứ tư:................

....

....

5. Dòng nào dưới đây nêu đúng nhất ý nghĩa của hình ảnh *Nhịp chày nghiêng, giấc ngủ em nghiêng*?

a. Nỗi vất vả của người mẹ trong việc giã gạo.

b. Nỗi vất vả của em bé khi ngủ trên lưng mẹ trong lúc mẹ giã gạo.

c. Nét đẹp của người mẹ khi mẹ vừa ru con, vừa giã gạo nuôi quân.

LỚP 5

1. Nội dung dạy học

1.1. Kỹ năng đọc hiểu

Ở lớp 5 nhiệm vụ trọng tâm của phần tập đọc là dạy đọc hiểu. Bên cạnh nhiệm vụ trọng tâm, việc củng cố đọc thành tiếng một cách rõ ràng cũng là một nhiệm vụ của phần tập đọc. Các kỹ năng bộ phận của kỹ năng đọc hiểu được dạy ở lớp 5 là:

– Các kỹ năng đọc thầm và đọc lướt: đọc bằng mắt với tốc độ khoảng 150 – 170 chữ/phút, lướt nhanh mắt trên một số dòng để tìm từ ngữ, câu hoặc đoạn theo yêu cầu.

– Các kỹ năng nhận diện ngôn ngữ: nhận ra từ mới, nhận ra câu hoặc dòng trong bài nêu ý của đoạn văn (nếu có), nhận ra đơn vị đoạn, đơn vị bài văn hoàn chỉnh.

– Các kỹ năng làm rõ nội dung văn bản: nhận biết nghĩa của từ (bao gồm nghĩa đen và nghĩa bóng đơn giản), nhận biết nghĩa của câu (bao gồm nghĩa hiển ngôn và nghĩa hàm ẩn đơn giản), biết ý nghĩa của một số yếu tố thẩm mĩ trong các văn bản nghệ thuật, nhận biết ý của đoạn, nhận biết ý chung của cả bài, biết tìm mục đích của bài đã đọc.

– Kỹ năng hồi đáp văn bản: biết liên hệ suy nghĩ và việc làm của nhân vật trong bài đọc với cuộc sống của bản thân HS để từ đó HS tự rút ra *bài học đơn giản* cho chính mình và những người xung quanh, biết giải thích vì sao HS

lại rút ra bài học đơn giản sau khi đọc văn bản, bước đầu biết phê phán những nội dung chưa tích cực hoặc chưa cập nhật trong văn bản, biết làm việc đơn giản theo hướng dẫn của văn bản.

1.2. Văn bản đọc hiểu

Văn bản dạy đọc hiểu ở lớp 5 gồm những loại sau:

– Văn bản nghệ thuật (hoặc được viết theo phong cách nghệ thuật).

– Văn bản khoa học (hoặc được viết theo phong cách khoa học).

– Văn bản nhật dụng (bao gồm một số biểu đơn giản, giấy tờ đơn giản, ấn phẩm đơn giản dùng trong đời sống và gần gũi với HS lớp 5).

– Văn bản truyền thông (báo chí dành cho nhi đồng).

Độ dài của văn bản: văn bản nghệ thuật là văn xuôi và văn bản khoa học khoảng 250 chữ, văn bản thơ khoảng 120 đến 140 chữ; văn bản truyền thông và văn bản nhật dụng khoảng 100 – 150 chữ để học trong 1 tiết.

Độ dài của câu trong văn bản khoảng 15 – 17 tiếng. Các câu được dùng với nghĩa hiển ngôn và nghĩa hàm ẩn không quá xa nghĩa hiển ngôn.

Các từ trong văn bản phải là những từ gọi tên các sự vật, hiện tượng, hoạt động, tính chất, khái niệm gần gũi với HS lớp 5.

2. Phương pháp dạy học – tổ chức hoạt động học tập để HS đọc hiểu

2.1. Vị trí của phần đọc hiểu trong tiến trình bài dạy tập đọc lớp 5

Lớp 5 không có bài dạy đọc hiểu riêng. Đọc hiểu là một bộ phận quan trọng nhất của nội dung bài tập đọc. Việc dạy đọc hiểu diễn ra sau khi củng cố việc dạy đọc thành tiếng. Ở một số bài đọc văn bản nghệ thuật (thơ hoặc văn xuôi)có nội dung gần với khả năng cảm nhận nghệ thuật của HS. bước đầu cho HS học cách đọc có biểu cảm. Dưới đây là trình tự dạy học của bài tập đọc trong đó có nội dung đọc hiểu:

A. KIỂM TRA BÀI CŨ

B. DẠY BÀI MỚI

1. Giới thiệu bài

2. Luyện đọc

2.1. Đọc trơn

– GV đọc cả bài, HS nghe đọc và đọc lướt theo.

– Luyện đọc tiếng, từ (các tiếng, từ hay mắc lỗi phát âm).

– Luyện đọc câu: ngắt hơi ở những chỗ cần tách ý trong câu dài, đọc đúng ngữ điệu câu kể, câu hỏi, câu cảm thán, câu cầu khiến.

– Luyện đọc đoạn và đọc cả bài: dừng hơi ở dấu kết thúc đoạn.

2.2. Đọc hiểu

– Đọc thầm, đọc lướt.

– Nhận biết các câu.

– Nhận biết một số từ mới trong bài (GV gợi ý, HS phát hiện) và nhận biết nghĩa của các từ này thông qua làm bài tập giải nghĩa từ.

– Nhận biết nghĩa một số câu quan trọng thông qua

làm bài tập về nghĩa câu.

– Nhận biết câu trong bài chứa đựng ý của đoạn (nếu có) thông qua làm bài tập về làm rõ nghĩa của đoạn.

– Nhận biết ý nghĩa của một số từ ngữ, câu văn được dùng với dụng ý nghệ thuật.

– Liên hệ nội dung bài với kinh nghiệm sống của bản thân để tự rút ra bài học cho bản thân hoặc cho những người xung quanh (nếu mối liên hệ này dễ thiết lập), giải thích lý do chọn bài học rút ra từ văn bản, bước đầu biết phê phán những nội dung chưa tích cực hoặc chưa cập nhật trong văn bản, làm theo điều đơn giản nêu trong văn bản thông qua làm bài tập hồi đáp văn bản.

2.3. Đọc diễn cảm (chỉ có ở một số bài)

– Đọc theo giọng của từng nhân vật trong văn bản.

– Tập thể hiện tình cảm của người đọc qua cách nhấn giọng, nhẹ giọng khi đọc những từ và câu chứa dụng ý nghệ thuật.

3. Củng cố, dặn dò

– Củng cố bài học: về đọc thành tiếng, về hiểu ý của bài đọc

– Nhiệm vụ chuẩn bị bài mới.

2.2. Bài tập đọc hiểu

2.2.1. Những căn cứ để xây dựng bài tập

– Căn cứ vào nội dung hình thành và rèn luyện kỹ năng đọc hiểu đã nêu ở mục 1.1 để hình thành các loại bài tập. (Xem thêm các căn cứ khác để xây dựng bài tập đọc hiểu lớp 1 trong phụ lục số1)

– Độ khó của bài tập đọc hiểu ở lớp 5 nhìn chung cao hơn độ khó của các bài tập ở các lớp 1, 2, 3, 4 điều này thể hiện ở những điểm sau:

+ Trong phần nêu nhiệm vụ của bài tập: nhiệm vụ có thể nhiều hơn hoặc phức tạp hơn.

+ Trong phần đưa thông tin: ngữ liệu có thể nhiều hơn.

+ Trong phần hướng dẫn: số lượng các thao tác có thể nhiều hơn hoặc số các thao tác trí tuệ nhiều hơn.

+ Trong mỗi dạng bài gồm nhiều kiểu bài thể hiện sự phong phú của một yêu cầu về kỹ năng.

2.2.2. Tổ hợp bài tập đọc hiểu

– *Loại bài tập luyện đọc thầm* gồm các dạng:

+ Bài tập tăng tốc độ đọc bằng mắt.

+ Bài tập đọc lướt.

– *Loại bài tập nhận diện ngôn ngữ* gồm các dạng:

+ Bài tập nhận biết từ mới.

+ Bài tập nhận biết câu.

+ Bài tập nhận biết đoạn.

+ Bài tập nhận biết bài.

– *Loại bài tập làm rõ nội dung văn bản (hiểu nội dung)* gồm các dạng:

+ Nhận biết nghĩa của từ (nghĩa đen và nghĩa bóng đơn giản).

+ Nhận biết nghĩa của câu (nghĩa hiển ngôn và nghĩa hàm ẩn đơn giản).

+ Nhận biết những nội dung được khắc sâu hoặc được nhấn mạnh bằng ngôn từ có tính nghệ thuật.

+ Nhận biết ý của đoạn.

+ Nhận biết ý của bài hoàn chỉnh.

+ Bước đầu nhận biết mục đích của văn bản ngắn.

– *Loại bài tập hồi đáp văn bản*:

+ Bài tập liên hệ để rút ra bài học đơn giản cho bản thân và cho những người xung quanh.

+ Bài tập giải thích lý do rút ra bài học từ văn bản.

+ Bài tập phê phán một ý chưa tích cực hoặc chưa cập nhật trong văn bản.

2.3. Tổ chức hoạt động học tập cho HS

Dạy đọc hiểu trong bài tập đọc lớp 5 cần tổ chức cho HS hoạt động bằng cách ***nhìn, nghĩ, nghe, nói***, ***viết*** và ***làm*** cụ thể là:

– Tổ chức cho HS nhìn dưới các hình thức:

+ Nhìn chữ để đọc thành tiếng, đọc diễn cảm.

+ Nhìn chữ để đọc thầm, đọc lướt.

+ Nhìn tranh minh họa.

– Tổ chức cho HS nghĩ dưới các hình thức:

+ Ghi nhớ từng phần nội dung bài.

+ Phân tích và tổng hợp (ở mức đơn giản) để tìm ra nghĩa của từ, nêu nhận xét đơn giản về con người hoặc sự việc được đề cập trong bài.

+ Giải quyết vấn đề (ở mức đơn giản) theo cách liên hệ những nội dung đơn giản trong bài đọc với cuộc sống để định hướng suy nghĩ hoặc hành động đúng cho bản thân và cho một số người có liên quan.

– Tổ chức cho HS nghe dưới các hình thức sau:

+ Nghe GV đọc mẫu kết hợp với nhìn và đọc thầm theo.

+ Nghe câu hỏi, lời giao nhiệm vụ, lời chỉ dẫn của GV, nghe ý kiến của bạn.

– Tổ chức cho HS nói dưới các hình thức:

+ Đặt và trả lời câu hỏi về nội dung bài đọc (với GV và với bạn).

+ Nhắc lại một phần nội dung đã ghi nhớ trong bài.

+ Nói thành câu ý của một đoạn.

+ Nói lại kết quả những việc đã làm theo chỉ dẫn của bài đọc hoặc theo yêu cầu của GV.

+ Phát biểu ý kiến của cá nhân hoặc của nhóm trong khi thảo luận về nội dung bài đọc.

– Tổ chức cho HS viết: viết câu trả lời ngắn, câu tóm tắt đoạn, câu nói về một ý kiến giải thích đơn giản của cá nhân.

– Tổ chức cho HS làm dưới các hình thức:

+ Cá nhân đọc nhẩm đọc thầm bài, đọc có biểu cảm một số câu hoặc đoạn ngắn trong một số bài.

+ Cá nhân hoặc nhóm làm các bài tập.

+ Nhóm sưu tầm tài liệu để đọc theo yêu cầu.

+ Nhóm tham gia chơi các trò chơi để hiểu bài.

+ Nhóm làm theo chỉ dẫn trong bài.

Cần lưu ý rằng: để có thể tổ chức cho HS hoạt động cần phải có các bài tập được sắp xếp theo trình tự từ đơn giản đến phức tạp làm phương tiện để hoạt động.

3. Phụ lục số 5

3.1. Các bài soạn tham khảo

Bài thứ nhất: THƯ BÁC HỒ GỬI HỌC SINH NHÂN NGÀY KHAI TRƯỜNG
(1 tiết)

(Tiếng Việt 5 tập 1, sách viết theo chương trình 165 tuần, NXB Giáo dục, năm 2000, trang 4)

I. MỤC TIÊU

1. Đọc thành tiếng

– Đọc đúng các tiếng, từ trong bài , nhất là những tiếng HS địa phương thường phát âm sai: *siêng năng, sánh vai, sung sướng, nô lệ, trông mong, trở nên,* hoặc *chuyển biến, hoàn cầu, may mắn, kiến thiết, hưởng, vẻ vang.*

– Biết ngắt hơi đúng ở các câu dài để làm rõ ý.

– Biết nhấn giọng ở những từ thể hiện chủ đề của bài và biết thể hiện niềm vui, niềm tự hào qua giọng đọc.

2. Đọc hiểu

– Hiểu nghĩa của các từ ngữ trong bài: *Việt Nam dân chủ cộng hòa, nền giáo dục hoàn toàn Việt Nam, nô lệ, vẻ vang* và một số từ khác mà HS chưa biết nghĩa.

– Nhận biết ý của từng đoạn, ý chung của cả bài: HS tự hào vì được hưởng một nền giáo dục của đất nước độc lập và nhận được trách nhiệm xây dựng đất nước trong tương lai; hiểu được sự quan tâm sâu sắc của Bác Hồ với thiếu nhi.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

– Một số tranh ảnh về Bác Hồ với thiếu nhi.

– Một số tranh ảnh và tư liệu về cuộc cách mạng Tháng Tám.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC

Dạy bài mới

1. Giới thiệu bài

Cách mạng Tháng Tám thành công đã mang lại nhiều thành quả lớn cho dân tộc, một trong số các thành quả đó là hàng triệu HS được cắp sách tới trường và được hưởng nền giáo dục của một nước độc lập. Năm học đầu tiên trong khung cảnh nước nhà độc lập, niềm vui của HS còn được nhân lên gấp bội khi các bạn được nhận thư của Bác Hồ gửi cho toàn thể HS trong cả nước. Bài học này sẽ giới thiệu với các em bức thư lịch sử đó.

2. Luyện đọc

2.1. Đọc trơn

• *Làm việc chung cả lớp:*

– Một số HS đọc từng đoạn, đọc cả bài.

– GV nêu yêu cầu để HS đọc đúng một số từ HS còn phát âm sai (như đã nêu ở phần mục tiêu)

– GV giúp HS luyện ngắt hơi đúng ở các câu dài (dùng bảng phụ):

Bác đã tưởng tượng thấy trước mắt Bác / tất cả các cảnh nhộn nhịp / tưng bừng của ngày mở trường khắp nơi.

Các cháu được hưởng sự may mắn đó / là nhờ sự hi sinh của biết bao đồng bào.

Sau tám mươi năm trời nô lệ làm cho nước nhà yếu

hèn, / ngày nay chúng ta cần phải xây dựng lại cơ đồ / mà tổ tiên đã để lại cho chúng ta, / làm sao cho chúng ta theo kịp các nước khác trên hoàn cầu.

2.2. Đọc hiểu:

• *Làm việc nhóm:*

– HS làm các bài tập 1, 2, 3, 4 trong phiếu học tập.

Hướng dẫn:

+ Để làm bài tập 1, HS cần: với bài tập 1.a, trao đổi với bạn, hoặc tra từ điển hay sổ tay từ ngữ để nối đúng các cặp từ trái nghĩa và từ đó hiểu đúng nghĩa của 2 từ *nô lệ* và *vẻ vang*. (Nô lệ – độc lập, vẻ vang – tủi nhục); với bài 1.b, thảo luận để tìm hiểu tên được ghi ở từng dòng là tên chính thức của nước ta vào những thời kỳ nào để từ đó tìm câu trả lời đúng (câu B).

+ Để làm bài tập 2, HS cần đọc thầm đoạn thứ nhất và thảo luận xem HS trong những dịp khai giảng bình thường thì vui vì những lý do gì, riêng ngày khai giảng năm đầu tiên nước nhà độc lập HS có lý do gì khác khiến họ vui hơn, đó cũng là câu trả lời đúng cần chọn (câu c).

+ Để làm bài tập 3, HS cần đọc thầm đoạn thứ hai rồi thảo luận để loại trừ những câu trả lời sai, tìm câu trả lời đúng (câu b).

+ Để làm bài tập 4, HS cần đọc lại và tóm tắt từng đoạn trong phần chính của bức thư để điền cho đúng (bài tập này HS có thể hoàn thành sau giờ học) (Lời chào đầu thư. Bác nói về niềm vui và niềm hạnh phúc của HS trong ngày khai giảng độc lập đầu tiên. Bác khuyên HS chăm chỉ học và ngoan để sau này đảm nhận nhiệm vụ xây dựng đất

nước trở thành đất nước vững mạnh. Lời chào cuối thư.).

+ Đại diện từng nhóm trình bày kết quả của từng bài tập, các HS khác góp ý, GV chốt lại ý kiến đúng.

2.3. Đọc diễn cảm

• *Làm việc chung cả lớp:*

GV hướng dẫn HS phát hiện cách đọc hay: đoạn 1 diễn tả không khí tưng bừng, nhộn nhịp và niềm hạnh phúc của HS trong ngày khai trường độc lập cần đọc với nhịp hơi nhanh, giọng đọc thể hiện niềm vui; đoạn 2 Bác khuyên HS chăm học và thuyết phục các bạn việc học tập là nhiệm vụ đối với đất nước, giọng đọc cần rõ, ngắt hơi đúng để rõ ý và nhấn mạnh ở các câu văn có nhiều lý lẽ thuyết phục: Sau tám mươi năm trời nô lệ..., Trong công cuộc kiến thiết đó..., Non sông Việt Nam ...

• *Làm việc nhóm:*

HS thực hành đọc diễn cảm từng đoạn và cả bài trong nhóm, sau đó đại diện nhóm đọc diễn cảm trước lớp.

3. Củng cố, dặn dò

– GV hướng dẫn HS cách làm bài tập 5: năm học mới tổ em, cá nhân em đặt cho mình những mục tiêu cụ thể nào trong học tập và rèn luyện, tại sao em và tổ em lại phấn đấu đạt những mục tiêu đó. Hãy viết các ý kiến của em và tổ em trong phần chính của bức thư. Đầu thư và cuối thư cần có lời chào, cuối thư có lời hứa (HS hoàn thành bài tập 5 ngoài giờ học).

– Chuẩn bị bài mới: bài Việt Nam, đọc cả bài, trả lời các câu hỏi ở cuối bài.

PHIẾU HỌC TẬP

1. a. Nối từ ở bên trái với một từ trái nghĩa với từ đó ở bên phải.

nô lệ	khiêm tốn
	độc lập
	tủi nhục
vẻ vang	giàu có

b. Khoanh tròn chữ cái trước dòng ghi tên gọi chính thức của nước ta thời kỳ sau cách mạng Tháng Tám năm 1945.

A. An Nam

B. Việt Nam dân chủ cộng hòa.

C. Đại Việt

D. Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam

Khoanh tròn chữ cái trước câu trả lời đúng nhất cho mỗi câu hỏi sau:

2. Lí do nào khiến cho các bạn học sinh cảm thấy vui nhất trong ngày khai giảng đầu tiên sau khi nước nhà thoát khỏi cảnh nô lệ?

a. được gặp lại thầy và bạn

b. được trở lại trường để học tập sau những chuyển biến khác thường

c. được hưởng một nền giáo dục của một nước Việt Nam độc lập

3. Theo lời Bác phân tích thì mục đích lớn nhất của việc học tập của học sinh là gì?

a. để đạt kết quả tốt đẹp

b. để xây dựng đất nước sao cho nước ta trở nên vẻ vang như các cường quốc trên thế giới

c. để xứng đáng với những điều may mắn mà các bạn học sinh đã được hưởng

4. Hãy điền tiếp ý của em vào từng chỗ trống dưới đây để hoàn chỉnh dàn ý của bức thư Bác gửi cho học sinh.

– Lời chào..

– Bác nói về niềm vui, niềm hạnh phúc ....
....

– Bác khuyên học sinh cần ....
để...

– Lời chào..

5. Cùng với các bạn trong nhóm hoặc tổ, các em thảo một bức thư ngắn gửi Bác, trong thư nêu rõ những điều các em hứa với Bác sẽ làm trong năm học này và nói rõ mục đích của những việc làm đó là gì.

Bài thứ hai: **TRE VIỆT NAM**

(1 tiết)

(Tiếng Việt 5 tập 1, sách viết theo chương trình 165 tuần, NXB Giáo dục, năm 2000, trang 43)

I. MỤC TIÊU

1. Đọc thành tiếng:

– Đọc đúng các tiếng, từ trong bài, nhất là các từ HS địa phương thường phát âm sai: *siêng, rễ, rơi, râm, lưng*

trần, hoặc: *chất dồn, vươn mình, khuất, măng non, gãy, kham khổ, nở, lũy thành, rễ...*

– Đọc đúng nhịp thơ nhất là nhịp bất thường ở một số câu thơ lục bát trong bài.

– Biết nhấn giọng ở những ý thơ nêu những phẩm chất đẹp của cây tre. Biết đọc cả bài với giọng đọc tha thiết, tự hào khi nói về cây tre cũng chính là nói về con người Việt Nam.

2. Đọc hiểu

– Hiểu nghĩa của các từ ngữ trong bài, các từ ngữ: *mong manh, bạc màu, khuất mình, ở riêng, truyền đời, chông* và các từ khác trong bài mà HS chưa biết nghĩa.

– Hiểu nghĩa hàm ẩn của một số câu thơ có hình ảnh ẩn dụ.

– Hiểu ý nghĩa của bài văn là ca ngợi những phẩm chất tốt đẹp của cây tre Việt Nam và ý nghĩa ẩn dụ của cả bài là ca ngợi phẩm chất kiên cường và sức sống mãnh liệt của con người Việt Nam và dân tộc Việt Nam.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

– Tranh ảnh về cây tre Việt Nam.

– Những bài viết hay về cây tre Việt Nam có hàm ý nói về con người Việt Nam.

– Phiếu học tập có các bài tập đọc hiểu.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

A. KIỂM TRA BÀI CŨ

(Tham khảo cách làm ở các bài soạn trước)

B. DẠY BÀI MỚI

1. Giới thiệu bài

(tham khảo cách làm ở các bài soạn trước)

2. Luyện đọc

2.1. Đọc trơn

• *Làm việc chung cả lớp:*

– Một số HS đọc từng đoạn, đọc cả bài.

– GV nêu yêu cầu để HS đọc đúng một số từ HS còn phát âm sai (như đã nêu ở phần mục tiêu)

– Luyện đọc đúng nhịp một số câu thơ có nhịp thơ bất thường (luyện trên bảng phụ):

+ *Chuyện ngày xưa ... / đã có bờ tre xanh*

+ *Thân gầy guộc, / lá mong manh*

+ *Có gì đâu, / có gì đâu*

+ *Mỡ màu ít / chắt dồn lâu hóa nhiều*

+ *Cây kham khổ / vẫn hát ru lá cành*

+ *Năm qua đi, / tháng qua đi*

+ *Đất xanh tre / mãi xanh màu tre xanh*

2.2. Đọc hiểu

• *Làm việc nhóm:*

– HS làm các bài tập 1, 2, 3 trong phiếu học tập. Hướng dẫn:

+ Để làm bài tập 1.a, HS cần tra từ điển hoặc sổ tay từ ngữ trước giờ học để trình bày kết quả đã làm và thống nhất câu trả lời đúng. Để làm bài tập 1.b, HS cần đọc thầm câu thơ và đoạn thơ có chứa câu thơ mang từ ngữ gạch dưới để hiểu ý của cả câu và đoạn rồi từ đó mới hiểu đúng nghĩa

của từ gạch dưới, trao đổi với nhau và thống nhất câu trả lời đúng (*không đứng khuất mình*: dám đương đầu với nắng gió, bất khuất; *chẳng ở riêng*: sống chung với nhau thành lũy, đoàn kết; *truyền đời*: truyền lại sự sống cho cây con, giữ nòi giống mãi mãi, giữ mãi truyền thống tốt đẹp).

+ Để làm bài tập 2, HS cần đọc thầm nhiều lần đoạn từ dòng 8 đến dòng 25 rồi tìm câu trả lời đúng để điền vào từng chỗ trống cho đúng *(chỗ trống ở ý thứ nhất: 9, 10, 11, 12, 13; chỗ trống ở ý thứ hai: 16, 17, 18, 19, 20, 21; chỗ trống ở ý thứ ba: 14, 15, 22, 23, 24,25).*

+ Để làm bài tập 3, HS cần đọc thầm lại 4 dòng thơ cuối để phát hiện các điệp từ *(Mai sau, xanh)*. HS thảo luận để tìm ý nghĩa của các điệp từ đó (*nhấn mạnh ý: tre mãi mãi còn, màu xanh của tre mãi còn trên đất nước ta).*

+ Đại diện của từng nhóm nêu kết quả của từng bài tập (mỗi nhóm nêu kết quả một bài), HS khác góp ý, GV chốt lại ý kiến đúng.

2.3. Đọc diễn cảm

• *Làm việc chung cả lớp:*

GV hướng dẫn cách đọc hay từng đoạn:

+ 7 dòng đầu: chú ý đọc đúng ngữ điệu của câu kể và câu hỏi.

+ Gạch dưới các từ nêu ở bài tập 4.a và các điệp từ vào sách giáo khoa và đọc nhấn giọng các từ ấy khi đọc cả bài.

+ Đọc cả bài với giọng đọc tự hào và thiết tha.

• *Làm việc nhóm:*

Chia lớp thành 4 nhóm, mỗi nhóm thực hành đọc diễn cảm một đoạn:

– Đoạn dòng 1 ...... dòng7.

– Đoạn dòng 8 ..... dòng15.

– Đoạn dòng 16 ..... dòng 25.

– Đoạn còn lại.

Đại diện từng nhóm thi đọc diễn cảm, HS tự nhận xét, GV chốt lại ý kiến đúng.

3. Củng cố, dặn dò

– Đọc cho HS nghe một hoặc một số bài văn viết về cây tre có hàm ý nói về con người Việt Nam (bài *Tre Việt Nam* của Thép Mới, các bài thơ về tre khác) rồi giới thiệu cho HS biết các nhà văn nhà thơ thường lấy cây tre làm biểu tượng về con người Việt Nam vì cây tre có nhiều phẩm chất tốt đẹp giống phẩm chất của con người Việt Nam.

– Hướng dẫn HS làm bài tập 4 trong phiếu bài tập:

+ Để làm bài tập 4.a, HS cần nhớ lại các khái niệm sơ giản về so sánh, nhân hóa và điệp từ ngữ rồi chọn câu trả lời đúng *(câu B)*. Để làm bài tập 4.b, HS cần dùng kết quả của các bài tập 3 và 4.a, thảo luận với nhau để chọn câu trả lời đúng *(câu C)*.

+ HS làm bài tập 4 và chữa bài, GV chốt lại ý kiến đúng.

– Chuẩn bị bài mới: bài *Núi rừng Trường Sơn sau cơn mưa*, đọc kỹ cả bài, trả lời các câu hỏi ở cuối bài.

*

* *

PHIẾU HỌC TẬP

1. a. Nối từng từ ở bên trái với lời giải nghĩa phù hợp ở bên phải.

mong manh	(đất) nghèo chất dinh dưỡng để nuôi cây
bạc màu	vật có đầu nhọn dùng để bẫy hoặc để làm vật cản
chông mỏng	không đủ sức chịu đựng

b. Thảo luận để tìm nghĩa của các từ ngữ được gạch dưới trong mỗi câu sau.

– Tre xanh *không đứng khuất mình* bóng râm.

– Thương nhau tre chẳng *ở riêng*.

– Vẫn nguyên cái gốc *truyền đời* cho măng.

2. Ghi số vào đầu mỗi dòng thơ rồi tìm những câu thơ trong bài thể hiện mỗi ý sau để điền vào chỗ trống.

– Tre là loài cây chịu được kham khổ và có sức sống mãnh liệt: các câu thơ số..

– Tre là loài cây sống dựa vào nhau để chống lại gió bão: các câu thơ số..

– Tre là loài cây mọc thẳng, ưa nắng gió: các câu thơ số

....

3. Ghi các từ được lặp lại trong 4 dòng thơ cuối:

Viết câu trả lời câu hỏi sau vào chỗ trống.

Các từ lặp lại trên nhằm thể hiện ý gì?

....

....

....

....

....

4. Khoanh tròn chữ cái trước câu trả lời đúng cho câu hỏi sau.

a. Tác giả đã dùng biện pháp nghệ thuật gì khi dùng những từ ngữ *siêng, cần cù, kham khổ, thương nhau, ôm, níu, nhường, không đứng khuất mình*, để nói về phẩm chất của cây tre?

A. so sánh B. nhân hóa C. điệp từ ngữ

b. Dùng biện pháp nghệ thuật trên, tác giả nhằm ngầm so sánh cây tre với gì?

A. con người

B. con người Việt Nam

C. con người Việt Nam với những truyền thống cần cù, đoàn kết và bất khuất trước mọi thử thách

Bài thứ ba:

CÂU CHUYỆN VUA MI–ĐÁT THÍCH VÀNG

(1 tiết)

(Tiếng Việt 5 tập 2, sách viết theo chương trình 165 tuần, NXB Giáo dục, năm 2000, trang 55)

I. MỤC TIÊU

1. Đọc thành tiếng:

– Đọc đúng các từ trong bài, nhất là các từ phiên âm nước ngoài sang tiếng Việt: Mi–đát, Đi–ô–ni–dốt, Pác–tôn;

các từ HS địa phương thường phát âm sai: *say sưa, sáng suốt, rửa sạch* hoặc *biến mất, bẻ, ngắt, khủng khiếp, cầu khẩn.*

– Biết phân biệt lời kể chuyện và lời nói của nhân vật trong truyện.

– Biết thể hiện tình cảm của nhân vật trong từng đoạn qua giọng đọc

2. Đọc hiểu

– Hiểu nghĩa các từ trong bài và một số từ khác: *khủng khiếp, cầu khẩn, phép mầu...*

– Nhận biết được cốt truyện thông qua việc tóm tắt truyện.

– Hiểu ý nghĩa câu chuyện: lòng tham không mang lại hạnh phúc cho con người.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

– Tranh minh họa Mi – đát sung sướng cầm bông lúa bằng vàng, quả táo bằng vàng, Mi – đát chắp tay cầu thần Đi – ô – ni – dốt khi trước mặt ông ta có thức ăn bằng vàng.

– Một số truyện thần thoại Hy – lạp.

– Phiếu học tập có các bài tập đọc hiểu.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

A. KIỂM TRA BÀI CŨ

(tham khảo cách làm ở những bài soạn trước)

B. DẠY BÀI MỚI

1. Giới thiệu bài

GV giới thiệu các truyện thần thoại Hy–lạp: đó là

những câu chuyện về cuộc sống của các thần giống như truyện về thế giới con người nhằm nói về cuộc sống của con người Hy–lạp thời xa xưa. Mỗi truyện đề cập tới một vấn đề của cuộc sống, cách kể hấp dẫn, câu chuyện nào cũng giúp người đọc suy ngẫm và rút ra cho mình bài học về cách sống.

Câu chuyện học trong bài này là một trong rất nhiều truyện thần thoại Hy–lạp.

2. Luyện đọc

2.1. Đọc trơn

- *Làm việc chung cả lớp:*

– Một số HS đọc từng đoạn, đọc cả bài.

– GV nêu yêu cầu để HS đọc đúng một số từ HS còn phát âm sai (như đã nêu ở phần mục tiêu)

– Luyện tập phân biệt lời kể chuyện và lời của nhân vật qua giọng đọc (dùng bảng phụ):

Mi – đát vốn tham lam nên nói ngay:

– Thưa vị thần Đi–ô–ni–dốt sáng suốt! Xin Người làm sao cho mọi vật tôi chạm đến đều hóa thành vàng!

Mi–đát bụng đói cồn cào và chắp tay cầu khẩn:

– Xin thần làm phúc tha tội cho tôi! Xin Người lấy lại quà tặng để cho tôi được sống.

Thần Đi–ô–ni–dốt liền hiện ra và phán:

– Nhà ngươi hãy đến sông Pác–tôn, nhúng mình vào dòng nước, phép mầu sẽ biến mất và nhà ngươi sẽ rửa sạch được lòng tham.

2.2. Đọc hiểu

• *Làm việc nhóm:*

– HS làm các bài tập 1, 2, 3, 4 trong phiếu bài tập.

Hướng dẫn:

+ Để làm bài tập 1, HS cần tìm các từ đồng nghĩa với từng từ gạch dưới rồi điền từng từ tìm được vào chỗ trống phù hợp. (*Các từ cần điền có thể là: đáng sợ, van xin, rộng lòng, phép lạ)*

+ Để làm bài tập 2, HS cần đọc thầm kỹ 4 dòng đầu của bài và trao đổi với nhau để tìm câu trả lời đúng. *(Câu b)*

+ Để làm bài tập 3, HS cần đọc thầm lại phần chính của câu chuyện rồi trao đổi để tìm xem Mi–đát đã nhận được những món quà gì, món quà nào khiến ông được thỏa mãn lòng tham, còn món quà nào khiến ông thấy cuộc sống của mình bị đe dọa, từ đó tìm câu trả lời đúng. *(Câu d)*

+ Để làm bài tập 4, HS cần đọc thầm lại câu văn chứa từ ngữ yêu cầu giải nghĩa và các câu trả lời rồi thảo luận về từng câu trả lời và tìm ra câu trả lời đúng. *(Câu c)*

2.3. Đọc diễn cảm

• *Làm việc chung cả lớp:*

– GV hướng dẫn cách đọc hay: giọng đọc thể hiện niềm vui, say mê của vua Mi–đát khi ông thích thú các tặng vật bằng vàng, giọng đọc thể hiện mối lo sợ khi vua Mi–đát hiểu ra sai lầm và cầu xin thần Đi–ô–ni–dốt tha tội.

– HS thực hành từng nhóm 3 em đọc theo hướng dẫn và một số nhóm đọc trước lớp, các HS khác góp ý, GV chốt lại ý kiến đúng.

3. Củng cố, dặn dò

• *Làm việc nhóm:*

– GV hướng dẫn cách làm bài tập 5 trong phiếu học tập: mỗi nhóm trao đổi để tìm ý điền vào từng chỗ trống cho phù hợp, sau khi tìm được ý phù hợp cần điều chỉnh lời diễn đạt ý sao cho gọn nhất rồi mới điền.

(– *Ý thứ nhất: bao gồm tất cả những thứ ông chạm vào đều thành vàng.*

– *Ý thứ hai: sai lầm của mình khi thấy các thức ăn uống cũng biến thành vàng thì ông sẽ chết đói và ông xin thần Đi–ô–ni–dốt lấy lại quà tặng ấy.*

– *Ý thứ ba: rằng lòng tham không mang lại ích lợi, hạnh phúc cho con người.*)

– Đại diện nhóm trình bày kết quả , HS khác góp ý, GV chốt lại ý kiến đúng.

– Chuẩn bị bài sau: bài *Lê–nin và ông lão đi săn*, đọc cả bài và trả lời các câu hỏi cuối bài.

*

* *

PHIẾU HỌC TẬP

1. Hãy thay thế từ gạch dưới trong những câu sau bằng những từ khác sao cho nghĩa của câu không thay đổi rồi điền từ đó vào chỗ trống.

– Và lúc đó ông mới biết mình đã xin một quà tặng *khủng khiếp.*

....

– Mi–đát bụng đói cồn cào và chắp tay *cầu khẩn*:

....

– Xin thần <u>*làm phúc*</u> tha tội cho tôi!

....

– Nhà ngươi hãy đến sông Pác–tôn, nhúng mình vào dòng nước, <u>*phép mầu*</u> sẽ biến mất và nhà ngươi sẽ rửa sạch được lòng tham.

....

Khoanh tròn chữ cái trước câu trả lời đúng cho mỗi câu hỏi sau:

2. Vì sao vua Mi–đát lại xin thần Đi–ô–ni–dốt quà tặng "mọi thứ ông chạm tới đều bằng vàng"?

a. vì vua Mi–đát thiếu vàng

b. vì vua Mi–đát tham lam

c. vì vua Mi–đát cho rằng quà tặng ấy mới xứng với công ông đã cứu giúp vị thần này

3. Món quà tặng nào khiến vua Mi–đát nhận ra sai lầm của mình?

a. cành sồi bằng vàng

b. những bông lúa bằng vàng

c. quả táo bằng vàng

d. các thức ăn, thức uống bằng vàng

4. Dòng nào dưới đây giải thích đầy đủ ý nghĩa của từ ngữ <u>rửa sạch lòng tham</u> trong bài?

a. lòng tham là một thứ nhơ bẩn

b. khi con người có lòng tham thì cần rửa sạch

c. từ bỏ thói tham lam

5. Hãy tóm tắt câu chuyện này bằng cách điền tiếp ý phù hợp vào các chỗ trống sau.

– Vua Mi–đát vì tham lam nên đã xin thần Đi–ô–ni–dốt quà tặng ....

....

– Mi–đát rất say sưa với những quà tặng bằng vàng, rồi ông nhận ra ....

và ông đã xin ....

– Cuối cùng Mi–đát đã hiểu ....

....

Bài thứ tư:

BUỔI SÁNG MÙA HÈ TRONG THUNG LŨNG

(1 tiết)

(Tiếng Việt 5 tập 2, sách viết theo chương trình 165 tuần, NXB Giáo dục, năm 2000, trang 42)

I. MỤC TIÊU

1. Đọc thành tiếng

– Đọc đúng các từ trong bài nhất là các từ HS địa phương thường phát âm sai: *rải rác, râm ran, ra rả, rì rầm, lanh lảnh, thung lũng,* hoặc *trổ, ửng đỏ, thoăn thoắt, gay gắt.*

– Biết ngắt hơi đúng ở các câu dài để làm rõ ý.

– Biết nhấn giọng để nhấn mạnh ý ở các từ gợi tả màu sắc, hình dáng, âm thanh trong những câu văn tả.

2. Đọc hiểu

– Hiểu nghĩa của các từ trong bài: *lanh lảnh, râm ran, bập bùng, mùa, chiêm, xã viên, áo chàm* và các từ khác trong bài mà HS chưa biết nghĩa.

– Nhận ra các đoạn của bài và ý chung của từng đoạn. Biết tự nêu ý chung của cả bài.

– Biết nhận xét giá trị miêu tả của một số từ láy trong bài.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

– Tranh hoặc đoạn băng hình minh họa cảnh buổi sáng mùa hè trong thung lũng với những sắc màu và âm thanh (nếu có) như nội dung của bài văn.

– Phiếu học tập có các bài tập đọc hiểu.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

A. KIỂM TRA BÀI CŨ

(tham khảo cách làm ở các bài soạn trước)

B. DẠY BÀI MỚI

1. Giới thiệu bài

(tham khảo cách làm ở các bài soạn trước)

2. Luyện đọc

2.1. Đọc trơn

• *Làm việc chung cả lớp:*

– Một số HS đọc từng đoạn, đọc cả bài.

– GV nêu yêu cầu để HS đọc đúng một số từ HS còn phát âm sai (như đã nêu ở phần mục tiêu).

– HS luyện ngắt hơi đúng ở những câu dài (dùng bảng phụ):

+ *Những tia nắng đầu tiên/hắt chéo qua thung lũng,/trải lên đỉnh núi phía tây/những vệt sáng màu lá mạ tươi tắn...*

+ *Trên những đồng ruộng lúa chín vàng,/bóng áo chàm và nón trắng nhấp nhô,/tiếng nói cười nhộn nhịp/vui vẻ.*

+ *Dọc theo những con đường mới đắp,/vượt qua chiếc cầu gỗ bắc qua con suối,/từng tốp nam nữ thanh niên/thoăn thoắt gánh lúa về sân phơi.*

2.2. Đọc hiểu

• *Làm việc nhóm:*

– HS làm các bài tập 1, 2, 3, 4 trong phiếu học tập. Hướng dẫn:

+ Để làm bài tập 1.a, HS cần đọc thầm đoạn 1 và đối chiếu xem các từ trong bài tập từ nào để tả âm thanh, từ nào để tả ánh sáng và trả lời. *(Câu D);* để làm bài tập 1.b, HS cần đọc thầm cả bài và trao đổi với nhau về từng nghĩa đã nêu để tìm đúng từ cần điền. *(Các từ cần điền: vụ chiêm, vụ mùa, xã viên, áo chàm).*

+ Để làm bài tập 2, HS cần đọc lướt lại cả bài, tìm những từ ngữ chỉ thời gian được tả trong bài (chìm đắm trong màn đêm, tảng sáng, nắng vàng, mặt trời nhô dần lên cao) để tìm ra chỗ mở đầu một đoạn, từ đó mà biết chỗ kết thúc đoạn. *(Đoạn 1: từ đầu đến <u>í ới</u>; đoạn 2: từ <u>Tảng sáng</u> đến <u>đỏ ối</u> những quả; đoạn 3: từ <u>Nắng vàng</u> đến hết bài)*

+ Để làm bài tập 3.a, HS cần đọc thầm lại đoạn 1 và

tìm các từ láy tả âm thanh trong đoạn để điền. (Phành phạch, lanh lảnh, râm ran, te te, ra rả, rì rầm, í ới); để làm bài tập 3.b, HS cần thảo luận xem đoạn này tả cảnh vào thời gian nào, lúc đó người ta nhận biết được cảnh vật xung quanh bằng giác quan gì là chính để từ đó tìm ý trả lời câu hỏi. *(Vì lúc đó trời chưa sáng, người ta chủ yếu nhận biết cảnh vật bằng âm thanh)*

+ Để làm bài tập 4, HS cần đọc thầm đoạn 2 rồi tự làm bài sau đó đổi bài cho nhau để chữa.

2.3. Đọc diễn cảm

• *Làm việc chung cả lớp:*

– GV hướng dẫn HS tìm cách đọc hay: tìm các từ gợi tả màu sắc, ánh sáng, âm thanh trong bài và gạch dưới các từ này trong sách; khi đọc bài cần nhấn giọng ở những từ nói trên để thể hiện vẻ đẹp của cảnh.

– HS thực hành đọc trong nhóm, mỗi nhóm đọc một đoạn rồi các nhóm cử đại diện đọc trước lớp, HS khác góp ý, GV chốt lại ý kiến đúng.

3. Củng cố, dặn dò

• *Làm việc chung cả lớp:*

– GV hướng dẫn HS cách làm bài tập 5 trong phiếu học tập:

+ Bài 5,a: đọc lướt toàn bài rồi chọn câu trả lời đúng. *(Câu C)*

+ Bài 5.b: câu nêu ý chung của bài cần có 2 ý, một ý nêu vẻ đẹp của cảnh thiên nhiên vào buổi sáng ở thung lũng, một ý nêu các hoạt động lao động vui vẻ của con người nơi này

+ HS có thể hoàn thành bài tập 5.b bằng miệng ở lớp và hoàn thành bằng bài viết sau giờ học.

– Chuẩn bị bài mới: bài *Ông già trên núi chè Tuyết*, đọc cả bài và trả lời các câu hỏi ở cuối bài.

*

* *

PHIẾU HỌC TẬP

1. a. Khoanh tròn chữ cái trước từ láy tả ánh sáng trong số các từ láy sau.

A. lanh lảnh	C. ra rả
B. râm ran	D. bập bùng

b. Điền từ trong bài có nghĩa nêu ở từng dòng dưới đây vào từng chỗ trống cho phù hợp.

– Tên vụ lúa ở các tỉnh phía bắc trồng vào mùa lạnh và thu hoạch vào đầu mùa nóng:..

– Tên vụ lúa trồng vào mùa mưa và thu hoạch vào đầu mùa khô:..

– Tên gọi thành viên của hợp tác xã (trong bài là hợp tác xã nông nghiệp):...

– Loại áo nhuộm màu lam sẫm mà người dân vùng núi phía bắc hay mặc:..

2. Căn cứ vào thời gian được nêu trong bài, em hãy chia đoạn bài văn này và điền ý kiến của em vào chỗ trống.

– Đoạn tả cảnh vào lúc trời sắp sáng: từ........................

đến..

– Đoạn tả cảnh lúc trời vừa mới sáng: từ ....
đến..

– Đoạn tả cảnh buổi sáng: từ..
đến..

3.a. Ghi lại các từ láy tả âm thanh được dùng trong đoạn thứ nhất:..

....

b. Viết ý kiến trả lời ngắn gọn của em cho câu hỏi sau: Vì sao trong đoạn này tác giả lại dùng nhiều từ láy gợi tả âm thanh để tả cảnh?

....

....

....

4. Nối những từ chỉ cảnh vật với những từ ngữ tả màu sắc sao cho phù hợp.

vòm trời	cao ửng đỏ
khoảng trời	sau dãy núi phía đông màu lá mạ tươi tắn
vệt sáng	trên đỉnh núi phía tây xanh mênh mông
hoa	của những cây lim đỏ ối
quả	của những cây vải thiều vàng

5.a. Khoanh tròn chữ cái trước câu trả lời đúng cho câu hỏi sau.

Những đoạn nào trong bài vừa tả cảnh thiên nhiên vừa tả hoạt động của người và vật?

A. đoạn 1 và đoạn 2

B. đoạn 2 và đoạn 3

C. đoạn 1 và đoạn 3

b. Căn cứ vào nội dung tả cảnh và tả hoạt động trong bài, hãy viết vào dòng dưới đây một câu nêu ý chung của cả bài.

....

....

3.2. Một số đề kiểm tra tham khảo (thời gian: 25 phút)

ĐỀ 1:

Đọc câu chuyện sau:

Chú chim và gã voi

Giữa khu rừng nọ có một cây rất to. Trên cành cây có một con chim đang làm tổ cho ba chú chim con. Một hôm, có một gã voi to đi qua. Gã dựa lưng vào thân cây rồi ra sức cọ tấm lưng khổng lồ vào cây khiến cây rung lên dữ dội. Thân cây bắt đầu kêu răng rắc và nghiêng ngả. Những chú chim non quá sợ hãi liền rúc vào mẹ chúng. Chim mẹ liền chĩa mỏ ra khỏi tổ và nói:

– Này gã voi to lớn kia, xung quanh đây có rất nhiều cây cối khác, tại sao anh cứ làm rung cây này? Anh làm vậy khiến các con tôi sợ hãi, chúng có thể bị rơi ra khỏi tổ đấy!

Gã voi to chẳng nói nửa lời, chỉ nhìn lũ chim non bằng

cặp mắt nhỏ tí, gã ve vẩy đôi tai rồi bỏ đi.

Hôm sau gã quay trở lại và tiếp tục cọ lưng vào cây. Thân cây lại nghiêng ngả. Mấy chú chim non khiếp sợ, rúc đầu vào cánh mẹ.Chim mẹ tức giận nói như ra lệnh:

– Anh phải thôi ngay trò này đi, nếu không tôi sẽ dạy cho anh một bài học đấy!

– Cô làm gì được với một người to lớn như tôi nào? – Gã voi vừa nói vừa cười nhạo. – Nếu muốn, tôi chỉ cần đẩy nhẹ thân cây này là lũ con của cô sẽ bị bắn ra xa hàng dặm đấy!

Chim mẹ không nói lời nào.

Hôm sau nữa gã voi lại đến và tiếp tục cọ lưng vào cây như trước. Nhanh như chớp, chim mẹ bay xuống, đậu ngay vào một cái tai to như chiếc quạt của gã voi, rồi nó lấy chân cào lấy cào để cái tai ấy. Gã voi đau điếng, ra sức lắc đầu... nhưng không ích gì. Hắn đành phải van xin chim mẹ và hứa sẽ không cọ lưng vào thân cây nữa. Chim mẹ rời khỏi tai gã voi và trở về tổ với các con.

Từ đó, gã voi không bao giờ dám quay trở lại và cọ lưng vào thân cây nữa.

Khoanh tròn chữ cái trước câu trả lời đúng nhất cho mỗi câu hỏi sau:

1. Tổ của những chú chim non ở đâu?

a. trên một cây to

b. trên một thân cây to

c. trên một cành cây to ở giữa rừng

d. trên cành của một cây to ở giữa rừng

2. Gã voi to đã đến cọ lưng vào thân cây mấy lần?

a. 1 lần b. 2 lần c. 3 lần d. hơn 3 lần

3. Câu nào trong truyện (bắt đầu bằng những từ gạch chân) chứng tỏ gã voi là người cậy khỏe để bắt nạt (ăn hiếp) kẻ khác?

a. Này gã voi to lớn kia ...

b. Gã voi chẳng nói nửa lời ...

c. Cô làm gì được với ...

d. Hôm sau nữa, gã voi lại đến ...

4. Vì sao nói câu chuyện này đã kết thúc có hậu?

a. vì gã voi đã chết

b. vì gã voi không trở lại rung cây nữa

c. vì cái cây đã trở nên chắc hơn

d. vì những chú chim non đã lớn và biết bay

5. Câu chuyện muốn nói với chúng ta điều gì?

a. Loài voi luôn sợ loài chim.

b. Loài voi không nên làm rung cây cối.

c. Khi ta khỏe hơn người khác, ta có thể làm phiền họ.

d. Người yếu mà có mưu trí cũng có thể thắng được kẻ mạnh.

6. Căn cứ vào các sự việc diễn ra trong những lần voi đến rung cây, em hãy tóm tắt câu chuyện bằng từ 3 đến 5 câu ngắn gọn vào chỗ trống.

....

....

....

....

....

ĐỀ 2:

Đọc bài sau:

Lòng cô đau nhức

(trích)

Vì sao em bỏ học?
Nói thật đi em ơi!
Mới lên chín tuổi thôi
Lẽ nào em bỏ học?

Hay cô dạy chưa hay
Lời cô chưa có cánh
Đôi mắt em thơ ngây
Chưa một lần lóng lánh?

... Hay vì bạn rủ rê
Em tối ngày say mê
Hết trò kia cuộc nọ?

Hay em còn lưỡng lự
Học đã khó lại xa
Vui sao bằng ở nhà
Theo mẹ đi ngồi chợ?

... Hay em phải ngày ngày
Đi mò cua bắt cá
Mong giúp mẹ một tay
Manh áo quần đỡ vá?

... Hay bạn bè trêu chọc
Trong cảnh sống mồ côi
Vì một chút lan môi
Em chẳng may bị sứt?

... Vì sao em bỏ học?
Lời đáp vẫn lặng im ...
Cứ nghĩ hoài về em
Lòng cô càng đau nhức.

(Nguyễn Ngọc Ký)

1. Khoanh tròn chữ cái trước câu trả lời đúng cho câu hỏi sau.

Em học sinh được nói tới trong bài đang học ở trường nào?

a. trường mẫu giáo

b. trường tiểu học

c. trường trung học cơ sở (cấp II)

d. trường trung học phổ thông (cấp III)

2. Ghi chữ Đ trước những câu trả lời đúng và chữ S trước những câu trả lời sai cho câu hỏi sau.

Cô giáo đã dự đoán có những lý do nào khiến em học sinh bỏ học?

a. Em bị cô giáo trách phạt.

b. Em bị bệnh không đi học được.

c. Cô giáo dạy chưa tốt khiến em không thích học

d. Em mải chơi.

e. Em bị bạn bè chế giễu khuyết tật của mình.

g. Em ngại bài khó, ngại đường đi học xa.

h. Em phải làm việc đỡ cha mẹ để kiếm sống.

3. Khoanh tròn chữ cái trước câu trả lời đúng nhất cho câu hỏi sau.

Em học sinh trong bài có hoàn cảnh như thế nào?

a. nhà nghèo, ở xa trường

b. nhà nghèo, có bệnh

c. mồ côi, nhà nghèo, ở xa trường, có dị tật

d. mồ côi, nhà nghèo, ở xa trường

4. Ghi lại câu thơ được lặp trong bài vào chỗ trống

....

Viết câu trả lời của em cho câu hỏi sau: Tác giả nhắc lại câu thơ trên trong bài nhằm mục đích gì?

....

....

....

....

ĐỀ 3:

Đọc bài sau:

1. Thế nào là tính trung thực?

Tính trung thực là đức tính luôn trung thành với sự thật của con người.

Người có tính trung thực luôn sống ngay thẳng thật thà,

không che giấu những sai sót của bản thân và của người khác, không xuyên tạc sự thật vì lợi ích riêng, sẵn sàng bảo vệ chân lý, luôn đánh giá sự việc, con người một cách khách quan, công bằng và luôn nói đi đôi với làm.

Tính trung thực được thể hiện qua thái độ, hành động, lời nói của con người.

Trung thực không có nghĩa là nghĩ điều gì, biết điều gì cũng nói ra ở bất cứ chỗ nào, lúc nào. Người trung thực biết cách làm để sao cho sự thật vẫn được bảo vệ mà vẫn có lợi cho công việc chung.

2. Tại sao con người cần có tính trung thực?

Trong công cuộc lao động xây dựng đất nước, người trung thực lao động với tinh thần trách nhiệm cao, dám đấu tranh với thói quen lừa đảo, giả dối trong làm ăn. Điều đó cho thấy trung thực là một phẩm chất quan trọng của người lao động mới.

Trong cuộc sống, người có tính trung thực luôn chiếm được lòng tin của nhiều người, vì vậy họ được những người xung quanh tôn trọng và có nhiều bè bạn. Tính trung thực làm cho con người sống thanh thản, đàng hoàng.

3. Rèn luyện như thế nào để có tính trung thực?

Để rèn luyện tính trung thực cần:

– Khi còn nhỏ: không nói dối cha mẹ, thầy cô giáo; không gian lận trong học tập và trong sinh hoạt; biết nhận khuyết điểm của bản thân và không che giấu khuyết điểm của bạn; biết đấu tranh chống những hành vi không trung

thực ở trường lớp.

– Khi lớn lên: phải thật thà trong công việc, chân thật trong đối xử với những người xung quanh; nhận xét công việc và con người một cách công bằng, khách quan; biết đấu tranh chống các hành vi không trung thực hoặc làm hại người trung thực.

1. Đọc những từ sau trong bài: ngay thẳng, xuyên tạc, nói dối, thật thà, gian lận, lừa đảo, chân thật, giả dối.

Điền các từ trên vào từng chỗ trống sau cho phù hợp.

Từ gần nghĩa với từ *trung thực*	Từ trái nghĩa với từ *trung thực*
....	....
....	....
....	....

2. Viết tóm tắt từng đoạn của bài theo những gợi ý sau.

– Đoạn 1:

Tóm tắt đoạn bằng 2 câu trả lời ngắn gọn cho 2 câu hỏi sau: Tính trung thực là gì? Những biểu hiện cơ bản của tính trung thực là gì?

....

....

....

....

– Đoạn 2:

Tóm tắt đoạn dựa trên việc trả lời câu hỏi sau: Tính trung thực giúp ích gì cho con người trong lao động và trong

cuộc sống?

....

....

....

....

– Đoạn 3:

Tóm tắt đoạn dựa trên ý sau: cách rèn luyện để có tính trung thực trong từng độ tuổi.

....

....

....

....

3. Em đặt tên cho bài sao cho tên này thể hiện nội dung chính của bài và điền tên đó vào chỗ trống.

....

4. Đọc đoạn văn giới thiệu về một tình huống sau:

Có 4 em nhỏ đang chơi đùa trên bãi cỏ sát một bức tường bỏ hoang. Cạnh chân tường có một chiếc xe máy đẹp đang dựng ở đó mà các em không biết chủ nhân của chiếc xe máy là ai. Bỗng, có một tên gian xuất hiện, hắn giơ nắm đấm dọa các em để định tìm cách lấy đi chiếc xe. Hắn hất hàm hỏi các em:

– Ai là chủ chiếc xe này?

Sau đây là câu trả lời của từng em:

– Em thứ nhất sợ hãi cúi đầu không nói được gì.

– Em thứ hai nói: "Em không biết."

– Em thứ ba nói: "Xe này là của chú thợ đang làm việc ở sau bức tường này."

– Em thứ tư nói: "Xe này là của em."

Em thử đoán xem lời nói của em nhỏ nào khiến cho tên gian không dám lấy xe? Em nhỏ đó có phải là người có tính trung thực không? Vì sao?

Hãy viết ý kiến của em vào chỗ trống.

....

....

....

....

ĐỀ 4:

Đọc quảng cáo hàng sau:

Nhân dịp khai giảng năm học mới   ***2001 – 2002***

Xin quý khách hãy đặt hàng! Quý khách chỉ cần gửi cho chúng tôi đơn đặt hàng và tiền đặt cọc về địa chỉ: Công ty may Thống Nhất, 280 đường Thắng Lợi, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh, quý khách sẽ được nhận hàng trong thời hạn khoảng 2 tuần. Sau khi nhận hàng, quý khách sẽ thanh toán qua dịch vụ chuyển tiền tại bưu điện.

QUẦN ÂU VÀ ÁO KHOÁC 2 LỚP

Mã số: *50876*

Màu sắc: *hồng, đỏ, xanh nước biển, tím than*

Cỡ: *8 đến 12 tuổi*

Giá bình thường: *100.000 đ*

Giá hiện nay có khuyến mãi: *92.000 đ*

Tiền đặt cọc: *35.000 đ*

GIẦY THỂ THAO

Mã số: *49597*

Màu sắc: *xanh lá cây / đen; xanh lá cây / đỏ;*

đỏ/trắng: *xanh lá cây / nâu; đỏ; trắng*

Cỡ: *10 đến 14 tuổi*

Giá bình thường: *60.000 đ*

Giá hiện nay có khuyến mãi: *54.000 đ*

Tiền đặt cọc: *25.000 đ*

DÉP DA CÓ QUAI HẬU

Mã số: *49587*

Màu sắc: *trắng, đen, xanh da trời, đỏ*

Cỡ: *8 đến 12 tuổi*

Giá bình thường: *40.000 đ*

Giá hiện nay có khuyến mãi: *35.000 đ*

Tiền đặt cọc: *15.000 đ*

ÁO PHÔNG VÀ ÁO CỘC TAY VẢI SỢI BÔNG

Mã số: 49634

Màu sắc: trắng, đỏ, vàng, tím nhạt, xanh lá cây, mận chín

Cỡ: 6 đến 12 tuổi

Giá bình thường: 15.000 đ

Giá hiện nay có khuyến mãi: 12.000 đ

Tiền đặt cọc: 8.000 đ

Khoanh tròn chữ cái trước câu trả lời đúng cho mỗi câu hỏi sau:

1. Quần âu và áo khoác 2 lớp dành cho lứa tuổi nào?

a. 6 đến 12 tuổi
b. 10 đến 14 tuổi
c. 8 đến 12 tuổi
d. tất cả các lứa tuổi

2. Nếu cần chọn một bộ gồm áo, quần, giầy hoặc dép cùng có chung một màu thì màu em phải chọn là màu nào?

a. trắng
b. xanh lá cây
c. hồng
d. đỏ

3. Mặt hàng nào có giá cao nhất trong quảng cáo này?

a. quần âu và áo khoác 2 lớp

b. giầy thể thao

c. dép da có quai hậu

d. áo phông và áo cộc tay vải sợi bông

4. Dòng nào dưới đây nêu đúng dự kiến của một bà mẹ muốn chọn trang phục cho con mình đi học vào lúc thời tiết bắt đầu lạnh?

a. quần âu và áo khoác 2 lớp, áo phông và áo cộc tay vải sợi bông, giầy thể thao

b. dép da có quai hậu, áo phông và áo cộc tay vải sợi bông, giầy thể thao

c. giầy thể thao, quần âu và áo khoác 2 lớp

5. Giả sử em là một khách mua hàng theo quảng cáo trên, hãy gửi một đơn đặt hàng theo chỉ dẫn của quảng cáo bằng cách điền vào các chỗ trống trong đơn dưới đây:

ĐƠN ĐẶT HÀNG

Tên người mua:..

Địa chỉ: xã (phường)...............................huyện (quận)
.... tỉnh (thành phố) ....

Điện thoại: ....

1. Tên hàng:..

Mã số:...

Số lượng (chiếc hoặc đôi, bộ):......................................

Cỡ (ghi theo tuổi): ....

Màu sắc:...

Giá có khuyến mãi:..

Tiền đặt cọc:...

2. Tên hàng:..
Mã số:..
Số lượng: ....
Cỡ:...
Màu sắc:...
Giá có khuyến mãi:...
Tiền đặt cọc:...

3. Tên hàng:..
Mã số:..
Số lượng: ....
Cỡ:...
Màu sắc:...
Giá có khuyến mãi:...
Tiền đặt cọc:...

4. Tên hàng:..
Mã số:..
Số lượng: ....
Cỡ:...
Màu sắc:...
Giá có khuyến mãi:...
Tiền đặt cọc:...

Tổng số tiền đặt cọc (bằng số):...
(bằng chữ:...)

chuyển tiền tại bưu điện..

....

............., *ngày...... tháng .... năm 200...*

Chữ ký người mua hàng

(ghi rõ cả họ, tên)

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Lê A, Vương Toàn, Nguyễn Quang Ninh – *Phương pháp dạy tiếng mẹ đẻ* – NXB Giáo dục 1989 (tài liệu dịch).

2. Lê A, Bùi Minh Toán, Nguyễn Quang Ninh – *Phương pháp dạy học Tiếng Việt* – NXB Giáo dục Hà Nội 1996.

3. Hoàng Hòa Bình – *Dạy văn cho học sinh tiểu học* – NXB Giáo dục 1997.

4. Bộ Giáo dục và Đào tạo – *Chương trình Tiểu học năm 2000 ban hành tháng 11/2001.*

5. Bộ Giáo dục và Đào tạo – *Kỷ yếu hội thảo khoa học "Đổi mới phương pháp dạy học theo hướng hoạt động hóa người học" Hà Nội 1995.*

6. Bộ Giáo dục và Đào tạo, Vụ Đại học – *Những cơ sở của kỹ thuật trắc nghiệm (tài liệu sử dụng nội bộ) Hà Nội 1994.*

7. Nguyễn Huy Cẩn – *Một số vấn đề cơ bản của tâm lý ngôn ngữ học (tài liệu tổng thuật)* – Viện Thông tin Khoa học xã hội 1987.

8. Đỗ Hữu Châu – *Các bình diện của từ và từ tiếng Việt* – Nhà xuất bản Đại học và Trung học chuyên nghiệp Hà Nội 1986.

9. Đỗ Hữu Châu – *Những luận điểm về cách tiếp cận ngôn ngữ học các sự kiện văn học* – Ngôn ngữ 2/1990.

10. Đỗ Hữu Châu, Bùi Minh Toán – *Đại cương ngôn ngữ học, tập 2* – NXB Giáo dục 1993.

11. Đỗ Hữu Châu – *Ngôn ngữ học hiện nay và việc dạy tiếng Việt trong nhà trường* – Báo cáo khoa học tại hội thảo "Đổi mới phương pháp dạy học ở tiểu học" Hà Nội 11/1995.

12. Đỗ Hữu Châu, Nguyễn Thị Ngọc Diệu – *Giản yếu về ngữ pháp văn bản* – NXB Giáo dục Hà Nội 1996.

13. Hồ Ngọc Đại – *Tâm lý học dạy học* – NXB Giáo dục Hà Nội 1983.

14. I.R Galperin – *Văn bản với tư cách đối tượng nghiên cứu ngôn ngữ học* – NXB Khoa học xã hội, Hà Nội 1987.

15. Phan Văn Giưỡng – *Tiếng Việt hiện đại 3 và Tiếng Việt hiện đại 4* – Centre for Asia Pacific Studies Victoria University of Technology, Australia 1996.

16. M.A.K Halliday – *Khái niệm ngữ cảnh trong giáo dục ngôn ngữ* – Ngôn ngữ 4/1991.

17. Nguyễn Thị Hạnh – *Về đổi mới phương pháp dạy tập đọc lớp 4 và lớp 5* – Nghiên cứu giáo dục 6/1995.

18. Nguyễn Thị Hạnh – *Về việc đánh giá chất lượng đọc của học sinh cuối bậc tiểu học* – Nghiên cứu giáo dục 7/1996.

19. Nguyễn Thị Hạnh – *Dạy kỹ năng đọc trong chương trình tiểu học năm 2000* – Nghiên cứu giáo dục 8/1997.

20. Nguyễn Thị Hạnh – *Dạy tiếng Việt ở bậc tiểu học đầu thế kỉ 21* – Kỷ yếu hội thảo khoa học toàn quốc "Dạy tiếng Việt trong nhà trường phổ thông đầu thế kỉ 21" Hà Nội 12/2000.

21. Đỗ Đình Hoan – *Xu thế đổi mới phương pháp dạy tiểu học ở nước ngoài* – Kỷ yếu hội thảo quốc gia "Đổi mới phương pháp dạy học ở tiểu học" Hà Nội 11/1995.

22. Trần Bá Hoành – *Phương pháp dạy học tích cực* – Nghiên cứu giáo dục 3/1996.

23. Trần Trọng Kim, Nguyễn Văn Ngọc, Đặng Đình Phúc, Đỗ Thận – *Quốc văn giáo khoa thư tuyển tập* – Việt Nam tiểu học tùng thư 1948.

24. Lê Phương Nga, Nguyễn Trí – *Phương pháp dạy học Tiếng Việt ở tiểu học tập 2* – Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 1995.

25. Lê Phương Nga – *Xây dựng bài tập đọc hiểu cho học sinh tiểu học* – Ngôn ngữ 1/1996.

26. Lê Phương Nga – *Dạy học tập đọc ở tiểu học* – NXB Giáo dục Hà Nội 2001.

27. Trần Đình Sử – *Cơ sở lý luận văn học, tập 1* – NXB Giáo dục Hà Nội 1986.

28. Bùi Minh Toán, Lê A, Đỗ Việt Hùng – *Tiếng Việt thực hành* – NXB Giáo dục Hà Nội 1987.

29. Phạm Toàn, Nguyễn Trường – *Dạy đọc và học đọc* – NXB Giáo dục Hà Nội 1992.

30. *Sách Tiếng Việt tập 1 và 2 của các lớp 1, 2, 3, 4, 5* (nhiều tác giả) viết theo chương trình cải cách giáo dục (165 tuần) – NXB Giáo dục Hà Nội 2000.

31. *Sách Tiếng Việt tập 1 và tập 2 của các lớp 1, 2 ,3 , 4* (nhiều tác giả) thử nghiệm Chương trình tiểu học năm 2000 – NXB Giáo dục Hà Nội năm 2000 và năm 2001.

32. *Chương trình và sách giáo khoa dạy tiếng mẹ đẻ và dạy tiếng Anh của các nước Thái Lan, Malaysia, Philippin, Anh, Pháp, Canađa, Hàn Quốc...*

33. Ackert Patrician – *Facts and Figures – Basic reading practice* – Center for English as second language University Arizona U.S.A 1986.